**Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa**

**Giảng Kinh Vô Lượng Lần Thứ XI**

**Quyển 16/60**

Chủ giảng: Lão pháp sư Tịnh Không

Mục Lục

[Tập 301 2](#_Toc420915386)

[Tập 302 20](#_Toc420915387)

[Tập 303 38](#_Toc420915388)

[Tập 304 56](#_Toc420915389)

[Tập 305 71](#_Toc420915390)

[Tập 306 87](#_Toc420915391)

[Tập 307 104](#_Toc420915392)

[Tập 308 121](#_Toc420915393)

[Tập 309 139](#_Toc420915394)

[Tập 310 155](#_Toc420915395)

# Tập 301

Chuyển ngữ: Hạnh Chơn
Biên tập: Bình Minh
Thời gian: ngày 24 tháng 02 năm 2011
Địa điểm: Tịnh Tông Học Viện \_Úc Châu

 Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 353, hàng thứ năm từ dưới đếm lên, bắt đầu xem từ hai chữ cuối cùng.

 “Nhị giả, trang nghiêm nghĩa, dĩ trì giới đức, nhi tự trang nghiêm. Bất thất luật nghi, quỹ phạm nhân thiên, linh chúng khâm ngưỡng quy chỉ, lai thọ giáo hoá. Mộ ngã giới đức, học ngã giới hạnh, tiến tu định tuệ, nhi độ bỉ ngạn”.

 Nghĩa thứ hai, ví giới luật như chiếc áo giáp. Nghĩa thứ hai là trang nghiêm. Nghĩa thứ nhất là hộ trì, hộ trì chính mình. Ở trong nhà lửa tam giới này, tự hành trì và hoá độ chúng sanh thì phải làm sao để bảo hộ chính mình.

 Trang nghiêm, ý này có nghĩa là cảm hoá chúng sanh. Xã hội hiện nay cảm hoá thật là không dể, vì khắp xã hội đã mất hết luân thường đạo đức. Chúng ta quan sát và cảm nhận kỷ càng, sẽ thấy tình thân cha con ở xã hội ngày nay không còn nữa. Chỉ thấy thoáng qua, thấy thoáng qua một chút thiên tánh. Đúng là hiện tượng tự nhiên. Trẻ em bây giờ, sáu bảy tuổi đã không nghe lời nữa. Cha mẹ cũng rất khó dạy chúng. Nguyên nhân gì? Quên lãng cội rể giáo dục. Người xưa thường nói: dạy con từ thủa còn thơ, dạy vợ từ thủa bo vơ mới về. Dạy con cái phải dạy từ lúc chúng còn nhỏ. Anh hài là mới chào đời, là phải bắt đầu dạy, vì nó chưa bị nhiễm ô, nó còn duy trì được thiên tánh của nó, thiên tánh vốn thiện.

 Tất cả những thứ bất thiện đều là nhiễm ô, nhưng mới ra đời chưa bị nhiễm ô. Nếu lúc này sơ suất để nhiểm tánh bất thiện, muốn sửa đổi sẽ rất khó. Vì sao hiện nay nhiều bạn đồng tu đến thăm tôi đều nói với tôi rằng, con cái không dể dạy. Có rất nhiều vị là thầy giáo đang dạy ở trường cũng nói, học sinh không dể dạy. Hai câu này 50 năm trước chưa từng nghe qua, không ai than thở như vậy. Năm mươi năm sau, những câu than phiền như vậy ngày nay rất phổ biến. Mổi gia đình đều có kinh nghiệm đau khổ này. Nguyên nhân là gì? Chính là điều chúng ta vừa nói, “phụ tử hữu thân”. Nhưng đến lúc đứa trẻ mười mấy tuổi thì không thấy nữa, đã không còn. “Phu phụ hữu biệt” cũng không còn. Bây giờ vợ chồng kết hôn rồi ly hôn cũng giống như trò đùa vậy, rất tuỳ tiện. “Quân thần hữu nghĩa” cũng không còn. Quan hệ cấp trên với cấp dưới thời nay là vì lợi, chứ không còn đạo nghĩa. “Trưởng ấu hữu tự” cũng không. “Bằng hữu hữu tín” cũng chẳng còn. Đây là xã hội gì?

 Ngũ luân: nhân nghĩa lễ trí tín hoàn toàn không còn. Lễ nghĩa liêm sĩ không có. Hiếu đệ trung tín cũng không. Nhân ái hoà bình chẳng thấy. Đây là thế giới gì? Thế giới như vậy chỉ có các bậc đại thánh đại hiền, chư Phật Bồ Tát ứng hoá đến thế gian này để hoá độ chúng sanh. Không phải người thật sự tái sanh, đã chứng được A Duy Việt Trí Bồ Tát. Đươc! Họ ở trong nhà lửa tam giới, ba độc thiêu đốt mà không bị ô nhiễm. Không có công lực như vậy thì cho dù từ nhỏ đã tiếp thu được căn bản giáo dục, cha mẹ dạy tốt cũng vô dụng. Từ trong gia đình bước ra ngoài xã hội là đã học điều hư. Xã hội là một hồ nhuộm lớn. Nên ngày nay người ta bất nhân bất nghĩa, vô lễ vô liêm sỉ đều không thể trách cứ họ. Họ tạo ra tất cả những điều bất thiện mà không biết. Họ không biết đó là bất thiện, nên cho rằng như vậy là bình thường.

 Ngày nay chúng ta học Phật, trì giới, phải giữ quy củ, thì họ lại coi chúng ta là dị loại, coi chúng ta là không bình thường. Quý vị xem giáo hoá những người như vậy khó biết bao. Trong hoàn cảnh này, nên y giáo phụng hành, lấy đức để cảm hoá người. Không thoái chuyển, vẫn kiên trì. Tôi nghĩ đây đều là A Duy Việt Trí Bồ Tát. Những người chứng A la hán thì không được, trong hoàn cảnh ngày nay họ đều sẽ thoái chuyển.

 Cổ nhân nói thấy lợi quên nghĩa, đó là một cách ví dụ. Bây giờ khắp nơi đều như vậy, đó là hiện tượng phổ biến của xã hội. Mưu đồ vị lợi không nghĩ đến hậu quả. Ở thế gian này giáo hoá chúng sanh, có thể không thoái tâm sao? Hầu như là việc không thể. Đó chính là thật sự hiểu được nhân quả. Biết rằng thiện có thiện quả, ác có ác báo. Nhân quả báo ứng không sai chút nào. Có thể bảo hộ chính mình không thoái tâm để tiếp tục siêng năng học tập.

 Ngũ luân ngũ thường, tứ duy bát đức của truyền thống văn hoá xưa là giới luật căn bản của thánh hiền, nhất định phải tuân thủ. Chúng ta thấy trong bộ Thượng Thư ngày xưa, vua Nghiêu nói với mọi người: Cuộc sống vật chất của con người đã dầy đủ, y phục ẩm thực sung túc. Chổ ở, công việc, hoàn cảnh vui chơi đều không thiếu. Nếu không có giáo dục thì người với cầm thú có gì khác nhau? Dạy điều gì? Chính là dạy luân thường đạo đức. Cầm thú không có giáo dục luân thường đạo đức. Người khác với cầm thú chính là đã tiếp thu nền giáo dục luân thường đạo đức. Ngày nay giáo dục luân thường đạo đức của con người không còn nữa. Hành vi con người có lúc còn tệ hơn cầm thú.

 Mấy năm trước, khi tôi ở thôn quê, có một con chim chết trong vườn. Thầy Ngộ Khiêm đem nó chôn trong vườn. Thấy một con chim khác có thể là bạn đời của nó, không ngừng đi quanh ở nơi chổ chôn con chim đó. Đi rất chậm, đi quanh đó suốt ba ngày. Chúng tôi cảm động chảy nước mắt. Con chim này rất có nhân có nghĩa. Người bây giờ không được như nó, chúng ta kính trọng nó. Thật hiếm có! Ba ngày ba đêm đi quanh chỗ đó, có người đến gần nó cũng không bay.

 Con chim này, nó làm sao hiểu được luân lý đạo đức? Người học Phật chúng ta biết được, con chim này trong quá khứ là người có học, thời gian dài huân tập tiếp thu luân lý đạo đức. Nên trong A lại da có chủng tử, tuy đầu thai trong súc sanh, nhưng vẫn còn biểu hiện này. Vì sao con người bây giờ không còn nữa? Con người đã bị danh lợi làm mê muội, nên chỉ biết tranh danh đoạt lợi. Hoàn toàn trái ngược với bản tánh vốn thiện. Đây là điều bi ai của xã hội ngày nay.

 Thật hiếm có, mấy năm gần đây chúng ta đề xướng luân lý đạo đức, đề xướng truyền thống văn hoá, nhưng đã gặp rất nhiều khó khăn. Kỳ thật có một số ít người giác ngộ, còn đại đa số vẫn không biết. Nếu không có người tiếp tục phấn đấu từ trong gian khổ, thì số ít người giác ngộ này lại lạc mất phương hướng, sẽ sớm bị mê thất. Từ đó quý vị sẽ biết được công việc này khó khăn biết bao! Thật sự có thể lấy giới đức để tự trang nghiêm, thì đây chính là Bồ Tát hạnh. Người này chúng ta có thể nói họ là người tái sanh, họ không phải là người thường. Ở trong hoàn cảnh như vậy mà họ không bị nhiễm ô. Bị nhiễm ô, đó là chuyện rất bình thường. Nói cách khác, đã bị nhiễm ô. Xuất gia cũng không ngoại lệ, xuất gia cũng bị nhiễm ô. Họ không phải là người tái sanh, vị họ không nhẫn chịu được. Trong nhà Phật câu, nhìn được thấu nhưng nhịn không được. Đây là nói công phu nhẫn nhục Ba la mật. Mặc dù biết là sai, nhưng vẫn cứ làm vì không nhịn được. Nên lục ba la mật là Bồ Tát hạnh, không phải hàng phàm phu có thể làm được. Đối với phàm phu có thể giữ tam quy, ngũ giới, thập thiện, Thì chư Phật Bồ Tát đã rất mãn nguyện lắm rồi.

 Ngày nay chúng ta nói đến ba nền tảng của Thích Nho Đạo. Có thể thực hành Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên, Thập Thiện Nghiệp, chư Phật Bồ Tát đã rất vừa lòng rồi, các bậc thánh hiền cũng vừa lòng. Vì sao? Xã hội này mặc dù không đạt được đại đồng thì cũng đạt được tiểu đồng. Thực hiện ba căn bản này chính là phạm vi của tiểu đồng, có thể đạt được trị an lâu dài.

 “Bất thất luật nghi, quỹ phạm nhân thiên”. Đây chính là oai nghi hữu tắc. Chính mình thật sự đã làm được, mục đích là gì? Là làm gương cho mọi người trong xã hội, làm để mọi người xem.

 “Linh chúng khâm ngưỡng quy chỉ”. Quy là quy y, đến đây theo ta học tập. Đến để tiếp nhận giáo hoá. Quý vị xem, trước là thân giáo. Nếu không tự mình làm thì xã hội ngày nay người ta không tin. Những gì ta nói, ta nói được họ cũng nói được. Người nói thì nhiều, nhưng người làm thì không có. Các bậc thánh hiền, chư Phật Bồ Tát đều không phải dùng lời nói trước, mà các ngài dùng hành động trước. Cho nên diễn thuyết, nghĩa là trước biểu diễn, làm cho ta thấy, sau đó ta hỏi thì sẽ nói, nếu không hỏi thì sẽ không nói. Trong đây có đạo lý của nó. Nếu họ không hỏi mà nói thì chưa chắc họ đã tin, không khéo họ còn sỉ nhục và chỉ trích ta nữa. Nếu họ đến hỏi, đến thỉnh giáo tức là họ có tâm cầu học, lúc này thì nên nói cho họ. Nhất định là trước phải làm được sau mới nói.

 Nếu tứ chúng đồng tu ở một nơi, thật sự thực hành được Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên, Thập Thiện Nghiệp thì thật đáng nể! Thành thị này sẽ được cảm hoá. Bất luận quý vị đi đến đâu, cũng có người đến thân cận thỉnh giáo. Họ tôn trọng quý vị. Vị sao? Bởi người khác không làm được, mà quý vị có thể làm được. Chính là đạo lý này. Họ sẽ ngưỡng mộ, sẽ khâm phục và muốn đến học với quí vị. “Mộ ngã giới đức, học ngã giới hạnh”. Trì giới sẽ biểu hiện ra đức tướng làm cảm động người, họ liền đến theo ta học giới hạnh. Có giới đức trang nghiêm, tiến thêm một bước là tu định tu huệ. Định tuệ có thể tự độ, có thể độ tha. Đây là giới định tuệ tam học\_tam vô lậu học.

 “Tiền dẫn Viên Giác, chư giới định tuệ cập dâm nộ si câu thị phạn ngữ”. Trong kinh Viên Giác nói như vậy. Ý này rất thâm sâu, ở trước đã nói qua. Giống như trong Trung Quán Luận nói: “nhân duyên sở sinh pháp, ngã thuyết tức thị không”. Thế gian pháp, mười pháp giới y chánh trang nghiêm đều là các pháp do nhân duyên sanh. Chư Phật Như Lai ứng hoá ở thế gian này. Chúng sanh có cảm là nhân, Phật Bồ Tát có ứng là quả, Vẫn là quan hệ nhân duyên, nên Phật pháp do nhân duyên sanh. Nói cách khác, rốt cuộc Phật pháp có hay không? Không có. Vì có thế gian pháp mới có Phật pháp, đối lập mà sanh ra. Thế gian pháp không có thì Phật pháp cũng không có. Nên Đức Phật dạy: “pháp còn phải xả, huống là phi pháp”. Đây chính là dạy chúng ta nhị biên đều phải xả.

 Pháp thế gian xả bỏ rồi, trong tâm còn giữ lại Phật pháp. Như vậy là sai. Trong tự tánh thanh tịnh tâm một pháp cũng không có. Không có pháp, thì lấy đâu ra Phật pháp? Ta có sai lầm, thì đức Phật dùng phương pháp để sửa đổi lại, đó gọi là Phật pháp. Nếu không có sai lầm thì sẽ không có Phật pháp. Nên biết rằng dâm nộ si là pháp thế gian, giới định tuệ là pháp xuất thế gian. Tất cả đều là do nhân duyên sanh ra các pháp. Nếu thật sự đã hiểu, thì nhị biên không còn, thì đó chính là phạm hạnh. Hằng thuận chúng sanh, tuỳ hỷ công đức.

 Trong xã hội này, bất luận là cảnh giới nào, là thuận cảnh hay nghịch cảnh. Nên tỷ mỷ lãnh hội 53 lần tham bái cầu học của Thiện Tài Đồng Tử. Vì trong 53 vị thiện tri thức này, nam nữ già trẻ, các ngành các nghề, nghịch cảnh thuận cảnh, thuận duyên ác duyên đều có đủ. Quý vị xem Thiện Tài Đồng Tử đã đối phó như thế nào. Đó chính là dùng trí tuệ để đối phó. Thực hành trung đạo, không rời nhị biên, nhị biên bất tức, bất tức bất ly, hành Bồ Tát đạo. Phật pháp và thế pháp thực sự giống như trong kinh Bát Nhã nói. Tất cả pháp, tất cả pháp này bao hàm Phật pháp và thế gian pháp, bao hàm tất cả. “Nhất thiết pháp tất cánh không, vô sở hữu, bất khả đắc”.

 “Dữ kim bất thất luật nghi hổ tương chiếu ương, chánh hiển trung đạo, lý sự vô ngại, viên giải viên tu chi diệu hạnh”.

 Đây là cảnh giới tứ vô ngại trong kinh Hoa Nghiêm. Lý sự vô ngại, sự sự vô ngại. Nhất định phải có định có huệ. Không có định huệ như vậy ta sẽ sai. Trung đạo chính là định huệ ngang nhau, định huệ bình đẳng. Định nhiều huệ ít là không được, định ít huệ nhiều cũng không được. Nhất định phải ngang nhau mới gọi là trung đạo.

 “Lý sự vô ngại, viên giải viên tu chi diệu hạnh. Liễu tri giới định tuệ dữ dâm nộ si bình đẳng bình đẳng”. Nhưng tu bằng cách nào? “Nhưng nghiêm trì tịnh giới, bất thất luật nghi. Tuy nghiêm trì luật nghi, quỷ phạm cụ túc, đãn tự tâm thường tịch nhất thiết bình đẳng. Tất vô thủ xả, cánh vô ái tắng, bất kiến dĩ thị, bất đạo nhân phi”.

 Đây là tiêu chuẩn đầy đủ. Nếu thật sự làm được như thế để người ta xem. Tứ đức trong Hoàn Nguyên Quan là “tuỳ duyên diệu dụng, oai nghi hữu tắc”. Phải làm, làm một cách tự nhiên như, không hề có chút miễn cưỡng nào. Vì sao? Bởi đã nhập vào cảnh giới. Chư Phật Bồ Tát cũng như vậy, nó vốn là như vậy, làm gì có chút miễn cưỡng nào?

 Tiêu chuẩn đầy đủ, làm được tốt như vậy nên tự tâm thường tịch. Tự tâm thường tịch là định. Tiêu chuẩn đầy đủ là giới. Tất cả bình đẳng, không có lấy hay bỏ. Dưới đây nói là huệ, biết được tất cả pháp không rời tự tánh. Trong kinh giáo đại thừa thường nói, ngoài tâm không có pháp, ngoài pháp không có tâm. Tâm là năng sanh năng hiện, pháp là sở sanh sở hiện. Năng và sở là một không phải hai. Nên tất cả pháp trong biến pháp giới hư không giới với chính mình là quan hệ gì? Luân lý là nói đến quan hệ. Quan hệ gì? Nhất thể. Quan hệ này thân thiết biết bao, không có gì thân hơn điều này. So với “phụ tử hữu thân” còn thân hơn nữa. Phụ tử hữu thân không phải nhất thể, nhưng vạn pháp với chính mình là nhất thể.

 Ai biết được nhất thể? Chư Phật Như Lai và pháp thân Bồ Tát, các ngài biết, các ngài đã chứng được, đã nhập vào cảnh giới nhất thể, khẳng định nhất thể, thừa nhận nhất thể. Cho nên hành nhất thể chi hành. Điều này không giống với phàm phu đã mê thất tự tánh. Mê thất tự tánh, nên làm xằng nghĩ bậy. Họ không có trí tuệ, hoàn toàn thuận theo phiền não. Phiền não là gì? Hỷ nộ ai lạc. Họ thuận theo điều này. Tạo ra tất cả nghiệp nên không rời được luân hồi. Cho nên tất cả bình đẳng, không lấy hay bỏ. Không lấy cũng không bỏ, hoàn toàn tuỳ duyên. Tuỳ duyên không lấy hay bỏ nên gọi là diệu dụng. “Cánh vô ái tắng”. Thất tình lục dục được hoá giải không còn nữa. Ái là tham luyến, tắng là sân nhuế, tất cả đều không còn. Đây là tán thán đối với người thiện hạnh thiện. Không còn tham luyến. Đối với người ác làm ác, cung kính nhưng không tán thán, không sân nhuế. Cho dù tổn hại rất nghiêm trọng đối với mình cũng không oán hận. Vì sao? Bởi bất khả đắc.

 Thường ghi nhớ, tất cả pháp vô sở hữu, tất cánh không, bất khả đắc. Không thấy điều hay của mình, cũng không thấy lỗi của người. Thực tế mà nói là không thấy điều phải của mình không thấy sai lầm của người. Tại sao lại phê bình người khác? Vì nhìn thấy sai lầm của họ. Phật Bồ Tát không thấy sai lầm của con người. Con người không có sai lầm, nên sẽ không tìm ra sai lầm của họ. Sát na sanh diệt, làm gì có sai lầm? Nên trong kinh có câu: Mổi ngày đều là ngày tốt, mổi giờ đều là giờ lành. Không có phân biệt. Tôi làm tiếp hai câu: Mỗi người đều là người tốt, mọi việc đều là việc lành.

 Nếu đứng về mặt bổn tánh mà nhìn, “nhân chi sơ tánh bổn thiện”, sao không phải là người tốt được. Họ không tốt là sau này mới bị nhiễm ô, học điều xấu. Học điều xấu, vậy cái xấu đó là thật chăng? Không phải thật. Điều xấu này muốn tìm nó cũng là bất khả đắc. Chẳng qua là một vài ý niệm bất thiện, tích luỹ liên tục thành một loại huyễn tướng, nên là bất khả đắc. Ngày nay vấn đề này rốt cuộc phát sanh ở chỗ nào? Phát sanh ở chổ cho giả tướng là thật. Thuận theo ý mình là tham luyến, muốn khống chế, muốn chiếm hữu. Không hợp ý mình thì muốn đuổi nó đi, muốn khai trừ nó. Vấn đề là ở chỗ này. Nguồn gốc của tai họa là phân biệt và chấp trước. Phân biệt chấp trước làm chủ thì phiền phức đấy.

 Chư Phật Bồ Tát không có những thứ này. Các ngài đã rời xa tất cả vọng tưởng phân biệt chấp trước. Các ngài không có vọng tưởng phân biệt chấp trước, nên các ngài nhìn thế gian này mọi người đều là người tốt, mọi việc đều là việc lành. Trong cảnh giới các ngài không khởi tâm không động niệm, không phân biệt không chấp trước. Các ngài xử lý mọi việc là dùng trí tuệ không phải là tình thức. Chuyển thức thành trí chính là chuyển tình thức thành trí tuệ. Trí tuệ làm chủ chính là chân tâm làm chủ. Thiên hạ thái bình, vấn đề gì cũng giải quyết được.

 Hai câu này chúng ta hiện nay cần nên học tập “Bất kiến kỷ thị, bất đạo nhân phi”. Mình làm nhiều việc tốt, nhưng đó là việc cần nên làm. Vì sao? Bổn thiện mà! Tất cả những điều bất thiện không nên làm. Không nên làm nhưng quý vị vẫn làm, cũng không trách quý vị. Vì sao? Vì mê muội. Mê muội chính là như vậy. Ngộ chính là Phật Bồ Tát, là nhất chân pháp giới. Mê chính là mười pháp giới, là tam đồ lục đạo. Pháp nhĩ như thị.

 “Như thị trì giới” là chân thật trì giới. “Như thị tu hành” là hạnh Phổ Hiền. “Như thị tri kiến” mới nhập trung đạo. Đây hạnh Bồ Tát.

 Bồ Tát trì giới, Bồ Tát tu hành. Vì sao nói không thấy cái hay của mình? Ta vẫn chưa viên mãn. Công phu của ta còn thiếu sót. Nên cái hay của ta ở đâu? Không có cái hay. Công đức tu hành thật sự đã viên mãn, chứng được quả vị diệu giác, Phật và Phật đạo đồng. Có ai tự cho mình là Phật chăng? Không có. Không có ai tự cho mình là Bồ Tát. Cũng không có ai tự cho mình là Tu Đà Hoàn. Trong kinh Kim Cang nói rỏ: Đó là đức Như Lai mượn lời này để khuyến khích mọi người. Không phải Tu Đà Hoàn tự cho là phải.

 “Nhược nhân sảo văn bình đẳng chi ý. Tiện mậu xích trì giới vi trước tướng, phỉ báng giới luật”.

 Đây là gì? Đây là người cạn cợt, mới phê bình như vậy. Trong quá khứ chúng ta cũng là hạng người này. Lúc mới học luật, coi nhẹ giới luật. Còn nói năng lung tung, giống như rất có đạo lý vậy, phê bình nó. Lúc trẻ tôi nghĩ rằng, việc trì giới này là tập quán sinh hoạt của 3000 năm trước thời Đức Thế Tôn. Là qủy phạm sinh hoạt người Ấn Độ thời đó. Chúng ta là người Trung Quốc thì có lễ nghi của người Trung Quốc. Người Trung Quốc thì có quy phạm sinh hoạt của người Trung quốc. Hơn nữa những quy phạm sinh hoạt này tuỳ theo thời đại khác nhau nên thường xuyên thay đổi. Chúng ta không nên tuân thủ. Lúc tôi còn trẻ kinh luận phải nên học tập, vì lý luận trong kinh điển rất hay khiến người khâm phục.

 Giới luật là hành vi. Xưa và nay không giống nhau, trong và ngoài nước không tương đồng. Chúng ta học điều này làm gì? Quý vị xem, lúc đó tôi có những nghị luận này, còn cảm thấy mình nói rất có lý. Không hề cảm thấy mình sai lầm. Nên Chương Gia đại sư dạy tôi, đó là trí tuệ chân thật, là phương tiện thiện xảo. Đại sư rất hiểu tôi nên đã dùng phương pháp xảo diệu như vậy. Mổi lần tôi về, tiễn tôi ra cửa, đứng trước cửa nói với tôi “giới luật rất quan trọng”. Quý vị xem, chỉ một câu nói này thôi. Mỗi tuần chúng tôi gặp mặt một lần, một tuần nghe một lần suốt ba năm như vậy. Nghe mấy chục lần như vậy nên ấn tượng rất sâu sắc. Ngài đã thị hiện viên tịch, nếu ngài không viên tịch tôi vĩnh viễn sẽ không phản tĩnh.

 Ba năm viên tịch. Tôi suy nghĩ ba năm, tôi theo đại sư ba năm, đại sư dạy tôi những gì? Ấn tượng thứ nhất chính là giới luật rất quan trọng, lập tức liền nghĩ đến câu này. Vì sao ngài phải nói câu này? Rỏ ràng biết tôi không thích giới luật, vì sao cứ nói lặp đi lặp lại câu này? Nhất định có lý của nó. Nghiên cứu sâu hơn thì đây là pháp xuất thế. Những điều tôi tưởng tượng trong quá khứ là pháp thế gian. Thế gian pháp có hưng suy có cải cách, tuỳ theo thời đại mà cải sửa, nhưng pháp thế gian không thể sửa đổi. Sửa đổi sẽ không ra khỏi thế gian. Đây là điều mà tôi ngộ được đầu tiên. Đối với giới luật không giám coi thường nữa, nhưng đạo lý trong đó vẫn không hiểu. Theo sự khế nhập vào kinh giáo, sau hơn 20 năm mới hoàn toàn hiểu được điều này. Nên tôi đã sưu tập một ít những kinh sách liên quan đến giới luật.

 Đối chiếu với xã hội ngày nay mới hoát nhiên đại ngộ, giới luật thật sự rất quan trọng. Phát hiện được sự suy yếu của Phật giáo, nguyên nhân do đâu? Nguyên nhân là chúng ta xem thường giới luật. Bây giờ không có người giảng, không có ai làm gương. Có lẽ cũng có người làm nhưng họ ở trong thâm sơn cùng cốc, chúng ta không tiếp xúc được, không nhìn thấy được. Nhưng đây là nền tảng quan trọng nhất. Học Phật không bắt đầu từ đây chắc chắn không thể thành tựu.

 Đối với những lời Ấn Quang đại sư nói: một phần thành kính được một phần lợi ích, mười phần thành kính được mười phần lợi ích. Đối với những câu nói này của ngài tôi có cảm xúc rất sâu sắc. Trong lúc dạy học, thầy giáo trên bục giảng hết lòng hết dạ để truyền đạt, nhưng học trò có được lợi ích hay không, thì phải xem trong lòng họ có được mấy phần cung kính. Họ đối với kinh giáo, đối với giáo huấn của Thế Tôn không thành kính. Đối với thầy không thành kính, chính là không thành kính đối với chính mình. Như vậy thì điều gì cũng không đạt được. Phật Bồ tát đến dạy bảo cũng vô ích.

 Chính họ thật sự có tâm thành kính, thì thầy sẽ không bằng họ. Thầy giảng kinh, họ nghe rồi sẽ khai ngộ, sẽ chứng quả. Còn Thầy giáo chưa chứng quả, cũng chưa khai ngộ. Thầy giáo đọc theo trong kinh văn, theo trong chú giải mà giảng. Học trò nghe rồi hiểu được và đã khai ngộ. Nên người xưa nói “thanh xuất ư lam nhi thắng ư lam”. Đây chính là nói thầy giáo không phải là người rất tài ba, nhưng người học trò theo học lại vượt hơn cả thầy mình. Nguyên nhân là gì? Đó là tâm cung kính chân thành vượt trên thầy mình, nên thành tựu của học trò cũng hơn thầy. Tuy hơn thầy nhưng họ có đức hạnh, nên mặc dù thầy không bằng họ, họ vẫn luôn luôn tôn trọng thầy. Vì sao? Làm để người khác thấy. Đây chính là đức. Khinh mạn thầy là tội rất nặng. Vì ta khiến cho những người khác noi theo, thì sự tôn sư trọng đạo chẳng phải bị quí vị phá hủy sao? Thầy dù không tốt nhưng thầy cũng đã từng dạy ta. Nên vĩnh viễn nhớ ân của thầy, vĩnh viễn nhớ thầy. Làm một tấm gương tôn sư trọng đạo tốt. Đây chính là ta đang thật sự đề xướng hiếu đạo, đề xướng đạo nghĩa đối với thầy. Thật sự làm một tấm gương tốt cho tất cả chúng sanh. Phê bình giới luật chính là phỉ báng Phật pháp, người như vậy rất nhiều. Người giống thái độ của tôi khi mới học trên xã hội này rất nhiều, nhưng không ai dạy.

 “Hoặc sảo năng trì giới, tiện tăng ngã mạn, tự tán huỷ tha, xỉ đàm tha nhân quá thất. Thị giai dĩ bệnh vi dược giả dã”.

 Người như vậy rất nhiều. Thời xưa đã có rồi, họ trì giới rất nghiêm minh, nhân giới sanh định, nhờ định phát huệ, đây là bình thường. Họ trì giới rất miên mật, nhưng bị sai lệch nên đã đi vào ngõ rẽ. Vì sao? Vì trì giới rất giỏi nên sinh ra ngạo mạn, kêu ngạo. Cho rằng người khác không trì giới, người khác không bằng ta. Ta hơn họ nhiều, họ không được như ta. Ở đâu cũng la người khác phạm giới, phá giới, phê bình người ta. Đây là tự tán thán mình mà huỷ báng người khác. Như vậy là sai.

 Người xưa có câu rất hay: “học vấn thâm thời ý khí bình”. Người càng có đạo đức, có tu dưỡng, có học vấn thì tâm bình khí hoà. Cho dù nhìn thấy người khác sai lầm rất lớn, cũng coi như không có việc gì. Từ đây để thấy được sự tu dưỡng. Mình mới trì được chút giới luật, đã tự cho rằng mình quá tài giỏi. Người xuất gia ở thế gian này đều không trì giới luật, tự cho rằng mình thanh cao hơn người khác, như vậy là sai. Người ta trì giới là được định và khai mở trí huệ, họ trì giới lại được ngạo mạn, được phiền não. Đây chẳng phải là quá sai lầm rồi sao? Không trì giới còn được, trì giới như vậy thì đoạ vào địa ngục A tỳ. Nên giới định huệ phải đi liền với nhau. Trì giới không được định là không có công phu trì giới, có công phu chắc chắn được tam muội. Có công phu của định chắc chắn khai trí huệ.

 Trì giới tu định cuối cùng đều biến thành phiền não. Đó gọi là sai lầm quá lớn! Không phải giới luật sai, mà do dụng tâm sai. Trì giới cũng không sai, mà do tâm trì giới đó sai. Tâm tự tư tự lợi, cống cao ngã mạn. Ý niệm tổn người lợi mình vẫn chưa buông bỏ. Nên người học Phật nhất định phải ghi nhớ, một ngày cũng không được rời xa kinh giáo. Rời kinh giáo sẽ không giữ được chính mình, chắc chắn bị hoàn cảnh ảnh hưởng, chắc chắn bị hoàn cảnh dẫn dắt. Vì hoàn cảnh ngày nay quá phức tạp, sức mạnh mê hoặc quá lớn. Mê hoặc của danh văn lợi dưỡng, mê hoặc của tài sắc danh lợi. Ta có thể chống cự được sao? Ngoài việc hàng ngày nghe kinh, hàng ngày đọc kinh để từng giờ từng khắc cảnh tỉnh mình thì không có cách thứ hai. Nhập thất không được, ở trên núi cũng không được, vẫn là suy nghĩ lung tung. Đặc biệt là hiện nay, núi có cao mấy đi nữa thì vẫn có thể xem được ti vi. Ti vi là ô nhiễm số một. Cho nên cần nương tựa vào thiện tri thức, đừng xa rời thiện tri thức. Đây là sự lựa chọn thông minh nhất.

 Thiện tri thức chính là kinh điển. Mở quyển kinh là giống như đối với Phật Bồ Tát. Chúng ta hôm nay mở kinh Vô Lượng Thọ, đối mặt với Đức Thế Tôn, với Phật A Di Đà, đối diện với Chư vị Bồ Tát, với cư sĩ Hạ Liên Cư, cư sĩ Hoàng Niệm Tổ. Giống như mổi ngày đang sống với họ, như vậy là không sai. Một ngày không nghe kinh, không đọc kinh là như không được gặp họ. Năm ba ngày không gặp thì tâm ta sẽ thay đổi, sẽ bị dao động. Quý vị nghĩ xem có đáng sợ không. Nên kinh điển với danh hiệu Phật A Di Đà là bùa hộ mạng của chúng ta, nhất định không được rời nó.

 Suốt 60 năm này tôi có thể giữ được mình chính là nhờ hàng ngày đọc kinh. Không thể không đọc. Vì sao? Bởi hàng ngày phải giảng kinh. Không đọc thì không thể giảng được. Tôi dùng phương pháp này để phá trừ giải đãi biếng nhác. Giải đãi biếng nhác là căn bệnh thường gặp của con người. Làm cách nào để đối trị nó? Phương pháp đối trị chính là lên bục giảng kinh. Hàng ngày giảng kinh, nếu không chuẩn bị đầy đủ thì không sao giảng được. Dùng phương pháp này để ép chính mình. Sáu mươi năm rồi tôi vẫn dùng phương pháp này để ép chính mình. Khi còn trẻ, lúc khoảng ngoài 40 đến ngoài 50 tuổi. Lúc đó khỏe mạnh, một ngày không phải chỉ giảng bốn tiếng. Một ngày hầu như đều là năm sáu tiếng. Tôi nhớ khi đó, một học kỳ hơn 30 tiết học. Ở Mỹ nhiều năm như vậy, vì hoàn cảnh ở Mỹ với Trung Quốc không giống nhau. Công việc rất bận rộn, rất siêng năng. Chỉ có thứ bảy và chủ nhật nghỉ. Họ làm việc một tuần năm ngày.

 Chúng tôi ở đó giảng kinh, chỉ có lợi dụng hai ngày này. Thông thường hai ngày này, mỗi ngày giảng ít nhất là sáu tiếng, nhiều nhất là chín tiếng. Buổi sáng ba tiếng, buổi chiều ba tiếng, buổi tối ba tiếng. Lúc đó giảng kinh là đứng giảng chứ không phải ngồi nói. Các bạn đồng học ngồi nghe, còn tôi đứng giảng. Đứng như vậy giảng ba tiếng, giữa giờ nghỉ ăn cơm. Lúc trẻ có sức. Những ngày thường không giảng kinh đã chuẩn bị đầy đủ. Tôi không dùng phương pháp này để ép mình, thì không thể thành tựu được.

 Khi chúng tôi học giảng kinh, thầy giáo dặn dò chúng tôi rằng. Giảng kinh không được gián đoạn, gián đoạn sẽ bị thoái chuyển. Một tuần ít nhất phải giảng hai tiếng, thầy quy định cho chúng tôi. Tôi cảm thấy hai tiếng đồng hồ không đủ, tôi sẽ giải đãi, sẽ thoái chuyển. Về sau tôi quy định cho mình, một ngày ít nhất phải giảng hai tiếng. Không thể ít hơn hai tiếng, ngày ngày không gián đoạn. Không có người nghe thì phải làm thế nào? Khi không có ai nghe tôi dùng ghi âm. Lúc đó chưa có quay phim, nhưng có ghi âm, loại máy ghi âm băng đĩa. Tôi mua một cái máy ghi âm, và ngồi đối diện với máy ghi âm giảng. Sau khi giảng xong tôi nghe lại một lần. Đi du lịch cũng không nghĩ, trong khách sạn tôi cũng đối diện với máy ghi âm giảng. Tôi học giảng từ phương pháp ngu ngốc này, nhưng rất có hiêu quả. Nếu không dùng phương pháp này nhất định sẽ bị hoàn cảnh nhiễm ô.

 Hơn 50 năm rồi tôi không xem ti vi, không nghe thông tin. Báo và tạp chí đều không xem. Chẳng những không xem những thứ này, mà một số sách thông thường tôi cũng không xem. Có lúc người ta tặng sách cho tôi, cái đầu tiên tôi xem là bản quyền. Thói quen xem sách của tôi, cầm vào cuốn sách việc trước tiên là xem trang bản quyền. Nếu trên mặt sách này ghi sơ hữu bản quyền, nếu in ấn sẽ bị truy cứu. Tôi sẽ không xem cuốn sách này. Nhiều người cảm thấy kỳ lạ. Vì sao pháp sư đọc thấy như vậy thì không xem nữa? Tôi nói người này tâm địa hẹp hòi, tự tư tự lợi. Người có tâm địa hẹp hòi họ có thể viết được điều gì hay chứ? Không cần lãng phí thời gian.

 Quý vị xem sách xưa đều ghi là: “không có bản quyền, hoan nghênh in ấn”. Như vậy công đức mới vô lượng. Tâm địa lớn thì phước lớn, tâm lượng lớn thì trí tuệ lớn. Xem sách của những người này chúng ta có thể đạt được lợi ích. Còn tâm lượng nhỏ như vậy xem nó làm gì? Như vậy thì lãng phí thời gian của ta, thời gian rất quý báu. Điển tịch mà cổ nhân để lại, chúng ta xem suốt đời cũng không hết. Chọn ra mấy loại đọc cho nhuần nhuyễn. Sau khi học Phật, hầu như toàn bộ đều là sách Phật. Đặc biệt cần phải đọc bộ sánh tham khảo điển tịch chú sớ của các bậc cổ đức này.

 Tôi đến Đài Trung học kinh Lăng Nghiêm với thầy Lý. Trong hai năm tôi sưu tập chú giải kinh Lăng Nghiêm hơn 20 loại. Thầy cũng cảm thấy rất lạ và thật là không thể nghĩ bàn. Thầy nói những thứ này rất tốt, chú tìm nó ở đâu? Đúng như Chương Gia đại sư nói: “Phật thị môn trung hữu cầu tất ứng”. Tâm tưởng sự thành. Tôi nghĩ đến một bộ kinh, là do vị tổ sư nào đó chú giải, thì khoảng một hai tháng sau liền có người đưa đến. Thật không thể ngĩ bàn. Chỉ có một bộ sách tôi nghĩ thời gian dài nhất Trung Quán Luận Sớ là sáu tháng, nửa năm mới đạt được. Đây là thời gian dài nhất, thật sự có cầu tất có ứng, bởi tôi cần tham khảo những cuốn sách này.

 Không có ứng đại khái là chư Phật Bồ Tát cho rằng điều này không cần thiết, nên tôi cũng không nghĩ đến nữa. Ngoài những điều này ra thì danh văn lợi dưỡng chưa hề nghĩ đến. Tôi cảm thấy mổi ngày chỉ cần ăn đủ no, mặc đủ ấm, ngủ ngon như vậy là đã hạnh phúc lắm rồi. Đây chính là điều mà thầy Phương nói: hưởng thụ cao nhất của đời người. Mổi ngày đều ở chung với chư Phật Bồ Tát, chư vị thánh hiền. Quý nghĩ xem hạnh phúc biết bao! Còn có việc gì hạnh phúc hơn, an vui hơn điều này chăng? Không có. Cho nên sự hưởng thụ tối cao của con người ai cũng có phần, chỉ xem quý vị có đồng ý cầu hay không thôi. Nếu đồng ý thì thật có thể đạt được, bởi vì “Phật thị môn trung hữu cầu tất ứng”.

 Chúng ta xem phần sau của đoạn này. Đây không phải là phần cuối cùng, đây là mở đầu của đoạn sau. “Thượng tam đoạn vi Pháp Tạng đại sĩ nghiệm tịnh tự tâm chi đức hạnh. Hạ vi thành tựu chúng sanh chi đức hạnh”.

 Thành tựu chúng sanh nhất định trước phải thành tựu chính mình. Chính mình chưa thành tựu mà muốn thành tựu chúng sanh, lời này nói nghe quá xa xỉ. Thực tế mà nói thì đó là điều không thể. Chắc chắn phải trước thành tựu chính mình, mới có thể thành tựu người khác.

 Chúng ta xem đoạn ở dưới “Thành tựu chúng sanh. Sở hữu quốc thành tụ lạc, quyến thuộc, trân bảo đô vô sở trước, hằng dĩ bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ lục độ chi hạnh, giáo hoá an lập chúng sanh, trú ư vô thượng chân chánh chi đạo”.

 Trong đoạn này, câu trước là tất cả đều không chấp trước. Nói cách khác, tất cả đều buông bỏ.

 Đoạn thứ hai bên dưới là “lục độ giáo hoá chúng sanh”. Chúng ta xem chú giải của Hoàng Niệm Tổ. Tụ lạc tức là thôn lạc, tức là chỉ cho vùng nông thôn ngày nay. Từ đó cho thấy, thời xưa Thế Tôn giảng kinh thuyết pháp thực sự là thời gian ở tụ lạc dài nhất. Còn ở thành thị là những hoạt động lớn hơn, đa phần là quốc vương đại thần, họ phát khởi tổ chức những hoạt động này. Ngày nay chúng ta đều gọi những việc này là hoạt động. Ở nông thôn thị trấn là quy mô nhỏ, số lượng người cũng ít hơn.

 Quốc thành, tu lạc, quyến thuộc, trân bảo đều buông bỏ hết. Tình chấp buông bỏ không còn chấp trước. Cảnh giới này A la hán làm được.

 Trong chú giải dưới đây nói: “Chấp trước, chấp dã. Hữu sở chấp trước, tắc nan ly xã. Kim vô sở trước, cố giai khả dụng dĩ bố thí”. Đây là thật sự giáo hoá chúng sanh. Nếu không thể xả bỏ thì làm sao giáo hoá được? Giáo hoá chúng sanh, Thế Tôn nói Tứ Nhiếp Pháp. Tứ nhiếp pháp là bốn phương pháp nhiếp thọ chúng sanh.

 Thứ nhất Bố Thí “Thử địa bố thí, hằng dĩ bố thí trì giới”. Đây là lục độ, Lục Độ đều là bố thí, đều là bố thí trong Tứ nhiếp pháp. Lục độ của Bồ Tát là phá sáu loại chấp trước của chính mình. Đó là Sáu Ba La Mật. Bố thí trong Tứ nhiếp pháp là lợi ích chúng sanh, giúp đỡ chúng sanh.

 Muốn giúp chúng sanh thì trước tiên ta phải buông bỏ tình chấp. “Quốc thành, tụ lạc” ở đây là nói Đức Thế Tôn đã xả bỏ. Ngài là vương tử, nếu không xuất gia thì sẽ làm quốc vương. Nhưng ngài đã xuất gia, không cần vương vị. Đây là buông bỏ quốc thành. Quốc gia này lãnh thổ rất rộng, rất nhiều thành thị tụ lạc. Ngài có quyến thuộc, có trân bảo nhưng đều xả bỏ hết. Sau khi xuất gia, sống cuộc đời khổ hạnh. Ba y một bát, ngày ăn một bửa, đêm nghĩ dưới gốc cây. Ngài sống cuộc sống như vậy. Ngài sống cuộc sống như vậy suốt 60 năm.

 Đức Thế Tôn 19 tuổi đã xả ly tất cả để xuất gia. Xả ly này nghĩa là thế nào? Là phiền não chướng, đã buông bỏ phiền não. Những thứ này đều là phiền não. Nhưng 19 tuổi đã buông bỏ phiền não và ra đi cầu học suốt 12 năm. Mười hai năm ngài học được không ít. Đương thời tôn giáo Ấn Độ rất phát triển, nghĩa là giáo dục tôn giáo rất phát triển. Các bậc cao tăng đại đức trong các tôn giáo này, ngài đều đã thân cận học hỏi với họ. Ngoài điều này ra thì triết học Ấn Độ cũng đứng hàng đầu trên thế giới. Các nhà đại triết học này ngài đều thân cận. Trong suốt 12 năm ngài học hỏi được không ít.

 Học nhiều như vậy, nhưng chúng ta cũng có thể tưởng tượng được là vấn đề của ngài chưa được giải quyết. Ấn độ cổ, bất luận là tôn giáo hay học phái. Không có ai chẳng coi trọng thiền định. Nên trong kinh Phật nói tứ thiền bát định. Điều này quý vị nên biết, tứ thiền bát định là của Bà la môn truyền lại. Trong kinh Phật nói tứ thiền bát định là của Bà la môn giáo, nhưng tất cả đều phải học hết. Vì nó là nền tảng của thiền định. Sau khi được thiền định, hiện nay gọi là đột phá không gian duy thứ. Trên đến 28 tầng trời, dưới đến địa ngục vô gián trong lục đạo đều là phạm vi hoạt động của chúng ta. Ta đều có thể nhìn thấy, đều có thể tiếp xúc được. Nên cách nói về luân hồi không phải Đức Thế Tôn nói, mà là thời Bà la môn cổ, trước khi Đức Thế Tôn xuất hiện một vạn năm đã nói một cách rỏ ràng minh bạch rồi. Phàm là người tu định đều nhìn có thể thấy. Đây không phải là giả, mà là thật.

 Cao nhân của các tôn giáo, nhân sỹ trong giới học thuật đều có năng lực này. Đều khẳng định và thừa nhận chân tướng sự thật này\_luân hồi. Nhưng luân hồi lục đạo từ đâu mà có? Vì sao có hiện tượng này? Ngoài lục đạo ra còn có thế giới nữa không? Chúng ta tin tưởng sâu sắc rằng, Đức Thế Tôn có tư tưởng này. Ba vấn đề này không ai có thể giải đáp. Giới học thuật không thể giải đáp. Tôn giáo cũng không thể giải đáp. Đức Thế Tôn đem những điều đã học buông bỏ hết, nhập thiền định dưới cội Bồ Đề. Ngài buông bỏ sở học trong mười hai năm, nhập vào thiền định sâu hơn. Vì sao phải buông bỏ sở học 12 năm? Bởi nó là sở tri chướng. Quý vị xem, 19 tuổi buông bỏ phiền não chướng. 30 tuổi buông bỏ sở tri chướng. Cả hai loại phiền não, chướng ngại minh tâm kiến tánh, chướng ngại ta chứng đại bát niết bàn. Buông bỏ những thứ này liền minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật.

 Sau khi xuất định là bắt đầu giáo hoá. Ngài đên Vườn Lộc Uyển tìm năm anh em Kiều Trần Như, đều có quan hệ thân thích. Đức Thế Tôn năm 19 tuổi vượt thành xuất gia đi tham học. Phụ thân của ngài phái năm người này đi theo để chăm sóc ngài. Những người này cũng đều tu hành trong vườn Lộc Uyển, nên ngài đến vườn Lộc Uyển để tìm năm người này. Tìm đến và giảng kinh cho họ. Năm người đã tiếp thu, ngài Kiều Trần Như còn chứng quả A la hán. Từ đó Tăng đoàn xuất hiện. Nghe ngài giảng kinh liền chứng quả. Người khác chứng được sơ quả, nhị quả. Kiều Trần Như là hàng lợi căn nên đã chứng tứ quả A la hán. Bắt đầu từ đó cho đến khi niết bàn, suốt 49 năm không ngừng giảng kinh giáo hoá. Đây là ngài đã làm nên tấm gương cho chúng ta xem.

 Buông bỏ phiền não chướng và sở tri chướng. Ngài lấy cái gì để giáo hoá chúng sanh? Quý vị xem ngài dùng bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền đinh, trí tuệ. Đây là pháp thế gian. Lục độ này có thể nói cạn cũng có thể nói sâu. Đối với những người thường trong xã hội thì nói cạn, nhưng đối với Thanh văn Duyên giác phải nói sâu hơn. Còn chánh thuyết là đối với Bồ Tát. Nói cách khác, lục độ là điểm tu học chủ yếu của Bồ tát. Còn những hạng người khác đều là dự bị. Nên giảng những điều này đều nghiêng về phương diện luân lý đạo đức. Trong thiền định và trí huệ có giáo dục nhân quả.

 Trong chú giải nói “Hữu sở chấp trước, tắc nan ly xã, kim vô sở trước, cố giai khả dụng dĩ bố thí. Ư bố thí hạ, tục giới nhẫn đẳng ngũ độ. Nhân chư độ hàm dĩ vô trước vi bổn”.

 Chúng ta biết, Bồ tát tu hành lấy không chấp trước làm căn bản. Ba loại phiền não phải đoạn từ đâu, nghĩa là ba loại này nên buông bỏ loại nào trước? Chúng ta phải biết phiền não từ đâu mà có? Như chúng ta mặc áo quần, thứ nhất mặc là áo trong. Khi chúng ta mê thì mê đầu tiên là vô thỉ vô minh phiền não, đây là tầng ở trong cùng. Từ vô thỉ vô minh mới sanh khởi tiếp trần sa phiền não. Trần sa phiền não cũng ví như bộ áo quần ngoài. Là bộ đồ bình thường mặc bên ngoài. Từ trần sa phiền não tiếp tục sanh khởi kiến tư phiền não, chính là chấp trước. Trong kinh Hoa Nghiêm gọi là vọng tưởng. Thứ nhất là vọng tưởng, thứ hai là phân biệt, thứ ba là chấp trước. Chấp trước là ở ngoài cùng.

 Bây giờ chúng ta muốn mở ra, muốn cởi y phục thì nên bắt đầu từ đâu? Bắt đầu từ bên ngoài, không thể cởi từ bên trong trước. Điều thứ nhất cần phải giải quyết đó chính là chấp trước. Khi đoạn được chấp trước mới phá phân biệt. Cuối cùng đến phá vọng tưởng, như vậy mới có thể thành tựu. Nên năm độ ở trước đều là lấy không chấp trước làm nền tảng.

 “Thị tức Kim Cang kinh tông chỉ, viễn ly tứ tướng, tu nhất thiết thiện pháp. Cố năng đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề dã”.

 Kinh Kim Cang trong Phật giáo Trung quốc, Lục Tổ Huệ Năng khai ngộ từ kinh Kim Cang. Kinh Kim Cang vì sự khai ngộ của ngài mà nổi tiếng, trở thành kinh số một của Phật giáo Trung quốc. Chẳng ai không biết đến Kinh Kim Cang. Trên thực tế Kinh Kim Cang cũng có thể đảm đương danh hiệu Kinh Bát Nhã mà Đức Thế Tôn thuyết suốt 22 năm khi còn tại thế. Kinh Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật là một loại trong số đó. Các bậc cổ đức cho rằng, bộ kinh này là đại cương của Kinh Bát Nhã. Hay nói cách khác, kinh Bát Nhã là triển khai từ bộ kinh này. Kinh này là tổng đại cương, nên người thọ trì rất nhiều.

 Kinh văn không dài, chỉ có hơn 5000 chữ. Kinh này dạy chúng ta viễn ly bốn tướng. Muốn tu tất cả thiện pháp thì nên bắt đầu từ đâu? Bắt đầu từ chổ xa rời bốn tướng. Bốn tướng là ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng.

 Chúng ta ngày nay đã tu nhiều năm, thậm chí đã tu nhiều kiếp nhưng chưa khai ngộ. Nguyên nhân do đâu? Bản ngã chưa buông bỏ. Như vậy có nghĩa là gì? Là chấp trước chưa buông xả. Chấp trước thân này là ta. Có ngã là có nhân, có nhân thì có chúng sanh. Phạm vi của chúng sanh rất lớn, nó bao gồm cả thế giới. Chúng sanh là hiện tượng do nhân duyên hoà hợp mà sanh khởi. Đối lập với ta là người, cho nên chúng sanh là vũ trụ, thọ giả là thời gian. Những thứ này đều là chấp trước nặng nề của chúng ta, không chịu buông bỏ.

 Thọ giả, bây giờ mấy giờ? Đây là thọ giả tướng. Ngày mai làm gì? Thọ giả tướng. Nói về quá khứ vị lai đều là thọ giả tướng. Bây giờ chúng ta gọi là thời gian và không gian. Không gian là chúng sanh tướng, thời gian là thọ giả tướng. Những thứ này đều phải buông bỏ hết. Có hay không có? Đừng quan tâm nó có hay không, chỉ cần không chấp trước là được. Đức Phật không dạy chúng ta phủ định những hiện tượng này, không có. Ngài chỉ dạy buông bỏ chấp trước. Tướng không liên quan gì. Tướng là hư vọng, nó không có thật. ‘Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”. “Nhất thiết hữu vi pháp, như mộng huyễn bào ảnh”.

 Ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả đều là tướng hữu vi. Hữu vi là gì? Có sanh có diệt. Hiện tượng có sanh có diệt gọi là tướng hữu vi. Người có sanh lão bệnh tử. Thực vật như cây cỏ hoa lá có sanh trụ dị diệt. Thế giới, tinh cầu có thành trụ hoại không, đều gọi là tướng sanh diệt, tướng hữu vi. Đối với những hiện tượng này đều không thể chấp trước, nó là hiện tượng tự nhiên. Hiện tượng này là huyễn tướng, huyễn tướng không chướng ngại chân không. Chân không là gì? Là thường tịch quang, tức là tự tánh. Nó hoàn toàn không trở ngại tự tánh.

 Ngài Huệ Năng khai ngộ đã nói rất rỏ là tự tánh vôn thanh tịnh. Vốn tự thanh tịnh không ô nhiễm. Trong cảnh giới Phật là thanh tịnh. Ở cảnh giới chúng ta cũng thanh tịnh. Ở ngạ quỷ, súc sanh, địa ngục vẫn là thanh tịnh. Từ trước đến nay chưa từng nhiễm ô. Đây gọi là chân. Chân tánh là chính mình. Thân thể sanh lão bệnh tử này không phải chính mình. Không phải ta nhưng chấp trước cho rằng nó là ta, như vậy là sai lầm! Nên chứng được Tu đà hoàn, Tu đà hoàn là cảnh giới gì?, Tu đà hoàn đã làm được vô ngã tướng, vô nhân tương, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng. Đây là địa vị nào? Sơ quả tiểu thừa.

 Trong đại thừa kinh Hoa Nghiêm nói. Bồ Tát thập tín vị, thì họ là Sơ Tín vị. Thập tín được ví như tiểu học, tiểu học mười năm. Thì họ là năm thứ nhất, lớp một tiểu học. Vô ngã, vô nhân, vô chúng sanh, vô thọ giả. Đây là học sinh chính thức của Phật Thích Ca. Lớp một tiểu học là học trò chính thức. Còn chúng ta chưa phá được bốn tướng là chưa vào tiểu học. Chưa vào được lớp một, còn đang học mẫu giáo. Đại khái cũng là lớp mầm của mẫu giáo, còn lớp mầm và lớp lá chúng ta đều không có phần. Chúng ta là lớp mầm của mẫu giáo, mà còn cho rằng mình giỏi thì tiêu rồi, vĩnh viễn không thể nhập môn.

 Ngày nay chúng ta đối với danh văn lợi dưỡng có thể buông xả được chăng? Đức Thế Tôn vì sao không kiến lập đạo tràng? Bây giờ chúng ta đã lãnh hội được. Nếu ngài kiến lập đạo tràng có thể có rất nhiều người xuất gia đoạ lạc. Vì sao? Bởi họ buông bỏ không được đạo tràng này. Đạo tràng này là đạo tràng của tôi thì quá phiền phức. Buông không được thì không xa rời được, nên sau khi chết thần thức cứ tham luyến đạo tràng này, như vậy phải làm sao? Đạo tràng này, nó không phải như người ta. Nó không có vợ chồng nên không cách nào thác sanh đến chổ này. Không được làm người, nhưng đạo tràng này có kiến, dán, chuột. Họ sẽ đầu thai làm những con vật này. Là thật chứ không phải giả. Đến khi nào họ buông bỏ mới có thể vượt ra được thân sác sanh này. Nếu không chịu buông thì đời đời kiếp kiếp đều ở trong đạo tràng này.

 Phật không kiến lập đạo tràng là có đạo lý, để ta không có lưu luyến, không có chấp trước. Đây là tâm đại từ đại bi của Đức Thế Tôn. Nên ngày xưa mổi tối ngài đều nghỉ dưới gốc cây. Quy định như thế nào? Một gốc cây chỉ được ở một đêm. Đêm thứ hai phải đến gốc cây khác, không được ở mãi dưới gốc cây này. Sợ sinh tâm tham luyến và thích cây này. Trong cây này có súc sanh ở, tương lai đầu thai trở thành súc sanh. Phàm phu chúng ta không biết, nhưng Chư Phật Bồ Tát rất rỏ ràng. Nên các ngài làm gương để chúng ta noi theo. Vì thế bốn tướng chẳng thể không buông xả. Buông bỏ mới có thể tu tất cả thiện pháp. Tất cả thiện pháp này chính là sáu ba la mật mà chúng ta đang nói. Đây là pháp đại thừa mà hàng Bồ Tát tu hành. Bồ Tát thuộc địa vị nào? Là sơ tín vị của thập tín, là Tu đà hoàn của tiểu thừa. Điều này chúng ta chẳng thể không biết.

 Bắt đầu từ đây không ngừng nâng cao cảnh giới, nên tương lại họ có thể đạt được A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề - Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Câu này là phạn ngữ có thể phiên dịch, nhưng pháp sư phiên dịch kinh tại sao không dịch? Phiên dịch kinh có một thể lệ là năm thứ không dịch. Đây là một trong năm loại đó, gọi là tôn trọng không dịch. Vì sao? Đây là mục tiêu cuối cùng muốn đạt được của người học Phật. Nên có thể phiên dịch chứ không phải khó dịch, mà vì tôn trọng nên không dịch. Nó là mục tiêu chung của người học Phật. Dịch thành chữ Hán có nghĩa là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh giác. Tiếng phạn A Nậu Đa La dịch sang chữ Hán là Vô Thượng. Tam dịch sang chữ hán là Chánh. Miệu là Đẳng, đẳng của chữ bình đẳng, là Chánh Đẳng. Tam là Chánh, Bồ Đề là Giác. Tức là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

 A la hán chứng được gọi là chánh giác, chính là Tam bồ Đề. Bồ Tát chứng được là Tam Miệu Tam Bồ Đề, chánh đẳng chánh giác. Đó là quả vị Phật cao nhất, không có cao hơn nữa. Nên thêm vào chữ A Nậu Đa La. A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề là Phật. Tam miệu tam Bồ Đề là Bồ Tát, còn Tam Bồ Đề là A la hán. Danh hiệu là tên gọi bằng cấp trong giáo dục của Đức Phật. Giống như đại học, thạc sĩ, tiến sĩ ở nhà trường hiện nay vậy. Phật là tiến sĩ, Bồ Tát là thạc sĩ. Cuối cùng là tốt nghiệp đại học. Đây là danh xưng của ba cấp bằng. Bằng cấp như thế nào? Ở đây đã nói rỏ, A la hán đạt được Tam Bồ Đề, họ đã thành chánh giác. Nên gọi họ là A la hán. Nếu cao hơn nữa đến Chánh đẳng chánh giác, đó chính là Bồ Tát. Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, đây chính là Đức Phật. Là tên gọi của ba cấp bậc.

 Chúng ta học Phật là tìm cầu điều này, không phải cầu danh văn lợi dưỡng. Liên quan đến danh văn lợi dưỡng của thế gian đều đoạ lạc. Trở lại ngụp lặn trong luân hồi lục đạo. Như vậy là sai hoàn toàn.

 Ngày nay chúng ta học Phật, bao nhiêu người bước đến cửa Phật. Bước đến cửa Phật, đốt hương tụng kinh niệm Phật. Hỏi họ đang cầu điều gì? Cầu thăng quan phát tài, cầu bình an. Không phải là cầu những thứ này sao? Trong Lục Tổ Đàn Kinh tôi thấy ngài Huệ Năng không cầu điều này. Lần đầu gặp Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn. Ngũ Tổ hỏi ngài, ông đến cầu điều gì? Con đến cầu làm Phật. Chúng ta chỉ thấy có ngài Huệ Năng, ngài thật sự khác người. Ngài là đến cầu được làm Phật. Ngài không hiểu ngôn ngữ trong Phật pháp. Nếu dùng ngôn ngữ Phật pháp là nói con đến cầu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Hoặc dùng ngôn ngữ Trung quốc là con đến cầu Vô Thượng Chánh Đẳn Chánh Giác.

 Ngũ Tổ thật không bạc đãi ngài, đã thành tựu ngài đạt được A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Ngài thật sự thành Phật mới ra đi. “Phật thị môn trung hữu cầu tất ứng”, là thật không phải giả.

 Lục ba la mật là là đại hạnh tự lợi lợi tha cứu cánh viên mãn của Bồ tát trong đạo Phật, có thể đạt đến niết bàn bỉ ngạn. Niết bàn bỉ ngạn chính là thành Phật, viên mãn thành Phật.

 Hết giờ rồi. Ngày mai chúng tôi sẽ giới thiệu với mọi người về sáu ba la mật.

HẾT TẬP 301

# Tập 302

Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư
Chuyển ngữ: Hạnh Chơn
Biên tập: Minh Tâm
Thời gian: ngày 25 tháng 02 năm 2011
Địa điểm: Tịnh Tông Học Viện \_Úc Châu

*Cắt bỏ từ phút 0:44:04 đến phút 0:44:50*

Chư vị pháp sư, chư vi đồng học, xin mời ngồi xuống. Mời quý vị xem “Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải”, trang 354, hàng thứ ba từ dưới đếm lên, bắt đầu xem từ ba chữ cuối cùng.

*“Thử lục độ nãi Bồ Tát cứu cánh tự tha kiêm lợi chi đại hạnh, năng đáo niết bàn bỉ ngạn. Bồ Tát tự hành thử pháp, diệc dĩ thử giáo đạo lợi ích chúng sanh, cố tục vân giáo hoá an lập chúng sanh”.*Chúng ta đọc tiếp mấy câu bên dưới. *“Hội Sớ thích viết, dĩ đạo thọ tha vi giáo, chuyển ác thành thiện vi hoá. Dẫn đạo chúng sanh an trú chánh đạo, kiến lập đại tâm, cố vân an lập”*.

Chúng ta đọc đến chổ này. Lục ba la mật là sáu phương pháp tu học, là phương pháp tu học của tất cả Bồ Tát. Các ngài y theo phương pháp này để tu, đồng thời cũng lấy sáu phương pháp này để giáo hoá lợi ích chúng sanh.

Nên trong kinh văn này *“lục độ chi hạnh giáo hoá an lập chúng sanh”.* Lục độ ở trước đã nói rất nhiều. Về sau cũng có rất nhiều chổ nhắc đến. Ở đây chúng ta đơn giản ôn tập lại một chút. Rất cần như vậy, vì sao? Bởi đây là nồng cốt quan trọng nhất của Bồ Tát hạnh mà chúng ta chưa làm được. Cổ nhân dạy rằng: *“Đọc thư thiên biến, kỳ nghĩa tự kiến*”. Chúng ta đọc tụng, lắng nghe chắc chắn không đến 1000 lần. Một ngàn lần cũng không gọi là nhiều. Điều này trong Phật pháp gọi là huân tu lâu ngày, chính là nói ý này.

Điều thứ nhất trong lục độ là bố thí. Trong kinh văn nói rất rõ, thường lấy bố thí. Bố thí có ba loại là: tài bố thí, pháp bố thí, vô uý bố thí. Tài bố thí được của cải, của cải có thể nuôi dưỡng thân mạng của chúng ta. Cũng chính là lợi ích về mặt vật chất. Pháp bố thí được trí tuệ, trí tuệ có thể nuôi dưỡng thân huệ mạng của chúng ta, để chúng ta minh tâm kiến tánh. Nói cách khác, đây là lợi ích về mặt tinh thần. Vô uý bố thí là thiện pháp, là việc tốt. Đối xử với tất cả chúng sanh, khi họ đau khổ tận tâm tận lực giúp họ, khiến họ không sợ hải, bình an vượt qua khó khăn. Như vậy gọi là bố thí vô uý. Đặc biệt là con người trước lúc lâm chung, khi đang chịu sự hành hạ của bệnh khổ. Nếu chúng ta có thể giúp họ, để bệnh khổ của họ được giảm nhẹ. Khiến họ cảm thấy an vui, cảm thấy an ủi, cảm thấy có người quan tâm nên họ không còn sợ hãi. Cách bố thí này rất quan trọng, gọi là bố thí vô uý.

Ba việc này chính là quả báo, ba quả báo. Người thế gian ai cũng hy vọng đạt được. Hy vọng thì hy vọng, nhưng chưa chắc có thể đạt được. Đây là cầu bất đắc khổ trong bát khổ. Tôi muốn cầu của cải, muốn cầu thông minh trí tuệ, muốn cầu mạnh khoẻ sống lâu. Muốn cầu khi về già có nhiều con cháu chăm sóc quan tâm. Đây là đại phước báu!

Phước báo từ đâu mà có? Do tu mà có. Quý vị nên biết, phước báo là quả. Có quả tất phải có nhân. Chúng ta không tu nhân thì làm gì có quả báo?

Người xuất gia thời xưa, vào chùa xuất gia. Trước tiên là dạy họ tu phước. Vì sao? Trong Phật pháp thường nói “pháp luân vị chuyển thực luân tiên”. Nếu trong cuộc sống gặp nhiều khó khăn, ngày không đủ ba bửa cơm. Ngày mai ở đâu còn chưa biết, như vậy làm sao có tâm học đạo? Các bạn đồng học có phước báo, nên thiện hữu mười phương hộ trì. Vì thế quý vị không cần lo lắng những điều này. Phước báo thật sự quá lớn. Phước báo của quý vị lớn hơn tôi rất nhiều.

Có thể nói trước 70 tuổi, đến hơn 70 tuổi tôi mới có một đạo tràng nhỏ. Trước 70 tuổi tôi không biết ngày mai mình ở đâu. Thân tâm con người không nơi nương tựa. Lúc trẻ được coi là rất may mắn, có duyên gặp được cư sỹ Hàn. Chúng tôi ở Đài Bắc kiến lập thư viện\_Thư viện Hoa Tạng, Cô ấy làm thủ thư, trông coi đại chúng. Chúng tôi sống nương nhau ba mươi năm. Cô ấy qua đời, chúng tôi lại bắt đầu lưu lạc. Lúc trẻ lưu lạc, cô giữ tôi ở lại nhà cô. Cả nhà họ đối với tôi rất tốt, nhưng tâm chúng tôi lại bất an. Trong đầu chỉ nghĩ đến hôm nay không dám nghĩ đến ngày mai, Ngày mai người ta không vui đuổi tôi đi, như vậy là phải ra đi. Cũng may cô ta chăm sóc tôi ba mươi năm mới có thành tựu ngày hôm nay. Sau khi cô ta qua đời chúng tôi lại bắt đầu lưu lạc.

Thời gian ở Singapore lâu nhất, ba năm rưỡi. Rồi sau đó đến đây. Khi đến đây chính phủ tạo điều kiện ưu ái cho chúng tôi. Đồng ý cho chúng tôi lập đạo tràng ở đây. Đây là nhân duyên hy hữu khó gặp. Đạo tràng chúng tôi ở đây thành lập đã được mười năm rồi. Theo lý mà nói thì mười năm rồi. Nhà nho nói 7 năm tiểu thành, 9 năm đại thành. Tiểu thành là quân tử, đại thành là thánh hiền. Trong Phật pháp tiểu thành là được tam muội. Thực sự người bình thường, người thường thật sự siêng năng thì ba bốn năm sẽ được tam muội. Sáu bảy năm có người khai ngộ. Mười năm tôi tin rằng người khai ngộ không ít. Nhưng chúng ta đã lãng quên nên không thể y giáo phụng hành. Lãng phí thời gian, để 10 năm trôi qua, mà tâm chưa được thanh tịnh, sức khoẻ cũng không còn như 10 năm trước nữa. Thân tâm mệt mỏi. Tạp niệm, vọng tưởng chẳng những không giảm đi, mà có thể còn tăng thêm.

Chúng ta cũng đang tu hành, đang tu đạo. Nhưng là tu trong luân hồi lục đạo, không phải Bồ Tát hạnh, mà là phàm phu hạnh. Tự mình cần phải biết. Ba loại bố thí của Bồ Tát, chúng ta đang làm nhưng làm chưa đủ. Tài bố thí: mỗi vị đồng tu, nếu thật sự vì chánh pháp cửu trụ, vị hoá độ chúng sanh, thì nên giúp nhân dân nơi thành thị nhỏ này, hướng về luân lý đạo đức. Giúp nhân dân ở đây đoàn kết thành một nhà, tương thân tương ái, sống với nhau hoà đồng, hợp tác qua lại. Thành thị nhỏ này là tấm gương hoà bình cho cả nước và cho cả thế giới. Chúng ta có đang làm không? Có làm, chẳng phải không làm, nhưng công phu chưa đủ. Nguyên nhân chưa đủ là gì? Chúng ta quên là nên bắt đầu làm từ bản thân mình.

Trong mười năm này, chúng tôi một mặt là công việc lợi sanh. Hiệu quả nhất là bữa cơm chay buổi tối hằng tuần của chúng tôi. Việc này ngay từ ngày đầu tiên khai mạc học viện đã bắt đầu. Ngày đầu tiên khai mạc, đến chổ này cảm thấy rất xa la. Chổ này là khu căn cứ nổi tiếng của đạo Cơ Đốc ở Âu Châu, không có các tôn giáo khác. Phật giáo truyền đến đây, rất nhiều người cảm thấy kinh ngạc. Có nhiều người hỏi tôi, sao thầy dám đến đây. Chúng tôi đưa thiệp mời cư dân quanh hai con đường đó đến tham gia lễ khai mạc của chúng tôi, tiếp nhận buổi tiệc của chúng tôi. Chúng tôi trình bày với họ là tổ chức của chúng ta làm những việc gì. Chúng ta vì sao mà đến đây, mục đích và dụng ý đến đây là gì. Toàn bộ đều trình bày với họ.

Chúng tôi tiếp đãi họ bằng tiệc chay. Họ nghe xong đều rất hoan hỷ. Đương nhiên, “thính kỳ ngôn nhi quan kỳ hành”. Chúng tôi nói rất hay, nhưng có phải làm đúng như vậy hay không? Mười năm nay họ đã tương đối khẳng định, đều có thể sanh tâm hoan hỷ. Nền tảng này làm được coi là không tệ. Sau khi ăn cơm xong, có mấy vị đồng tu đến nói với tôi. Họ nói pháp sư, hoạt động này của quý vị có thể tổ chức nhiều hơn không? Mọi người đều rất thích. Tôi nói được, mọi người đã thích ăn chay như vậy, chúng tôi sẽ đáp ứng cơm chay vào mổi tối thứ bảy hàng tuần. Bất cứ ai cũng có thể đến đây ăn cơm. Suốt mười năm đều như vậy. Buổi tiệc chay vào tối thứ bảy hằng tuần này, chúng tôi sẽ tổ chức mãi không ngừng. Đã kết nhân duyên rất tốt với dân chúng Đồ Văn Ba.

Sự nghiệp từ thiện ở đây, chúng tôi ủng hộ toàn tâm toàn lực. Điều này mọi người đều nhìn thấy. Nên bây giờ người ở đây rất tán thán chúng tôi, họ nói người trong học viện Tịnh Tông đều là người tốt. Chính phủ ủng hộ chúng tôi, nhân dân cũng ủng hộ chúng tôi, thật hiếm có. Hy vọng 10 năm về sau, không thể sơ suất giống như trước. Mười năm về sau nếu không thể thực hành ba căn bản, không thể thực hành lục hoà kinh. Chúng tôi sẽ rất có tội, làm sao xứng đáng với chư Phật Bồ Tát. Làm sao xứng đáng với sự hộ trì của tứ chúng thiện hữu trên toàn thế giới?

Nên nhớ, người xưa có câu rất hay: “Một hạt gạo của thí chủ lớn như núi tu di, đời này không ngộ đạo thì mang long đội sừng mà trả nợ”. Ngộ đạo của chúng ta chính là vãng sanh tịnh độ. Trước tiên phải nghĩ kỹ, tâm hành hiện nay của chúng ta, thế giới Cực Lạc có hoan nghênh hay không. Khi đức Thế Tôn giới thiệu cho chúng ta, ngài nói rất rõ. Trong kinh Di Đà cũng nói, người ở thế giới tây phương Cực Lạc đều là các bậc thượng thiện nhơn câu hội lại một chổ. Thế giới Cực Lạc vốn là câu lạc bộ của các bậc thượng thiện nhơn. Nếu chúng ta muốn tham gia, thì phải xem chúng ta có đầy đủ điều kiện thượng thiện hay không? Đây là điều mà tất cả các vị đồng học Tịnh độ tông đều phải biết. Nếu tâm hành bất thiện, dù có niệm Phật A Di Đà cũng vô dụng.

Nếu Phật A Di Đà tiếp dẫn chúng ta đến thế giới Cực Lạc, chúng ta làm loạn ở thế giới Cực Lạc, sẽ làm hổn loạn xã hội của họ. Phật A Di Đà chắc chắn không làm việc như thế. Nên đến thế giới tây phương Cực Lạc đều phải đầy đủ điều kiện thượng thiện. Chúng ta cũng đãthấy có người một đời làm ác, vì sao lúc lâm chung hiện ra đoan tướng tốt như vậy? Bởi họ phù hợp với điều kiện đó. Một đời làm ác nhưng khi lâm chung biết sám hối. Nghiệp chướng đã tiêu trừ và sau đó không còn tạo nữa. Họ chính là bậc thượng thiện nhơn. Họ đã đầy đủ điều kiện của thế giới Cực Lạc. Nên ngày ngay điều quan trong nhất là vui bồi điều kiện này. Lục ba la mật cũng là giúp chúng ta vun bồi.

Tài bố thí nuôi dưỡng thân, quả báo là dưỡng thân. Pháp bố thí là nuôi dưỡng tâm, được trí tuệ. Bố uý vô thí là thiện hành, được quả báo là mạnh khoẻ trường thọ. Trong đó mạnh khoẻ trường thọ là quan trong nhất, khi tuổi già có người phục vụ. Quả báo này là gì? Chúng ta chịu quan tâm đến người già, đồng ý chăm sóc người già. Nhân như thế nào sẽ được quả báo như thế. Nếu chúng ta hiềm ghét và ruồng bỏ người già, đến khi mình già con cháu sẽ ghét mình, đều ruồng bỏ mình. Đó là quả báo hiện tiền. Đến lúc đó tâm cứ bất bình, suốt ngày cư sầu bi khổ não. Như vậy chúng ta lại lưu chuyển trong luân hồi lục đạo. Niệm Phật cầu sanh tịnh độ cũng không thể mãn nguyện. Cần phải hiểu rỏ về nhân quả báo ứng.

Học viện chúng ta giúp bệnh viện Đồ Văn Ba mỗi tháng một vạn tiền thuốc. Một năm 12 vạn, không thiếu năm nào. Trung tâm an dưỡng của Cơ Đốc giáo, họ tương đối khó khăn chúng tôi cũng giúp đỡ, kinh phí cũng mỗi tháng một vạn. Một năm 12 vạn. 20 vạn này đều là bố thí vô uý. Quan tâm người bệnh, quan tâm người bệnh nặng sắp vãng sanh. Điều mà chúng tôi thiếu đối với một số người già là chúng tôi không thể quan tâm đến họ được. Chúng tôi rất muốn lập viện dưỡng lão. Sự nghiệp phúc lợi cho người già, chúng tôi xưa nay rất quan tâm. Mỗi khu vực, mỗi quốc gia trên toàn thế giới chúng tôi đều tham quan khảo sát tỷ mỷ.

Phúc lợi của người già ở Âu Châu, so với các khu vực khác trên toàn thế giới thì Âu Châu làm tốt nhất. Điều kiện tiên quyết của Âu Châu là đất rộng người thưa, nên hoàn cảnh cư trú tốt nhất. Nhưng nó thiếu đi cuộc sống tinh thần, thiếu đi sự ấm áp. Người Âu Châu rất tuân thủ pháp luật, điều này đáng được tuyên dương. Pháp luật nếu thêm lễ kính vào, như vậy sẽ rất hoàn mỹ. Hợp tình, hợp lý, hợp pháp. Những năm cuối của người già, đó là thời gian hạnh phúc nhất trong cuộc đời họ. Chúng tôi đã suy nghĩ rất nhiều năm, luôn hy vọng có thể thực hiện được sự nghiệp này. Phật pháp thường nói, tất cả pháp từ tâm tưởng sanh. Chỉ cần chúng ta không bỏ ý niệm này thì tâm tưởng sự thành. Hy vọng có ngày sự việc này thật sự thành tựu.

Chúng tôi không có năng lực lập viện dưỡng lão với mô hình lớn, chỉ làm với quy mô nhỏ. Khoảng hai mươi người, năm mươi người. Viện dưỡng lão của họ ở đến mấy trăm người, chúng ta không có năng lực đó. Chúng ta lập một viện dưỡng lão ba đến năm mươi người ở. Làm cho tốt, làm thành một viện dưỡng lão điển hình. Chúng tôi tham quan trung tâm quan hoài của Cơ Đốc giáo\_Trung tâm quan hoài lâm chung. Họ chỉ có sáu phòng, đồng thời chỉ có thể chăm sóc được sáu người. Khi tôi đến tham quan họ nói, người ở thời gian dài nhất là ba tháng. Có người ở một tuần là đi, hai ba tuần đi cũng có. Ở đây chỉ có sáu phòng. Họ chuyên môn làm việc an ủi người già sắp lâm chung, khiến họ trước lúc lâm chung tâm tình an vui, có thể cảm thấy ấm áp. Điều này trong Phật pháp nói là khi lâm mạng chung không có sợ hãi, không có âu lo, không có vướng mắc, không có phiền não. Chắc chắn được vào nơi an lành, không bị đoạ vào ba đường ác.

Họ tín ngưỡng tôn giáo nhất định được lên thiên đường. Họ niệm Phật thì nhất định được vãng sanh thế giới Cực Lạc. Nếu lâm chung có điều bất bình, nếu có oán hận. Như vậy chắc chắn sẽ bị đoạ vào ba đường ác. Nên việc làm của trung tâm này là việc làm của Bồ Tát. Đồng nghĩa với việc đem một người già từ ác đạo đưa đến thiên đường, từ ác đạo đưa đến thế giới Cực Lạc. Quý vị nghĩ xem sự nghiệp này vĩ đại biết bao, thù thắng biết bao. Nên đây là bố thí vô uý.

Giới có luật nghi giới, nhiếp thiện pháp giới, và nhiêu ích hữu tình giới. Ở trước chúng ta đã học qua. Luật nghi giới là tự thiện. Trong nhà Phật nói thiện căn phước đức nhân duyên. Thiện căn chúng ta từ đâu mà có? Thiện căn được trồng từ luật nghi giới. Luật nghi giới nhất định bắt đầu từ Đệ Tử Quy và Cảm Úng Thiên. Giới luật của chúng ta ngày nay là hữu danh vô thực. Nguyên nhân vì đâu? Bởi chúng ta đã mất gốc. Tuyệt đối không nên có phân biệt chấp trước. Đệ Tử Quy là của Nho giáo không phải của Phật giáo. Cảm Ứng Thiên là của Đạo giáo không phải của Phật giáo. Chúng ta phân biệt chấp trước như vậy là sai lầm, là hoàn toàn không hiểu Phật pháp đại thừa. Thật sự thông đạt và hiểu về đại thừa, vậy đại thừa đã nói như thế nào? Biến pháp giới hư không giới là một thể trong một sinh mạng. Là tự tánh thanh tịnh viên minh thể. Từ thể mà nói thì gọi là Phật. Phật tánh. Pháp tánh đều là từ thể mà nói, nên kinh đại thừa nói “tất cả chúng sanh vốn là Phật”. Chúng ta muốn hỏi, Khổng Tử có phải là Phật không? Lão Tử là Phật ư? Phải, sao lại không phải. Tất cả chúng sanh đều là Phật. Không thể nói Khổng Tử và Lão Tử là ngoại lệ. Họ ứng hoá tại Trung Quốc. Nếu có chúng sanh đáng dùng thân thánh hiền để được độ thoát, thì hiện thân thánh hiền mà vì họ thuyết. Vấn đề này không phải đã giải quyết rồi sao! Ở Ấn Độ, nếu có chúng sanh đáng dùng Phật Bồ Tát để được độ thoát, liền hiện thân Phật Bồ Tát mà vì họ thuyết pháp.

Phật không có thân tướng nhất định nào. Phật không có danh hiệu, Phật không có nói pháp nhất định nào. Chúng ta phải thấu hiểu thông đạt những đạo lý này. Phải thật sự nhận biết Phật pháp mới có thể học Phật. Có phân biệt chấp trước vĩnh viễn không thể vào cửa Phật. Ở trước đã nói với quý vị về tông chỉ Kinh Kim Cang. Viễn ly tứ tướng chính là đã vào cửa Phật. Kinh văn trong Kinh Kim Cang nói rất hay: Tiểu thừa sơ quả Tu Đà Hoàn, Tu Đà Hoàn đã phá bốn tướng. Tu Đà Hoàn tự nói, nếu họ chưa phá bốn tướng thì Đức Thế Tôn không gọi họ là Tu Đà Hoàn. Bản thân Tu Đà Hoàn có thừa nhận phá bốn tướng hay không? Họ không có tâm này. Nếu họ có tâm, tôi đã phá tứ tướng, thì cái tôi đó vẫn chưa phá. Họ chấp trước vẫn có ngã, vẫn có nhân. Họ tuyệt không cho rằng mình đã phá bốn tướng, như vậy mới thật sự phá bốn tướng. Cần phải sự thật hiểu chân tướng này.

Nên luật nghi là tự mình tu thiện, chúng ta đều có thể làm được. Đệ Tử Quy thực hành được, Cảm Ứng Thiên thực hành được, Thập thiện nghiệp thực hành được. Sau đó là Tam quy ngũ giới, Sa di luật nghi, tất cả đều thực hành một cách rất tự nhiên và dể dàng. Đây mới là đệ tử Phật chân chánh. Nhiếp thiện pháp tăng trưởng bồ đề. Nhiếp thiện pháp giới cũng chính là thập thiện pháp. Trong Giới luật không nói phải hành trì. Chỉ cần đối với chính mình thật sự có lợi ích. Đối với chính mình thân tâm an lạc mạnh khoẻ, giúp mình đoạn ác tu thiện. Trong giới luật không nói cũng nên làm, đây là tăng trưởng bồ đề.

Thứ ba là nhiêu ích hữu tình giới. Đối với tất cả chúng sanh được tốt, có lợi ích. Trong Kinh Phật cũng không nói, nhưng chúng ta gặp được có cần làm hay không? Cần làm. Tôi đưa ra một ví dụ. Có một lần tôi đến Bắc Kinh để phỏng vấn và ở tại khách sạn quốc tế. Tôi từ trên cầu thang đi xuống gặp một vị Phật tử người Mỹ. Ông họ Từ, là Hoa kiều, chúng tôi gặp nhau rất hoan hỷ. Ông ở Mã Lý Lan Châu thường đến Hoa phủ chúng tôi, lúc đó chưa gọi là Tịnh tông học hội, gọi là Hoa Phủ Phật giáo hội. Nên chúng tôi rất thân. Ông nói: ông rất hoan hỷ. Con trai ông hôm nay cưới vợ. Vợ là người Nhật Bản. Hôm nay có rất nhiều khách quý đến chúc mừng. Ông mời Trình Tư Viễn, là phó chủ tịch hội nghị hiệp thương chính trị, mời ông này làm người chứng hôn. Nên có thêm mấy vị bộ trưởng đến tham dự. Đại sứ Nhật Bản, còn có rất nhiều nhà xí nghiệp của Nhật Bản. Đây là một hôn lễ rất thù thắng. Cô dâu và chú rể đều là sinh viên trường đại học Bắc Kinh. Họ là bạn học với nhau. Ông ấy nhìn thấy tôi cũng mởi tôi đi, mời tôi đi làm người chứng hôn. Nên tôi đã ngồi vào bàn người chứng hôn. Tôi cùng ngồi với Trừng Tư Viễn, một tăng một tục. Đây chính là nhiêu ích hữu tình. Những vị quan lớn này bình thường không tiếp xúc đến Phật pháp. Họ thấy tôi hình như cảm thấy rất kỳ lạ. Người chứng hôn nhất định phải nói vài lời, nên tôi biết tôi có thể nói mười phút Phật pháp, đem Phật pháp giới thiệu với mọi người.

*Cắt bỏ 0:44:04 Tôi đi bất ngờ nên không chuẩn bị cơm chay, tôi ăn rau trong thức ăn của họ, cũng cầm ly rượu kính ông ta. Ông ta nói Phật giáo sao lại tự tại như vậy? Tôi nói đúng vậy! Chẳng phải Phật giáo không được ăn thịt uống rượu sao? Tôi nói, đúng vậy. Không uống rượu, định nghĩa thật sự không uống rượu là không được uống say. Vì uống say sẽ loạn tánh. Một ly này của tôi không say được, tôi kính mọi người. Mười phút, buổi tiệc này khoảng một tiếng. Mọi người đều rất hoan hỷ, từ trước nay chưa từng nghe đến Phật pháp.*

Trong trường hợp này chúng ta tham dự, thì đây là cơ hội độ chúng sanh, là để những người này trồng thiện căn. Đây là nhiêu ích hữu tình. Là biểu hiện rất từ bi của nhà Phật. Đây không phải phá trai, không phải phá giới. Nên trì giới nhất định phải biết tuỳ cơ ứng biến. Ở trong trường hợp nào nên dùng phương thức gì để biểu đạt, không phải vì tự lợi mà vì lợi tha. Đây là một ví dụ.

Tinh tấn cũng có ba. Ở trước chúng ta nhìn thấy áo giáp tinh tấn. Áo giáp tinh tấn là thiện căn phương tiện. Áo giáp là gì? Là giới luật. Một người trì giới, ở trong xã hội này sẽ không bị những gì bất lương của xã hội làm ô nhiễm. Trong suốt mấy mươi năm này của chúng tôi, đã hơn 50 năm. Tôi không xem ti vi, tin tức, tạp chí, báo. Cho đến những sách thông thường tôi cũng không xem. Trong Giới Kinh có quy định, trong mười giới Sa Di cũng có. Thiện căn để bảo hộ chính mình rất quan trọng. Chúng tôi thân cận đều là kinh điển, mổi ngày không rời xa. Đôi khi có thiện pháp như sách của Nho giáo và sách của Đạo giáo, điển tịch của thánh hiền, sách của các tôn giáo khác. Đây là gì? Đây là nhiếp thiện pháp tinh tấn. Hy vọng chúng ta hiểu được tôn giáo mình, cũng hiểu các tôn giáo khác. Tìm cầu sự đoàn kết của tôn giáo. Tìm cầu hoá giải sự ngộ nhận giữa các tôn giáo, hổ tương học tập, thì vấn đề này sẽ được giải quyết.

Lợi lạc hữu tình, là tu trì vô tận thiện căn. Nhiếp thiện là thiện căn viên mãn. Lợi lạc hữu tình là vô tận thiện căn. Đối với chúng sanh có lợi lạc, đối với chúng sanh có lợi ích.

Thực hành pháp bố thí, chúng tôi ấn tống Địa Tạng Kinh. Mục tiêu của chúng tôi là mười ngàn bộ. Mười ngàn bộ Đại Tạng Kinh đem tặng trên toàn thế giới. Hai năm nay nhà in ấn Thương Vụ tái bản Tứ Khố Toàn Thư, chúng tôi mua 100 bộ. Nhà sách Thế giới nói với tôi, họ muốn tái bản Tứ Khố Hội Yếu. Tôi đặt họ 200 bộ đem tặng trên toàn thế giới. Những lúc này tôi thường nghĩ đến cuốn Quần Thư Trị Yếu của Đường Thái Tông. Thật không ngờ có một vị đồng tu tìm được sách này và gởi cho tôi. Phân lượng của Tứ Khố Toàn Thư lớn như vậy, nên bắt đầu đọc từ đâu? Tôi suy nghĩ đã nhiều năm. Hy vọng đem những tinh hoa hay nhất từ trong Tứ Khố Toàn Thư trích dẫn ra và biên tập thành một cuốn sách. Xã hội hiện nay rất cần điều này. Đây là Giáo huấn của các bậc thánh hiền.

Đầu năm dân quốc, mười năm trước khi tôi ra đời. Các học giả, chuyên gia, chư vị đại đức đương thời cũng đang biên tập sách này. Đã biên tập xong. Dân quốc năm mười chín xuất bản, năm thứ mười sáu hoàn thành, là dân quốc năm thứ mười sáu. Năm dân quốc thứ 16 là năm tôi ra đời. Bộ sách này hoàn thành mất hết mười năm, cách bốn năm sau mới xuất bản, Khi xuất bản sách này tôi được bốn tuổi. Tôi tin rằng những cuốn sách này, số lượng ấn hành nhất định không nhiều, đại khái khoảng 1000 bộ.

Gần 100 năm, xã hội hiện nay rất động loạn. Sách này còn có thể tồn tại chăng? Biết có cuốn sách này nhưng chưa chắc đã tìm thấy. Không ngờ có người tìm được tặng cho tôi. Tôi thấy sách đã cũ rách nhưng không bị mất mát. Số trang hoàn chỉnh, chữ không bị mờ. Tôi cũng đưa cho nhà sách Thế Giới in mười ngàn bộ. Bộ sách này là gì? Bộ sách này là Tứ Khố Nhập Môn. Nếu muốn xem Tứ Khố Toàn Thư thì trước nên xem sách này. Bộ sách này là tinh hoa của kinh sử tử tập. Tất cả có tám cuốn. Tứ Khố Toàn Thư có 1500 cuốn bìa cứng, nhưng bộ này chỉ có tám cuốn. Sau khi xem bộ sách này, đối với Tứ Khố Toàn Thư sẽ có cảm tình, vì đã hiểu biết về nó. Sau đó muốn chuyên nghiên cứu về môn nào, chúng ta đều biết và sẽ tìm được. Đây là chiếc chìa khoá để phục hưng lại nền văn hoá truyền thống xưa.

Bộ Trị Yếu của Đường Thái Tông là bảo điển trị quốc. Làm sao để xã hội an định hoà bình. Làm sao để nhân dân có cuộc sống hạnh phúc mỹ mãn. Tài liệu gốc của hai bộ sách này đều là Tứ Khố Toàn Thư. Bộ sách của Đường Thái Tông là chú trọng về mặt chính trị. Quốc Học Trị Yếu, trọng điểm của nó là trị học, chính là nghiêng về học vấn. Hai bộ sách này quá hay. Hai bộ sách này là để lớp trẻ trong thời hiện đại có đường để đi, không đến nổi than mình sức yếu không làm được việc muốn làm. Thật có cửa có thể bước vào.

Bộ sách của Đường Thái Tông hôm qua tôi đã nhận được. In xong, gởi trước một bộ để tôi xem. Tôi xem thấy rất hoan hỷ. Quốc Học Trị Yếu khoảng cuối tháng tư có thể xuất bản. Đây là pháp bố thí, là lợi lạc hữu tình tinh tấn. Nhiếp thiện pháp chính là nhiếp thiện tinh tấn, lợi lạc hữu tình tinh tấn. Vừa rồi tôi chưa nói về nhẫn nhục, chúng ta tiếp tục bổ sung vấn đề này.

Nhẫn nhục cũng có ba loại. Thứ nhất là phải “nhẫn oán hại”. Oan gia muốn làm tổn hại mình, cũng phải nhẫn. Họ không vừa ý nên huỷ báng, huỷ nhục, đố kỵ chúng ta, nên họ làm nhiều việc để tổn hại. Chúng ta đều phải nhẫn nhục. Như trong kinh điển nói về Vua Ca Lợi cắt thân của Nhẫn nhục tiên, nhưng tiên nhân đều có thể nhẫn. Chẳng những không có chút oán hận nào, mà còn nói với Vua Ca Lợi, tương lai tôi thành Phật người đầu tiên tôi độ là ông. Nhẫn Nhục Tiên lúc đó chính là tiền thân của Đức Thế Tôn. Khi đức Thế Tôn chưa thành Phật, đang tu Bồ Tát hạnh, tu nhẫn nhục ba la mật.

Sau khi Đức Thế Tôn thành Phật, người đầu tiên được độ là tôn giả Kiều Trần Như. Kiều Trần Như chính là vua Ca Lợi lúc đó. Đức Thế Tôn nói lời đã giữ lời. Không phải nói dối, không phải nói lời dễ nghe, ngài thật sự đã đến độ ông ấy. Đây là gì? Biết được tất cả chúng sanh với mình là nhất thể. Họ không thích tôi đó là ngộ nhận nhất thời, không nên tính toán. Vì họ chưa biết nhiều về tôi, chưa hiểu hết về tôi nên sinh ra ngộ nhận. Lạc mất tự tánh, nên con người xưa nay cứ ham danh lợi, bị dục vọng dẫn dắt.

Chúng ta tin rằng, họ đọc sách thánh hiền, họ có căn cơ. Tại sao còn làm những việc này? Điều này ngày xưa thầy Lý nói với tôi, nhìn thì thấu suốt nhưng không nhẫn nhịn được, nên mới làm những điều này. Lợi ích lớn như vậy để ngay trước mắt. Suốt đời nghèo khó, hiện nay trong chốc lát cho họ tài sản mấy ức. Tâm họ sẽ bị động. Trong hoàn cảnh đó không động tâm, như vậy là đã được định. Chưa được định làm sao không thể động tâm? Nên họ động tâm, họ thay đổi. Nếu đi theo con đường thế tục còn có thể tha thứ, không cần tính toán!

Chúng ta nên học Đức Thế Tôn, đến khi tôi thành Phật tôi sẽ trở lại độ họ. Vì họ có duyên với tôi. Nên trong thuận cảnh thiện duyên không sanh tham luyến, nghịch cảnh ác duyên không sân nhuế. Trong tất cả cảnh giới đều có thể giữ thanh tịnh bình đẳng giác của chính minh. Trong cuộc sống sinh hoạt hằng ngày duy trì thường tuỳ Phật học của mình. Câu này rất quan trọng, đây là nguyện thứ năm của Bồ Tát Phổ Hiền. Thường tuỳ Phật học chính là không rời kinh điển. Mổi ngày rảnh rỗi đều thích đọc sách, thích nghe kinh, nuôi dưỡng thói quen này. Thói quen này cũng như mỗi ngày ăn cơm uống nước vậy. Mỗi ngày không thể chẳng ăn cơm, không thể chẳng uống nước. Mổi ngày không thể chẳng đọc kinh Phật, không thể chẳng đọc sách thánh hiền. Như vậy mới thật sự có thể giữ được, không bị ảnh hưởng môi trường bên ngoài. Điều này không làm được thì chắc chắn bị môi trường ảnh hưởng. Chúng ta không khai ngộ, khi chưa khai ngộ nhất định phải hiểu một môn thâm nhập, chỉ học một thứ.

Quý vị nên xem người xưa. Trong Ảnh Trần Hồi Ức Lục của Đàm Hư Pháp Sư có ghi một câu chuyện có thật. Đàm Hư Pháp sư xuất gia khi tuổi trung niên. Khi chưa xuất gia, theo ba người bạn cùng nhau mở một tiệm thuốc bắc. Trong đó có người cư sĩ họ Lưu, về sau cũng xuất gia. Ông Lưu học Phật là thâm nhập một môn và huân tu lâu ngày. Ông ta đọc kinh Lăng Nghiệm, chỉ một bộ kinh này. Đọc được bao nhiêu năm? Đọc được tám năm, tám năm ròng rã đọc Lăng Nghiêm. Thâm nhập một môn, ông là cư sĩ tại gia.

Một hôm buổi trưa ít khách, nên đã ngủ gục trên quầy. Giờ nghĩ trưa ông ta ngủ gục trên quầy và nằm mộng. Giấc mộng này hình như là thật. Trong mộng nhìn thấy hai người đi vào tiệm. Hai người này quen, là bạn. Ngày trước vì vấn đề tiền bạc mà kiện cáo ra pháp đình. Hai người này thua kiện nên thắt cổ tự vẫn. Nên khi thấy hai người này đến trong lòng rất sợ hải, có phải là đến trả thù không? Rốt cuộc thấy hai người này đến, thái độ rất hoà nhã không có gì hung ác cả. Đi đến trước mặt ông ta liền quỳ xuống. Ông Lưu hỏi, các ông đến làm gì? Họ nói, tôi cầu siêu độ. Lúc này tâm ông đã định lại, họ đến để cầu siêu độ. Ông ta cũng rất hối hận, vì dính dáng đến tiền bạc mà khiến hai người họ tự tử, cũng rất đau khổ nên hỏi họ. Các ông muốn tôi siêu độ như thế nào? Họ nói, chỉ cần ông đồng ý là được. Ông ta nói được, tôi đồng ý với quý vị. Hai linh hồn này, bước lên đầu gối ông ta, rồi bước lên trên vai và bay lên trời.

Sau khi hai linh hồn này lên trời, lại có hai người nữa đến. Một phụ nữ dẫn theo một đứa trẻ, nhìn lại thì ra vợ trước của ông dẫn theo đứa con. Họ cũng đã chết. Gặp lại ông liền hỏi, hai người đến làm gì? Cũng là đến cầu siêu độ. Phương pháp giống nhau, chỉ cần ông đồng ý. Được, ông nhận lời. Nhìn thấy hai người này cũng bước lên trên đầu gối rồi bước lên vai và bay lên trời. Ông ta dựa vào năng lực gì để siêu độ người khác? Tám năm ròng đọc Lăng Nghiêm. Thâm nhập một môn huân tu lâu dài, quỷ thần biết ông có bản lĩnh này nên tìm đến cầu xin ông siêu độ. Nếu không thì họ đến tìm làm gì. Vì sao? Bởi tìm cũng vô ích thôi. Điều này chúng ta có thể chứng nghiệm được, tu hành thuần thục một môn công đức lớn biết bao.

Bao nhiêu người xem kinh, nghiên cứu kinh Phật. Nhưng chủng loại rất nhiều, xem rất phức tạp. Xem mấy mươi năm cũng không có công lực này, quỷ thần không tìm ông họ. Thâm nhập một môn, quỷ thần sẽ tìm đến mong giúp họ siêu độ.

Tôi có biết một người, hiện nay người này vẫn còn sống, cũng là mười năm chuyên tu một bộ kinh. Thường có linh hồn tìm ông nhờ siêu độ. Ông siêu độ rất đơn giản, không cần phải tổ chức pháp hội. Có khi niệm danh hiệu Phật, có khi đọc một đoạn kinh để đưa họ đi. Thiện căn sâu dày, sẽ có năng lực đưa họ đến thế giới Cực Lạc. Như vậy mới biết, chuyên tu một môn có sức mạnh lớn như vậy. Nên một môn là chuyên tâm, nhiều môn là tán tâm. Tán tâm muốn thành tựu rất khó!

Đây là đối với oán thân trái chủ. Đệ tử nhà Phật không bỏ một ai. Một ai ở đây không có chú thích ở dưới là trừ những oán thân trái chủ ra, ngài không nói. Không bỏ một ai, chính là oán thân trái chủ đều bình đẳng như nhau. Chỉ cần có duyên thì tự họ sẽ đến tìm, thì phải giúp đở họ. Nếu không có năng lực họ sẽ không xuất hiện. Có năng lực họ xuất hiện, chính là đến nhờ giúp họ siêu độ. Chúng ta chỉ cần thành tâm thành kính nhận lời họ. Công đức tu và đạo lực của ta có thể giúp cho họ được siêu sanh.

Loại thứ hai là an thọ khổ, điều này cũng trong nhẫn nhục. Đây là gì? Trong cuộc sống hằng ngày tất cả đều phải nhẫn chịu. Không bị hoàn cảnh ác liệt làm dao động. Ngày xưa người tu hành đa số ở trong núi rừng, vì cảnh thanh tịnh. Đối với nhưng thôn làng lân cận, ít nhất cách nhau đến 30 dặm, nghĩa là khoảng cách khoảng 2 km. Như vậy khi cần mọi thứ cũng rất dễ dàng, nhưng ở đó rất thanh tịnh không có ai làm phiền. Đôi khi trong cuộc sống có thiếu thốn cũng phải nhẫn nại. Có thể chịu nóng, có thể chịu đói, không sợ lạnh nóng. Một lòng hướng đạo. Không quan tâm điều gì và cũng không sợ gì cả. Chỉ cần một bộ kinh Vô Lượng Thọ và một câu Phật hiệu, mỗi niệm cầu sanh tịnh độ. Thân thể này đã buông xả, giao thân này cho Phật A Di Đà, Phật A Di Đà sẽ chăm sóc. Nếu thọ mạng đến, Ngài sẽ tiếp dẫn về tây phương Cực Lạc. Còn như thọ mạng chưa đến, Phật A Di Đà sẽ quan tâm đến sinh hoạt của chúng ta. Nhưng cuộc sống chúng ta không phải giàu có, mà rất thanh bần, chắc chắn sống được. Cuộc sống thanh bần tiêu nghiệp chướng và tăng phước huệ.

Trong Hoằng Nhất Đại Sư Giảng Diễn Tập, có một bài đặc biệt nói với chúng ta về sự tiết kiệm của Đức Thế Tôn, khuyên chúng ta nên học tập. Lãng phí là tổn phước báo, không phải tiêu nghiệp chướng. Phước báo tổi rồi thì tội nghiệp tăng trưởng. Tiết kiệm là tiêu nghiệp chướng, tăng phước đức. Trong cuộc sống hằng ngày cái gì tiết kiệm được thì nên tiết kiệm, không nên lãng phí.

Nên nhớ rằng giới khoa học cảnh cáo chúng ta, địa cầu này trong tương lai không xa, sẽ có nguy cơ về lương thực, nguy cơ về nguồn năng lượng, nguy cơ về nguồn nước. Những thứ này đều trực tiếp ảnh hưởng đến cuộc sống của chúng ta. Nếu chúng ta tiết kiệm, quen sống cực khổ. Khi khổ nạn này đến, chúng ta không cảm thấy quá khổ. Bình thường sống quá thoải mái quá sung túc, một khi gặp thiên tai liền cảm thấy rất đau khổ.

Chúng ta nghĩ đến tăng đoàn khi Đức Thế Tôn còn tại thế. Ngày ăn một bữa đêm nghĩ dưới gốc cây. Ngày hôm nay đi khất thực, khất thực không được cũng không sao. Ngày đó vẫn tinh tấn tu tập thiền định. Hai ngày khất thực không được cũng không chẳng lo, uống miếng nước trong hồ là được rồi. Không như hiện nay. Hiện nay người đô thị thật như cổ nhân nói được nuông chiều từ bé. Để họ ở ngoài đồng, để trên mãnh đất tự nhiên họ sẽ không sống nổi.

Vấn đề hiện nay thực sự nghiêm trọng hơn ngày xưa rất nhiều. Tôi nhớ lúc nhỏ, khoảng sáu bảy tuổi. Khi bọn trẻ ở nông thôn chơi đùa, nước trong ruộng lúa có thể uống, rất sạch sẽ. Lấy tay vọc lên là có thể uống. Còn có rất nhiều lá cây có thể ăn. Người nông thôn không có gì ăn, nên hái lá cây, hái hoa. Hoa cũng có thể ăn. Bây giờ phiền phức, bây giờ đất đai đã bị nhiễm độc. Thuốc và phân bón, nước thải của công nghiệp. Nguồn nước nhiễm ô, đất đai nhiễm ô. Cho nên không dám ăn, rau dại cỏ dại dám ăn không? Chúng tôi lúc nhỏ dám ăn, nhổ cỏ lên ăn rễ cây cỏ. Rễ cỏ có hương vị rất ngọt. Hiện nay toàn bộ thế giới đã thay đổi.

Trong thời đại này, mình càng phải nên coi trọng đức hạnh của mình. Đi con đường của Phật Bồ Tát, đi con đường của các bậc thánh hiền chắc chắn an toàn, không có sai lầm. An toàn đối với cảnh khổ nạn. Không có thiên tai, thường nghĩ rằng khi có thiên tai, tôi phải làm sao, phải chuẩn bị tâm lý. Để khi thiên tai đến không bị sợ hải, không khiếp sợ.

Thứ ba là tu hành Phật pháp. Tu hành Phật pháp cần thời gian rất dài. Nếu không có nhẫn nhục sẽ tu không thành. Ví dụ như một môn thâm nhập huân tu lâu dài. Không có sức nhẫn nhục có thể làm được chăng? Trong Ảnh Trần Hồi Ức Lục nói về ông Lưu, một bộ kinh Lăng Nghiêm đọc suốt tám năm. Người không có tâm lâu dài, không có kiên trì không làm được! Phân lượng kinh Lăng Nghiêm rất dài, gần tương đương với kinh Pháp Hoa. Một ngày chỉ có thể đọc một bộ. Mới đọc chưa thuần thục cũng cần khoảng bảy đến tám tiếng. Đọc thuần thục rồi, một biến cũng phải cần bốn tiếng. Nếu không kiên trì không làm được điều này. Đây chính là nhẫn nhục.

Không riêng đọc kinh mà niệm Phật cũng như vậy. Câu Phật hiệu này nhìn thì rất dễ, rất đơn giản. Nhưng “đô nhiếp lục căn tịnh niệm tương tục”, chúng ta có thể làm được chăng? Làm được đó là người niệm Phật chân chánh, họ thật có cảm ứng. Đô nhiếp lục căn nói một cách đơn giản là buông bỏ phân biệt chấp trước đối với tất cả pháp trong thế xuất thế gian. Đó chính là đô nhiếp lục căn. Đối với câu Phật hiệu này không hoài nghi không xen tạp. Khi niệm Phật không có tạp niệm. “Nhất thanh Phật hiệu nhất thanh tâm, thanh thanh Phật hiệu thanh thanh tâm”. Tâm và khẩu là một không phải hai. Cách niệm này cổ nhân gọi là, tâm và tâm tương ưng. Một niệm tương ưng một niệm Phật, niệm niệm tương ưng niệm niệm Phật. Ta với Phật cảm ứng đạo giao.

Niệm được tám, mười năm, sẽ đạt được niệm Phật tam muội. Được niệm Phật tam muội sẽ có oán thân trái chủ đến nhờ siêu độ. Chỉ cần một cái gật đầu họ liền được siêu sanh. Vì sao? Vì ta thật có năng lực, thật có công đức. Họ được ta gia trì, và được vãng sanh

Pháp thứ năm của lục độ là “thiền định”. Thiền định cũng có ba nghĩa. Thứ nhất là “an trú”. Thiền định là điểm tu hành then chốt của Bồ Tát. Vì sao? Bởi sau khi được định thì khai mở trí tuệ và sẽ khai ngộ. Bát nhã là khai ngộ. Các pháp trước đều là giúp ta đạt định. Bố thí là buông bỏ phiền não, buông bỏ tập khí. Trì giới là tu thiện căn cho chính mình. Nhẫn nhục là thành tựu thiện căn. Sau khi tu thiện căn thì phải nương vào nhẫn nhục để thành tựu. Không nhẫn được thì coi như mất hết tất cả. Trong Phật pháp nói là một đốm lửa sân đốt cháy cả rừng công đức. Công đức mà ta tu tập tích luỹ được, một khi sân giận thì công đức đó không còn nữa, đốt cháy sạch hết. Công đức không dễ tu. Nên thông thường người tu là phước đức chứ làm gì có công đức!

Công đức mới có thể liễu sanh thoát tử, phước đức thì không được. Công đức có thể giúp ta được định, nghĩa là an trú. Bất luận làm gì, ví dụ như ta phát tâm chuyên tu một bộ kinh trong mười năm, đây là định. Nếu không có định lực sẽ không làm được. Niệm Phật có người năm ba liền được vãng sanh, đó là nhờ định lực. Không có định lực khi niệm Phật sẽ suy nghĩ lung tung, những chuyện vướng mắc trong lòng quá nhiều. Đó là chướng ngại nghiêm trọng mà ta chưa buông bỏ được. Thật sự buông bỏ là vạn sự tuỳ duyên. Có thì rất tốt, không có cũng tốt, không để trong lòng. Trong tâm chỉ có Phật, chỉ có một câu Phật hiệu. Bất luận làm gì cũng không trở ngại. Pháp môn niệm Phật thù thắng ở chổ này. Bất luận làm gì tâm cũng đều thanh tịnh. Chuyên tâm làm việc, trong lòng chỉ có một câu Phật hiệu. Ngoài câu Phật hiệu này ra không quan tâm điều gì cả. Điều này có ví dụ nào không? Ví dụ rất nhiều. Quan sát tường tận sẽ biết.

Đàm Hư pháp sư kể chuyện về Tu Vô pháp sư. Câu chuyện này phát sanh ở Hắc Long Giang, tại Chùa Cực Lạc Cáp Nhĩ Tân. Khi Chùa Cực Lạc xây dụng xong, lúc đó Đàm Hư pháp sư còn rất trẻ, khoảng bốn mấy tuổi. Ngài là đệ tử của Hoà Thượng Đế Nhàn, mời hoà thượng đến chùa làm lễ khai quang. Tổ chức đại giới đàn truyền thọ tam đàn đại giới. Trong thời kỳ tổ chức giới đàn rất cần người giúp đỡ công việc, đúng lúc Tu Vô pháp sư đến. Đến xem có việc gì làm không, làm công quả. Tu Vô pháp sư xuất gia, nhưng không biết chữ, nên cũng không nghe kinh giáo. Thời đó giảng kinh rất ít. Cả nước không đến mười vị pháp sư biết giảng kinh, đất nước Trung quốc lớn như vậy, nên cơ duyên nghe pháp rất khó.

Suốt đời xuất gia của Pháp Sư ở trong chúng thường làm những việc nặng nhọc. Ngài tu nhẫn nhục ba la mật. Người khác không chịu, không muốn làm việc nặng thì ngài làm. Phương pháp tu hành của ngài chính là một câu danh hiệu Phật. Thật vậy ngoài câu Phật hiệu ra ngài không có gì cả. Những gì tôi vừa nói ngài đều làm được. Ngài vãng sanh rất tự tại, rất tiêu sái, biết trước giờ đi. Ngài vãng sanh ngay trong thời gian mở đại giới đàn, trong thời kỳ chuẩn bị cho đại giới. Giới tử còn chưa đến tập trung, thì ngài đã xin phép Đàm Hư pháp sư cho nghỉ. Pháp sư rất kinh ngạc, nhưng là người có tu hành nên Đàm Hư pháp sư không trách cứ gì. Thích thì đến giúp, có việc phải đi cũng không sao. Thầy tri sự là Định Tây pháp sư, không có tu như hoà thượng nên gọi ngài lại trách mắng. Giới đàn chỉ có hai tháng, ông nhẫn nại hai tháng cũng không được ư? Cuối cùng Tu Vô pháp sư nói, tôi không phải xin đến nơi khác, tôi sắp bỏ thân này rồi. Hại vị pháp sư này vừa nghe thì ngây người ra. Nhưng đây không phải nói đùa.

Vãng sanh đến thế giới Cực Lạc là việc tốt, đạo tràng xuất hiện một vị Phật. Hỏi thầy khi nào? Không quá mười ngày. Quý vị xem thông tin ngài vãng sanh đã biết được rồi. Đến ngày thứ hai lại tìm đến Định Tây pháp sư, gặp Đinh Tây pháp sư ngài nói gì? Ngày mai tôi sẽ đi, mau chuẩn bị hậu sự cho tôi. Đến ngày thứ hai ngài thật sự đi, không hề bị bệnh. Khi khai giới đàn, hoà thượng Đế Nhàn đến, biết được chuyện này ngài rất tán thán. Ai có được năng lực này nói đi là đi? Khi ngài đi cũng để lại cho mọi người câu nói, mọi người nói ngài làm vài bài kệ, vài bài thơ lưu lại cho hậu thế làm kỷ niệm. Ngài nói tôi là người xuất thân thô tục không biết chữ. Tôi cũng không biết làm thơ, cũng không biết làm bài kệ, nhưng tôi có một câu nói với mọi người để làm kỷ niệm cũng đượ: “Nói được không làm được, ckhông phải trí tuệ chân thật”, để lại chỉ một câu này.

Nói rất hay nhưng chính mình không làm được, đây không phải là thật mà là giả. Câu này được bao người phản tỉnh. Ngài thật đã tu thành công. Ngài không tu gì khác, chính là nhẫn nhục ba la mật. Ngài có thể nhẫn, nhẫn một cách hoan hỷ không hề chối từ bất cứ điều gì. Công việc nặng nhọc thô thiển trong đạo tràng ngài làm hết. Không một lời oán thán hay hối hận. Lần cuối cùng ngài biểu diễn cho mọi người xem, chẳng ai không bội phục, chẳng ai không tán thán. Đàm Hư pháp sư đem câu chuyện này viết trong Ảnh Trần Hồi Ức Lục. Lưu lại tiếng thơm cho muôn đời, để cho hậu thế đều biết đến ngài, đều nên học tập ngài. Nhất định không nên tham muốn hưởng thụ, không nên tham muốn hưởng an nhàn.

Trong Giới Kinh nói, Tỳ kheo thường mang ba phần bệnh. Bệnh đó không phải thật là đau bệnh, mà bệnh đó là bệnh khổ. Chính là trong sinh hoạt hằng ngày, ít nhất phải có ba phần khổ để cảnh tỉnh mình. Điều này chính là ngày nay nói ý thức lo lắng về được mất, chẳng thể không có. Hàng ngày chỉ biết đến hưởng thụ, khi thiên tai đến phải làm thế nào? Khi an nhàn phải nên nghĩ đến lúc đau khổ. Đây gọi là thường mang ba phần khổ. Con người sống trên thế gian nên như thế. Người thống trị quốc gia cũng không ngoại lệ. Khi thiên hạ thái bình an định phải nghĩ đến lúc bị thiên tai, phải nghĩ đến chiến tranh không nên sơ suất coi thường. Nên khai sáng sự nghiệp khó khăn, mà giữ nó càng khó hơn. Thành quả khai sáng sự nghiệp ta có thể giữ được chăng? Sự nghiệp này có thể truyền mãi về sau chăng? Không phải là việc dể dàng.

Ngày nay chúng ta được một điều là khoa học kỹ thuật phát triển, thù thắng hơn nhiều so với thời thời đại của pháp sư Đàm Hư. Pháp sư Đàm Hư lúc về già ở HongKong, viên tịch ở HongKong. Ngài thường giảng kinh, thính chúng trên dưới 100 người. Người HongKong bận kiếm tiền, nên rất ít nghe kinh. Thời gian tôi giảng kinh ở HongKong rất dài, nên tôi hiểu môi trường ở đó. Người HongKong nghe kinh rất kén chọn, nếu nói không hay họ không đến nghe. Không đến nghe thì thôi, đằng này còn gây phiền phức. Sau khi giảng xong đưa ra vài vấn đề để hỏi, nếu trả lời không được họ làm mất mặt giữa đại chúng. Môi trường ở đó là như vậy. Tôi vốn cũng không biết trước, biết rồi chắc không giám đến HongKong.

Sau khi đến HongKong, pháp sư Sướng Hoài nói với tôi về cảnh giảng kinh của Phật giáo HongKong và cảnh báo trước với tôi. Lúc tôi đến HongKong giảng kinh là 50 tuổi, năm 1977. Chúng tôi từ Đài Loan qua đó. Ông nói, pháp sư ông được coi là lớp trẻ, cũng chưa nổi tiếng, ít người biết đến. Thính chúng ở đây có một số người rất phiền phức, ông nên cẩn thận. Những người này đều là phần tử tri thức, có nghiên cứu Phật giáo, không phải người ngoài vào. Tôi đến giảng kinh Lăng Nghiêm. Đây là một bộ kinh lớn, cũng là bộ kinh mọi người rất thích. Lúc đó HongKong còn có một vị Thủ Lăng Nghiêm Vương là Nhân Hải pháp sư, hơn 90 tuổi. Tôi đến gặp ngài một lần, hình như hai năm sau ngài viên tịch. Suốt đời ngài chuyên nghiên cứu Lăng Nghiêm, chuyên giảng Lăng Nghiêm. Là chuyên gia về kinh Lăng Nghiêm, vậy mà tôi đến đó giảng Kinh Lăng Nghiêm.

Vị hoà thượng này chỉ có 6 người đệ tử theo học. Sáu người đệ tử này rất giỏi. Tiêu chuẩn mà hoà thượng thu nhận đệ tử là phải thuộc kinh Lăng Nghiêm. Chẳng những thuộc kinh văn mà còn phải thuộc chú giải. Ngài chọn chú giải cũng rất kỳ lạ, ngài chọn Lăng Nghiêm Kinh Văn Cú của Ngẫu Ích đại sư. Cả kinh văn và chú giải đều phải thuộc. Không thuộc ngài sẽ không nhận, nên đệ tử của ngài chỉ có 6 người. Thật là bậc cửa quá cao! Đây là một vị thầy tốt. Thật là thầy hay trò giỏi.

Trong số đệ tử của Hoà thượng, có ba người tôi quen. Cũng may lần đó là lần đầu tiên tôi rời Đài Loan, coi như là giảng kinh ở nước ngoài. Giảng đến bốn tháng vẫn chưa gặp phải khó khăn. Những người này cũng thường đến nghe tôi giảng kinh, nhưng không gây phiền phức. Không những thế còn mời tôi ăn cơm, mọi người đàm luận mấy vấn đề trong kinh Lăng Nghiêm. Thật không đơn giản. Gặp phải tình trạng này giảng kinh thật không dễ! Tôi tin rằng có người thích hỏi khó như vậy, chắc chắn sẽ thường gặp. Nếu tự mình chưa thuần thục về kinh giáo, không có công phu học tập thật sự, sẽ không dễ đối phó. Cho nên đầu tiên là phải thâm nhập một môn huân tu lâu dài, nên đem toàn tâm toàn ý an trú trong đó.

Thứ hai có nghĩa là “dẫn phát”. Những gì chúng ta nghĩ đều có thể mãn nguyện. Đây là gì? Cảm ứng của thiền định. Chỉ cần tâm thanh tịnh, thanh tịnh thì những gì ta nghĩ đến thật sự có cầu tất ứng, người thường cầu nguyện khó hiện thực. Như vậy là sao? Bởi tâm tư họ tán loạn. Tâm tán loạn rất khó có cảm ứng, tâm chuyên nhất mới thường có cảm ứng, rất ít khi không có cảm ứng.

Thứ ba là “biện sự”. Biện sự ở đây trong kinh Di Giáo Đức Thế Tôn nói: “chế tâm nhất xứ vô sự bất biện”. Chế tâm một chổ là thiền định. Ở trước chúng ta học là chỉ tâm nhất xứ, nhưng cùng một ý nghĩa. Chế tâm một chổ xử lý vấn đề rất dễ, vì tâm của mình không tạp không loạn. Thiền định ứng dụng vào trong công việc, ứng dụng trong sự vật hằng ngày, rất có kết quả. Thiền định không phải là ngồi xếp bàng xoay mặt vào trong vách. Xếp bằng xoay mặt vào vách như vậy nó không khởi tác dụng. Trong kinh giáo đại thừa nói: “na già thường tại định, vô hữu bất định thời”. Đi đứng ngồi nằm đều ở trong định. Mặc áo ăm cơm, đối nhân tiếp vật đều ở trong định.

Cuối cùng là Bát Nhã-Trí tuệ. Trí tuệ cũng có ba loại. Thứ nhất là “gia hạnh”. Giúp ta thâm nhập vào cảnh giới, nâng cao cảnh giới của chúng ta. Thứ hai là “Căn bản trí”. Căn bản trí là vô tri. Bát nhã vô tri đó là căn bản trí. Hậu đắc trí là căn bản trí khởi tác dụng, vô sở bất tri. Bát nhã vô tri vô sở bất tri. Chúng ta nên tu bằng cách nào? Tu căn bản trí trước, không thể tu hậu đắc trí trước. Tu hậu đắc trí trước sẽ không có nền tảng, như vậy hậu đắc trí đó là giả không phải thật. Học rộng hiểu nhiều là hậu đắc trí. Chúng ta học một đời, học mấy chục bộ kinh. Học một hai trăm bộ kinh, thông tông thông giáo. Nên biết rằng ta học đây là tri thức. Ta không có trí tuệ, không có định lực, không có lòng nhẫn nại.

Trong cuộc sống hằng ngày, gặp việc không vừa ý thường hay nổi giận. Điều này chứng tỏ ta không có căn bản trí. Căn bản trí chính là một môn thâm nhập huân tu lâu dài. Chân thật trí tuệ không khởi tác dụng. Quý vị thử nghĩ, giống như Đàm Hư pháp sư nói về ông Lưu, tám năm ròng rả đọc kinh Lăng Nghiêm. Kinh Lăng Nghiêm trong Phật giáo gọi là Lăng Nghiêm khai trí tuệ, Pháp Hoa thành Phật. Những điều này đệ tử Phật đều biết. Ông chuyên đọc một bộ Lăng Nghiêm suốt tám năm. Ông có năng lực gì siêu độ những linh hồn này? Căn bản trí. Khi nó khởi tác dụng chính là hậu đắc trí. Hậu đắc trí là vô sở bất tri. Phải có căn bản trí trước, sau đó mới cầu hậu đắc trí.

Điều này chính là nói, chúng ta khai ngộ một pháp môn, sau đó mới học các pháp môn khác, các kinh điển khác. Đây gọi là học rộng hiểu nhiều, rất dể dàng, vừa tiếp xúc là thấu suốt là thông đạt. Giống như Huệ Năng đại sư vậy. Căn bản trí là khai ngộ. Tam muội đã thuần thục, liền đại triệt đại ngộ. Tất cả kinh giáo, các pháp trong thế xuất thế gian vừa tiếp xúc liền thông đạt, vừa tiếp xúc liền thấu triệt. Đây gọi là hậu đắc trí. Nên khai trí tuệ, phải hiểu được phương pháp khai trí tuệ, phải hiểu con đường khai trí tuệ. Đó chính là tam học giới định tuệ.

Nên cắm rể từ trong giới luật. Trồng thiện căn, thiện căn sâu dày. Thiện căn sâu dày là từ trong giới luật mà có. Nhân giới được định. Định chính là thiền định, chính là tam muội. Định này đến một trình độ nhất định sẽ hoát nhiên đại ngộ. Đây chính là hậu đắc trí. Căn bản trí dẫn phát Phật pháp. Trong một bộ kinh chúng ta được căn bản trí, thấy tất cả pháp, nghe tất cả pháp, vừa nghe là thấu triệt. Đây là dẫn, dẫn Phât pháp của ta. Hậu đắc trí thật sự giúp chánh pháp cửu trú. Giúp tất cả chúng sanh học Phật. Chúng ta có năng lực giáo hoá chúng sanh. Chúng ta giáo hoá chúng sanh với Chư Phật Bồ Tát không có gì khác nhau. Cho dù không thể đại triệt đại ngộ, cũng đến giai đoạn đại ngộ.

Ngày xưa thầy Lý dạy tôi, học Phật cần phải phát đại bồ đề tâm. Tâm địa nhỏ không được, phải phát đại tâm. Tu học phải đem mục tiêu đặt vào trong giáo lý. Vì sao? Khi đã thông giáo lý thì tất cả pháp đều thông. Nhưng đây không phải là người thường làm được, mà là bậc thượng thượng căn. Thông lý chính là kiến tánh. Người thường là thượng trung hạ căn. Bậc trung và thượng căn, bất đắc dĩ phải yêu cầu là thông giáo nghĩa. Nghĩa là thông một bộ phận, ví dụ như Tịnh độ tông, tông phái này tôi đã thông nhưng các tông khác vẫn chưa được. Đây là giáo nghĩa. Nếu nói học một bộ kinh chỉ hiểu một bộ kinh, đây là bậc hạ hạ căn. Đối với bộ kinh này thì không sao, nhưng đổi bộ kinh khác thì không hiểu. Người này rất khó dạy. Thầy Lý giảng đạo lý này cho tôi. Tôi hiểu, tôi không phải là bậc thượng thượng căn. Mục tiêu của tôi là giữ vững giáo nghĩa.

Tôi học bộ kinh này, thì những kinh điển liên quan đến bộ kinh này tôi học rất dễ. Còn những phương pháp không liên quan đến bộ kinh này, tôi học rất khó khăn. Ở đây nói lên điều gì? Không phải bậc thượng thượng căn, nên biết căn tánh của mình để chọn pháp môn. Y theo pháp môn mà tu học, có thể nâng cao cảnh giới của mình lên đến hàng thượng thượng căn. Nên kiến lập Phật sự. Phật sự là chánh pháp cửu trú, hoằng pháp lợi sanh.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

HẾT TẬP 302

# Tập 303

Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư
Chuyển ngữ: Hạnh chơn
Biên tập: Minh Tâm
Thời gian: ngày 25 tháng 02 năm 2011
Địa điểm: Tịnh Tông Học Viện \_Úc Châu

 Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Mời quý vị xem “Đại Thừa Vô Lượng Thọ kinh giải”, trang 354, hàng thứ ba đếm từ dưới lên. Chúng ta bắt đầu xem từ câu cuối cùng.

 *“Thử lục độ, nãi Bồ Tát cứu cánh tự tha kiêm lợi chi đại hạnh, năng đáo niết bàn bỉ ngạn”.* Câu này nói rỏ Đức Phật đưa ra sáu khoa mục này, chính là lục ba la mật. Sáu khoa mục này là Bồ Tát, Bồ Tát trong quốc độ của tất cả chư Phật trong mười phương ba đời, chứ không riêng ai, tất cả đều thành tựu lục độ này. Họ đều đạt đến cứu cánh tự lợi và lợi tha. Chúng ta phân khai ra đọc mọi người sẽ rỏ ràng hơn. Cứu cánh tự lợi và cứu cánh lợi tha, đây là đại hạnh của chư Phật Bồ Tát. Có thể giúp chính mình đạt đến niết bàn bỉ ngạn. Đây chính là chứng được quả vị Phật cứu cánh viên mãn, cũng có thể giúp người khác đạt được niết bàn bỉ ngạn. Lời này nói quá tuyệt.

 Trong Phật pháp đại thừa chúng ta cần phải biết, không những lục đạo là mang bệnh, mà tất cả chúng sanh trong lục đạo đều là mang bệnh. Đến tứ thánh pháp giới, họ cũng không phải mạnh khoẻ thật sự, toàn là người bệnh. Nên đức Phật là đại y vương. Trong kinh Đức Phật thường nói, Phật dùng thuốc gì để trị bệnh cho mọi người? Chính là dùng Thập thiện, Tam quy, Ngũ giới, thập giới, Lục ba la mật. Đây là phương thuốc của Phật, là liều thuốc pháp. Pháp trị liệu của y học trên thế gian dù có hay, bác sĩ dù tài giỏi đến đâu thì trị bệnh cũng chỉ có thể trị ngọn, không thể trị gốc. Trị gốc là sao? Liễu sanh thoát tử ra khỏi tam giới, đây mới gọi là trị gốc. Chỉ có Phật mới có thể trị gốc, Phật pháp là gốc ngọn đều trị.

 Quý vị xem Bồ Tát tu lục độ, điều kiện cơ bản ở trước đã nói. Tại sao chúng ta không tu được? Đương nhiên là tu không thành. Vì sao? Vì không đủ điều kiện cơ bản. Điều kiện cơ bản là viễn ly bốn tướng. Tu tất cả thiện pháp, tất cả thiện pháp chính là lục độ, lục độ chính là tất cả thiện pháp. Chúng ta chưa rời tứ tướng! Thực tế thì Tịnh Độ tông có phương pháp rất tuyệt diệu, nhưng người tin quá ít, người không tin lại nhiều. Tuyệt diệu của Tịnh độ tông ở chỗ nào? Tuyệt diệu ở câu Nam Mô A Di Đà Phật. Câu Phật hiệu này ở trước chúng tôi giảng rất nhiều, nói rất tường tận. Câu Phật hiệu này triễn khai ra chính là 48 nguyện. Triển khai 48 nguyện chính là Kinh Vô Lượng Thọ. Triển khai Kinh Vô Lượng Thọ chính là Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm. Triển khai Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm chính là vô tận pháp môn mà tất cả chư Phật trong ba đời mười phương đã nói. Đem nó rút gọn lại thành một câu Phật hiệu.

 Ta chỉ cần niệm câu danh hiệu Phật này, chính là đã tu hết vô lượng vô biên vô tận vô số pháp môn mà tất cả chư Phật trong mười phương ba đời đã nói, không sót pháp môn nào. Như vậy mà không tuyệt diệu sao? Quá tuyệt diệu! Ai tin điều này? Đáng tiếc là không ai tin. Người tin điều này phước báo rất lớn. Người tin tưởng sẽ niệm rốt ráo câu Phật hiệu này. Tôi dạy người khác còn thêm một bộ kinh. Vì sao còn thêm một bộ kinh? Vì lòng tin chưa đủ. Chưa hoàn toàn tin tưởng kinh Vô Lượng Thọ cũng không sao. Trình độ tin tưởng chưa đủ, tôi dạy quý vị đọc kinh. Đọc kinh giúp quý vị chánh tín, giúp kiên định nguyện vọng cầu sanh tịnh độ. Quý vị nên biết thế giới Cực Lạc rất vi diệu. Ở đó không có thiên tai, là môi trường tu học tốt nhất trong biến pháp giới hư không giới.

 Đức Thế Tôn thuyết pháp suốt 49 năm, nhưng chưa từng nghe ngài nói thế giới Cực Lạc có đau bệnh, có người bị bệnh, chưa từng nghe qua. Thế giới Cực Lạc có người chết, cũng chưa từng nghe qua. Không có đau bệnh, không có tử vong.

 Ở sau sẽ nói đến Đàm Loan Pháp sư giới thiệu cho chúng ta 17 loại y báo trang nghiêm, 8 loại chánh báo của thế giới Cực Lạc. Những điều này chúng ta đều phải biết rõ ràng, vì sao ta niệm Phật A Di Đà? Vì sao cầu sanh thế giới tây phương Cực Lạc? Thì sẽ hiểu. Trước tiên là chính mình hiểu. Chính mình chưa hiểu sẽ sinh ra tham luyến thế gian này, không buông bỏ được! Không có gì khác ngoài tham luyến và tình chấp.

 Viễn ly bốn tướng, tu lục độ này là đúng. Chúng ta dùng phương pháp gì để buông bỏ bốn tướng này? Tôi nói với quý vị, chỉ một câu Nam Mô A Di Đà Phật là có thể buông bỏ. Thật sự y theo phương pháp của Bồ Tát Đại Thế Chí “đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương tục”, niệm liên tục năm ba năm tự nhiên sẽ buông bỏ bốn tướng. Không nghĩ đến buông bỏ, không cố ý buông bỏ nó, nhưng tự nhiên buông bỏ, không còn nữa. Trong lòng không còn nghĩ đến ta. Phước báo của ta, bệnh tật của ta, thân thể của ta, không còn nghĩ đến những điều này nữa. Vì sao? Hoàn toàn nghĩ đến Phật A Di Đà, những thứ tạp loạn này tất cả đều không còn. Trong tâm chỉ có Phật A Di Đà. Phật A Di Đà là toàn bộ tâm niệm của ta. Đây chính là thật sự để Phật A Di Đà trong lòng, những thứ khác đều như mây như khói. Như vậy là đồng tâm với Phật A Di Đà.

 Đọc bộ kinh này, đọc 48 nguyện là đồng nguyện với Phật A Di Đà. Đồng tâm đồng nguyện thì làm gì có chuyện không vãng sạnh! Cảnh giới vãng sanh tuyệt đối không phải ở cõi đồng cư, cũng không ở cõi phương tiện, mà trực tiếp sanh vào cõi thật báo trang nghiêm. Đây là điều mà ngay trong đời này chúng ta có thể làm được, vậy tại sao không làm? Không cần thời gian quá dài. Năm ba năm đến 10 năm nhất định có thể làm được. Nếu thật sự lập đại nguyện này, cứ nhắm theo một phương hướng, một mục tiêu mà đi lên. Như vậy thì Phật A Di Đà ngày ngày đều ở bên cạnh chúng ta. Ngài quan tâm đến chúng ta, Chư Phật Như Lai hộ niệm, Thiên Long Thiện Thần gia hộ. Là việc tốt nhất trong thế xuất thế gian tại sao lại không cần? Chỉ muốn suốt ngày suy nghĩ này kia, còn tự cho là đúng. Như vậy là sai!

 “*Bồ Tát tự hành thử pháp, diệc dĩ thử giáo đạo lợi ích chúng sanh”.* Triển khai lục độ chính là 8400 pháp môn, là vô lượng pháp môn. Nếu hoàn toàn từ trong pháp đại thừa để nói về bố thí, thì bố thí là buông bỏ. Phải buông bỏ tham sân si mạn nghi, buông bỏ vọng tưởng tập khí. Điều này trong pháp đại thừa gọi là pháp hợp, tức là pháp và đại thừa hợp lại.

 Giới luật chính là oai nghi hữu tắc mà Hiền Thủ Quốc Sư nói trong tứ đức. Trì giới là gì? Là làm tấm gương tốt nhất để người noi theo. Khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác đều làm tấm gương tốt cho tất cả chúng sanh. Tấm gương gì? Gương của Bồ Tát, gương của người tu hành chân chánh.

 Nhẫn nhục chính là lòng nhẫn nại. Kiên trì vĩnh viễn không biến chất, vĩnh viễn không đổi thay, vĩnh viễn không mất đi.

 Tinh tấn, tinh là thuần mà không tạp. Chỉ có một phương hướng, một mục tiêu. Một môn thâm nhập huân tu lâu dài chính là tinh tấn. Một môn thâm nhập là tinh, huân tu lâu dài là tấn.

 Thiền định là tâm không tạp niệm. Tâm thanh tịnh luôn hiện tiền. Như vậy trí huệ sẽ khai mở. Trí tuệ mới thật sự là chánh pháp cửu trú. Bắt đầu thực hành ngày từ bản thân, chánh pháp của chính mình cửu trú. Chánh pháp của mình và chánh pháp của Như Lai là một không phải hai. Như vậy mới có thể phổ độ chúng sanh. Đây là trí tuệ khởi tác dụng. Nên nói Bồ tát tự hành trì pháp này, và cũng lấy pháp này để giáo hoá lợi ích chúng sanh.

 “*Cố tục vân giáo hoá an lập chúng sanh”*. Hội Sớ giải thích *“dĩ đạo thọ tha vi giáo”.* Đem con đường thành Phật để truyền thụ cho tha nhân gọi là giáo. *“Chuyển ác thành thiện vi hoá*”. Thầy dạy chúng ta. Dạy rồi, mà chúng ta đã hoá chưa? Nên chúng ta thường nói giáo dục, dạy học. Nhà Phật gọi là giáo hoá. Giáo hoá ý nghĩa rất thâm sâu! Giáo mà không hoá, tức không có nhận được hiệu quả. Hoá chính là chuyển ác thành thiện, chuyển tà thành chánh, chuyển phàm thành thánh. Thật sự có thay đổi, như vậy công đức của “giáo” đã xuất hiện. Tại sao chúng ta hàng ngày học vẫn mà không có thay đổi? Có thay đổi. Nhưng không phải thay đổi theo phương hướng tốt, mà thay đổi theo hướng xấu. Càng thay đổi thì càng đi xa. Nguyên nhân gì vậy? Chưa xa rời bốn tướng, nên không thể thay đổi như chư Bồ Tát. A la hán thành Bồ Tát, Bồ Tát thành Phật. Đó là thay đổi theo chiều hướng tốt. Vấn đề của chúng ta là chưa buông bỏ. Chưa buông bỏ bản ngã, chưa buông bỏ cái đối lập. Chưa buông bỏ mâu thuẫn, chưa buông bỏ xung đột. Cho nên học cách nào cũng không học được như các vị Bồ Tát.

 Nên chúng ta từ viễn ly bốn tướng mà suy rộng ra. Buông bỏ tự ngã, buông bỏ đối lập, buông bỏ mâu thuẫn, buông bỏ xung đột. Thật sự khẳng định nhận biết biến pháp giới hư không giới và mình là nhất thể.

Lão Tử nói, trời đất với ta đồng căn, vạn vật với ta là một thể. Gần gũi với tất cả chúng sanh, tương thân tương ái. Quan tâm và thương yêu chúng sanh rất tự nhiên. Quan tâm tất cả chúng sanh, toàn tâm toàn ý giúp chúng sanh. Đây là Bồ Tát hạnh. Nên mới có thể chuyển. Chuyển ác thành thiện, chuyển mê thành ngộ, chuyển tà thành chánh, chuyển phàm thành thánh, mới có thể chuyển được. Không như vậy thì không sao chuyển được.

*“Dẫn đạo chúng sanh an trú chánh đạo”.* Nếu con người trên quả địa cầu này ngày nay, mổi người đều an trú vào kinh Vô Lượng Thọ, án trú vào Phật A Di Đà, thì không có thiên tai nào hết. Thân thể bất luận có bệnh tật gì, bệnh ung thư, bệnh không trị được. Tự nhiên nó sẽ lành, phục hồi như thường. Điều này trong kinh Di Giáo Phật nói, chế tâm một chổ, không việc gì không làm được. Ở trước chúng ta có đọc đến chỉ tâm một chổ, ý nghĩa hoàn toàn tương đồng với kinh Di Giáo.

 Trang 351, hàng thứ hai từ dưới đếm lên có câu: “chỉ tâm nhất xứ”. Tâm chúng ta hiện nay là tâm tán loạn, từ sáng đến tối suy nghĩ lung tung. Chỉ tâm nhất xứ là gì? Tôi dừng lại ở nơi Phật A Di Đà. Suy nghĩ hay khởi tâm động niệm toàn là Phật A Di Đà. Ngoài Phật A Di Đà ra thì không có gì nữa. Như vậy gọi là chỉ tâm một chổ. Cái ta không còn, ta chính là Phật A Di Đà, Phật A Di Đà chính là ta. Được như vậy thì không có gì chẳng làm được. Những gì Phật A Di Đà làm được thì ta cũng làm được .

 Bộ kinh Vô Lượng Thọ này nói gì? Chẳng phải đang nói chính mình đó sao, không hề nói đến người khác. Đây là thật không phải giả. Cho nên dẫn dắt chúng sanh an trú vào trong chánh đạo. “*Kiến lập đại tâm*”. Đại tâm chính là Kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ, chính là Nam Mô A Di Đà Phật. Đây gọi là an trú. An là bình an, là bình đẳng an trú. An là vĩnh viễn không có thiên tai, không có nguy hiểm.

 *“Cái đại sĩ dĩ lục độ giáo đạo dữ nhiếp thọ chúng sanh, sử chi chuyển ác thành thiện, phát khởi đại tâm”.* Kiến lập đại tâm chính là phát tâm đại bồ đề. Phát tâm cầu sanh tịnh độ, phát tâm thân cận Phật Di Đà tức là an trú chánh đạo. Kinh Vô Lượng Thọ chính là chánh đạo. *“Thử đạo phi thị tiểu đạo, cái vi vô thượng chân chánh chi đạo. Vô thượng giả, vô hữu cánh năng thắng qua chi giả”.* Trong Phật pháp đạt đến đỉnh cao, thì không có gì cao hơn điều này. Đây là điều không thể không biết. Không tìm được phương pháp cao hơn nữa. Phương pháp này Đức Thế Tôn và tất cả Chư Phật Như Lai giới thiệu cho chúng ta, từ một ngày cho đến bảy ngày là thành công. Quí vị tìm xem phương pháp nào có thể khiến ta thành công trong vòng từ một ngày cho đến bảy ngày? Bậc thượng thượng căn một ngày sẽ thành công. Người độn căn bảy ngày cũng có thể thành công. Có phương pháp nào cao hơn phương pháp này chăng? Có phương pháp nào chắc chắn hơn phương pháp này chăng? Có phương pháp nào dể hơn phương pháp này chăng? Không tìm thấy. Càng thù thắng thì càng dể. Pháp xuất thế gian như vậy, pháp thế gian cũng như vậy.

 Ở Trung quốc, gốc rể lớn của học thuật Trung quốc có bộ kinh gọi là Kinh Dịch. Kinh Dịch là căn bản của học thuật Trung quốc, những cũng dể! Không khó. Pháp xuất thế gian phàm phu thành Phật cũng dể. Cũng có một bộ Kinh Dịch. Kinh dịch này là gì? Chính là kinh Vô Lượng Thọ. Dể hơn nữa là tiểu bổn Kinh A Di Đà, cũng là Kinh Dịch. Từ thời ngài Huệ Viễn đại sư đến nay, y theo Kinh A Di Đà tu hành vãng sanh chứng quả không biết bao nhiêu người! Người y theo kinh Vô Lượng Thọ không nhiều. Vì sao? Kinh Vô Lượng Thọ chưa có bản hay. Xem hết năm bản thì quá phiền phức, nên mọi người đều học Kinh A Di Đà. Kinh A Di Đà, nhất là được Sớ Sao của Liên Trì đại sư, Yếu Giải của Ngẫu Ích đại sư là đầy đủ rồi.

Đại sư Liên Trì và đại sư Ngẫu Ích thực sự đã nói ra hết tinh tuý của Kinh Di Đà. Những điều này trước đây chúng ta đã học, không chỉ học một lần. Cho nên con đường này là con đường chơn chánh vô thượng. Chúng ta ngày nay cầm được trên tay mà cũng không biết, không nhận ra giá trị của nó, thật đáng tiếc! Con đường chơn chánh vô thượng đang ở trong tay, mà cứ đi cầu bàng môn tả đạo, như vậy có tiêu đời hay không. Như vậy là sao? Chứng tỏ chúng ta chưa đủ lòng tin. Vì sao lòng tin không đủ? Không nhận ra chân giá trị. Cứ cho rằng có con đường khác tốt hơn, con đường khác có thể giúp ta thành tựu.

 Về việc này Liên Trì Đại sư đã nói rất hay, ngài nói Tịnh độ tông chánh và phụ song tu. Niệm Phật A Di Đà là chánh tu, vậy dùng điều gì để làm trợ tu? Vẫn là dùng cách niệm Phật A Di Đà để là trợ tu. Liên Trì đại sư nói, chánh và phụ đều là Phật A Di Đà, không nên đi tìm cái gì khác nữa. Nói rất hay! Ngài nói rất tuyệt diệu.

 Trong Tịnh Độ Luận Chú nói *“Vô thượng giả, thử đạo cùng lý tận tánh, cánh vô quá giả”.* Lý, người bây giờ gọi là chân lý. “Cùng lý”, cùng là đạt đến cứu cánh. Đối với lý này đã đạt đến cứu cánh. Tánh, tánh cũng là lý. Tánh là bổn tánh, là chân như tự tánh. Tận tánh, ta chứng không phải là cục bộ, không phải là phiến diện. Những gì ta chứng được là toàn thể của tự tánh. Đây gọi là cùng lý tận tánh. “Cánh vô quá giả” tức là có muốn vượt qua nó cũng không có. Không có gì có thể vượt qua. Phật Phật đạo đồng. Bồ Tát chứng được diệu giác vị chính là cảnh giới này, cùng lý tận tánh, là quả vị diệu giác. Người chứng được quả vị này trú ở đâu? Trú ở thường tịch quang, không phải ở cỏi thật báo trang nghiêm. Cùng lý tận tánh trong cỏi thật báo trang nghiệm chưa được viên mãn, còn thiếu một chút. Thật sự đến cứu cách viên mãn, “cánh vô quá giả”, họ chính là diệu giác cực quả mà trong kinh Hoa Nghiêm nói, là quả vị cứu cánh. Họ không ở cõi thật báo mà ở cõi thường tịch quang. Cõi thật báo cũng không thấy nữa.

 Bồ Tát trong cõi thật báo là pháp thân Bồ Tát. Chỉ có tập khí vô thỉ vô minh tồn tại, ngoài ra không có gì cả. Họ cần sự giúp đở của diệu giác Phật quả. Có ý niệm này, đó chính là cảm, thì Như Lai trong cõi thường tịch quang liền có ứng. Ứng như thế nào? Ứng là nhất định hiện cõi báo, hiện thân pháp tánh, cõi pháp tánh, hòa quang đồng trần với họ, làm tấm gương cho họ tu học. Đây là pháp thân đại sĩ trong cỏi báo. Trên cảm ứng đạo giao với chư Phật. Dưới không cần phải nói, là cảm ứng với chúng sanh trong mười pháp giới. Chúng sanh có cảm, Phật Bồ Tát liền có ứng. Đạo lý cảm ứng, hiện tượng cảm ứng, phương tiện thiện xảo cảm ứng chúng ta không sao nghĩ lường được, không cách nào tưởng tượng, không sao nói được.

 Chúng sanh trong pháp giới vi trần có cảm. Các ngài có ứng không? Vẫn ứng như thường. Các ngài ứng trong vi trần pháp giới, vi diệu viên dung đến cùng cực. Những thông tin này trong bộ kinh này nói lộ ra hết. Ý nghĩa của bộ kinh này rộng sâu vô cùng tận, không có tường tận. Chính là “tự tánh đương nhơn”. Đương nhơn là gì? Là tự tánh của chính chúng ta. Do tâm tánh của Phật Di Đà biến hiện ra, cũng chính là tâm tánh của chính chúng ta biến hiện ra. Tự tánh của chúng ta với tự tánh của Phật A Di Đà là một không phải hai. Học đại thừa, học Tịnh độ mà không có nhận biết này, thì không thể đi sâu vào cảnh giới được.

 *“Hựu Hoa Nghiêm Đại Sớ Sao”,* chính là sớ sao của ngài Thanh Lương, quyển thứ 13,*“thuyết vô hữu năng quá giả, cố hiệu vi vô thượng”.* Đặc biệt giải thích như thế nào gọi là vô thượng. Không có gì có thể vượt qua, nó đã đến đỉnh điểm, nên gọi là vô thượng. *“Chân giả, chân thật, vô mê vô vọng”.* Không đơn giản! Như thế nào gọi là chân thật? Là không mê, hoàn toàn giác ngộ là chân. Tuyệt đối không còn hư vọng tức là thật. *“Chánh giả, ư lý vô sai viết chánh”.* Chân lý mà ta nhìn thấy không sai lầm, không thiên lệch gọi là chánh. *“Hựu vô tà vô khúc viết chánh*”. Trong này không có tà vạy gọi là chánh.

 *“Hựu thiền môn giải chánh pháp nhãn tạng trung chi chánh tự viết. Chánh giả, thị Phật tâm chi đức danh”.* Giải thích này càng có ý nghĩa hơn nữa. Như thế nào là chánh? Chánh là Phật tâm. *“Thử tâm triệt kiến chánh pháp, cố vân chánh pháp nhãn”.* Thấy chánh pháp không phải là nhục nhãn, không phải nhãn thức, không phải là ý thức, cũng không phải A lại da. Chúng đều không nhìn thấy. Là chân như tự tánh. Phật tâm chính là tâm giác, là bổn giác của chúng ta. Trong Đại Thừa Khởi Tín Luận Bồ Tát Mã Minh nói “Bản giác bổn hữu, bất giác bổn vô”. A lại da là bất giác. Nói cách khác, tà tri tà kiến vốn không có. Mê vọng tà vạy trong tự tánh cũng không có. Những thứ này là thứ thuộc về A lại da, không liên quan đến tự tánh.

 Chúng ta mê, nhưng mê ở đâu? Mê ở chổ có tự tánh mà không biết dùng, hoàn toàn để A lại da làm chủ. A lại da sắp đặt chúng ta trong lục đạo luân hồi và luân chuyển theo nó. Tự tánh được ví như chủ nhân, A lại da được ví như người làm trong nhà. Bây giờ đã hoàn toàn điên đảo, người ở trở thành làm chủ. Nó sắp đặt lục đạo rồi kêu chủ nhân đến đó. Thật sự là như vậy. Chủ nhân là thật, người hầu là giả. Chúng ta đã sai một cách kỳ quặc. Không có giáo huấn của Phật Bồ Tát, thì chúng ta vĩnh viễn là mê mà không giác. Chư Phật Bồ Tát đánh thức dạy, chúng ta mới biết chân tướng sự thật. Tuy biết chân tướng sự thật, nhưng người ở làm chủ đã quen, nên hình như ngay lập tức chưa thể thay chuyển được. Đây chính là vì sao học nhiều năm như vậy, mà tập khí này vẫn không thay đổi. Đạo lý chính là ở chỗ này.

 Làm sao? Biện pháp duy nhất chính là chúng ta huân tập, thời gian huân tập chánh pháp quá ngắn, sức mạnh quá yếu. Nghe lời nô tỳ quá lâu, nên cho rằng họ mới thật là chủ nhân. Có người nói với chúng ta, nghe rồi nhưng không tin nên không thay đổi được, nên vẫn cứ nghe chỉ huy của nô tỳ. Nghe theo sắp xếp và chịu sự khống chế của nó. Như Lai gọi là người đáng thương. Mình vốn là một vị Phật tại sao lại trở thành như vậy. Quý vị thử nhĩ xem, như vậy không đáng thương sao? Khi nào mới tĩnh lại? Điều này phải nhờ vào sự huân tu lâu dài. Từ từ phải nên hiểu rỏ ràng minh bạch. Nếu thật sự đã thấu triệt, sẽ hoàn toàn thay đổi. Nói cách khác, triệt kiến chánh pháp. Triệt kiến chánh pháp, tông môn gọi là minh tâm kiến tánh. Chưa thật sự thay đổi thì không được. Đây gọi là chánh pháp nhãn, giáo môn cũng gọi là chánh pháp nhãn. Tông môn gọi là chánh pháp nhãn tạng cũng cùng một ý nghĩa.

 “Đạo” bên dưới giải thích chữ đạo này. Đạo có hai nghĩa. Thứ nhất “Năng thông vi nghĩa”, giống như con đường của chúng ta. Đạo lộ nghĩa là có thể thông, từ khu đất A thông đến khu đất B, từ khu đất B thông đến khu đất C. Đạo lộ có nghĩa là dẫn dắt. Chúng ta từ phàm phu có thể thông đến Bồ Tát, từ Bồ Tát có thể thông đến Phật. Đây cũng gọi là đạo.

 *“Câu Xá Luận nhị thập ngũ vân, đạo nghĩa vân hà”.* Chữ đạo này có nghĩa là gì? *“Vị niết bàn lộ, thừa thử năng vãng niết bàn thành cố”.* Niết bàn thành là ví dụ. Con dường niết bàn là đường gì? Là Phật đạo, là con dường thành Phật. Đi theo con đường này, thì nhất định sẽ đến niết bàn thành. Nghĩa là ta nhất định có thể chứng được đại bát niết bàn. Đại bát niết bàn là thành Phật, tiểu niết bàn là thành A la hán.

Tịnh tông là con đường lớn. Con đường này ở đâu? Chính là một câu danh hiệu, sáu chữ hồng danh. Quý vị cần nên hiểu, trong sáu chữ hồng danh, hàm nhiếp viên mãn Bồ Tát đạo. Cũng chính là những điều Bồ Tát cần tu, đều có đủ trong đó. Nhất tâm chuyên tu không có tạp niệm, giống như Bồ Tát Đại Thế Chí nói “đô nhiếp lục căn”. Đô nhiếp lục căn chính là buông bỏ vạn duyên. Tịnh niệm tương tục, chính là một câu Phật hiệu. Trong câu Phật hiệu này cần phải tịnh, dùng tâm thanh tịnh. Tịnh là gì? Không có hoài nghi, không có xen tạp. Có hoài nghi là lòng tin không chính. Có xen tạp là hoàn toàn phá hoại công phu niệm Phật của mình. Vì sao ta niệm Phật? Mục đích niệm Phật của ta là gì? Mục đích niệm Phật là hy vọng thông đến niết bàn thành. Tạp niệm xen vào thì niết bàn thành không thể đến được, công phu hoàn toàn bị nó phá hoại. Cho nên không được có tạp niệm, không được có hoài nghi. Nên thâm nhập một môn huân tu lâu dài. Điều này mới thật sự giúp chúng ta. Nên vứt bỏ ý niệm hoài nghi và lo lắng, vứt bỏ tạp niệm, tam muội liền hiện tiền. Đây gọi là niệm Phật tam muội. Niệm Phật tam muội cũng gọi là nhất tâm bất loạn. Công phu sâu cạn bất đồng. Tịnh Độ tông nói đến ba đẳng cấp. Thượng Phẩm, lý nhất lâm bất loạn. Trung phẩm, sự nhất tâm bất loạn. Hạ phẩm gọi là công phu thành phiến. Trong mổi cấp bậc lại phân ra rất nhiều cấp bậc khác nhau.

 Đọc tụng kinh Vô Lượng Thọ và nhất tâm niệm Phật, sẽ giúp ta nâng cao, cấp bậc này không ngừng nâng cao. Nếu bốn tướng chưa buông bỏ mà bị bên ngoài mê hoặc sẽ rất dể bị thoái tâm, tâm rất dể thay đổi. Lại đi vào vòng của danh văn lợi dưỡng, lại lẫn quẩn trong các pháp thế gian. Như vậy thì thật đáng tiếc. Nói cách khác, chúng ta lại trở về trong luân hồi lục đạo, bị lạc mất con đường niết bàn. Trong Hoa Nghiêm Sớ Sao nói con đường thông đến quả vị Phật gọi là đạo.

 Nghĩa thứ hai *“Niết bàn chi thể, bài trừ chư chướng, vô ngại tự tại, vị chi đạo”.* Cách nói này cũng rất hay. Thể của niết bàn, tự thể của niết bàn là vô ngại tự tại. Nó không có chướng ngại, nhưng bây giờ đã có chướng ngại. Chướng ngại gì? Có ba loại phiền não chướng: Vô minh phiền não, kiến tư phiền não, trần sa phiền não. Trong kinh Hoa Nghiêm đổi danh từ, gọi là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Vọng tưởng chính là vô minh phiền não. Phân biệt chính là trần sa phiền não. Chấp trước chính là kiến tư phiền não. Mổi loại đều là vô lượng vô biên nói không cùng tận. Những tập khí phiền não này trong tự tánh hoàn toàn không có. Nên nói thể của niết bàn không có phiền não.

 Chúng ta buông bỏ hết những phiền não này thì thể của niết bàn liền xuất hiện, nó sẽ hiện tiền. Thể của niết bàn, ngôn ngữ của chúng ta không cách nào diễn tả hết được, không nói ra được. Tâm tư chúng ta không cách nào nghĩ ra được, không thể nào nghĩ đến được. Đây là thật. Thể của niết bàn trong triết học gọi là bản thể của vũ trụ vạn hữu. Từ xưa đến nay các nhà khoa học đều nghiên cứu, cho đến bây giờ cũng không thể nói ra được. Bản thể rốt cuộc là gì? Có rất nhiều cách nói, nhưng đều không thể khiến người ta tâm phục khẩu phục. Chỉ có trong kinh điển đại thừa dùng thể của niết bàn để hình dung nó.

 Thật ra đây là thể tánh, chính là tự tánh. Vì sao không thể nói? Vì sao không thể nghĩ? Vì nó không có hình tướng. Trong Tịnh độ tông dùng thường tịch quang để hình dung. Thường là vĩnh hằng bất biến, bất sanh bất diệt. Tịch là thanh tịnh bất động. Ngài Huệ Năng nói, “đâu ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh’. Nói về thanh tịnh. Câu thứ tư ngài nói, “’đâu ngờ tự tánh vốn không dao động’, chính là bất động. Xưa nay chưa từng động, là thanh tịnh. Câu thứ hai là nói bất sanh bất diệt. Toàn bộ là nói đến thể của niết bàn. Ngài còn nói câu thứ ba, “đâu ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ”. Trong thể này nó vốn là như vậy. Nó tuy không có gì nhưng lại có tất cả, chỉ là nó không hiện ra. Nó không hiện, nhưng cái gì nó cũng có.

 Trong kinh Pháp Hoa Đức Thế Tôn đem bổn tự cụ túc nói ra một cách cụ thể. Ngài nói tất cả chúng sanh đều có trí tuệ đức tương của Như Lai. Đây chính là đem câu “đâu ngờ đâu tự tánh vốn tự đầy đủ” của ngài Huệ Năng nói ra một cách cụ thể. Nó đầy đủ điều gì? Đầy đủ trí tuệ, đầy đủ đức năng, đầy đủ tướng hảo. Nó vốn tự đầy đủ. Nhưng ba loại này trong tánh đức không tìm thấy. Năm căn nhãn nhĩ tỷ thiệt thân không cách nào tiếp xúc được nó. Nó không phải hiện tượng vật chất, nên không tiếp xúc được. Cũng không phải hiện tượng tự nhiên. Ta dùng tâm tư để nghĩ cũng không sao nghĩ được. Vì sao? Bởi nó không phải hiện tượng tinh thần. Tư tưởng của chúng ta đối với hiện tượng tinh thần có thể với tới được.

 Nhãn nhĩ tỷ thiệt thân đối với hiện tượng vật chất có thể với tới được. Nhưng nó không phải, nó không có hiện tượng. Chúng ta đem toàn thể vũ trụ quy nạp thành ba loại lớn: hiện tượng tự nhiên, hiện tượng vật chất, hiện tượng tinh thần. Nhưng nó không phải ba hiện tượng này, nên khoa học không thể biết được. Như vậy làm sao biết nó tồn tại? Trong kinh nói “duy chứng phương tri”. Chứng được cảnh giới đó thì tự nhiên sẽ biết, sẽ thấu triệt. Chứng bằng cách nào? Buông bỏ chướng ngại sẽ chứng được. Nếu ba loại chướng ngại này không buông bỏ thì vĩnh viễn không nhìn thấy nó.

 Trừ bỏ các chướng sẽ thấy được, sẽ nhìn thấy. Vọng tưởng là khởi tâm động niệm. Nói cách khác, không khởi tâm không động niệm, không phân biệt không chấp trước sẽ nhìn thấy. Không chấp trước là công phu thiền định của A la hán, chính là cửu thứ đệ định, gồm tứ thiền, tứ vô sắc và diệt thọ tưởng định. Tứ thiền bát định không được. Trong tứ thiền bát định vẫn còn chấp trước. Hoàn toàn không chấp trước là định thứ chín\_gọi là diệt thọ tưởng định. Định của Bồ Tát cao hơn A la hán rất nhiều, nhất là đại Bồ Tát. Định đến cứu cánh viên mãn gọi là tự tánh bổn định. Trở về với tự tánh chính là kiến tánh. Chưa trở về với tự tánh sẽ không nhìn thấy tánh.

 Nên biết tự tánh không phải vật chất, không phải tinh thần, cũng không phải hiện tượng tự nhiên. Nó là bản thể, có thể sanh ra vạn pháp. Vũ trụ do nó sanh ra, thân này của ta là nó sanh ra. Trong Phật pháp nói thân của chính mình là chánh báo, tất cả những thứ ngoài thân đều gọi là y báo. Những thứ này giống như giấc mộng vậy. Mọi người đều có kinh nghiệm nằm mộng, thử suy nghĩ xem lần nằm mộng nào không có mình trong đó? Có ai có hiện tượng này, nằm mộng mà không có mình trong đó? Như vậy không thể nằm mộng, trong mộng nhất định có ta. Ta là chánh báo, trong mộng thấy rất nhiều người đó là y báo của ta, đó không gọi là chánh báo. Là do ý thức của ta biến hiện ra.

 Trong cảnh mộng của tôi có quý vị, trong cảnh mộng của quý vị có tôi. Người nào có mộng của người đó. Nên Chư Phật Bồ Tát thấy rất rỏ ràng thấu triệt. Mười pháp giới y chánh trang nghiêm, tự làm tự chịu. Nếu trách người khác đó là sai hoàn toàn. Tất cả đều là do tự tánh biến hiện. Tất cả pháp từ tâm tưởng sanh, không phải từ tâm tưởng người khác sanh ra. Từ tâm tưởng của chính mình sinh ra không liên quan đến người khác. Chúng ta cảm tạ Phật Bồ Tát, cảm ân Phật Bồ Tát. Chư Phật Bồ Tát nói cho ta nghe về chân tướng sự thật này ta mới hoát nhiên đại ngộ. Chúng ta muốn đạt đến cảnh giới Chư Phật Bồ Tát thì nên nghe lời, trừ bỏ các chướng ngại. Buông bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Buông bỏ là kiến tánh.

 Kiến tánh là cảnh giới như thế nào? Vô ngại tự tại. Không có chướng ngại, được đại tự tại. Vô ngại tự tại chính là thành Phật, chính là minh tâm kiến tánh. Kiến tánh thành Phật gọi là đạo. Đây là nghĩa thứ hai của đạo. Vẫn là nói con đường thành Phật.

 *“Niết Bàn Vô Danh Luận viết”.* Là cuốn Niết Bàn Vô Danh Luận. Lão Tử nói “Danh khả danh, phi thường danh. Đạo khả đạo, phi thường đạo”.

 *“Phu niết bàn chi danh đạo dã, tịch miêu hư khoáng, bất khả dĩ hình danh đắc. Vi diệu vô tướng, bất khả dĩ hữu tâm tri”.*

Ta cần phải làm thế nào để đạt được nó? Trừ bỏ hình và danh. Hình là hình tướng, không còn chấp trước. Danh là tên gọi. Tất cả hiện tượng không còn chấp trước, cũng không chấp trước vào danh từ thuật ngữ. Danh từ thuật ngữ là giả không phải thật. Như vậy mới thật sự lãnh hội được ý nghĩa của bốn chữ Hình- Miêu-Hư-Khoáng này, đây đều là hình dung từ.

 “Bất khả dĩ hữu tâm tri”. Tâm này là gì? Chần chừ do dự. A lại da, mạt na, ý thức. Đây là vọng tâm. Vọng tâm không có cách nào biết được chân tâm. Buông bỏ vọng tâm thì chân tâm liền hiện tiền. Quí vị nên biết, chúng ta bây giờ có thể cảm nhận được chính là ý niệm. Ý niệm là tâm khởi tác dụng. Có niệm, vọng niệm, niệm niệm đều là vọng niệm. Tâm mà chúng ta đang nghiên cứu kinh giáo có phải là vọng tâm chăng? Phải. Tâm niệm Phật A Di Đà có phải vọng tâm chăng? Phải. Vậy có thể thấy được chân tâm chăng? Được. Vì sao? Vì ta chỉ có nhất niệm, khi niệm đến vô niệm sẽ nhìn thấy. Niệm mà không niệm. Đó là công phu, đó là cảnh giới. Niệm đến vô niệm sẽ nhìn thấy.

 Có những lúc như vậy chăng? Có, đôi lúc có. Nhưng không thể duy trì. Khi niệm Phật có hiện tượng này. Khi tụng kinh cũng có hiện tượng này. Ngồi đây tụng kinh, tụng đến lúc chuyên chú sẽ có cảm giác gì? Cảm giác thân thể ta không còn nữa, tâm hoàn toàn chuyên chú vào kinh, chuyên chú vào câu Phật hiệu. Niệm Phật trong chánh điện Phật, ngồi đó niệm Phật nhưng hình như nửa thân dưới không còn, nửa thân trên có cảm giác, nhưng cảm giác không có nửa thân dưới. Như vậy là mới khế nhập được một chút. Khi cảm giác được tình hình thì hư vọng lại tăng trưởng, cảnh giới liền mất đi. Cảnh giới này hiện tiền thì phải đối phó thế nào? Đừng quan tâm đến nó. Không nên để ý đến nó, dần dần cảnh giới này sẽ kéo dài thời gian ra, thực sự cảnh giới sẽ nâng cao.

 Thân thể này, thế giới này chính là giả, nó không phải là thật. Khi nhất tâm chuyên chú ta sẽ lãnh hội được, dần dần sẽ hiểu rõ. Những lời đức Phật dạy trong kinh không phải là mê tín, mà là khoa học. Thầy Phương Đông Mỹ suốt đời nghiên cứu. Khi thầy tiếp xúc với Phật giáo khoảng 30 tuổi, ngoài 30 tuổi thì phải, 79 tuổi ra đi. Tôi hỏi thầy về nhân duyên học Phật. Thầy nói rất ngẫu nhiên. Thầy học ở nước ngoài, tốt nghiệp tiến sĩ triết học ở Mỹ. Thầy tốt nghiệp năm hai mấy tuổi, rất trẻ. Sau khi tốt nghiệp thầy ở lại trường dạy học. Hai mươi mấy tuổi đã trở thành giáo thọ, thành danh rất sớm.

 Thời kỳ chiến tranh, thầy dạy ở trường đại học Trung Ương. Có lần thầy bệnh, bạn thầy kiến nghị đến núi Nga Mi nghỉ dưỡng. Núi Nga Mi là đạo tràng Phật giáo, cảnh rất u tịch, thầy rất thích nơi này. Thầy dưỡng bệnh ở trong chùa. Thầy nói thời đó giao thông khó khăn, thông tin cũng khó khăn. Trên núi báo và tạp chí hoàn toàn không có, chỉ có kinh Phật. Người đọc sách luôn muốn xem sách, không có gì xem, chỉ có kinh Phật. Thôi được! Thì xem kinh Phật. Càng xem càng thấy thích thú, thầy thật sự hiểu được. Phát hiện trong kinh có vô lượng ý nghĩa rất vi diệu. Từ đó về sau thầy kết duyên với kinh Phật, không ngày nào chẳng đọc kinh Phật.

 Thầy hoàn toàn dùng quan điểm triết học để xem kinh Phật. Nửa giai đoạn đầu, lúc tôi quen thầy là nửa giai đoạn đầu, coi như là nửa giai đoạn đầu, không phải nửa giai đoạn sau. Thái độ của thầy là Kinh Phật có triết học cũng có mê tín. Triết học thì đúng là số một thế giới, nên triết học Phật giáo là đỉnh cao của triết học. Thầy nói, thầy nói với tôi Thiền tông, Tướng tông\_Pháp tướng duy thức tông, Tánh tông đều là triết học chân chánh. Hoa Nghiêm, Thiên Thai đều có một phần. Đặc biệt thầy rất thích Kinh Hoa Nghiêm và thầy đã giới thiệu kinh Hoa Nghiêm cho tôi. Tôi cũng rất thích, có thể trong quá khứ đã từng học qua, nên tiếp xúc đến cảm thấy rất thích. Khi thầy tuổi lớn, các môn thầy dạy ở trường đều là kinh Phật. Thật là hiếm có.

 Thầy giảng một mục lớn. Ở trường đại học Đài Loan giảng Phật Học Đại Thừa, giảng Phật Học Nguỵ Tấn, Phật Học Tuỳ Đường, những mục lớn này. Sau đó ở đại học Đài Loan nghỉ hưu, thì trường đại học Phủ Nhân mời. Thầy dạy Triết học Hoa Nghiêm trong khoá học của tiến sĩ. Thời gian về già ở các trường đại học thầy giảng bốn mục lớn về Phật học. Hơn 20 năm dạy ở trường toàn dạy về Phật Học. Đề mục thầy dạy luôn là Triết học trong kinh Phật. Đáng tiếc là thầy ra đi hơi sớm. Nếu thầy có thể sống thêm mười năm, Phật giáo Đài Loan chắc chắn thay đổi. Sức ảnh hưởng của thầy rất lớn. Đến những năm cuối đời đối với Phật pháp thầy đã hoàn toàn tiếp nhận, không còn nói Phật giáo có phần mê tín nữa. Ngày trước còn nói trong đó có phần mê tín, về sau thầy không còn quan niệm đó nữa, không nghe nói đến mê tín. Càng nghiên cứu lại càng thấu triệt.

 Quí vị xem bây giờ chúng ta đã nghiên cứu 60 năm. Khi đó là thầy Phương giới thiệu. Tôi nhờ học triết học mà vào đạo. Khi mới học cũng chịu ảnh hưởng của thầy, cho rằng trong kinh Phật có triết học tối cao, nhưng cũng có một phần mê tín. Phần mê tín đó đừng học nó, chuyên môn nghiên cứu phần triết học. Sau khi nghiên cứu sâu vào mới phát hiện, phần mê tín đó không phải mê tín, nó rất có đạo lý. Càng nghiên cứu thấy càng có đạo lý, nên đã hoàn toàn tiếp thu. Đặc biệt là Chương Gia đại sư dạy, nên tìm hiểu về Đức Thế Tôn, hiểu về Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Xem Thích Ca Phổ và Thích Ca Phương Chí là truyện ký của Đức Thế Tôn.

 Đứng trên góc độ của giới học thuật hiện nay để nhìn về Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, thì ngài là người như thế nào? Ngài là nhà giáo dục. Suốt một đời chăm lo cho giáo dục. Hiện nay ở nước ngoài đề xướng giáo dục văn hoá đa nguyên đối với xã hội. Suốt cuộc đời Đức Thế Tôn thực sự là giáo dục cho xã hội về văn hoá đa nguyên một cách bao la vạn tượng. Giáo dục phổ biến trong thế gian chính là giúp xã hội này an định ấm êm, hoá giả xung đột, hoá giải thiên tai. Phần này là nói đến giáo dục phổ biến trong thế gian. Nam nữ già trẻ, các nghành các nghề trên toàn thế giới đều nên học. Nội dung là gì? Luân lý, đạo đức, nhân quả. Như vậy xã hội mãi mãi an định, cuộc sông nhân dân luôn luôn ấm êm, hạnh phúc mỹ mãn.

 Nhưng có thiểu số họ tham cầu rất cao, điều này vẫn không đáp ứng được họ. Trong Phật pháp có triết học tối cao, và khoa học tối cao. Có thể đáp ứng được tham muốn tri thức của chúng ta, thật sự có thể đưa ta đến đại bát niết bàn. Đây là đỉnh cao của triết học va khoa học.

Năm mươi năm gần đây khoa học tây phương phát triển, đặc biệt là lượng tử lực học. Họ đã tìm được bản chất của vật chất. Nghĩa là nghiên cứu vật chất rốt cuộc là gì? Họ đã tìm ra vấn đề này. Báo cáo nghiên cứu hoàn toàn tương đồng với những gì Phật pháp đại thừa nói, chứng minh Phật pháp là khoa học. Phật pháp nói A lại da chính là lượng tử lực học hiện nay, nhưng nói rỏ ràng tường tận và thấu triệt hơn các nhà lượng tử lực học. Nên Đức Thế Tôn là một nhà giáo dục lớn. Điều này ngay tiết học đầu tiên thầy Phương dạy cho tôi đã đề cập đến. Đức Thế Tôn là nhà giáo dục vĩ đại nhất trên thế giới. Ngài là vị thánh của triết học, ngài không phải là thần cũng không phải là tiên. Ngài là người như bao nhiêu con người khác.

 Những năm lại đây chúng ta không ngừng tìm tòi học hỏi giáo lý đại thừa. Rất nhiều chân tướng sự thật đã dùng khoa học để ấn chứng, ngày càng rỏ ràng, ngày càng thấu triệt. Học tập đối với cổ nhân, tâm cung kính, tâm tôn kính từ đây mà sanh ra. Họ thông minh hơn chúng ta. Chúng ta nếu ở thời đại của họ, không thể có thành tựu như thế. Chúng ta ngày nay có thể nâng cao cảnh giới, thực sự khoa học đã giúp đở một cách rất đắc lực. 60 năm trước, khoa học không bàn đến lý luận cao thâm trong Phật học, không bàn đến. Bây giờ đều thảo luận đến. Khiến chúng ta hiểu được nghĩa không trong nhà Phật, vạn pháp giai không. “Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”. “Nhất thiết hữu vi pháp như mộng huyễn bào ảnh”. Đều được các nhà lượng tử lực học chứng minh. Đức Phật nói như vậy, các nhà khoa học cũng nói như vậy. Chúng ta có tin hay không? Nếu thật sự tin thì có chịu buông bỏ không? Tự nhiên sẽ buông bỏ. Còn như chưa buông bỏ, chưa buông bỏ là chưa tin tưởng. Như vậy phải làm sao? Tiếp tục học. Chỉ cần kiên trì học, mười năm hai mười năm sau tự nhiên sẽ buông bỏ.

 Cuộc đời tôi chính là đi theo con đường này. Nếu không phải huân tập suốt 60 năm, thì cũng không thể. 60 năm kiên trì không gián đoạn. 53 năm giảng kinh dạy học. Người xưa cũng đã nói, phương pháp học tập tốt nhất là dạy học. Vì sao? Nếu muốn dạy mà tự mình không hiểu thì làm sao dạy được? Nên chính mình phải hiểu rỏ mới có thể truyền dạy cho người. Không làm là không được. Làm là thế nào? Trong khoa học gọi là thực nghiệm. Ta có chứng nghiệm được khắc cốt ghi tâm, khi nói ra tự nhiên không giống nhau. Tự mình không có chứng nghiệm sâu sắc, nói ra toàn bộ là của người khác. Đó là trong kinh nói như vậy, các bậc tổ sư nói như vậy, chứ chính mình thì không có chứng nghiệm. Mình phải làm mới có chứng nghiệm. Chứng nghiệm này xưa này thường có thể cảm động người khác. Không có chứng nghiệm thì toàn dùng của người khác để nói. Nói để người khác thích thú vui cười, nhưng một lúc là qua đi, không có cảm xúc. Thật sự có chứng nghiệm, ngôn từ hơi mộc mạc cũng không sao. Nói không được hay nhưng người nghe rất có ích. Vì sao? Vì đã nói ra từ nội tâm. Là lời trong lòng, không phải nghe nói bậy bạ.

 Chúng ta tiếp tục xem ở sau. *“Do thượng khả tri”,* Ở trên dẫn chứng những kinh luận này, chúng ta có thể biết *“Đạo giả, thông chí niết bàn chi lộ, hựu tức thị niết bàn giả. Tổng thượng kinh luận trú ư vô thượng chân chánh chi đạ giả. Chân chánh giả, chân thật vô sai dã. Vô thượng giả, thử đạo cùng tánh tận lý, cố năng hữu năng quá chi giả. Đại sĩ giáo linh chúng sanh chứng niết bàn bỉ ngạn, an trú niết bàn đạo quả”.*

Đại sĩ ở đây là chỉ cho Bồ Tát tu hành lục độ ba la mật. Họ thật sự thực hành, thật sự tu lục độ ba la mật. Thật sự thực hành lục độ từ trong cử chỉ của mình để cảm hoá chúng sanh. Bậc thượng thượng căn tiếp thu rất nhanh và liền thành tựu. Bậc trung và hạ căn huân tập thành hạt giống. Như Thiện Đạo đại sư nói, mổi người gặp duyên không giống nhau, gặp duyên thù thắng thì trong đời này thành tựu, gặp duyên kém hơn một chút thì làm chủng tử thiện căn cho đời kiếp sau, nhất định được độ.

 Nên kinh văn trong phẩm kinh Tích Công Luỹ Đức này đáng để chúng ta học tập. Chúng ta không cần học toàn bộ, chỉ cần vài câu, một đoạn ngắn trong đó, suốt một đời thực hành không gián đoạn thì lợi ích vô cùng. Đặc biệt là ứng dụng trong pháp môn niệm Phật, giúp chúng ta kiên định chánh niệm. Tăng thêm nguyện lực cho chúng ta, quyết tâm cầu sanh tịnh độ. Như vậy thì làm gì có chuyện đời này không thành tựu!

 Chúng ta xem tiếp bên dưới. *“Hạ minh do ư như thượng chi thù thắng diệu đức, nhi cảm như hạ tăng thượng thắng quả”.* Đây là tu nhân chứng được quả. Chúng ta xem đoạn kinh văn ở dưới. *“Do thành như thị, chư thiện căn cố, sở sanh chi xứ, vô lượng bảo tạng, tự nhiên phát ứng*”. Chúng ta đọc tiếp kinh văn, đoạn này đọc tiếp *“hoặc vi trưởng giả cư sĩ, hào tánh tôn quý. Hoặc vi sát lợi quốc vương, chuyển luân thánh đế. Hoặc vi lục dục thiên chủ, nãi chí phạm vương”.* Đây là địa vị cao. Trước là giàu có, đại phú, địa vị cao. *“Ư chư Phật sở, tôn trông cúng dường, vị tằng gián đoạn, như thị công đức, thuyết bất năng tận”.* Vĩnh viễn tu phước, nên phước báo của họ đời đời kiếp kiếp hưởng không bao giờ hết. Đoạn này là nói cảm quả, còn ở trước là nói về tu nhân.

 Y theo nhân hành ở trước mà tu sẽ được quả báo như thế nào. *“Như thị chư thiện căn, do thành như thị chư thiện căn”*. Đây là chỉ đoạn văn ở trước. *“Tích công luỹ đức chi chủng chủng thiện căn thị vi năng cảm”*. Chúng ta cần phải đặc biệt chú ý. Vì sao? Ngày nay chúng ta ở trên mạng, tin tức. Nghe được thông tin hầu như đều là thiên tai, mà thiên tai còn rất nghiêm trọng. Thiên tai từ đâu mà có? Cũng là cảm ứng đến. Nhân hành chúng ta bất thiện dẫn đến quả như vậy.

 Nếu chúng ta thực hành theo Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên, Thập Thiện Nghiệp, Bồ Tát lục độ ba la mật. Chúng ta sẽ cảm được quả báo như trong kinh nói. Hiện nay chúng ta đang tạo nhân gì? Tự tư tự lợi, danh văn lợi dưỡng, tham sân si mạn, tổn người lợi mình. Làm những việc ngũ nghịch thập ác. Như vậy cảm được quả báo là gì? Toàn thế giới hỗi loạn, tất cả thiên tai đều xuất hiện. Thiên tai tự nhiên. Nếu tra cứu nguyên nhân sâu xa của nó, nguyên nhân căn bản thì nó có liên quan mật thiết đến tư tưởng ngôn hành của chúng ta. Điều này các nhà khoa học hiện đại đã chứng minh.

 Tiến sĩ Giang Bổn Thắng người Nhật làm thí nghiệm về nước. Chứng minh điều gì? Khoáng vật. Nó bị ngôn hành tư tưởng của nhân loại cảm ứng. Chúng ta tâm thiện hành thiện, thì khoáng vật trở thành rất thiện, như ở đây nói *“sở sanh chi xứ, vô lượng bảo tạng tự nhiên phát ứng”*. Tâm hành chúng ta bất thiện, thì vô lượng bảo tạng này đều biến thành đất đá, nó đã biến chất. Vốn là châu bảo , kim ngân, nay đã hoàn toàn biến chất. Sao lại biến chất? Ý niệm chúng ta biến đổi, nên nó cũng biến theo. Đây là trong kinh Phật nói cảnh tuỳ tâm chuyển. Hoàn cảnh vật chất, địa cầu, hệ thái dương, hệ ngân hà đều thay đổi theo ý niệm của chúng ta.

 Ý niệm chúng ta thiện thì nó thiện, không có thứ nào là bất thiện. Thiện đến cực điểm thì thế giới này trở thành thế giới Cực Lạc. Bất thiện đến tận cùng thì thế giới này sẽ bị huỷ diệt, tinh cầu này sẽ nổ tung. Ngày xưa cho rằng những điều này là do tôn giáo mê tín nên nói vậy, bây giờ giới khoa học đã khẳng định, điều này là thật không phải giả. Chúng ta không nên lơ là xem nhẹ. Không thể không đoạn ác tu thiện. Không thể không tích luỹ công đức. Nên lấy chủng chủng thiện căn để cảm hoá. *“Cảm tất hữu ứng, quả tất thù nhân*”. Cảm là nhân, ứng là quả báo.

 *“Thị cố Pháp Tạng Bồ Tát cảm đắc thắng quả”.* Thắng quả của ngài là thế giới Cực Lạc. Thế giới Cực Lạc là do tâm hành thuần tịnh thuần thiện của Phật A Di Đà cảm nên. Đây là một thế giới mới, thời gian chưa dài. Đức Phật nói: Phật A Di Đà từ lúc tu hành, từ khi thế giới Cực Lạc xuất hiện đến nay mới có mười kiếp. Mười kiếp chúng ta thấy thì thời gian rất dài, nhưng trong toàn thể vũ trụ thì nó vô cùng ngắn ngủi. Nói cách khác, nó là một đạo tràng mới hưng khởi, cung cấp để mọi người đến đó làm Phật. Trái lại nếu không có tâm làm Phật sẽ không đến đó được.

 Điều kiện ở đó rất đơn giản. Trong Đức Thế Tôn nói kinh Di Đà, không thể thiếu thiện căn, phước đức, nhân duyên mà được sanh về cõi đó. Ba điều kiện như vậy. Phải có thiện căn, phải có phước đức, phải có nhân duyên. Đời này chúng ta có nhân duyên, nhân duyên nhất định đã gặp được. Nhưng vấn đề chính là chúng ta có thiện căn hay không? Có phước đức hay không? Giải thích đơn giản nhất thì thiện căn là gì? Thiện căn là có thể tin, có thể lý giải. Tín giải là thiện căn. Phước đức là gì? Phước đức là thật sự hành trì. Hành chứng, tín giải hành chứng. Hành chứng là phước đức. Là thực hành triệt để.

 Ba tư lương tín nguyện hạnh của Tịnh độ tông. Tín là thiện căn, nguyện hạnh là phước đức. Đồng ý đi và thật sự muốn đi, thật sự niệm Phật và y giáo phụng hành. Người này rất có phước, làm gì có chuyện không thành tựu! Những bậc thánh hiền trong lục đạo chúng sanh - pháp giới tứ thánh. Có duyên thì không có ai không đồng ý đi.

 Nên Bồ Tát Pháp Tạng cảm được quả rất thù thắng, *“sanh sanh thế thế sở sanh chi xứ, quân đắc như hạ văn sở đắc chi diệu quả”.* Diệu quả câu đầu tiên là *“Thủ vân vô lượng bảo tạng tự nhiên phát ứng*”. Thế giới Cực Lạc là một tinh hệ rất lớn. Khu vực này vô cùng lớn, lớn hơn hệ mặt trời và lớn hơn cả hệ ngân hà. Chúng sanh trong mười phương thế giới vãng sanh đến đó. Thành tựu rất nhanh, tốt nghiệp là thành Phật. Nên có rất nhiều người hoài nghi. Chúng sanh trong mười phương thế giới, tất cả chư Phật đều khuyên đệ tử của họ vãng sanh đến thế giới Cực Lạc. Thế giới Cực Lạc đó có thể dung chứa hết chăng? Được, không vấn đề gì. Nên biết con người trong thế giới Cực Lạc mỗi ngày đều đi học, đều vãng sanh rất nhiều. Nhưng mỗi ngày người tốt nghiệp thành Phật cũng rất nhiều. Ở đó cũng như trường học vậy. Tốt nghiệp xong đều ra đi, học trò mới lại vào. Đây là điều mà chúng ta có thể tưởng tượng được.

 Chứng được quả vị diệu giác đều trở về thường tịch quang, không còn ở đó nữa. Họ có còn không? Còn. Ở đâu? Ở ngay hiện tiền. Chỉ là lục căn chúng ta không tiếp xúc được, nhưng họ thật sự ở ngay trước mặt. Chúng ta có cảm, các ngài liền có ứng. Chúng ta kết duyên này với Phật A Di Đà, là đồng nghĩa cùng với tất cả Như Lai, vô lượng vô biên chư Phật kết duyên. Nhờ phước của Phật A Di Đà, nếu không nhờ phước của Ngài. Chúng ta làm sao có thể kết duyên với tất cả Chư Phật Bồ Tát và chúng sanh như vậy? Quý vị nghĩ xem điều này hạnh phúc biết bao.

 Diệu quả đầu tiên *“vô lượng bảo tạng tự nhiên ứng phát*”. Hai chữ phát ứng này nói rất hay. Phát là phát sanh, ứng là cảm ứng. Chỉ cần chúng ta khởi tâm động niệm là liền có cảm ứng. Nếu tâm hành chúng ta bất thiện thì rất phiền phức. Phiền phức gì? Đất chúng ta ở đây, đại địa này, ở dưới trống rõng. Rời rạc lỏng lẻo, rất dể xảy ra chuyện. Xảy ra chuyện gì? Chìm xuống dưới đáy biển. Nếu chúng ta đều hành thập thiện, tâm địa thiện lương thì nó rất chắc chắn. Kết thành vật chất vô cùng cứng rắn, là bảo tạng. Vĩnh viễn sẽ không dao động, ở đó rất an toàn. Chúng tôi tin chắc rằng cảnh tuỳ tâm chuyển, không hề sai. Thực sự như vậy. Thiện có thiện quả, ác có ác báo. Tự nhiên có cảm ứng. Học Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán sẽ thấu triệt được đạo lý này. Cảm ứng rất nhanh, cảm ứng rất mãnh liệt, thật không thể nghĩ bàn. Thiện nhân thiện quả, ác nhân ác báo ở ngay trước mắt.

 Ngày nay thiên tai không ngừng như vậy, có thể cứu vãn chăng? Phật pháp đại thừa chắc chắn cứu được. Dùng điều gì để cứu? Chuyển đổi ý niệm là có thể cứu. Chúng ta không dùng lời của Phật Bồ Tát, mà dùng lời của các nhà khoa học. Ông Bố Lai Đăng người Mỹ. Ông dạy chúng ta làm sao đối phó với lời dự đoán thiên tai năm 2012. Ông ta nói năm 2012 là cơ hội tốt để toàn nhân loại bỏ ác hành thiện, cải tà quy chánh. Tất cả mọi người nên đoan chánh tâm niệm, khiến cho thế giới đi đến phương hướng tốt hơn. Câu này nếu dùng theo cách nói của chúng ta là lời của Bồ Tát. Bố Lai Đăng là Bồ Tát tái sanh, không phải người phàm. Ông ta nói với lời Phậ dạy rất giống nhau, không có chút sai biệt nào.

 Nếu nơi khu vực chúng ta ở, mọi người đều nổ lực làm như vậy chứng tỏ họ đã hiểu, đã tin tưởng. Trong kinh giáo các bậc cổ nhân đã nói như vậy, không phải giả. Chúng ta nổ lực hành trì, cải tà quy chánh, đoạn ác tu thiện thì khu vực này sẽ không có thiên tai. Nếu không tin, hoài nghi nó thì bệnh cũ thường tái phạm không sao thay đổi được. Nói cách khác, thiên tai sẽ hiện tiền. Cầu nguyện của tôn giáo, những Phật sự như tụng kinh bái sám, pháp hội trong nhà Phật. Chúng ta đề khởi Phật sự tam thời hệ niệm. Tôi nói với chư vị đây toàn là trị ngọn, không phả trị gốc. Có thể giải bớt đau khổ tạm thời, nhưng không thể trị tận gốc được. Đây là điều mà chúng ta không thể không biết. Muốn thật sự hoá giải thiên tai này, thì phải triệt để thực hành. Phải tin tưởng thánh hiền, phải tin tưởng chư Phật Bồ Tát, phải tin tưởng kinh điển của tôn giáo, thế giới này mới được cứu. Nếu còn hoài nghi, còn coi thường, phê bình những điều đó thì không sao tránh khỏi thiên tai. Hoạ phúc vốn không có cửa vào, tất cả là do con người tự chiêu cảm nó. Điều này chúng ta chẳng thể không biết.

 *“Bảo tàng giả Tiên Chú”,* Tiên Chú là tác phẩm của cư sĩ Đinh Phúc Bảo. Là chú giải của Kinh Vô Lượng Thọ*. “Luỹ tích trân bảo chi khố tàng dã*”. Bảo tàng, tàng là cái kho. Trong kho đó chứa đựng những gì? Chứa châu báu. *“Diệu pháp năng tề chúng sanh chi khổ ách, cố dĩ vi dụ”*. Phật dùng cái này để ví dụ với diệu pháp mà Như Lai nói. Kinh Vô Lượng Thọ là vi diệu nhất trong các thứ vi diệu. Thật có thể cứu tế khổ nạn cho chúng sanh. Khổ ách là khổ nạn. Dùng như vậy để ví dụ.

 Nghĩa này chưa nói xong mà đã hết giờ rồi. Ngày mai chúng ta bắt đầu giảng tiếp từ câu này.

**HẾT TẬP 303**

# Tập 304

Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư
Chuyển ngữ: Hạnh Chơn
Biên Tập: Minh Tâm
Thời gian: ngày 26 tháng 02 năm 2011
Địa điểm: Tịnh Tông Học Viện \_Úc Châu

 Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Mời quý vị xem “Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải”, bắt đầu xem từ hàng thứ bảy, trang 356. Bắt đầu xem từ câu “phát ưng giả”.

 *“Tướng cảm nhi tự nhiên khai phát dã. Hội Sớ viết, Bồ Tát ư đa kiếp tích bố thí trì giới công. Cố tự cảm bảo tàng dũng xuất ứng kỳ đức”.*

Trong kinh Đức Phật nói những lời này nhất định là chân thật. Điều này chúng ta cần phải có lòng tin. Từ đó cho thấy Đức Phật thường dạy, tất cả pháp từ tâm tưởng sanh. Tâm tưởng là cảm, tất cả pháp tự nhiên khai phát gọi là ứng. Tâm thanh tịnh cảm quả báo là cõi thanh tịnh. Quốc độ của Chư Phật Như Lai từ đây mà có. Tâm nhiễm ô thì chiêu cảm cõi uế. Môi trường cư trú của lục đạo chúng sanh hổ tương cảm ứng nên tự nhiên khai phát, nguyên nhân cuối cùng của nó là tự làm tự chịu. Đạo lý này phải hiểu cho rõ ràng minh bạch. Thật sự rõ ràng minh bạch như vậy thì chúc mừng quý vị. Vì sao? Vì quý vị đã được đại tự tại.

 Đại tự tại tức là tất cả cảnh duyên đều tuỳ theo ý muốn của tâm gọi là đại tự tại. Chư Phật Bồ Tát thường dạy: “tướng do tâm sanh, cảnh tuỳ tâm chuyển”. Một người được đại tự tại, tương ứng với hai câu này, là hiện ra quả đức của đại tự tại. Quả đức của đại tự tại là vốn sẵn có. Nói cách khác, quý vị vốn là đại tự tại. Ngày nay bị kết cục bi tham này, là do thái độ của tâm sanh sai lầm. Chúng ta nhìn sai chân tướng của vũ trụ nhân sinh, nghĩ sai về tất cả pháp. Không nên nói bên ngoài, nói tự thân chúng ta. Đối với bản thân có rất nhiều vấn đề trong cuộc sống, như vấn đề công việc, đối nhân tiếp vật. Tất cả đều nghĩ sai, làm sai nên mới có hoàn cảnh này, nên xuất hiện rất ác liệt, cần phải ở đây chịu khổ chịu nạn. Giống như điều gì? Như nằm thấy ác mộng vậy. Mộng là giả, nhưng tự mình không biết là giả. Trong mộng chịu hết các đau khổ, khi tỉnh dậy mới biết đó là giả.

 Chúng ta ở trong lục đạo, trong tam đồ. Cảnh sinh hoạt của con người hiện nay, chúng ta đem so sánh đối chiếu với kinh điển xem. Cuộc sống của con người hiện tại, hình như không có khác biệt gì với tam đồ. Nguyên nhân này chúng ta lắng lòng để tư duy quan sát sẽ biết được. Chúng ta muốn sửa đổi cuộc sống hưởng thụ của ta, nên bắt đầu từ đâu? Từ tâm niệm đoan chánh. Tâm niệm đoan chánh này trong kinh điển chư Phật Như Lai, pháp thân đại sĩ đã tận tâm tận lực nói với chúng ta, một điều chân thật nhất, có hiệu quả nhất, nhanh nhất, dể nhất đó là tâm niệm Phật. Chúng ta có duyên tiếp xúc được, nhưng vì tập khí phiền não không buông bỏ được nên không biết niệm. Câu Nam Mô A Di Đà Phật này rất dễ nhưng không biết niệm, nên đã niệm mấy mươi năm mà vẫn không có hiệu quả, do đó mất đi niềm tin. Sanh tâm hoài nghi đối với những lời Phật dạy. Nghi ngờ này là nghi trong căn bản phiền não - tham sân si mạn nghi, chứ không phải hoài nghi điều gì khác. Hoài nghi đối với lời giáo huấn của thánh hiền, hoài nghi đối với chư Phật Bồ Tát, hoài nghi đối với chính mình. Như vậy phải làm thế nào? Chỉ còn cách là tiếp tục lưu chuyển trong luân hồi, phải chịu nhiều đau khổ. Khi nào chịu hết đau khổ, không muốn tiếp tục chịu khổ nữa. Lúc này sẽ quay đầu, quay đầu là bờ.

 Chỉ cần chịu quay đầu thì Phật Bồ Tát sẽ giúp ta. Cửa Phật từ bi không bỏ một ai, đây là thật. Chúng ta khởi tâm động niệm, nhất cử nhất động. Chư Phật Bồ Tát đều biết hết, có thể nói rằng biết rỏ ràng phân minh. Các ngài từ bi đang đợi chúng ta quay đầu. Chúng ta không biết cảm ân, không hiểu rỏ chân tướng sự thật. Thật có lổi với chư Phật Bồ Tát. Nên hai câu trong Hội Sớ, đối với đời này kiếp này của chúng ta có sự cảm khái đặc biệt sâu sắc. Ngày nay địa cầu thiên tai nhiều như vậy, điều này xưa nay chưa từng thấy qua trong lịch sử. Thiên tai là quả báo, có quả tất có nhân. Chúng ta cần phải nổ lực tư duy quán sát, nhân quả nghiệp báo không sai chút nào. Như vậy chúng ta mới thật sự đoạn ác tu thiện, tích luỹ công đức, tâm niệm đoan chánh. Như vậy mới có thể tự cứu. Tự cứu sau đó mới có thể cứu người, mới có thể cứu vãn địa cầu. Đoạn này chúng ta học đến đây thôi. Bây giờ xem tiếp đoạn sau, đoạn này cũng thuộc về chiêu cảm quả báo.

 *“Hoặc vi trưởng giả, cư sĩ, hào tánh quý tộc. Hoặc vi sát lợi quốc vương, chuyển luân thánh đế. Hoặc vi lục dục thiên chủ, nãi chí phạm vương”.* Đoạn này nói đến trưởng giả là cách xưng hô của những bậc trưởng thượng đầy đủ tài đức của thời Ấn Độ cổ. *“Pháp Hoa Huyền Tán vân, tâm bình tánh trực, ngữ thật hành đôn, xỉ niên mại tài doanh, danh vi trưởng giả”.* Đây là nói đến các bậc trưởng giả thời cổ Ấn Độ, họ cần phải đầy đủ đức hạnh. Không đầy đủ những đức hạnh không thể gọi là trưởng giả. Đức hạnh đặt ở hàng đầu mới đến tâm bình chánh trực.

Tánh trực người Trung Quốc gọi là chân thành bình đẳng. Dùng tâm bình đẳng để đối nhân, dùng tâm chân thành để đối nhân. Không nói lời vọng ngữ. Ngữ thật là nói lời chân thật. Hành đôn, hành là thân hành, đôn là thân thiện hoà hợp. Ngày nay gọi là hài hoà. Đối nhân tiếp vật hài hoà. Xỉ mại là lớn tuổi, ít nhất cũng 40 đến 50 tuổi. Có tuổi như vậy và sở hữu rất nhiều của cải. Đầy đủ những điều kiện này thì gọi là trưởng giả.

 *“Cư sĩ giả, tại gia tu Phật giả chi thông xưng. Pháp Hoa Huyền Tán Thập viết, thủ đạo tự điềm”.* Đây là những điều nói về người học đạo phải tuân thủ giới luật. Dửng dưng an nhiên, cuộc sống đơn giản. Khổng Tử nói “bất diệc duyệt hồ”, Phật pháp gọi là pháp hỷ sung mãn. Vì sao? Bởi ít ham muốn. Không có nhiều tham muốn, cuộc sống cảm thấy vừa đủ. Người xưa thường nói: “tri túc thường lạc”. Những người này chắc chắn không có mong cầu gì nhiều ở bên ngoài, không có. Ôn đức, là ẩn chứa đạo đức. Nói cách khác, trong tâm họ có đức hạnh.

 Đức hạnh của Phật pháp là thập thiện, Tam Quy, Giới Luật, Lục Hoà, Lục Độ, Phổ Hiền thập nguyện đây là đức. Trong tâm Bồ Tát có những điều này, ngoài những điều này ra các ngài không có gì nữa. Những đức hạnh này như trong kinh Hoa Nghiêm nói “nhất tức thị đa, đa tức thị nhất, nhất đa bất nhị”. Một đức mà đầy đủ thì tất cả đức đều đầy đủ. Ví dụ nói, họ có thập thiện thì chắc chắn đầy đủ tam quy ngũ giới, lục độ vạn hạnh. Vì sao? Chúng ta xem Bồ Tát Giới Kinh, tám vạn bốn ngàn tế hạnh của Bồ Tát từ đâu mà có? Từ thập thiện triển khai ra. Không phải triển khai từ pháp hữu vi, mà là tự nhiên. Trong tâm thật sự có thập thiện, biểu hiện ra tự nhiên có tám vạn bốn ngàn tế hạnh. Phàm phu không nhìn thấy được, do không tinh tế. Nhưng chư Phật Bồ Tát nhìn thấy được. Đây là thuộc về tự nhiên khai phát, là cư sĩ tại gia học Phật.

 *“Hựu Hội Sơ viết, tánh quý vị cao, đại phú niên kỳ, thị danh trưởng giả”.* Ý nghĩa cũng tương đồng. Tánh quý, tức là quý tộc, địa vị cao, làm quan lớn. Đại phú là người sở hữu nhiều của cải, nhưng đã lớn tuổi. Như vậy gọi là trưởng giả. “*Đa tích tài bảo, thâm quy Phật thừa, cư gia phong doanh, danh cư sĩ”.* Câu thứ nhất đa tích tài bảo không phải là tài bảo của thế gian. Là công đức pháp tài thuộc về Phật pháp. Tài bảo này là gì? Là trí tuệ đức tướng, trong tự tánh vốn đầy đủ. Con người chỉ cần tu đức thì tài bảo trong tự tánh tự nhiên hiển lộ. Những tài bảo này, ý nghĩa của tài bảo chính là có thể giải quyết tất cả khổ nạn. Như vậy thì công đức tài bảo đó thật không thể nghĩ bàn.

 Mấy năm trước tôi xem báo cáo của Sơn Tây Tiểu Viện. Xem trong bộ đĩa này hơn 40 người mắc bệnh ung thư. Bệnh viện tuyên bố hết cách trị liệu. Những người này thọ mạng chỉ còn khoảng ba tháng. Như vậy là đồng nghĩa với nghe được tin tuyên bố tử hình. Thọ mạng chỉ còn ba tháng, không còn tia hy vọng nào. Họ gặp được Phật pháp, rốt ráo tu tập. Tu suốt ba tháng thì bệnh lành, đến bệnh viện kiểm tra thì đã hết bệnh. Trong bệnh viện cảm thấy rất kinh ngạc. Thông tin này lưu truyền trên toàn quốc. Tôi nhận được bộ đĩa này cũng xem nhiều lần và rất cảm động. Những người này y theo Phật pháp mà nói, họ vì chúng ta mà thể hiện chứng chuyển. Trong tam chuyển pháp luân, họ đem cái cuối cùng ra chứng minh cho chúng ta thấy. Chứng minh những điều trong Kinh Di Giáo nói: “chế tâm nhất xứ vô sự bất biện” . Suốt ba tháng họ để tâm vào đức Phật của mình, đức Phật của họ đã đến chữa lành bệnh cho họ, chính họ cũng không biết.

Trong bộ kinh này Hoàng Niệm Tổ đã dẫn chứng một câu trong Tịnh Ảnh Sớ “chỉ tâm nhất xứ”. Ở trang 351 hàng thứ hai đếm từ dưới lên. Câu này giống câu trong kinh Di Giáo: “vô sự bất biện”. Đây là sức mạnh gì? Nói cho chư vị biết, đây là sức mạnh công đức không thể nghĩ bàn trong tự tánh của chúng ta chứ không phải bên ngoài vào. Mượn phương pháp niệm Phật, để tâm ở nơi Phật của chính mình, nên công đức tương cảm trong tự tánh tự nhiên khai phát. Vấn đề sẽ được giải quyết. Có phương pháp, có cảm ứng! Có người nói với tôi, người khác có cảm ứng còn tôi thì không. Quý vị không được, nguyên nhân không được là do đâu? Do quý vị không tin, hoài nghi đối với vấn đề này, nên hành trì nhưng lại bất lực.

 Khi niệm Phật cứ xen lẫn vọng niệm, khiến công phu niệm Phật của ta bị phá hoại hết, nên cảm ứng không thể hiện tiền. Nguyên nhân là ở đây. Công đức tự tánh là viên mãn. Trí tuệ đức năng của tự tánh là viên mãn. Trong đại kinh chúng ta thường đọc đến câu: “ngoài tâm không có pháp, ngoài pháp không có tâm”. Nói cách khác, nếu tâm tập trung vào một chổ thì tất cả pháp trong thế xuất thế gian, chẳng có gì là không thể giải quyết một cách viên mãn. Những bệnh nhỏ nhặt trên thân thể thì tính làm gì? Chuyện lớn sanh tử còn có thể giải quyết. Có thể vãng sanh thế giới Cực Lạc, sanh vào cõi thật báo của thế giới Cực Lạc. Có làm được như vậy hay không? Làm được. Vì sao? Bởi ta vốn là Bồ Tát trong cõi thật báo, nên trở về cõi thật báo là chuyện bình thường, sao lại không làm được! Chỉ cần chúng ta không còn khởi tâm động niệm trong tất cả vạn vật là thành công.

 Không khởi tâm, không động niệm sẽ xuất hiện cảnh giới là cõi thật báo. Khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước hiện ra cảnh giới là mười pháp giới. Tâm địa thanh tịnh thì hiện ra tịnh độ, tứ thánh pháp giới. Tâm địa ô nhiễm, tự tư tự lợi, danh văn lợi dưỡng hiện ra cảnh giới lục đạo. Nên biết lục đạo, mười pháp giới và cõi thật báo của Như Lai vốn không có. Nên Đức Phật dạy rằng: “phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”. Những cảnh giới này toàn là mộng huyễn bào ảnh. Người giác ngộ, người thấu triệt đối với những cảnh giới này không còn khởi tâm động niệm, không còn phân biệt chấp trước. Như vậy là chính xác, là phù hợp chân tướng sự thật. Nên đa tích tài bảo nghĩa là thâm nhập kinh tạng. Thâm nhập một môn huân tu lâu dài gọi là đa tích tài bảo.

 Câu ở dưới là *“thâm quy Phật thừa”.* Trong Phật pháp nhất Phật thừa là cứu cánh viên mãn. Không phải tam thừa, nhị thừa, đại thừa mà là nhất Phật thừa.

*“Cư gia phong doanh”,* câu này mới là nói về cuộc sống vật chất, cũng tương đối phong phú. Vì sao? Đây là cảm ứng, vì họ có đạo đức. Một người có đức hạnh, đặc biệt là người học Phật. Nhất định là hoan hỷ bố thí, trì giới, nhẫn nhục. Trì giới, nhẫn nhục là đức hạnh chơn chánh. Bố thí, tài bố thí được của cải. Pháp bố thí được thông minh trí tuệ. Vô uý bố thí được mạnh khoẻ trường thọ. Nên nói cư sĩ tại gia nhà cửa tài sản phong phú. Họ hành ba loại bố thí nên được ba loại quả báo thù thắng.

 *“Hào tánh, chỉ danh môn”.* Nhà này đời này qua đời khác đều có hiền nhân xuất hiện, đều có đại phú trưởng giả xuất hiện. “*Danh môn, vọng tộc, đại tánh, quý gia. Như hương lý chi quý giả, xưng hương hào”.* Hào ở đây chính là hào tánh, tức gia đình giàu có quý tộc. Tôn quý chỉ cho những người làm quan chức lớn. *“Sát lợi, Phạm ngữ”* là thuộc dòng tộc vua chúa. Là dòng tộc đứng thứ hai trong bốn giai cấp của Ấn Độ. Trong bốn giai cấp thứ nhất là Bà la môn. Bà la môn là nhà tôn giáo. Tôn giáo trong thời cổ đại, thực sự là giáo dục của xã hội văn hoá đa nguyên. Những người này là nhà đại triết học. Họ kiêm cả hai là nhà đại triết học và nhà đại khoa học.

 Thứ hai mới là dòng tộc của Vua chúa. Đặc biệt là người Ấn Độ xưa rất coi trọng đạo đức và học vấn tu dưỡng. Họ đặt những điều này ở vị trí thứ nhất. Đế vương đặt ở vị trí thứ hai. Họ rất tôn trọng đức hạnh và học vấn. “Sát lợi, phạm ngữ” là giai cấp thứ hai trong bốn giai cấp của Ấn Độ, gọi đầy đủ là sát đế lợi. Người xưa gọi tắt là sát lợi. Căn cứ theo Tây Vực Ký nó có nghĩa là vương chủng, tức là hoàng tộc. Ngày nay gọi là vương gia quý tộc.

*“Hựu Trí Độ Luận Tam Thập Nhị viết, sát lợi giả, vương cập đại thần dã”.* Dòng sát đế lợi này bao gồm cả quốc vương và đại thần. Trí Độ Luận và Tây Vực Ký, ý nghĩa trong hai bộ sách này có một chút khác nhau. Đại thần trong thời Ấn Độ cổ đa phần là quý tộc sao? Điều này là có thể, rất có thể. Quốc vương là chủ của một đất nước. Những điều này đều là của nhân gian.

 Bên dưới Chuyển luân thánh đế, hoặc gọi là chuyển luân vương, gọi tắt là chuyển vương. Thân đầy đủ 32 tướng. *“Tức vị thời tùng thiên cảm đắc luân bảo”.* Luân bảo tức là xe báu có bốn loại kim ngân đồng nhôm. Nương vào thứ tự thống lĩnh bốn châu thiên hạ. Những điều này trong kinh Phật nói. Đây cũng là phước báo của nhân gian, cao nhất là Chuyển Luân Thánh Vương. Thế gian không có ai cao hơn nữa. Cao hơn Chuyển Luân Thánh Vương là Thiên Vương, hiển nhiên là bất đồng không gian duy thứ với chúng ta.

 Chuyển Luân Thánh Đế thông thường cũng gọi là Chuyển Luân Vương. Thân đủ 32 tướng, đây là tướng quý của thế gian. Họ đầy đủ tất cả 32 tướng. Khi đang ở trên ngôi vị Luân Vương, tự nhiên chiêu cảm được xe báu từ cỏi trời. Ý này nói, xe báu không phải do họ tạo ra, mà cỏi trời ban tặng cho họ, do thiên nhân tạo ra. Bảo này hình tròn nên gọi nó là luân. Nó là một công cụ phi hành.

 Trong nhiều năm lại đây chúng ta thường nghe nói đến đĩa bay. Không biết những vật phi hành này từ đâu đến. Hình dáng như cái đĩa vậy nên gọi nó là đĩa bay. Phàm khi ngồi lên trên công cụ giao thông, những thứ chúng ta nhìn thấy đều thuộc về nhân đạo. Thiên đạo có thần túc thông không cần công cụ giao thông. Họ đến và đi tự do tự tại. Trong quỷ đạo cũng có thần thông, họ cũng không cần những công cụ này. Những công cụ này chỉ có nhân đạo mới cần. Như hiện nay con người chúng ta muốn đi du hành vũ trụ. Còn có người kiến nghị, trên địa cầu thiên tai quá nhiều, nên di dân đến Sao Kim. Đi đến các tinh cầu khác. Như vậy phải cần công cụ giao thông.

 Những công cụ giao thông của phi hành vũ trụ thiết kế lý tưởng nhất là hình tròn. Nếu đĩa bay này thật là của người ngoài vũ trụ đến địa cầu để thám hiểm, chứng tỏ khoa học kỷ thuật của họ vượt hơn chúng ta. Chúng ta chưa làm ra đươc thì họ đã làm rồi. Họ đã có năng lực đi đến tự do trên địa cầu, thì về phương diện khoa học chúng ta không sánh kịp. Luân bảo là công cụ của họ, là công cụ giao thông của họ. Đồng thời cũng là vũ trang của họ, giống như máy móc để chiến đấu hiện nay vậy, là vũ trang của họ.

 Xe báu của các vị Chuyển luân Vương có bốn loại là xe vàng, xe bạc, xe đồng, xe sắt. Chúng ta tin rằng tốc độ của nó không giống nhau. Oai lực của nó cũng không tương đồng. Nơi mà tốc độ và năng lực của nó có thể đạt được là toàn bộ lãnh thổ mà nó quản lý. Kim Luân Vương thống lĩnh bốn châu thiên hạ. Nhất tứ thiên hạ là một đơn vị thế giới.

 Cư sỹ Hoàng Niệm Tổ nói với tôi, nhất tứ thiên hạ trong kinh Phật nói. Một đơn vị thế giới là một hệ ngân hà, nhất định có công cụ này. Có oai lực này họ mới có thể thống trị hệ ngân hà. Nói cách khác, họ có thể trong thời gian một ngày, thời gian hai ba ngày, bất cứ tinh cầu nào trên hệ ngân hà họ đều có thể đạt đến. Như vậy họ mới có thể quản lý được. Nếu họ không đến được đây thì làm sao quản lý được. Họ có năng lực lớn như vậy.

 Trong kinh nói đến bốn đại châu, đông tây nam bắc bốn khu vực lớn. Đây là tinh hệ. Luân Vương nhất định có chổ cư trú, cũng chính là nói thủ đô của luân vương. Đức Phật nói địa cầu chúng ta thuộc Nam Thiệm Bộ Châu. Ở châu này có một Luân Vương, Thiết Luân Vương quản một châu. Đồng Luân Vương quản hai châu. Ngân Luân Vương quản ba châu. Kim Luân Vương quản bốn châu, nghĩa là quản lý toàn bộ hệ ngân hà. Giống như tổ chức hành chính, nó có cấp bậc. Nam Châu chúng ta tin rằng có rất nhiều tin hệ, Luân Vương sẽ không ở trên địa cầu chúng ta.

 Đĩa bay là có thật, tôi đã thấy nó. Hình như lúc tôi chưa học Phật, 60 năm về trước. Tôi học Phật đến nay là 60 năm. Trước khi học Phật tôi nhìn thấy ở Đài Bắc, vào lúc hoàng hôn bốn năm giờ chiều. Nhìn trên không trung có ánh sáng màu xanh. Không động, nó đứng yên một chổ. Tôi nhìn rất lâu, sau đó những người quanh đó đều ra xem. Xem khoảng sáu bảy phút thì nó bắt đầu di động. Khi vừa mới di động nó rất chậm, sau đó tốc độ nhanh dần lên và không thấy nữa. Qua ngày thứ hai báo đã đăng tin. Vật phi hành không rỏ lai lịch, rất nhiều người nhìn thấy. Ở trên không tại Đài Bắc. Đây là chính mắt tôi nhìn thấy một lần như vậy, chắc chắn không phải giả. Khi tốc độ tăng nhanh, thì mức độ chú ý của ta không cách nào tập trung được. Đột nhiên không thấy nữa, rất nhiều nơi đưa tin tức này. Tôi tin rằng đây không phải là giả, tuyệt đối không phải là hoa mắt. Vì sao? Bởi không phải một mình tôi nhìn thấy, rất nhiều người bạn tôi cùng nhìn thấy.

 *“Hội Sớ viết, Chuyển Luân Vương giả, tứ châu chi chủ, do luân hoàn chuyển, oai phục nhất thiết cố”.*

Đây là chú giải trong Hội Sớ. Cho thấy trí tuệ, thần thông, đạo lực của chư Phật Bồ Tát chúng ta không sao tưởng tượng được. Luân Vương cùng với bốn châu, đơn vị thế giới này, hiện nay chúng ta gọi là hệ ngân hà. Họ đều rỏ ràng thấu triệt. Các nhà khoa học biết vẫn còn giới hạn, thật sự là có hạn. Không nói là đối với toàn thể vũ trụ, đối với hệ ngân hà biết được bao nhiêu? Hiện nay nhờ vào vệ tinh để đo lường, tiến bộ hơn ngày xưa rất nhiều. Dùng điện vô tuyến để truyền bá tin tức trong không trung. Dùng máy chụp hình để chụp lại những hình ảnh truyền đi, không phải tự thân đến xem. Tự thân xem, năng lực sáu căn chúng ta có hạn. Trí tuệ và tri thức chúng ta có hạn, chúng ta có thể lý giải về nó được bao nhiêu?

 Chư Phật Như Lai, pháp thân Bồ Tát minh tâm kiến tánh. Hơn nữa bất cứ khi nào các ngài đều có thể tập trung ý chí, nghĩa là các ngài nhất tâm bất loạn. Tư tưởng vừa tập trung liền nhất tâm bất loạn. Dù cảnh giới có thâm mật nhưng các ngài vẫn có thể nhìn thấu suốt. Đức Phật nói năng lực này mổi người chúng ta đều có. Nên nhớ rằng tất cả chúng sanh đều có trí tuệ đức tướng của Như Lai. Đức Phật nói đây là bản năng của chúng ta. Đáng tiếc, ngày nay chúng ta tập khí phiền não nghiêm trọng làm chướng ngại bản năng của mình. Nó không có khả năng tiêu diệt bản năng của ta, nhưng nó có năng lực tạo thành chướng ngại, khiến ta tạm thời mất đi diệu dụng. Đây là tập khí phiền não.

 Nghiêm trọng nhất trong tập khí phiền não, chúng ta đều biết ba độc tham sân si rất đáng sợ. Không biết rằng tham sân si đối với phàm phu ảnh hưởng rất lớn. Ngạo mạn đối với người cõi trời ảnh hưởng rất lớn, còn hoài nghi thậm chí đến Bồ Tát cũng bị ảnh hưởng. Nghiêm trọng nhất không phải hoài nghi người khác, mà hoài nghi chính mình. Người này không có lòng tin. Chư Phật bồ Tát đứng bên cạnh cũng rất nóng lòng. Muốn giúp cũng không giúp được, vì chúng ta không tin tưởng chính mình. Như vậy có thể vãng sanh chăng? Không thể vãng sanh. Muốn vãng sanh, điều thứ nhất là phải tin tưởng chính mình.

 Trong Di Đà Kinh Yếu Giải Ngẫu Ích đại sư nói tín có sáu loại. Thứ nhất là tin chính mình. Thứ hai là tin người khác\_Người là chỉ cho đức Phật A Di Đà, đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Không tin chính mình mà tin người khác cũng không thể vãng sanh. Và tin sự, tin lý, tin nhân, tin quả. Đây là sáu thứ cần phải tin.

 Thâm nhập Tịnh độ. Tín trong Tịnh độ nói như thế nào? Trung Phong thiền sư nói rất hay: “tâm ta chính là Phật A Di Đà. Phật A Di Đà chính là tâm ta”. Tâm tôi chính là Phật A Di Đà. Nếu không có lòng tin như vậy thì làm sao có thể vãng sanh? Làm sao có thể thấy Phật? Còn nếu có lòng tin như vậy, thì chúng ta tin tưởng sâu sắc đức Phật sẽ gia hộ cho chúng ta.

 Đời này ta tinh cần tu học, chắc chắn không gặp ma nạn, nhất định không có bệnh khổ. Vì sao? Chế tâm vào một chổ. Trong tâm không có bệnh thì thân làm sao có bệnh. Thân là hiện tượng vật chất, nó tuỳ theo ý niệm mà chuyển. Ý niệm có bệnh thì thân thể này chẳng thể không bị bệnh. Nên trong kinh Phật thường ví dụ, Đức Phật là bậc đại y vương. Danh hiệu của Bồ Tát là Dược Sư Bồ Tát, Dược Vương Bồ Tát. Đức Phật hiệu là Dược Sư Phật. Dược Sư Phật là ai? Phật A Di Đà. Dược Vương Bồ Tát là ai? Là Quan Âm, Thế Chí. Vị Phật nào không phải, vị Bồ Tát nào không phải. Trở về với tự tánh chính là trở về với chính mình. Vấn đề ở chỗ nào? Vấn đề ở chổ ta không tin, không chịu thừa nhận. Như vậy thì không còn cách nào khác. Nên Phật pháp càng thâm nhập thì lòng tin lại càng vững mạnh, tâm nguyện càng kiên cố. Đây là kinh nghiệm học tập của chính tôi. Lòng tin năm này mạnh hơn năm trước, tâm nguyện năm này vượt hơn năm trước, mới thật sự sanh tâm hoan hỷ. Đối với thế giới này, đối với tất cả muôn sự muôn vật không còn bị tiêm nhiễm. Tuy không bị tiêm nhiễm nhưng các ngài vẫn giữ được trung đạo. Đây là Bồ Tát đạo.

 Bất tức, bất nhiễm, bất ly cùng giúp đỡ nhau. Họ giúp đỡ tôi, tôi giúp đỡ họ. Họ giúp tôi nâng cao cảnh giới. Không có thuận cảnh nghịch cảnh, thiện duyên ác duyên bên ngoài. Chúng ta nâng cao như thế nào? Bất nhiễm chính là nâng cao, nhiễm là đoạ lạc. Bất nhiễm thì sẽ cảm ân, nhiễm sẽ kết oán. Tuyệt diệu là ở chổ này. Tâm nhiễm ô thì trở thành oán thân trái chủ. Không tiêm nhiễm chính là Phật Bồ Tát.

 Ở trên nói chủ của cõi trời lục dục, cho đến vua của sáu tầng trời cõi dục. Dục ở đây là gì? Tài sắc danh thực thuỳ. Người thế gian tham, chư vị thiên nhân cũng chưa buông bỏ. Trong sáu tầng trời thì tầng này đạm bạc hơn tầng kia. Trong kinh Đức Phật nói ra hình tướng của sự đạm bạc đối với tài sắc danh thực thuỳ. Tứ thiên Vương, cõi trời Đao Lợi với nhân gian không có gì khác biệt. Tình dục nam nữ cũng không có gì khác biệt. Nhưng trời Dạ Ma có khác biệt, tình dục nam nữ của họ là ôm ấp. So với chúng ta thì ít hơn rất nhiều. Chư thiên ở cõi trời Dục Giới phước báo lơn hơn chúng ta, sanh đến cỏi trời là hoá sanh chứ không phải thai sanh. Nên họ không có chịu nỗi khổ khi ở trong bào thai. Chư thiên ở cõi trời Đâu Suất nam nữ hội hợp chỉ là bắt tay. Nhạt hơn so với ôm ấp. Cao hơn nữa như chư thiên ở cỏi Trời Hoá Lạc, nam nữ gặp nhau là cười. Cõi dục giới trên cùng là trời Tha Hoá Tự Tại, họ chỉ gật gật đầu và mỉm cười. Càng đi lên cao, đến cõi trời Sắc Giới thì không còn nữa. Đối với ý niệm tài sắc danh thực thuỳ hoàn toàn không còn.

 Những điều này không còn, quý vị nên biết là thiền định của họ đã thành tựu, thành tựu được sơ thiền. Công phu thiền định đã chế phục được nó nhưng gốc rể vẫn chưa đoạn. Đây chính là chế tâm một chổ như trong kinh Phật nói. Họ trú tâm vào một chổ, chổ đó chính là thiền định, chính là định. Nên ý niệm về ngũ dục không sanh khởi, huống gì là có hành vi. Vì ý niệm hoàn toàn không có. Đây là công phu.

 Trong kinh Đức Phật nói những điều này, có thể chứng nghiệm ngay trong cuộc sống hằng ngày ở bản thân mình. Chúng ta đối với tài sắc danh thực thuỳ, người ta không bao giờ biết chán hay biết đủ, càng nhiều càng tốt. Người có công phu một chút thì sẽ biết đủ, ở trong xã hội này tôi sở hữu một ngàn vạn là đủ. Công phu cao hơn một chút, tôi chỉ cần 100 vạn là đủ. Quý vị thấy dục vọng của họ không phải đã hạ thấp xuống rồi sao! Thấp hơn nữa thì tôi có mười vạn là đủ dùng, cuộc sống không có gì phải lo lắng. Đây là dục vọng thấp xuống, tự mình có thể khống chế được. Tất cả tài sắc danh thực thuỳ đều có thể khống chế. Người như thế là đầy đủ điều kiện căn bản để tu hành, họ tu hành có thể có thành tựu.

 Người tu hành chân chánh, Đức Thế Tôn là tấm gương sáng cho chúng ta noi theo. Ngài buông bỏ tất cả, ngày ăn một bửa, đêm nghỉ dưới gốc cây, trên người chỉ có ba y và một bình bát. Ở trong xã hội thời đó, quốc gia đó. Mọi người rất tôn trọng người tu hành, đều đồng ý cúng dường người tu hành, không vấn đề gì. Bây giờ chúng ta ra ngoài khất thực thì chẳng có ai cho. Hoàn cảnh đã thay đổi. Nhưng người thật sự tu khổ hạnh thì ở trong thâm sơn, sinh hoạt nhờ vào cây trái dại để duy trì cuộc sống. Họ ăn những thứ này, nhưng tâm địa thanh tịnh không nhiễm chút bụi trần. Có người như vậy chăng? Có. Số ít, rất ít. Ở trong hoàn cảnh như vậy để tu, họ tu hành chân chánh. Họ có thể duy trì cuộc sống sao? Có thể duy trì. Vì sao? Họ tiêu hao năng lượng rất ít. Bởi tâm địa họ thanh tịnh.

 Ngày nay chúng ta hiểu được, năng lượng tiêu hao lớn nhất là vọng niệm. Người tu hành chơn chánh họ không có vọng niệm. Nếu một người để tâm nơi Phật của mình, nhất tâm chuyên niệm Phật của mình. Ngoài Phật ra thì không còn ý niệm nào khác. Điều này chúng ta có thể tưởng tượng được. Một tuần họ chỉ ăn một bữa cơm là đủ. Các bậc A la hán cũng như vậy. A la hán một tuần ăn một bữa là đủ. Họ như cây đèn tiết kiệm dầu vậy, thêm một lần dầu có thể thắp bảy ngày. Bảy ngày ăn một bữa cơm đối với họ là đủ. Con người bây giờ vọng niệm quá nhiều, từ sáng đến tối suy nghĩ lung tung. Một ngày ăn ba bữa cũng không no, cần phải thêm điểm tâm. Đạo lý là ở chổ này.

 Chúng ta mỗi ngày tiêu hao nhiều năng lượng, nếu bổ sung không đủ sẽ sanh bệnh, không chịu nổi. Việc này không thể học người khác. Khi nào có thể học? Vọng niệm giảm nhẹ, tâm đã định. Trong Phật pháp nói tu học được tam muội. Người được tam muội một ngày ăn một bữa, chắc chắn không vấn đề gì. Thật sự được tam muội, một hai ngày không ăn là chuyện bình thường. Họ không cảm thấy đói khát, không cảm thấy thể lực yếu ớt, sẽ không như vậy. Vẫn như thường, tinh thần sung mãn. Những điều này cũng chính là tự thân tôi đã trải nghiệm qua.

 Tôi học kinh giáo với thầy Lý. Thầy là cư sĩ tại gia. Tôi học với thầy ba năm, lúc đó tôi 30 tuổi. Thầy 69 tuổi, lớn hơn tôi 39 tuổi. Thầy Lý ngày ăn một bữa, mà ăn rất ít. Lượng công việc của thầy là bằng lượng công việc của năm người làm, nhưng một ngày thầy ăn một bữa. Thầy nói khoảng hơn 30 tuổi là bắt đầu ăn ngày một bữa. Đến nay đã gần 70 tuổi, như vậy là 40 năm thầy ăn ngày một bữa. Tôi cũng học thầy, nhưng bữa ăn của tôi nhiều hơn thầy. Ăn ít như thầy tôi không chịu được, chứng tỏ tâm thầy thanh tịnh hơn tôi. Lượng công việc của thầy nhiều hơn tôi.

 Tôi bắt đầu học Phật năm 26 tuổi. Học Phật nửa năm là tôi ăn chay trường, học Phật khoảng nửa năm tôi không ăn cơm chiều. Nên tôi thấy thầy Lý như vậy, tôi cũng không ăn sáng, không khó. Tôi có nền tảng, cũng có được mấy năm. Đến tháng thứ tám, mới đem chuyện này nói với thầy. Thầy hỏi tinh thần, thể lực có gì khác thường chăng? Tôi nói không có, rất bình thường. Thầy vổ bàn nói rất tốt, nên kiên trì mãi như thế. Vì sao? Suốt đời không cầu người khác. Chúng ta không cần nhiều, nên cuộc sống trải qua rất dễ, ngày tháng cũng đơn giản hơn. Con người mà đến chổ không mong cầu thì nhân phẩm tự cao. Đây là thật không phải giả.

 Ý niệm chúng ta chỉ có ngày ăn một bửa, còn không có ý niệm bữa cơm sáng và tối, thì không có chuyện gì cả. Nếu có suy nghĩ đến thì nhất định phải ăn, nếu không ăn sẽ đói. Không có ý niệm này thì không đói, không sao. Điều này khiến chúng ta nghĩ đến trong pháp đại thừa đức Phật thường dạy, tất cả pháp từ tâm tưởng sanh. Ba bữa cơm là từ tâm tưởng sanh ra. Nếu mổi ngày ta chỉ nghĩ đến một bữa cơm, thì hai bữa cơm đó chắc chắn không nghĩ đến, giống như không có nó vậy. Đây là điều mà tự thân tôi đã trải qua.

 Chư thiên ở cỏi trời Dục Giới đã đoạn ẩm thực. Tài sắc danh thực thuỳ đều không có. Không có này không phải thật sự không có, mà là do công phu thiền định đã chế phục được tập khí phiền não. Chư Thiên đạt được sơ thiền, nếu không thể tu tập đến nhị thiền tam thiền, sau khi thiền định họ mất đi, nghĩa là thọ mạng của họ kết thúc, họ không có cách để tiến lên trên thì chắc chắn hướng xuống dưới. Công phu thiền định mất đi thì phiền não lại khởi hiện hành. Nên đó gọi là tảng đá đè cỏ. Không phải chuyển phiền não thành bồ đề, họ chưa chuyển.

 Tầng trời sắc giới thứ mười tám. Tứ thiền là tầng trời thứ tư của Vô sắc giới đều là nhờ vào công phu thiền định, là tứ thiền bát định. Học Phật cũng cần phải tu. Mục đích tu định trong Phật pháp và mục đích tu định của họ không giống nhau. Họ tu định có thể nói là hưởng thụ, hưởng thụ niềm vui của thiền định. Cảnh giới trong định thuần tịnh thuần thiện, vì họ đã chế phục được phiền não. Tâm được thanh tịnh, nhưng phiền não của họ vẫn chưa đoạn tận. Nếu đoạn tận thì đó là chân thật thanh tịnh, họ đã ra khỏi lục đạo. Họ khắc phục, cũng gọi là đoạn phục chứ không phải là đoạn diệt.

 Tu định trong Phật pháp, định là muốn khai trí huệ, chứ không phải tham muốn niềm vui trong thiền định. Nhân định khai huệ, huệ mới có thể giải quyết vấn đề. Huệ như thế nào? Huệ có thể chuyển biến phiền não. Chuyển phiền não thành bồ đề là phải cần trí huệ. Thiền định không chuyển được, trí huệ mới chuyển được. Nên trong định khai trí huệ đây là thánh nhân, chứ không phải phàm phu. Quý vị nên biết, tầng trời thứ 18 đều là phàm phu. Sơ quả tiểu thừa đều là thánh nhân. Công phu thiền định của họ chưa sâu, còn rất cạn. Nhưng trong định của họ có trí huệ, đây là điểm không giống nhau. Nên tiểu thừa có thể rời bốn tướng. Thiền định có thể chế phục nhưng không thể rời. Vì họ không có trí huệ, có định mà không có trí huệ. Trí huệ khai có thể chuyển phiền não thành bồ đề và chuyển được bốn tướng.

 “*Phạm vương, đại pham Thiên vương chi dị xưng”* Phạm Vương trong kinh gọi là Đại Phạm Thiên Vương. “*Phạm Thiên tổng chỉ sắc giới chư thiên”.* Sắc giới có 18 tầng trời, sơ thiền có ba tầng trời. Nhị thiền, tam thiền đều là ba tầng trời, chín tầng trời. Tứ thiền có chín tầng trời. Phàm phu thiên có ba tầng. Ngoại đạo thiên có một tầng là vô tưởng thiên, Vô tưởng thiên là ngoại đạo. Tu thành công vô tưởng định là đến đó. Lên cao hơn nữa là chổ thánh nhân tiểu thừa tu học, là Ngũ Bất Hoàn Thiên có năm tầng.

 Nên tứ thiền có chín tầng trời. Tứ thiền là cỏi phàm thánh đồng cư. Trời Đâu Suất trong cỏi trời dục giới là Phàm thánh đồng cư độ. Trời Đâu Suất có ngoại viện và nội viện. Ngoại viện là phàm phu, nội viện là đạo tràng của Bồ Tát Di Lặc, là thánh nhân. Địa cầu này của chúng ta cũng là phàm thánh đồng cư. Chúng sanh tu đức, chúng sanh tu phước thì thánh nhân sẽ xuất hiện. Nếu chúng sanh tạo tội, thánh nhân tuy ở trên địa cầu nhưng ta không nhìn thấy họ, cũng không gặp được họ.

 *“Dĩ thượng cái biểu Bồ Tát dĩ thiện căn lực, cảm đắc sanh sanh tôn quý, đức cao vọng trọng, tài phú sung túc”.* Những điều nói ở trên chính là đoạn thứ nhất trong kinh văn. Đoạn nhỏ thứ nhất là phước trí. Trong Phật pháp thường nói là phước huệ song tu. Con người nhất định phải biết tu phước, tu huệ. Phước huệ song tu cũng không ngoài pháp bố thí. Tài bố thí được phước báo, được đại phú. Pháp bố thí được trí huệ. Vô uý bố thí được mạnh khoẻ trường thọ. Chúng ta đều hy vọng mình ở trên thế gian, có thể được ba loại quả báo này. Quả nhất định có nhân, nhân nhất định cảm quả. Nhân quả báo ứng không sai chút nào. Tu ba loại nhân nhất định cảm được ba loại quả báo.

 Mặc dù thiên tai hiện tiền mọi lúc mọi nơi, nhưng người có phước báo họ sẽ không chịu đói khát, đến lúc đó tự nhiên họ có thức ăn, luôn có y phục ấm áp. Vì sao? Bởi họ có phước báo. Tu nhân cảm được quả. Đặc biệt là thời đại hiện nay, thiên tai ngày càng nhiều. Khi chúng ta còn có năng lực này, nên hành bố thí. Quan tâm đến người bần cùng, chăm sóc người đau khổ, dùng tài lực, vật lực để chu cấp cho họ. Khi thiên tai xảy ra, ta sẽ gặp may mắn, bình an vô sự. Nếu chỉ biết mình không biết người khác, khi thiên tai đến e rằng chính mình còn không lo được. Trước lúc thiên tai, khi thiên tai chưa phát sanh, nên cố gắng tu nhân, như vậy mới là hành động đúng đắn nhất. Nên giữ tâm cho tốt, làm việc tốt, nói lời hay, làm người tốt. Như vậy nhất định có quả báo tốt đẹp.

 Bốn điều tốt này chúng tôi đã nói nhiều năm rồi, bây giờ lại đặc biệt nhắc nhở mọi người. Nên phải đoạn ác tu thiện, cải tà quy chánh. Đến giới khoa học của nước ngoài cũng khuyên mọi người như vậy. Bên dưới là nói về sự chiêu cảm quả báo.

 *“Nãi chí hoặc vi nhân vương, hoặc tác thiên đế. Thượng hoằng hạ hoá, năng mãn sở nguyện”.* Những người này đặc biệt là họ có đủ tâm từ bi, không nhẫn tâm nhìn thấy chúng sanh đau khổ. Muốn giúp chúng sanh lìa khổ được vui. Nếu mình không có của cải, sẽ không giúp được cho người khác. Không có trí huệ cũng không được. Có của cải, có trí huệ nhưng không có địa vị cũng không được. Đầy đủ ba điều kiện này thật không dễ. Trong ba điều kiện, nếu chỉ có một thì nên tận lực để làm. Tốt!

 Ba điều kiện này là lấy địa vị cao như nhân vương, thiên đế. Nên lấy họ làm thủ lĩnh. Chúng ta có của, đem của đó cống hiến cho họ. Chúng ta có trí huệ, cũng đem trí huệ cống hiến cho họ. Dưới sự lãnh đạo của họ để cứu độ tất cả chúng sanh khổ nạn là đúng. Họ làm việc tốt chính là chúng ta làm việc tốt. Họ ở trên địa vị cao, nếu không thể hành thiện tích đức thì sẽ tạo nghiệp rất nặng. Quả báo cũng có thể nghĩ là biết được. Cổ nhân có câu: “bất tại kỳ vị, bất mưu kỳ chánh”. Như vậy mới có thể duy trì an định cho xã hội, duy trì sự ấm êm cho thế giới. Giáo huấn của thánh hiền dụng ý rất sâu, chúng ta nếu có thể lãnh hội được thì nên y giáo phụng hành.

 *“Cánh dĩ thiện căn lực cố, đại nguyện lực cố, thường đắc trực Phật”.* Đây là gặp được. Phải cần thiện căn, cần đại nguyện mới có thể gặp được Phật pháp. Phật được gọi là bảo, đứng đầu trong tam bảo. Phật bảo, pháp bảo, tăng bảo. Gặp được Phật pháp có gì lợi ích? Gặp được Phật pháp có thể giúp ta thoát ly luân hồi lục đạo, vĩnh viễn không còn chịu khổ nữa. Có thể giúp ta thoát ly mười pháp giới, như vậy cũng chính là thành Phật. Điều này rất hy hữu khó gặp. Nhưng trong xã hội này nay người học Phật thì có, hình như người theo Phật giáo không ít. Trên toàn thế giới có khoảng năm sáu ức người theo Phật giáo, nhưng người học Phật chân chánh rất ít không nhiều. Họ tín ngưỡng Phật giáo nhưng không biết về Phật giáo, như vậy thì có khác gì người không học Phật.

 Phật ở đâu? Phật ở trong kinh điển. Nếu chúng ta không thể thâm nhập kinh tạng, thì chúng ta đối với Phật Bồ Tát không biết gì cả. Không biết các ngài, không hiểu về các ngài. Như vậy công đức lợi ích thù thắng của Phật pháp ta sẽ không đạt được. Khi Đức Thế Tôn còn tại thế, ngài đã thị hiện cho chúng ta thấy. Chúng ta cần phải nhớ và phải lãnh hội tỷ mỷ. 19 tuổi Ngài xa rời hoàng cung ra đi tìm đạo, sống cuộc đời khổ hạnh tăng. Trong đại thừa giáo nói ngài đã buông bỏ phiền não. Ngài đi tham học, học tập suốt 12 năm. Người trẻ tuổi này có đức hạnh, có trí huệ. Trong 12 năm đó, tất cả các tôn giáo đương thời ngài đều học qua, tất cả các học phái ngài cũng đều học hỏi. Sau đó lại đem sở học của mười hai năm đó buông bỏ hết. Ngài nhập định dưới cội cây bồ đề đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Trong nhà Phật nói ngài đã thành Phật. Sau khi khai ngộ ngài bắt đầu giáo hoá chúng sanh, 79 tuổi ngài viên tịch. Trong kinh điển ghi chép, suốt cuộc đời giáo hoá ngài giảng kinh hơn 300 hội. Thuyết pháp 49 năm, dạy học 49 năm.

 Hơn 300 hội như hiện nay chúng ta gọi là phân ban. Tổ chức hơn 300 đàn tràng, mổi đàn tràng thời gian dài ngắn không giống nhau. Thời gian ngắn nhất là hai ba ngày, thời gian dài nhất thì rất nhiều năm. Suối đời dạy học, ngoài ra không có hoạt động nào khác. Đức Thế Tôn có khi nào tổ chức Phật thất, không có. Đức Thế tôn có khi nào tổ chức thiền thất, cũng không có. Đức Thế Tôn có tổ chức pháp hội chăng? Cũng không có. Pháp hội mà trong kinh điển nói toàn là dạy học. Tổ chức lớp dạy học. Điều này ta cần phải biết.

 Nên Phật giáo so với các tôn giáo khác thì khác biệt quá nhiều. Các tôn giáo khác đều có thần minh làm chủ tể, nhưng trong Phật giáo không có. Trong Phật giáo chúng ta tôn sùng giáo chủ là Phật Thích Ca Mâu Ni. Đức Thế Tôn là một con người như bao con người khác. Ngài không phải thần cũng không phải tiên nhân. Người Ấn Độ gọi là Phật Đà, người Trung quốc gọi là thánh nhân. Danh từ Phật đà này dịch sang chữ Hán nghĩa là giác giả, tức là người giác ngộ, người khai ngộ. Người Ấn Đô gọi là Phật đà, thánh nhân của Trung quốc cũng chính là nghĩa này. Đối với chân tướng của nhân sinh vũ trụ thông đạt thấu triệt, người như vậy gọi là thánh nhân. Nên chữ thánh của Trung quốc và chữ giác của Ấn Độ là cùng một nghĩa.

 Bồ Tát là một người cầu giác ngộ, nhưng chưa chứng được giác ngộ. Họ là học trò của thánh nhân, hiện nay chúng ta gọi là hiền nhân quân tử, người Ấn Độ gọi là Bồ Tát. Cho nên Phật giáo là giáo dục của Đức Thế Tôn. Chúng ta phải giải thích như vậy, là giáo dục của Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn dạy điều gì? Dạy ta khai ngộ. Dạy ta thấu triệt chân tướng của nhân sinh vũ trụ. Nếu dùng tư tưởng của người xưa thì những gì Đức Thế Tôn làm trong suốt một đời là giáo dục thánh hiền. Nếu dùng cách nói ngày nay thì Đức Thế Tôn là một nhà giáo dục về triết học và khoa học. Cách nói này chưa được đại đa số người thừa nhận, nhưng vẫn có số ít người đã đề xuất ra.

 Khi tôi học Phật, tôi theo học triết học với thầy Phương Đông Mỹ. Thầy dạy cho tôi bộ triết học khái luận, có bốn mục. Mục cuối cùng là triết học trong kinh Phật. Câu đầu tiên thầy nói với tôi, Đức Thế Tôn là nhà triết học vĩ đại nhất trên toàn thế giới. Triết học trong Kinh Phật là đỉnh cao của triết học trên toàn thế. Học Phật là hưởng thụ cao nhất của đời người. Tôi đã học Phật như vậy trong suốt 60 năm. Cư sỹ Hoàng Niệm Tổ nói, chính là ở trong bộ kinh này, dở trang 338 sẽ thấy. Ông nói sau năm 1980. Các nhà khoa học cận đại của 30 năm trước, các nhà lượng tử vật lý học giảng giải với chúng ta. Họ dùng phương pháp khoa học để biết thêm về vũ trụ. Những điều họ nói hoàn toàn tương đồng với A lại da mà trong kinh Phật nói. Chứng minh Đức Thế Tôn là nhà khoa học vĩ đại nhất.

 Gần đây các nhà lượng tử học phát hiện. Đức Thế Tôn 3000 năm trước cũng đã nói tường tận như vậy, thấu triệt như vậy. Làm sao Đức Thế Tôn biết được? Ngài dùng thiền định, trí huệ. Thiền định, trí huệ là vốn có không phai từ bên ngoài vào. Thậm chí thiền định có thể nhìn thấy nguồn gốc của vũ trụ. Vũ trụ từ đâu đến? Các nhà khoa học nói là năng lượng, tin tức, vật chất. Chính là ba tướng vi tế của A lại da. Năng lượng là nghiệp tướng của A lại da. Tin tức là chuyển tướng của A lại da. Vật chất là cảnh giới tướng của A lại da.

 Trong giáo lý đại thừa nói còn rỏ ràng hơn cả các nhà khoa học, nên chúng ta có lý do để tin tưởng. Hai ba mươi năm sau Phật pháp đại thừa là khoa học cao nhất. Chúng ta không có hiểu biết đối với Đức Phật, vậy ta học điều gì? Sau khi nhận thức ta mới biết, giáo dục phổ cập trên thế giới là học luân lý, đạo đức, nhân quả. Giáo dục cao thâm hơn là học khoa học, triết học.

 Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

**HẾT TẬP 304**

# Tập 305

Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư
Chuyển ngữ: Hạnh Chơn
Biên tập: Bình Minh
Thời gian: ngày 27 tháng 02 năm 2011
Địa điểm: Tịnh Tông Học Viện \_Úc Châu

 Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Mời quý vị xem “Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải”, trang 357, từ dưới đếm lên hàng thứ sáu.

 Ở trước vẫn còn một câu.*“Dĩ thượng cái biểu Bồ Tát dĩ thiện căn lực. Cảm đắc sanh sanh tôn quý, đức cao vọng trọng, tài phú sung túc. Nãi chí hoặc vi nhân vương, hoặc tác thiên đế, thượng hoằng hạ hoá, năng mãn sở nguyện”.*

Câu này là giảng tiếp cõi trời lục dục ở trước, nói đến Đại Phạm Thiên. Đều lấy đa thiện căn, đa phước đức để thành tựu. Con người sống ở đời không thể không tu thiện căn. Thiện căn của thế gian có ba loại là không tham, không sân, không si. Đức Phật dạy tất cả thiện pháp trong thế gian đều từ ba thiện căn này sanh ra. Tương phản của nó gọi là tam độc, thâm sân si gọi là tam độc. Cũng chính là nói tất cả các pháp bất thiện, tất cả tội nghiệt của thế gian đều từ tham sân si mà sanh ra.

 Từ đó cho thấy, thiện căn sanh thiện ra thiện pháp, bất thiện sanh ác pháp. Đức Phật dạy nhất định phải tu ba thiện căn, không có ba thiện căn thì chẳng thể vào cửa Phật. Trong kinh Di Đà Đức Thế nói, không thể thiếu thiện căn phước đức nhân duyên mà được sanh về cõi đó. Nói cách khác, điều kiện cơ bản để vãng sanh về thế giới Cực Lạc là phải đầy đủ đa thiện căn, đa phước đức, đa nhân duyên. Quý vị thấy thế gian có người đại phước đức. Hoặc là làm vua của cõi người, hoặc là làm vua của cõi trời. Đây là đại phước đức. Thiện căn phước đức như vậy mới có thể vãng sanh thế giới Cực Lạc, cần phải đầy đủ các điều kiện. Không có điều kiện này làm sao có thể vãng sanh được.

 Phước đức nên tu từ đâu? Tu từ lục độ ba la mật. Tứ nhiếp pháp, lục độ là tu phước. Chúng ta có nổ lực làm chăng? Nhiều nhất là thực hành một ít bố thí. Tài thí, pháp thí, vô uý thí mà chúng ta thường nói. Nhưng sáu ba la mật, một tức là sáu, sáu tức là một. Chúng ta chỉ tu bố thí, còn rất sơ sài đối với trì giới, nhẫn ngục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ. Do vậy trong ba loại bố thí, người đời chỉ đạt được một chút ít phước báo, ít của cải, một chút thông minh trí huệ, một ít sức khoẻ trường thọ. Chỉ đạt được những thứ này. Còn những lợi ích chân thật không đạt được.

 Nếu mỗi một độ trong sáu độ đều đầy đủ, viên mãn lục độ ba la mật thì đây là đại phước báo. Ở cõi người thì làm vua, còn ở cõi tròi thì làm vua trời, ở trong pháp xuất thế là Bồ Tát. Những điều nói trên đây, đều là nói rõ thiện căn lực của Bồ Tát. Chỉ có sức mạnh của thiện căn, thiện căn và phước đức mới chiêu cảm được đời đời sanh vào gia đình tôn quý. Sống một ngày thì phải tu một ngày, nhất định phải mở rộng tâm lượng, có thể bao dung vũ trụ, điều này không phải là khoa trương.

 Trong kinh điển Đức Thế Tôn nói, tâm lượng bổn tánh của mỗi người đều lớn như vậy. “Tâm bao thái hư, lượng châu sa giới”. Chư Phật Như Lai đều là như vậy, tất cả chúng sanh cũng như vậy không sai khác. Chỉ có chúng sanh mê thất tự tánh, phạm vi khởi tâm động niệm của họ quá nhỏ. Chỉ biết lợi ích chính mình, chứ không biết lợi ích chúng sanh. Phàm là người đều thương yêu. Đây là lợi ích nhỏ, tâm lượng vẫn chưa lớn. Mười pháp giới y chánh trang nghiêm, họ chỉ nghĩ đến pháp giới người. Trong mười phần chỉ nghĩ đến một phần, còn chín phần khác họ không nghĩ đến. Tâm lượng của họ có thể gọi là lớn sao? Tâm lượng quá nhỏ. Người tâm lượng nhỏ như vậy nhưng hiện nay cũng rất khó tìm. Con người bây giờ chỉ biết bản thân, tự tư tự lợi. Ngoài bản thân mình ra, cha mẹ con cái của họ họ cũng không nghĩ đến. Tâm lượng nhỏ biết bao! Tâm lượng càng nhỏ thì tầng lớp quả báo đạt được càng thấp. Thấp đến cuối cùng chính là địa ngục vô gián. Nên cổ nhân thường nói lượng lớn thì phước lớn. Lời này rất có lý. Lượng nhỏ phước báo nhỏ, lượng lớn phước báo lớn.

 Trì giới có phải là bố thí chăng? Là bố thí. Là làm thật tốt để mọi người xem. Làm gương cho chúng sanh, làm mẫu cho chúng sanh. Như vậy sao có thể nói không phải bố thí? Trong đó tài thí, pháp thí, vô uý thí đều bao hàm tất cả. Nhẫn nhục là bố thí, tinh tấn cũng là bố thí. Thiền định, bát nhã vẫn là bố thí. Hy vọng trong một pháp bố thí, sẽ bao hàm tất cả năm pháp khác. Thật sự là một tức tất cả, tất cả tức là một. Đây gọi là Bồ Tát đạo, là pháp bồ đề. Họ chiêu cảm được, bất luận là cõi nào, nơi nào, ở đâu đều sanh vào gia đình tôn quý, có đạo cao đức trọng được mọi người tôn kính.

 Đức cao là thành tựu chính mình, được người tôn kính là quả. Mọi người trong xã hội rất tôn kính và theo người đó học tập. Của cải sung túc, của cải là do tu mà có. Tu tài bố thí nên có của cải. Sau khi kiến tánh thì đó là tự tánh. Của cải không phải tự mình hưởng thụ. Của cải là để cứu tế người nghèo khó, dùng nó để làm điều này. Nên họ được làm vua, hoặc làm thiên đế. Đây là địa vị cao nhất, quyền lực lớn nhất. “Thượng hoằng hạ hoá”. Họ có sứ mạng, có trách nhiệm hoằng dương thánh giáo. Nghĩa là giáo huấn của thánh nhân, tự mình tu hành và hoá độ người khác. Họ nhất định tuân thủ, nhất định thực hành, để làm gương tốt cho đại chúng trong xã hội. Chỉ có chính họ hành trì, dẫn đầu thực hành, nhân dân mới nghe, quần chúng mới nghe theo, chúng sanh mới mến phục. Theo họ học tập, y giáo phụng hành.

 Hạ hoá như thế nào? Y giáo phụng hành chính là hạ hoá chúng sanh, có thể mãn cầu sở nguyện. Sở nguyện của Phật Bồ Tát chỉ có một câu: Nguyện cho tất cả chúng sanh lìa khổ được vui. Chính là một nguyện này. Chư Phật Bồ Tát muốn thực hành viên mãn hạnh nguyện này, cần phải dùng phương pháp nào? Dùng cách dạy học. Phương pháp dạy học có thể giúp chúng sanh khai ngộ. Nỗi khổ của chúng sanh từ đâu mà có? Do mê mà có. Mê mà không ngộ, đây là căn nguyên của tất cả khổ. Đức Phật thấy chúng sanh mê thất tự tánh. Trong kinh thường có cảm thán rằng: là người đáng thương. Điều này là thật.

 Nguyên nhân chúng sanh được niềm vui là khai ngộ. Sau khi giác ngộ tư tưởng thuần chánh, ngôn hành như pháp, quả báo thù thắng. Như vậy chính là đạt được niềm vui. Mê thất tự tánh là tà mê tà kiến. Vọng ngữ tà hạnh chiêu cảm được quả báo là đau khổ. Đức Phật giúp tất cả chúng sanh bắt đầu từ căn bản. Chúng ta biết, chúng ta hiểu rỏ, thì sẽ biết phải làm thế nào. Khi Đức Phật còn tại thế ngài dùng phương pháp là thân hành và ngôn giáo. Đức Phật đã diệt độ, lưu lại kinh điển và chúng ta dùng kinh điển này để giáo hoá chúng sanh. Giáo hoá bằng cách nào? Cần Bồ Tát đến giáo hoá, không phải Bồ Tát thì không được. Bồ Tát y theo kinh giáo, học thân hành, ngôn giáo của Phật. Như vậy mới viên mãn được hạnh nguyện của Phật, mới thật sự là báo Phật thâm ân.

 Ai là Bồ Tát? Đệ tử Phật là Bồ Tát. Đệ tử Phật trì giới chính là thân hành. Trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định là thân hành. Ngôn giáo là bố thí. Tài thí, pháp thí, vô uý thí. Đây chính là trên hoằng dương chánh pháp, dưới hoá độ chúng sanh, viên mãn sở nguyện chư Phật.

*“Cánh dĩ thiện căn lực cố, đại nguyện lực cố, thường đắc trực Phật”*. Trực là gặp được, có duyên gặp được Phật. Phật ở đâu? Phật ở mọi lúc mọi nơi. Vậy tại sao chúng ta không nhìn thấy? Chúng ta không có thiện căn, không có nguyện lực. Nếu có đại thiện căn, đại nguyện lực sẽ nhìn thấy. Gặp được Phật mới có thể thân cận Phật, còn không gặp Phật thì làm sao thân cận được?

 Người mới học Phật thiện căn, nguyện lực chưa đủ, biện pháp duy nhất chính là hành trì theo kinh giáo. Trong kinh đại thừa Đức Phật dạy: “nơi nào có kinh điển là nơi đó có Phật”. Chúng ta mở quyển kinh là đối diện với Chư Phật Như Lai, như vậy chúng ta xem sẽ hiểu kinh. Mở quyển kinh ra mà không có cảm ứng với Phật, thì dù đọc tụng nhiều lần cũng không nhìn thấy Phật. Không thấu triệt nghĩa chân thật của Như Lai thì không thể nhìn thấy ngài. Ấn Quang đại sư thường nói: ‘một phần cung kinh được một phần lợi ích, mười phần cung kính được mười phần lợi ích”. Nếu không có tâm thành kính, dù có mở kinh quyển cũng không nhìn thấy Phật. Nếu có mười phần chân thành thì kinh vừa mở ra là Đức Phật liền hiện tiện. Một niệm tương ưng một niệm Phật, niệm niệm tương ưng niệm niệm Phật. Niệm đến khi thâm nhập vào trong tâm chân thành, phải được như vậy. Tâm chân thành chính là Phật. Tâm chân thành của chúng ta với tâm chân thành của Như Lai là tâm và tâm tương ứng, hợp lại thành một, như vậy mới thật thấy Phật.

 *“Ư chư Phật sở tôn trọng cúng dường, vị tằng gián đoạn”.* Thế gian tu phước báo không gì vượt qua được cúng dường Phật. Trong kinh giáo đại thừa thường ví dụ là dùng thất bảo trong đại thiên thế giới để cúng dường cũng không sánh bằng pháp cúng dường. Như thế nào gọi là pháp cúng dường? Y giáo phụng hành gọi là pháp cũng dường. Trong kinh Phật dạy như thế nào thì chúng ta nên hành trì đúng như vậy. Hết lòng tin tưởng, thật sự nghe hiểu và chuyên tâm hành trì, đây chính là cúng dường Phật.

 Cúng dường Phật có cần hương hoa vật phẩm chăng? Không cần thiết. Thường cho rằng chúng ta cúng dường hương hoa vật phẩm, Đức Phật sẽ rất hoan hỷ, như vậy là sai. Cúng dường thức ăn, Đức Phật có dùng không? Không có. Chư vị nên biết, những thứ này là tượng trưng lòng cung kính của chúng ta đối với Phật. Phật như thế nào? Như như bất động. Đức Phật thích chúng ta làm điều gì? Thích chúng ta hành trì theo giáo huấn. Chúng ta thật sự tu thiện căn không tham, không sân, không si. Thật sự đang tu lục Ba la mật, Đức Phật thích điều này. Vì sao? Quý vị nổ lực như vậy chính là ngày ngày đang thân cận Phật. Nếu chỉ cúng dường những thứ trên hình thức này, còn trong tâm vẫn tham sân si mạn. Vẫn là tự tư tự lợi, vẫn so đo tính toán thị phi nhân ngã. Như vậy trên thực tế, cự li giữa chúng ta và Phật ngày càng xa. Đức Phật đối với chúng ta cũng không còn cách nào khác, ta đã đi hướng ngược lại với Phật. Thuận theo giáo huấn của Phật tức là chúng ta và Phật đi cùng một hướng.

 Ngày nay đơn giản nhất, thù thắng nhất. Pháp môn vi diệu không gì qua niệm Phật. Điều này tôi đã nói rất nhiều, trong tâm chúng ta chỉ có đức Phật của mình. Ngoài đức Phật của mình ra còn tất cả đều buông bỏ hết. Thử hỏi nếu đức Phật ở ngay trước mắt chúng ta và bây giờ tiếp dẫn chúng ta về thế giới Cực Lạc. Khi đó chúng ta có ý niệm gì? Nếu nghĩ rằng tôi còn người thân, tôi muốn gặp họ. Tôi còn tài sản chưa giao phó rỏ ràng. Như vậy Đức Phật sẽ đi và không quan tâm chúng ta nữa. Quý vị cứ làm những việc đó đi. Những thứ đó là gì? Là việc trong luân hồi lục đạo.

 Bây giờ Phật đến tiếp dẫn, chúng ta nên vui vẻ đi theo ngài. Còn những việc thế gian không liên quan đến mình. Không có việc gì cả, việc gì cũng không có. Dứt khoát nhanh nhẹn, như vậy Phật sẽ dẫn ta đi ngay. Tôi khuyên quý vị đồng học, hàng ngày đều quán như vậy và từng giờ đều quán như vậy. Trong kinh Đức Phật dạy: mạng người vô thường chỉ trong hơi thở. Thở ra không hít vào thì mạng này đã kết thúc. Đừng tưởng rằng còn nhiều ngày, còn nhiều năm, đó là vọng tưởng. Người thường quán tưởng như vậy là người có cảnh giác cao. Đó là trí huệ chân thật, lợi lạc chân thật. Có cảnh giác cao độ. Mổi niệm đều đầy đủ điều kiện vãng sanh. Thiện căn, phước đức, nhân duyên. Thật là đa thiện căn, đa phước đức. Phước đức là buông bỏ được, thiện căn là nhìn thấu suốt. Thật sự rỏ ràng minh bạch và thật sự buông bỏ.

 *“Sở tác công đức, vô lượng vô biên thuyết bất năng tận”.* Một câu Phật hiệu đầy đủ vô lượng vô biên công đức. Không có gì thù thắng hơn công đức đó. Công đức này không bao giờ cùng tận. Chư Phật Như Lai cũng không nói hết, huống gì phàm phu. Đoạn dưới là nói về hạ hoá chúng sanh, lợi lạc hữu tình. Chúng ta đọc qua kinh văn một lần.

 *“Thân khẩu thường xuất vô lượng diệu hương, do như chiên đàn, ưu bát la hoa, kỳ hương phổ huân, vô lượng thế giới. Tuỳ sở sanh xứ, sắc tướng đoan nghiêm. Tam thập nhị tướng, bát thập chủng hảo, tất giai cụ túc. Thủ trung thường xuất vô tận chi bảo, trang nghiêm chi cụ, nhất thiết sở tu, tối thượng chi vật, lợi lạc hữu tình”.*

Trong đoạn văn này có ba đoạn nhỏ. Đoạn nhỏ thứ nhất là *diệu hương vô lượng”.* Đoạn nhỏ thứ hai là “*tuỳ loại hiện thân”*. Đoạn nhỏ thứ ba là*“tối thượng chi vật lợi lạc hữu tình*”. Chúng ta xem chú giải của Hoàng Niệm Tổ. *“Đại sĩ quảng tu bất khả tư nghì, Phổ Hiền đại sĩ chi đức. Cố kỳ thắng cảm diệc bất khả tư nghì”.* Thắng cảm tức là cảm ứng thù thắng. Câu này chúng ta cần phải ghi nhớ, cần phải học tập.

 Chúng ta sống trong thế giới khổ nạn này. Thế pháp hay Phật pháp đều phải biết cầu cảm ứng. Không có cảm ứng thì bất cứ việc gì cũng không thể thành tựu.

 Ngày xưa, lúc tôi khoảng hơn 20 tuổi, theo thầy Lý học kinh giáo. Tôi học không nhiều, nhưng so với các bạn đồng học thì tri thức của tôi phong phú hơn họ. Những điều thầy nói và đưa ra ví dụ rất nhiều, tôi đều có thể hiểu. Thầy nói với tôi, hoằng pháp lợi sanh cần phải đầy đủ các pháp thế xuất thế gian. Vì sao? Không hiểu pháp xuất thế gian là không khế lý. Không hiểu pháp thế gian là không khế cơ. Như vậy làm sao hoằng pháp lợi sanh được? Nếu chúng ta hiểu Phật pháp mà không hiểu pháp thế gian, thì những điều ta nói là khế lý mà không khế cơ. Nếu hiểu thế gian pháp mà không hiểu Phật pháp, như vậy là khế cơ không khế lý. Đều không thể hoằng pháp lợi sanh.

 Hai việc này, như pháp xuất thế gian trong bộ đại tạng kinh ta thông được chăng? Pháp thế gian, không nói gì khác, chỉ nói đến bộ sách lớn nhất Trung quốc như Tứ Khố Toàn Thư, trong đời này ta có thể đọc hết chăng? Có thể thông chăng? Trong giảng đường của chúng ta cũng có một bộ 1500 cuốn sách. Số lượng sách lớn như vậy, 1500 cuốn, không cách nào thông hết được. Như vậy phải làm sao? Thầy nói toàn bộ là dựa vào cảm ứng. Chúng ta cầu cảm ứng, nghĩa là cầu Phật Bồ Tát gia trì. Dùng điều gì để cầu? Dùng tâm chân thành. Dùng tâm chân thành để cảm động chư Phật Bồ Tát, chư Phật Bồ Tát sẽ có ứng. Cầu trí huệ của chư Phật Bồ Tát gia hộ cho chúng ta, chúng ta mới có thể đem bộ kinh này giảng một cách khế lý khế cơ. Tất cả đều dựa vào cảm ứng.

 Chân thành đến mức độ nào? Đến tột cùng. Gọi là chí thành cảm thông. Chí thành chính là chân thành đến cùng tột. Chân thành này là phải thật hành trì. Hành trì bằng cách nào? Phương pháp rất nhiều, có 8400 pháp môn. Tịnh độ tông rất vi diệu. Vì sao? Bởi nó đơn giản dễ dàng. Chỉ cần chí thành, chân thật niệm một câu A Di Đà Phật thì cảm ứng sẽ hiện tiền, cảm ứng không thể nghĩ bàn. Chỉ cần khởi cảm ứng với đức Phật, mặc dù suốt đời chưa từng nghe qua kinh giáo, chưa từng xem kinh. Bây giờ có người mời giảng giải bộ kinh này, chắc chắn quý vị sẽ giảng tốt hơn tôi. Vì sao? Quý vị được đức Phật gia trì. Những điều quý vị nói chính là đức Phật nói, ngài gia trì chúng ta. “Chế tâm nhất xứ, vô sự bất biện” là vậy. Nhưng điều này quý vị không chịu tin tưởng, nhất định có hoài nghi nên không thể thành công. Nếu thật tin tưởng, không có hoài nghi và thật sự hành trì, đến lúc đó nó sẽ thông suốt.

 Thông thường người có thiện căn. Có thiện căn là sao? Đối với các pháp trong thế xuất thế gian không tham, không sân, không si. Ba thiện căn này, thêm tinh tấn vào. Tinh tấn là thiện căn của Bồ Tát. Quý vị xem, đối với pháp trong thế xuất thế gian không tham, không sân, không si. Thâm nhập một pháp môn và huân tu lâu dài, tinh tấn không giải đãi. Đầy đủ điều kiện này, ít nhất năm ba năm thì cảm ứng sẽ hiện tiền và sẽ thông đạt. Nhiều thì tám, mười năm. Có chổ nào khó chăng? Không có chổ nào khó cả. Tất cả đều ở chỗ chân thành cảm thông, chế tâm nhất xứ. Đức Phật nói không có gì không làm được.

 “Chế tâm nhất xứ”, ý nghĩa tương đồng với Bồ Tát Đại Thế Chí nói “đô nhiếp lục căn. Vì sao? Vì lục căn rong ruổi bên ngoài. Chúng ta thu trở về chính là chế tâm một chổ. Thật ra mỗi căn đều rong ruổi khắp nơi, nên nó rất tán loạn, không có chút sức mạnh nào. Cách một trang giấy là nhãn căn đã không nhìn thấy. Quý vị nói có đáng thương không? Vì nó bị tán loạn. Nếu có thể chế tâm một chổ, đừng nói là cách một trang giấy mà cách một toà núi lớn. Núi bên kia có những gì ta đều nhìn thấy rất rỏ. Trong kinh giáo đại thừa nói tác dụng của lục căn, chẳng có gì không phải biến pháp giới hư không giới, nó không có chướng ngại.

 Mắt có thể thấy hư không pháp giới, có thể thấy vi trần, có thể nhìn thấy thế giới trong vi trần. Điều này chúng ta đã học trong kinh. Phổ Hiền Bồ Tát có thể nhìn thế giới trong vi trần. Trong thế giới vi trần còn có vi trần. Trong vi trần đó còn có thế giới trùng trùng vô tận, Bồ Tát Phổ Hiền thấy rất rõ ràng. Chẳng những thấy rõ ràng mà ngài còn vào trong đó. Ngài vào trong pháp giới vi trần để cúng Phật nghe pháp, không rời vi trần. Biến pháp giới hư không giới là cảnh giới không thể nghĩ bàn. Nên chúng ta nhìn thấy những pháp thân đại sĩ này. Đại sĩ quảng tu ở đây chính là nói Pháp Tạng Tỳ kheo. Ngài tượng trưng cho tất cả pháp thân Bồ Tát. Các ngài rộng tu tánh đức không thể nghĩ bàn của Bồ Tát Phổ Hiền. Chúng ta nhìn thấy rất ngưỡng mộ.

 Đức của Phổ Hiền đại sĩ chúng ta tu được chăng? Được. Chúng ta nên tu ba gốc tham sân si cho thật tốt. Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên, Thập Thiện Nghiệp phải thực hành trong cuộc sống, thực hành nơi đối nhân tiếp vật. Tiến thêm một bước nữa là tinh cần tu giới định huệ, tức diệt tham sân si thì thiện căn phước đức sẽ hiện tiền. Có thiện căn phước đức này để tu lục độ ba la mật của Bồ Tát, Phổ Hiền đại sĩ thập đại nguyện vương, nhất tâm phụng hành niệm niệm không thoái chuyển chính là quảng tu.

 Thập đại nguyện vương là cảnh giới của Chư Phật Như Lai. Chư Phật Như Lai đối với tất cả chúng sanh như thế nào? Điều thứ nhất trong Phổ Hiền đại nguyện là lễ kính. Tất cả chúng sanh không chỉ là người là trời, bao gồm tất cả hữu tình trong lục đạo. Còn bao gồm luôn cả cây cỏ hoa lá, sơn hà đại địa. Bao gồm hư không pháp giới. Mỗi ngày chúng ta lễ Phật, những lễ cuối cùng là lễ mười phương quốc độ vi trần pháp giới, hữu tình và vô tình đều viên thành chủng trí. Một cây hoa một cọng cỏ, một hạt bụi một sợi lông đều là Như Lai, đều là chư Phật, đều là đối tượng chân thành lễ kính. Nên nó được gọi là thắng cảm.

 Công đức rất thù thắng. Công đức này có thể cảm, nên quả đức không thể nghĩ bàn. Những điều dưới đây nói chính là quả đức của thập đại nguyện vương.

 *“Thủ vân, thân khẩu thường xuất vô lượng diệu hương”.* Đây là thân hành và ngôn giáo của đại thánh đại triết. Ở nơi thân và khẩu thoảng ra vô lượng hương thơm vi diệu. Mùi hương xông khắp mọi người. Xông khắp tất cả chúng sanh, xông khắp hư không đại địa. Nơi thân và khẩu thường thoảng ra vô lượng hương thơm vi diệu. Tôi đổi một chữ, nơi thân khẩu thường phóng ra vô lượng ánh sáng vi diệu. Ánh sáng là biến pháp giới hư không giới, hương thơm vi diệu là xông khắp hư không pháp giới.

 Thân khẩu ý của Bồ Tát tương ưng với tánh đức. Thân là hành vi của Phật, khẩu là lời nói của Phật, ý là tâm của Phật. Thân khẩu ý đều tương ưng với chư Phật Như Lai, đều tương ưng với mười phương chư Phật. Đây là quả chiêu cảm được. Chúng ta tu như thế nào chẳng phải đã rỏ rồi sao? Tâm của Phật A Di Đà là gì? Bốn mươi tám nguyện. Khẩu của Phật A Di Đà chính là ngôn ngữ của ngài, là Kinh Vô Lượng Thọ, là pháp bảo đại thừa. Tâm của Vô Lượng Thọ Phật, ý chính là tâm. Trong kinh có câu, tất cả đều thành Phật. Đây là tâm Phật A Di Đà, ngài nguyện tất cả chúng sanh đều thành Phật. Nếu chúng ta đầy đủ thiện căn thiện hành như vậy là tương ưng với Phật. Như vậy hương thơm vi diệu và trí huệ quang minh đều hiện tiền.

 Bên dưới giải thích ví dụ trong kinh. Chiên đàn là một loại gổ thơm của Ấn Độ, ở nước ta không có, được dịch là niềm vui*.* Chiên đàn, thông thường chúng ta gọi là đàn hương. *“Cứ huệ uyển âm nghĩa thử mộc hữu xích bạch nhị chủng”.* Nó có hai màu là đỏ và trắng. Chiên đàn trắng có thể trị bệnh nhiệt, chiên đàn đỏ có thể trừ trúng gió và phù thũng, nên gọi là niềm vui. Nó có thể giúp ta lìa khổ được vui. Nó có thể trị bệnh. Ấn độ có loại hương này nhưng Trung quốc không có. Ngày xưa cũng có thể là các pháp sư đem chiên đàn này đến Trung Quốc, làm lễ vật dâng lên hoàng đế. Tặng lễ vật cho hoàng đế, ít nhất cũng phải nặng một cân, ít hơn một cân người ta không nhận. Đại khái họ đem đến không nhiều.

 Người Trung Quốc cũng không biết thứ này của họ rất quý, nên họ đốt lên một viên. Chắc không lớn, một viên chắc lớn bằng hạt đậu nành. Chắc lớn gần bằng hạt đậu phụng, họ đốt một viên. Hương thơm của nó bay xa đến 40 dặm, cả một thành thị đều có thể ngửi thấy mùi hương của nó. Như vậy nên hoàng thượng mới thích và tiếp nhận, rất hy hữu.

 Đàn hương của Trung quốc cũng nổi tiếng. Khi bán là tính theo lạng. Chúng ta dùng nó để cúng Phật, nhưng không phải là chiên đàn trong kinh nói. Đàn hương cũng có thể làm thuốc, trong thuốc bắc có dùng đàn hương, dùng làm dược liệu. Ưu bát la là tiếng phạn, dịch thành chữ Hán hoa sen xanh, hoa sen đỏ. Mùi hương này mùi hương rất nồng nàn. Đây là ví dụ trong kinh.

 *“Diệu hương, do như chiên đàn, ưu bát la hoa. Kỳ hương phổ huân vô lượng thế giới. Huệ Uyển Âm Nghĩa viết, ưu bát la, hoa hiệu dã”.*

Tên của loài hoa, tên một loại hoa của thời Ấn Độ cổ. Lá của nó nhỏ mà dài, ở dưới tròn lên trên là nhọn dần. Giống như mắt của Phật, trong kinh thường hay ví dụ. Mắt của Phật giống như hoa ưu bát la. Chúng ta thường gọi là hoa sen xanh, loài hoa này chúng ta chưa nhìn thấy. Chúng ta chỉ nghe nói mắt của Phật giống như hoa sen xanh. Nghĩ đến hoa sen, con mắt mà lớn như vậy thì rất khó coi. Mắt như vậy chắc không phải 32 tướng. Thì ra chúng ta không biết, hoa sen xanh của Ấn Độ, hoa ưu bát la. Cánh hoa nhỏ mà dài, giống như hoa cúc của chúng ta vậy. Lá hoa cúc rất nhỏ rất dài. Hoa sen cũng như vậy, nhưng ở Trung quốc cũng không có. Nên trong kinh điển thường dùng hoa sen xanh để hình dung mắt của Phật.

 *“Đại sĩ thân khẩu thường xuất diệu hương, nãi thị giới đức chi sở cảm”.* Đây là tu đức, không phải là tánh đức. Đại sĩ ở đây là vì chúng ta thị hiện. Thân thể con người đều có mùi hương toát ra. Chẳng những có mùi hương toát ra mà còn có từ trường. Từ trường trong Phật pháp gọi là ánh sáng. Trong khí công gọi là khí. Điều này có thật, người luyện khí công có thể nhìn thấy. Nhìn thấy ánh sáng nơi thân chúng ta, màu sắc lớn nhỏ không giống nhau. Từ màu sắc và lớn nhỏ có thể nhìn thấy công phu của người đó.

 Thông thường người có tâm địa thiện lương, có từ bi, có trí huệ thì từ trường này rất thù thắng. Tâm hành bất chánh cũng có khí toát ra, nhưng màu sắc khí này không tốt. Là màu mun, màu tối. Còn nếu tốt, tốt nhất là màu kim, màu vàng, màu trắng. Màu hồng cũng coi là không tệ. Có thể nhìn thấy tình trạng thân thể của một người. Người nước ngoài gọi là từ trường. Ở đây thân và khẩu của Bồ Tát thường thoảng ra mùi thơm vi diệu là do giới đức chiêu cảm nên. Đời đời kiếp kiếp trì giới không thiếu sót, nên chiêu cảm được ánh sáng và hương thơm từ nơi thân khẩu, là hương thơm và ánh sáng trang nghiêm.

 Trong Kinh Phật Quán, quyển thứ ba nói “thường dĩ giới hương, vi thân anh lạc”. Đệ tử Phật lấy gì để trang nghiêm tự thân? Lấy giới. Trì giới, tu định thân thể sẽ có hương thơm. Hương này người thường không dể tiếp xúc, không dễ ngửi được. Người có công phu một chút có thể nhìn thấy ánh sáng của ta. Chúng ta xem truyện ký của Phật Sống Kim Sơn. Tuy từng đoạn không hoàn chỉnh, do pháp sư Lạc Quán viết. Tôi cũng rất có duyên với pháp sư Lạc Quán. Có lần tôi ở Đài Bắc giảng Kinh Di Đà Sớ Sao. Lúc đó rất khó khăn, không có kinh sách. Pháp sư Lạc Quán biết nên hỏi tôi có kinh không? Tôi nói không có. Thính chúng cũng không có kinh. Lúc đó pháp sư in 1000 cuốn để kết duyên với mọi người, tặng tôi 100 cuốn.

 Pháp sư Lạc Quán từng sống chung với Phật Sống Kim Sơn bốn tháng, thời gian cũng tương đối dài. Đối với sự hành trì của Phật Sống, pháp sư cảm thấy thật không thể nghĩ bàn. Phật Sống ăn mặc rất đơn giản và cũng rất nhếch nhác, vì áo quần của ngài chưa từng giặt. Ở trong một bộ đồ ngắn, bên ngoài cái áo dài, ngoài ra ngài không có gì cả. Xuân hạ thu đông đều mặc như vậy. Mùa đông ngài cũng không lạnh, mùa hè cũng không nóng. Ngài chưa bao giờ từng tắm, cũng chưa bao giờ gặt áo quần, chưa thay áo quần. Nhưng áo quần của ngài thật sự có mùi hương của hoa sen xanh. Kỳ lạ, có người khi thân thể bệnh hoạn, đến ngửi áo quần của ngài thì bệnh liền khỏi. Thật không thể nghĩ bàn, mùi hương cũng có thể trị bệnh. Hương chiên đàn, hương hoa sen. Mùi hương hai loài hoa này như nhau. Nhưng nó không phải từ trong chiên đàn, không phải từ trên hoa sen bay ra. Nó bay ra từ thân thể. Đây là giới đức, là do trì giới chân chánh mà chiêu cảm ra như vậy.

 Người thế gian lấy châu báu làm anh lạc. Nên nói châu quang bảo khí để trang nghiêm thân. Đệ tử Phật dùng giới định huệ trang nghiêm thân. Có giới, có định, có trí huệ.

 *“Hựu Giới Hương Kinh viết, thế gian sở hữu chi hoa quả, nãi chí trầm đàn long xạ hương. Như thị đẳng hương phi biến văn, duy văn giới hương biến nhất xứ”.*

Hoa thơm quả lạ ở trên thế gian này cho đến trầm thuỷ hương, đàn hương, long xạ hương. Những mùi hương của thế gian này đều không thể bay khắp mọi nơi. Nói cách khác, mùi hương của nó bay đi không xa. Khi đến gần mới ngửi thấy, đi xa không còn ngửi thấy nữa. Chỉ có hương thơm của người trì giới có thể biến khắp mọi nơi. Hương thơm và hào quang của Chư Phật Như Lai và pháp thân đại sĩ biến khắp pháp giới.

 *“Bổn kinh viết, kỳ hương phổ huân vô lượng thế giới”.* Có bao gồm thế giới chúng ta chăng? Họ không nói thế giới Ta bà là ngoại lệ. Không nói, không nói tức là khẳng định bao gồm cả thế giới chúng ta trong đó. Nhưng vì sao con người ở thế giới chúng ta không ngửi được? Đức Phật nói, không phải hương thơm và hào quang không biến khắp mười phương, mà do chướng ngại của chính chúng ta. Cái gì làm chướng ngại? Phiền não làm chướng ngại. Vô minh phiền não, trần sa phiền não, kiến tư phiền não. Vì những thứ này mà ta không ngửi được, cũng không thấy được. Ba loại phiền não lớn này, chỉ cần đoạn tận kiến tư phiền não sẽ nhìn thấy hào quang và ngửi được hương thơm. Người này là ai? Tiểu thừa tứ quả và đại thừa thập tín Bồ Tát.

 Sơ quả và sơ tín vị của đại thừa, họ chỉ đoạn được 88 phẩm kiến hoặc trong tam giới, còn tư hoặc chưa đoạn. Như vậy họ đã ngửi và thấy được mùi hương và hào quang. Điều này không phải giả. Quý vị nói, phổ biến nhưng tại sao chúng ta không ngửi được? Một phẩm kiến tư phiền não chúng ta cũng chưa đoạn, nên nó làm chướng ngại. Chư Phật Bồ Tát lấy hương thơm và hào quang làm Phật sự. Hào quang giúp ta khai trí huệ, hương thơm giúp ta đoạn phiền não. Như vậy chúng ta có thể lãnh hội được thế giới Cực Lạc vô cùng thù thắng trang nghiêm. Mỗi câu kinh văn là vô lượng ý nghĩa, nhưng chỉ có một mục tiêu là khuyên chúng ta tín nhạo. Chúng ta tin tưởng và sanh tâm hoan hỷ, phát nguyện cầu sanh tịnh độ. Vãng sanh đến thế giới Cực Lạc thì những điều này ta đạt được hết.

 Sanh đến thế giới Cực Lạc, cõi phàm thánh đồng cư hạ hạ phẩm vãng sanh, đều là A Duy Việt Trí Bồ Tát. A Duy Việt Trí Bồ Tát hương thơm và hào quang trên thân đều chu biến pháp giới. Thế giới này có gì đáng để lưu luyến. Thân tình không buông bỏ được, đó là do ngu si, do ta không có trí huệ. Dù có thân nhưng có thể vĩnh viễn không xa rời chăng? Không thể! Lục đạo lưu chuyển thì không biết ai đi đường nào. Nếu ta thật sự có thân tình, nhưng có trí huệ thì nên nhanh đến thế giới Cực Lạc, sau đó độ họ cùng về thế giới Cục Lạc và cùng nhau ở đó học tập. Tương lai có thể cùng nhau đi hoằng hoá khắp mười phương. Một vị Phật xuất thế là ngàn vị Phật ủng hộ, đây mới gọi là trí huệ chân thật.

 Tất cả những thứ trên thế gian này đều là giả, không có gì là thật nên không thể lưu luyến. Có một chút tâm lưu luyến chính là mê hoặc điên đảo, nên xem thế gian này chẳng khác nào một giấc mộng. Nó chỉ là cảnh giới trong mộng. Nếu có thể nhìn được như vậy, gọi là nhìn thấu suốt sẽ giúp ta buông bỏ. Thật như một giấc mộng! Sau khi nhìn thấu suốt không còn nhiễm một chút trần thì sẽ buông xã một cách sạch sẽ. Như vậy là tương ưng với đạo. Đạo là tự tánh, đạo là Cực Lạc, đạo là Phật.

 Sau cùng kết luận *“cố tri kỳ hương ưng thị giới hương dã”.* Pháp Tạng Bồ Tát hương xông vô lượng thế giới, là hương thơm của người trì giới chứ không có gì khác. Trì giới nhất định bắt đầu từ Đệ Tử Quy. Đệ Tử Quy là nền tảng giới luật, là cơ sở. Không từ chổ này cắm rể thì không thể thành tựu. Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên, Thập thiện Nghiệp là gốc rể. Sau đó đến Tam quy ngũ giới, Sa Di thập giới và Oai nghi tự nhiên mà thành tựu không có chút khó khăn nào. Bây giờ cảm thấy giới sao mà khó trì như vậy không cách nào làm được, là do tập khí phiền não quá nặng. Lại không chịu bắt đầu từ căn bản, như vậy thì đời này không có hy vọng gì.

 Quý vị nên nhớ, không có giới là không có thiện căn. Không có tứ nhiếp pháp và lục độ tức là không có phước báo. Phước báo của Bồ Tát là tứ nhiếp pháp và lục độ. Thiện căn của Bồ Tát là giới định huệ.

 Bên dưới nói *“tuỳ sở sanh xứ, sắc tướng đoan nghiêm. Đoan giả, đoan chánh. Nguỵ Dịch ngôn, dung sắc đoan chánh. Nghiêm giả, trang nghiêm. Tam thập nhị tướng tựu Phật trượng lục hoá thân nhi ngôn, tắc hữu tam thập nhị tướng”.* Tam thập nhị tướng là chỉ thân tướng của Đức Thế Tôn khi còn tại thế. Đây là thân ứng hoá. *“Nhược tựu báo thân, tắc hữu bát vạn tứ thiên tướng”.* Là nói về tướng. Trong kinh giáo đại thừa tán thán báo thân Phật. Thân có vô lượng tướng, tướng có vô lượng đẹp, không chỉ tám vạn bốn ngàn. Nói như vậy có gì mâu thuẫn chăng? Không có? Vì sao không có? Bởi tám vạn bốn ngàn là tướng lớn, trong mỗi tướng đó có rất nhiều tướng hảo. Nên vô lượng tướng là từ trong tám vạn bốn ngàn tướng mà ra. Vô lượng tướng quy nạp lại là tám vạn bốn ngàn tướng. Triển khai tám vạn bốn ngàn tướng là vô lượng vô biên tướng tốt, nên nó không có mâu thuẫn.

 Giống như thập thiện nghiệp vậy. Thập thiện nghiệp có mười điều. Bồ Tát triển khai thập thiện nghiệp thành tám vạn bốn ngàn tế hạnh. Tám vạn bốn ngàn tế hạnh quy nạp lại chính là thập thiện nghiệp đạo. Tiểu thừa triển khai ra thành ba ngàn oai nghi, triển khai thành ba ngàn điều. Bồ Tát triển khai thành tám vạn bốn ngàn điều. Quí vị có thể tra được trong từ điển Phật học, trong Pháp Số cũng có. Nên khai và hợp không giống nhau.

 *“Bát thập chủng hảo, chỉ bát thập tuỳ hình hảo, thử diệc tựu trượng lục chi thân nhi ngôn”.*

Tám mươi tướng hảo và 32 tướng này đều là chỉ tướng tốt của Đức Thế Tôn. 3000 năm trước ngài ứng hoá thân tướng ở thế gian này. *“Quán Kinh viết vô lượng Phật có bát vạn tứ thiên tướng. Nhất nhất tướng các hữu bát vạn tứ thiên tuỳ hình hảo”.* Trong Quán Kinh tán thán tướng hảo của đức Phật. *“Hựu Pháp Giới Thứ Đệ hạ quyển vân, tướng hảo nãi đồng thị sắc pháp”.* Ngày nay chúng ta gọi là hiện tượng vật chất. *“Giai vi trang nghiêm hiển phát Phật thân. Đản tướng thị tổng, hảo thị biệt”*. Nói về tướng là từ tổng tướng mà nhìn, nói về hảo\_tốt thì từ biệt tướng mà nhìn. Tướng nếu không tốt thì không viên mãn.

 Chúng ta xem bên dưới *“Long Vương thích phạm diệc hữu tướng, dĩ vô hảo cố”.* Long Vương và Đế Thích Phạm Vương họ có tướng nhưng không tốt. Có tướng nhưng không vi diệu. Tướng là do tu phước mà chiêu cảm được. Hảo đương nhiên cũng không ngoại lệ. Hảo là tế tướng. Công đức thù thắng không gì sánh được mới cảm được tướng hảo. Đại Trí Độ Luận nói: *“tướng thô nhi hảo tế, chúng sanh kiến Phật tắc kiến tướng, hảo tắc nan kiến cố. Hựu tướng giả dư nhân cộng đắc, hảo giả hoặc cộng hoặc bất cộng. Dĩ thị cố, tướng hảo biệt thuyết”.* Tướng là Phật đạt được. Chuyển Luân Thánh Vương cũng đạt được, đại Phạm Thiên Vương cũng đạt được. Trời Đế Thích cũng có, chính là Đao Lợi Thiên Vương. Nghĩa là người khác cũng có. Tuy có tướng nhưng không tốt. Tốt thì thật không dễ.

 *“Hảo hoặc cộng hoặc bất cộng, dĩ thị cố tướng hảo hữu biệt”.* Chúng ta thấy những vị thiên vương này. Chuyển Luân Thánh Vương là thấp nhất. Ông có tướng nhưng không tốt. Đao Lợi Thiên Vương phước báo lớn hơn Chuyển Luân Vương, đây là Thiên Vương. Đại Phạm Thiên Vương cao hơn nữa. Và cao hơn nữa là Ma Hê Thủ La Thiên vương. Chúng ta tin rằng càng lên cao thì càng tốt, càng rỏ ràng. Đầy đủ tướng hảo của Như Lai. Vì sao? Bởi họ tu giới định huệ viên mãn. Những vị Thiên Vương này tuy tu phước tu đức, nhưng so với Phật thì thua xa.

 Ma Hê Thủ La Thiên Vương thống trị chỉ là một đại thiên thế giới mà thôi. Như Hoàng Niệm Lão nói, một hệ ngân hà. Họ làm vua của một hệ ngân hà. Hệ ngân hà mà nhìn địa cầu thì quá nhỏ, rất nhỏ bé. Là vua của hệ ngân hà. Nếu địa cầu được coi là một thành viên của hệ ngân hà, thì địa cầu này là một thôn nhỏ. Vua ở địa cầu này là Chuyển Luân Vương. Thống nhất toàn địa cầu đó là trưởng thôn. Vua của hệ ngân hà không phải chỉ là một trưởng thôn sao? Nên họ có 32 tướng nhưng không tốt. Từ đó chúng ta có thể lãnh hội được. Cho thấy *“tướng nãi kỳ thô giả, cộng giả, hiển nhi dị kiến dã”.* 32 tướng này hiện mà dể thấy. *“Hảo nãi tế giả, bất cộng giả, vi diệu nan kiến giả. Pháp Tạng Bồ Tát nhân địa, ư tam thập nhị tướng bát thập chủng hảo, tất giai cụ túc, vô hữu khuyết thiểu”.* Giống như Đức Thế Tôn 3000 năm trước thị hiện ở cõi nhân gian này. Đương thời ở Ấn Độ những người có duyên với Phật, người đã từng thấy Phật đều nhìn thấy. Pháp Tạng Bồ Tát khi còn ở nơi nhân địa, trước khi thành Phật, cũng giống như chư Phật ứng hoá ở thế gian này vậy. Tướng hảo là do tu mà có được, đến lúc nào tướng hảo này mới viên mãn hiện tiền? Kiến tánh sẽ hiện tiền. Minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật. Kiến tánh thành Phật không phải là ứng hoá thân Phật, mà là báo thân Phật.

 Như ở trước nói tám vạn bốn ngàn tướng là 64 ức 1600 vạn tuỳ hình hảo. Minh tâm kiến tánh sẽ đạt được. Đạt được nhưng vì sao ở thế gian này không phô diễn cho mọi người thấy? Phô diễn cho mọi người thấy, con người cần phải có phước báo. Nếu không có phước báo lớn như vậy thì không thể nhìn thấy được. Quý vị nói 64 ức 1600 vạn tuỳ hình hảo, mắt thường nhìn thấy chăng? Không nhìn thấy. Dùng kính hiển vi cũng chưa chắc có thể nhìn thấy. Điều này có nghĩa là đã phô bày trước mắt nhưng do ta không nhìn thấy, chính là ý này. Nên chư Phật Bồ Tát thị hiện ở nhân gian. Trong kinh Lăng Nghiêm nói rất hay: *“tuỳ chúng sanh tâm ứng sở tri lượng”.* Những gì Đức Phật hiện ra nhất định là tuỳ theo tâm của chúng sanh. Tuỳ theo phước báo của chúng sanh, nhân duyên của chúng sanh mà hiện tướng.

 Từ đó cho thấy, Chư Phật Bồ Tát hiện tướng không phải theo ý mình. Chính mình không có khởi tâm động niệm, tự nhiên cảm ứng. Phước báo lớn thì nhìn thấy nhiều, phước báo ít thì nhìn thấy ít, không giống nhau. Đến Quan Âm Bồ Tát trong động Phạm Âm ở núi Phổ Đà hiện tướng mỗi người xem cũng không giống nhau. Có phải là Quan Âm Bồ Tát thích người này nên hiện tướng này cho họ thấy? Không phải. Bồ Tát Quan Âm không có khởi tâm động niệm. Mỗi người nhìn thấy tướng của ngài không giống nhau, hoàn toàn là do nhân duyên của mỗi người không giống nhau. Đây chính là nói về thiện căn phước đức nhân duyên không tương đồng.

 Pháp sư Thánh Nhất khoảng năm 1980, vừa mới mở cửa, vẫn chưa mở cửa. trong mấy năm đó, ba vị pháp sư đi núi Phổ Đà. Ở trước cửa động Phạm Âm để lễ lạy Bồ Tát Quan Âm. Lạy hơn nửa tiếng thì Quan Âm Bồ Tát xuất hiện. Cả ba người đều nhìn thấy. Trên đường trở về, cả ba pháp sư hỏi nhau quý vị nhìn thấy như thế nào? Kết quả ba người đều nhìn thấy không giống nhau. Pháp sư Thánh Nhất nhìn thấy ngài đội mũ tỳ lô, giống như tướng của Địa Tạng Bồ Tát vậy. Toàn thân kim sắc, đội mũ tỳ lô. Một vị pháp sư khác nhìn thấy bạch y Quan Âm. Hiện thân người nữ, bạch y Quan Âm. Vị pháp sư thứ ba nhìn thấy ngại hiện thân tướng của vị tỳ kheo. Tướng của người xuất gia, là thân nam. Ba người nhìn thấy hình tướng không giống nhau, mỗi người nhìn thấy không giống nhau, không phải nhìn thấy ba người mà chỉ nhìn thấy một. Quý vị thấy đó cùng hiện một thân nhưng mỗi người thấy không giống nhau. Tuỳ theo tâm chúng sanh mà hiện ra. Lý và sự này chúng ta cần phải hiểu. Hai người chúng ta đồng thời cùng lễ Phật, nhưng mổi người đều thấy không giống nhau.

 Đoạn dưới nói: *“Thủ trung thường xuất vô tận chi bảo. Trang nghiêm chi cụ, nhất thiết sở tu, tối thượng chi vật, lợi lạc hữu tình”.* Đoạn kinh “thủ xuất chư bảo” này. “Vô tận” không phải là một loại mà rất nhiều. Trong chú giải nói trong tay hiện ra nhiều bảo vật. *“Như Duy Ma Kinh trung chi bảo thủ dữ diệu bích nhị Bồ Tát”*. Trong Kinh Duy Ma Cật nói, thật ra bảo thủ và diệu bích, tất cả Như Lai đều đầy đủ. Tất cả pháp thân Bồ Tát cũng đầy đủ. *“La Thập đại sư viết, bảo thủ giả. Thủ trung năng xuất vô lượng trân bảo dã. Hựu vân, dĩ bố thí cố. Thủ xuất vô tận bảo vật, như ngũ hà lưu, cố danh diệu bích”.*

Trong đây có một câu chúng ta phải đặc biệt chú ý là “dĩ thí báo cố”. Thí là nhân, báo là quả. Bồ Tát ở nơi nhân địa tu bố thí ba la mật, nên được quả báo thù thắng trang nghiêm như vậy. Ở đây chúng ta có thể thấy công đức thù thắng của nhân quả báo ứng. Bồ Tát tu bố thí, mục đích là đoạn phiền não, đoạn tham sân si mạn nghi. Bố thí chính là xả bỏ, chính là buông bỏ. Mục đích là như vậy. Đức Phật dạy người thế gian mới học bố thí, học bố thí nếu không có quả báo họ sẽ không chịu làm. Nên Bồ Tát dạy họ đều là dùng lời chân thật, Đức Phật chắc chắn không vọng ngữ. Ngài dạy chúng ta tu bố thí sẽ được giàu có sung túc. Nhất định phải biết, tài chính là quả, có quả tất có nhân. Nhân là gì? Nhân là tu tài bố thí. Càng bố thí càng nhiều, càng nhiều thì càng phải bố thí, nhất định không nên tham tài. Bồ Tát tu tài bố thí là đem tài đó, ý niệm tham tài đó buông bỏ. Đối với tài vật không có một chút tham luyến nào, không có ý niệm tham này. Đây gọi là viên mãn bố thí ba la mật. Chỉ cần còn có tham tâm là vẫn chưa viên mãn. Điều này chúng ta cần phải nỗ lực học tập. Khi nào đoạn tận tham tâm thì tài thí được viên mãn.

 Lúc nào đem pháp bố thí, pháp cũng tham. Người học Phật không tham tài nhưng tham pháp. Như vậy là sai, vì tham tâm vẫn chưa đoạn. Khi nào ý niệm về tham pháp cũng không còn thì pháp bố thí mới viên mãn.

 Vô uý bố thí được mạnh khoẻ trường thọ. Còn ý niệm lam thuyến trường thọ thì chưa viên mãn, nhất định phải đoạn tận ý niệm muốn trường thọ mạnh khoẻ đó. Như thế thì ba loại bố thí đều viên mãn. Ba loại bố thí đã viên mãn thì trong tay tự nhiên thường hiện ra\_thường là không có gián đoạn. Giống như biến pháp thuật vậy, muốn thứ gì đều có sẵn trong tay. Tự tại biết bao! Chúng sanh thiếu gì thì trong tay tự nhiên hiện ra những bảo vật đó để giúp đỡ họ. Họ muốn những thứ gì trong tay liền xuất hiện thứ đó. Vô tận vật bảo, như năm dòng nước. Năm dòng sông là của Ấn Độ. Dòng sông của Trung Quốc như Trường Giang, Hoàng Hà, Châu Giang. Đây là ba dòng sông lớn. Còn Ấn Độ có năm dòng sông lớn. Nước trên sông tự nhiên chảy ra biển cả, dùng để ví dụ trên tay hiện ra vô tận bảo tạng. Giống như nguồn nước trong dòng sông lớn không ngừng chảy vào biển cả. Lấy điều này làm ví dụ. Nên thủ bích này gọi là diệu bích. Thủ gọi là bảo thủ. Đây toàn là quả do tu nhân mà có, không tu nhân thì không được.

 Bồ Tát ở nơi nhân địa, đời đời kiếp kiếp, đều tu nhân. Đến khi ngài chứng quả, thì quả báo này liền hiện tiền. Vô tận báu vật này từ đâu mà có? Chắc chắn phải có nguồn gốc. Tôi nghĩ các bạn đồng học đều biết, nó từ trong tự tánh hiện ra. Ngài Huệ Năng nói rất hay: “đâu ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ”. Vốn tự nó đã đầy đủ, đầy đủ vô lượng diệu bảo. Đến khi khởi tác dụng nó sẽ hiện tiền. Lấy không bao giờ hết, dùng không bao giờ tận. Điều này nếu dùng khoa học để giải thích cũng có thể nói được, mọi người càng dễ hiểu. Các nhà khoa học nói, vật chất từ đâu mà có? Từ năng lượng biến hiện ra. Nên vật chất và năng lượng có thể nương nhau mà chuyển biến.

 Bom nguyên tử cũng từ nguyên lý này phát minh ra, đem vật chất giải phóng thành năng lượng. Họ dùng ánh sáng và nhiệt để hoá giải nó. Nếu có năng lượng, đem năng lượng chuyển biến thành vật chất. Như vậy không phải đã biến thành diệu bảo rồi sao? Năng lượng lấy không cùng mà dùng cũng vô tận, muốn điều gì sẽ biến thành cái đó. Muốn vàng ròng thì biến thành vàng ròng, muốn bạch ngân thì biến thành bạch ngân, muốn trân châu thì biến trân châu. Tuỳ ý muốn biến gì thì biến ra cái đó. Năng lượng và vật chất nương nhau mà chuyển biến. Pháp thân Bồ Tát làm được tất cả. Điều này trong vật lý có thể nói thông suốt, không phải không thông suốt. Đây là cảnh giới thật không thể nghĩ bàn.

 Bên dưới nói: *“Nghĩa Tịch pháp sư phán thư vi thập địa Bồ Tát chi hành, dĩ trí độ thành cố”.* Trí huệ viên mãn cũng chính là lục độ ba la mật viên mãn. Thập ba la mật trong Kinh Hoa Nghiêm phối hợp với thập địa Bồ Tát, đến Pháp vân địa là viên mãn. Khi viên mãn đều có năng lực này. Từ đó cho thấy địa vị của Pháp Tạng Bồ Tát là trên thập địa, ít nhất là thập địa Bồ Tát.

 Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây thôi.

**HẾT TẬP 305**

# Tập 306

Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư
Chuyển ngữ: Hạnh Chơn
Biên tập: Bình Minh
Thời gian: ngày 27 tháng 02 năm 2011
Địa điểm: Tịnh Tông Học Viện \_Úc Châu

 Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Mời quý vị xem “Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải”, trang 359, hàng thứ 6. Chúng ta bắt đầu đọc từ đây, đây là một đoạn nhỏ.

 *“Như Duy Ma Kinh trung chi bảo thủ dữ diệu bích nhị Bồ Tát. La Thập đại sư viết, bảo thủ giả, thủ trung năng xuất vô lượng trân bảo dã. Hựu vân, dĩ thí báo cố. Thủ xuất vô tận vật bảo, như ngũ hà lưu, cố danh diệu bích”.* Ở trước chúng ta đã học đến đây.

Bên dưới *“Nghĩa Tịch sư phán thử vi thập địa Bồ Tát chi hành, dĩ trí độ thành cố”*. Đứng về mặt nghĩa kinh mà xem. Trong kinh Hoa Nghiêm nói đây là cảnh giới sự sự vô ngại, chắc chắn không phải người thường có thể làm được. Pháp thân đại sĩ mới có năng lực này. Hành thập địa Bồ Tát và thập độ đã viên mãn. Trong Kinh Hoa Nghiêm đem thập ba la mật phối hợp với thập địa Bồ Tát. Sơ địa Bồ Tát bố thí ba la mật. Nhị địa Bồ Tát trì giới ba la mật. Tam địa Bồ Tát nhẫn nhục ba la mật. Lục độ phía sau còn thêm phương tiện, nguyện, lực, trí. Địa thứ mười sau cùng là trí ba la mật. “Trí độ thành cố”, nghĩa là đã tu viên mãn thập ba la mật, mới có năng lực này.

 *“Diệu trí dung thông, cố tuỳ ý vô ngại”.* Tuỳ ý ở đây không phải tuỳ ý của Bồ Tát. Bồ Tát không có ý, điều này nhất định phải nhớ. Bồ Tát không có phiền não, không có khởi tâm động niệm, không có phân biệt chấp trước, tuỳ theo ý của chúng sanh. Trong kinh Lăng Nghiêm nói: “tùy chúng sanh tâm ưng sở tri lượng”. Tự nhiên xuất hiện không có chút miễn cưỡng nào. Chúng sanh muốn cầu điều gì thì tự nhiên hiện ra điều đó. Đây mới thật sự gọi là đại tự tại.

 *“Tịnh Ảnh viết, thủ xuất cúng cụ, cúng dường chư Phật”.* Ngài Huệ Viễn đời nhà Tuỳ, trong chú giải Ngài nói trong tay hiện ra công cụ để cúng dường. Trên cúng chư Phật. Công cụ cúng dường này từ đâu mà có? Chắc chắn không phải từ Phật sanh ra. Tâm Phật thanh tịnh, tịch nhiên bất động. Tâm Bồ Tát cũng thanh tịnh. Phật và Bồ Tát đều ở trên sân khấu biểu diễn, chúng ta biết là các ngài biểu diễn cho mọi người xem, không sai chút nào. Những vị Bồ Tát này đều là pháp thân đại sĩ trong cõi thật báo trang nghiêm. Các ngài diễn xuất như vậy là để chúng sanh trong mười pháp giới xem. Nói cách khác là giáo hoá chúng sanh trong mười pháp giới. Phải đem tâm chí thành cung kính cúng dường Tam Bảo và phổ thí chúng sanh. Chính là ý này. Nên những thứ công cụ cúng dường này hầu như mỗi thứ đều có. Như hương hoa, bảo cái cần thứ gì có thứ đó. Công cụ trang nghiêm của tất cả chúng sanh trong mười pháp giới, đều xuất hiện trong tay Bồ Tát. Chúng sanh trong mười pháp giới đều nhìn thấy, họ cũng đã học được. Học được hiếu dưỡng phụ mẫu, học được phụng sự sư trưởng, học được cúng dường chư Phật, học được bố thí chúng sanh. Chúng sanh bao gồm hữu tình và vô tình đồng viên chủng trí.

 *“Nghĩa Tịch vân, thí chư hữu tình, cúng dường Tam Bảo”.* Cúng dường Tam bảo là thế gian trú trì Tam bảo. Đức Phật không còn trú thế, chỉ còn tượng Phật và Bồ Tát. Điêu khắc tượng Phật cũng tốt, đắp tượng Phật cũng tốt, hoạ tượng Phật cũng được. Cúng dường tượng Phật, cúng dường tượng Bồ Tát, tượng A la hán. Đây là cúng dường Phật bảo và Tăng bảo, lưu thông kinh giáo là cúng dường Pháp bảo. Đức Thế Tôn tại thế là thì nương Phật làm thầy, Phật không tại thế thì nương pháp làm thầy. Nương pháp làm thầy chính là lấy dạy học làm thầy. Điều này nhất định cần phải biết.

 Kinh điển nếu không có dạy học, chỉ đọc mà không biết ý nghĩa. Như vậy nó sẽ không khởi tác dụng. Không những cần phải hiểu ý nghĩa của kinh điển, mà còn phải thâm nhập kinh tạng. Vì sao? Bởi nó giúp chúng ta khai ngộ. Nó giúp ta minh tâm kiến tánh. Đọc hằng ngày, nếu biết đọc cũng được. Then chốt là ở chỗ có biết đọc hay không. Then chốt học tập kinh điển cũng ở chổ biết học hay không biết. Người biết học sẽ không chấp trước tướng văn tự, không chấp trước tướng danh tự, không chấp trước tướng tâm duyên, đây gọi là biết học. Người biết đọc là đo nhiếp lục căn, tịnh niệm tương tục, đây là biết đọc. Người biết đọc biết học đều được tam muội, đều được khai ngộ, đều có thể minh tâm kiến tánh, đây thật sự bảo.

 Nên thời xưa kinh điển hoàn toàn viết tay. Khi viết kinh, viết một chữ là đi rửa tay một lần. Cổ nhân thành kính đến mức độ này đấy. Bây giờ còn như vậy chăng? Còn. Tôi nhìn thấy một người. Tôi thấy mội người lớn tuổi, ông ta đã trên 70 tuổi. Ông viết kinh cũng là một chữ rửa tay một lần. Ông họ Trương\_Trương lão cư sĩ. Tôi gặp ông ở Uân Ca Hoa Canada. Tôi mời ông ta viết bộ Tịnh Độ Ngũ Kinh. Ông mất khoảng hai năm để hoàn thành bộ kinh này. Đây là Pháp bảo. Làm điều này không có tâm chân thành cung kinh là không được. Bây giờ kỷ thuật in ấn phát đạt, chúng tôi đem bộ kinh này in ra. Lúc đó in số lượng không nhiều. Ở chỗ tôi còn có khoảng mười mấy bộ, tôi nghĩ chúng tôi sẽ đem đến Đài Loan để tái bản.

 Thời kỳ mạt pháp chúng sanh được độ hoàn toàn nhờ vào Pháp bảo. Hiếm có, có được bộ kinh viết tay người ta viết rất cung kính. Sau này có thể tìm được người như vậy chăng? Rất hiếm. Thật sự có tâm cung kính này nhưng chữ viết không đẹp. Còn chữ viết đẹp thì lại không có tâm cung kinh. Chúng ta đối với pháp bảo cần phải cung kính. Pháp bảo nhất định phải trang nghiêm. Không được sơ suất, không được tuỳ tiện. Ngày nay kỷ thuật in ấn tiến bộ, giá thành cũng thấp hơn trước rất nhiều. Lần này chúng tôi in một bộ bìa cứng Quần Thư Trị Yếu. Giá ở Đài Loan là hai nghìn bốn trăm, còn nhân dân tệ thì 600. Khiến người khác cầm trên tay là sanh tâm hoan hỷ. Chúng ta làm không được điều này là có lỗi với pháp bảo, như vậy pháp bảo mới có thể vĩnh viễn truyền về sau. Người ta cầm trên tay cảm thấy trân quý, nên khi mở kinh ra đọc không thể không cung kính. Nhìn thấy cuốn kinh trang nghiêm như vậy có thể không cung kính sao? Không thể xem nó như báo và tạp chí. Hãy nhớ lời của Ấn Quang đại sư, mười phần cung kinh thì được mười phần lợi ích. Không có tâm cung kinh thì mở kinh ra cũng không có lợi ích.

 *“Diệu trí dung thông, tuỳ ý vô ngại”.* Chúng ta không làm được, nhưng ta có thể làm được tương tợ như vậy. Chúng ta bắt chước, họ là thật, chúng ta là giả. Nhưng giả cũng giống thật, vì chúng ta bắt chước cái thật. Ngày nay chúng ta nhân lúc khoa học vẫn còn ở thế gian, thì nên lợi dụng những công cụ này, lợi dụng internet để cùng học tập với mọi người trên toàn thế giới. Lợi dụng vệ tinh, lợi dụng số lượng lớn băng đĩa lưu thông. Nghĩa kinh rất thâm sâu, hương vị của nó cũng vô cùng, đó là pháp vị. Không nỗ lực học tập thì không thể thưởng thức được. Siêng năng học tập sau đó chia sẻ với người khác, hương vị sẽ không giống nhau. Vì sao? Bởi ta đã nếm được pháp vị, mới có thể nói ra được. Nếu chưa nếm được làm sao có thể nói ra được?

 Thật sự đã nếm được pháp vị, tôi biết rằng tâm quý vị thanh tịnh. Vì sao? Tâm không thanh tịnh thì không nếm được. Thưởng thức được pháp vị, chắc chắn là tâm địa đã được thanh tịnh. Phiền não nhẹ, trí tuệ tăng trưởng. Nên khi ứng dụng trí huệ này, bố thí cho hữu tình và cúng dường tam bảo đều có phương tiện thiện xảo. Những việc ta làm sẽ khiến cho tất cả chúng sanh sanh tâm hoan hỷ. Tự mình chẳng thể không có tâm hoan hỷ. Có tâm hoan hỷ, tâm hoan hỷ sẽ không sanh phiền não. Khiến những người chưa tiếp xúc Phật pháp, hoặc là vừa mới tiếp xúc Phật pháp chưa lâu, công phu chưa đến đâu. Những người này sanh tâm hoan hỷ, giúp họ nâng cao cảnh giới. Để Phật pháp giúp những chúng sanh này phá mê khai ngộ.

 Mê muội sanh ra phiền não, phiền não dẫn đến đau khổ. Khai ngộ sẽ lìa khổ được vui. Khai ngộ họ sẽ buông bỏ chấp trước. Khai ngộ họ sẽ không còn đối lập với tất cả chúng sanh. Sẽ không có mâu thuẫn, không có đấu tranh. Giúp xã hội này an định ấm êm, giúp chúng sanh được hạnh phúc mỹ mãn. Đây là Phật Bồ Tát cho đến đệ tử của ngài đều có thể làm được. Chỉ cần không từ bỏ kinh giáo. Nỗ lực siêng năng học tập một cách kiên trì, thì ta sẽ làm được.

 *“Tịnh Ảnh viết, thủ xuất cúng cụ, cúng dường chư Phật. Nghĩa tịch vân, thí chư hữu tình, cúng dường tam bảo. Khả kiến thủ trung sở xuất vô tận chi bảo, trang nghiêm chi cụ, sở tu tối thượng chi vật, đoan vi thượng cúng dữ hạ thí dã*”.

 Thượng cúng trên thực tế vẫn là vì hạ thí. Chư Phật Bồ Tát chứng được đại viên mãn đại tự tại, các ngài còn cần những thứ này sao? Các ngài không cần điều gì cả. Vì sao chư vị Bồ Tát lại làm như vậy? Không có gì khác, chỉ có một dụng ý là dạy chúng sanh hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng. Dụng ý của các ngài là như vậy. Chư Phật Bồ Tát đang biểu diễn, đang diễn kịch cho chúng ta xem. Từ đó chúng ta thật sự học được phải phụng dưỡng cha mẹ như thế nào, phụng sự sư trưởng như thế nào. Đại Sư Ấn Quang nói, mười phần thành kính được mười phần lợi ích. Trên cúng dường mười phương Chư Phật, dưới bố thí cho tất cả chúng sanh. Đây là câu nói rất thực tiễn của đại sư Ấn Quang. Mười phần cung kính, nên làm như thế nào? Trong những sự tướng này đã hiển thị rất rỏ.

 *“Như Đường Dịch vân, chư bảo hương hoa, tràng phan bảo cái, thượng diệu y phục, ẩm thực thang dược cập chư phục tàng trân ngoạn sở tu, giai tùng Bồ Tát trung tự nhiên lưu xuất”.* Từ trong tay Bồ Tát tự nhiên hiện ra. *“Phổ thí chúng sanh, lợi lạc hữu tình”.*

Đạo đức nhân lễ nghĩa mà các bậc thánh hiền nói đều thuộc về lễ. Các bậc cổ đức nói, thời đại tam hoàng thượng cổ lấy đạo trị nước, trị thiên hạ. “Đạo vô vi nhi vô sở bất vi, vô vi nhi trị”. Đến thời đại ngũ đế thì đạo không còn nữa, mà lấy đức trị thiên hạ. Sau thời ngũ đế đến tam vương, Tam vương là Hạ Thương Chu, đức cũng đã suy. Do đó hầu như là dùng nhân, lấy nhân từ để yêu thương con người. Dùng giáo dục yêu thương để trị thiên hạ. Đến Ngũ Bá thời đại Xuân Thu nhân đã suy yếu nên dùng nghĩa, thường nói đến nghĩa khí. Sau khi Tần Thuỷ Hoàng thống nhất. Tần Thuỷ Hoàng dùng pháp, luật pháp rất nghiêm khắc. Được 15 năm thì mất nước và nhà Hán lên nắm quyền. Nhà Hán không dùng luật pháp mà dùng lễ. Hán Võ Đế áp dụng kiến nghị của Đổng Trọng Thư dùng học thuyết Khổng Mạnh, lấy lễ trị thiên hạ. Chế độ này kéo dài cho đến cuối đời nhà Thanh. Sau khi nhà Thanh mất thì lễ không còn. Người xưa nói, sau khí lễ mất thì thiên hạ loạn. Thật vậy thiên hạ đã đại loạn. Nên việc cúng dường này là thuộc về lễ mà Chư Phật Bồ Tát đã dạy chúng ta.

 Lễ là của nhà Nho, trong Phật pháp chính là giới luật, chính là oai nghi, là luật nghi giới. Nếu học luật mà không dữ giới luật, cũng như cổ nhân nói sau khi mất lễ là thiên hạ đại loạn. Giới luật mất đi thì đạo Phật cũng loạn. Nếu loạn thì Phật cũng không còn. Phật trên thế gian này chỉ hữu danh vô thực. Người có thiện tâm nhìn thấy tình hình xã hội động loạn, Phật Giáo suy yếu dẫn đến nhân dân đau khổ. Như vậy thì làm sao để cứu mình cứu người? Bắt đầu từ căn bản của Nho giáo, Phật Giáo và Đạo giáo chính là cứu đời cứu Tôn giáo. Nếu không thể cứu từ gốc, thì chúng ta đã làm gì? Những điều ta làm không khác gì người thế gian, là đang huỹ diệt tôn giáo, đang huỹ diệt truyền thống văn hoá, là đang làm những việc này. Đây là điều mà chúng ta nhất định có thể nghĩ đến, sau đó tự nhiên sẽ có tánh cảnh giác cao.

 Có tánh cảnh giác là sẽ biết, ngay trước mắt chúng ta chỉ có hai con đường. Một con đường hưng, và một con đường vong. Truyền thống văn hoá có thể phục hưng, giáo dục của Đức Phật có thể phục hưng là chúng ta đi trên con đường niết bàn. Còn nếu truyền thống văn hoá bị huỹ diệt, giáo dục Đức Phật bị diệt là chúng ta đi con đường địa ngục. Không có sự lựa chọn, chỉ có hai con đường này. Chúng ta đi con đường nào? Chỉ cần phát tâm, không cần nghĩ đến tôi có bao nhiêu năng lực, có bao nhiêu trí huệ, đừng nghĩ những điều đó. Chỉ cần tận tâm tận lực mà làm thì công đức sẽ viên mãn. Như vậy thì dù thực tế không có năng lực. Người xưa nói: “lực bất tòng tâm’. Chỉ cần có tâm như vậy, nhất tâm tu tập thì công đức cũng đã viên mãn rồi. Vì một câu danh hiệu Phật đầy đủ đại viên mãn, công đức niệm Phật này thật không thể nghĩ bàn. Chúng ta có thể làm được, đô nhiếp lục căn tịnh niệm tương tục. Như vậy là đã làm tấm gương tốt nhất cho người đời noi theo.

 *“Ư nhất thủ trung lưu xuất như thị, vô lượng vô biên chủng chủng tối thượng chi vật. Chánh hiển Hoa Nghiêm nhất đa tương tức, viên minh cụ đức chi huyền chỉ”.*

Từ lý mà nói là tương ưng với kinh Hoa Nghiêm, hoàn toàn tương ưng. Hoàng Niệm Tổ đưa ra ví dụ này, để chúng ta đối với lý và sự trong kinh này tăng trưởng lòng tin. Đặc biệt là viên minh cụ đức. Viên là viên mãn. Viên minh cụ đức là tánh đức. Đây không phải là tu đức. Từ việc tu hành của chúng ta, tánh đức sẽ hiển lộ. Trong tay của chúng ta cũng như vậy. Chúng ta toàn tâm toàn lực chí thành cung kính mà làm, đó chính là vật tối thượng. Vì sao? Vì ta dùng tâm tối thượng. Vật của chúng ta là vật tối thượng.

 Trong Liễu Phàm Tứ Huấn có một câu chuyện như sau: Có một cô gái trẻ, gia cảnh thanh hàn, cuộc sống bần khổ, chỉ có hai đồng tiền. Nhưng cô ta thành tâm thành ý đến chùa để cúng dường Tam bảo. Hoà Thượng cầu phước cho cô. Vì sao? Hai đồng tiền của cô là viên minh cụ đức. Không chú trọng vật phẩm, mà chú trọng đến tâm của cô ấy. Sự chân thành và tâm cung kính đó, về sau cô gái trẻ này trở thành vương phi. Cô ta đem ngàn vàng, ngàn lạng vàng đến chùa cúng dường. Hoà thượng sai đệ tử tiếp đón, còn mình không ra. Cô ta cảm thấy rất ngạc nhiên nên tìm hoà thượng thưa hỏi. Vì sao khi con còn trẻ có hai đồng tiền mà sư phụ lại coi trọng như vậy. Hoà thượng nói, tâm của cô lúc đó và tâm bây giờ không giống nhau. Bây giờ cô làm Vương phi nên tâm ngạo mạn khởi lên, nên công đức của ngàn lượng vàng hôm nay không sánh bằng hai đồng tiền ngày xưa. Đây là bàn về tâm chứ không bàn về sự. Tâm là đáng quý nhất. Như vậy gọi là vật tối thượng. Hai đồng tiền đó là vật tối thượng. Ngàn lượng vàng cũng không thể sánh được.

 Quý vị suy nghĩ tường tận đạo lý này sẽ hiểu. Hiểu được đạo lý này sẽ biết, vô lượng vô biên các vật tối thượng trong tay mỗi người chúng ta đều có. Nếu có tâm cung kính tối thượng, thì vật phẩm chính là vật tối thượng. Có thể cảm động chư Phật Bồ Tát. Nếu tâm chúng ta tạp loạn, vọng niệm, thì dù có cầm được bảy báu giá trị của thế gian, cũng không thể cảm động được Chư Phật Bồ Tát, thậm chí đến cả quỷ thần cũng không thể cảm động. Nếu thật sự hiểu được đạo lý này mới hiểu rằng ông trời rất công bằng. Tu phước không phải là việc làm của bậc đại phú trưởng giả, đến người bần cùng cơm không đủ ăn cũng có năng lực tu đại phước báo.

 Chúng ta thấy trong kinh điển tiểu thừa, khi Đức Thế Tôn đi khất thực, trên đường gặp một người ăn xin rất đáng thương. Người ăn xin này gặp Phật cũng rất hoan hỷ vì biết rằng phước báo của Phật rất lớn. Nghĩ rằng mình xin được bát thức ăn này, người ta cho một bát thức ăn, ông ta liền đem cúng Phật. Trên thực tế bát thức ăn này rất khó ăn, bị thiu mùi vị đã thay đổi. Đây là chút tài sản duy nhất của người ăn xin, nhưng người ăn xin đã đem cúng dường Đức Phật. Đức Phật đã chúc phúc cho ông không mề ghét bỏ ông ta. Ngài thấy tâm chân thành cung kính của ông ta nên đã tiếp nhận, điều này thật sự đã khiến vị đó tăng trưởng phước báo. Người ăn xin đó mấy ngày sau thì qua đời, linh hồn được sanh lên cõi trời. Nhờ công đức cúng Phật này mà ông ta được lên trời hưởng phước. Chúng ta tin rằng Đức Thế tôn quyết định không vọng ngữ, từng câu từng chữ ngài nói đều là chân thật. Nên vật tối thượng chính là tâm tối thượng.

 Mời quý vị xem tiếp đoạn văn ở dưới. Đây là đoạn cuối *“thọ hoá phát tâm. Do thị nhân duyên, năng linh vô lượng chúng sanh giai phát A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề tâm”.* Trong chú giải của Hoàng Niệm Tổ nói. Do thị nhân duyên là chỉ chung cho các nhân duyên thù thắng ở trên, có thể khiến cho tất cả chúng sanh được giáo hoá đều phát khởi tâm vô thượng bồ đề. Bồ Tát là người giáo hoá, chúng sanh là người được giáo hoá. Những vị Bồ Tát có thể giáo hoá này là pháp thân đại sĩ. Chúng ta nói đến pháp thân đại sĩ, nghĩa là gì? Ý nghĩa rất rỏ ràng. Pháp thân đại sĩ là dùng chân tâm không dùng vọng tâm, chính là tâm chân thành viên mãn. Đại sư Ấn Quang nói, mười phần thành kính nhưng ngài còn viên mãn hơn cả mười phần. Mười phần có thể chưa phải là viên mãn.

 Pháp thân Bồ Tát là phá vô minh chứng pháp thân. Đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật. Các ngài ở trong cõi thật báo trang nghiêm của Chư Phật Như Lai, ở đó là nhất chân pháp giới. Nhất chân pháp giới là chân tâm sở hiện. Nên muôn sự muôn vật trong pháp giới này không suy yếu không thay đổi, nó bất sanh bất diệt. Chứng tỏ chư Phật Bồ Tát dùng chân tâm đối với tất cả chúng sanh, còn tất cả chúng sanh dùng hư tình giả ý để báo đáp chư Phật Bồ Tát. Lời này không phải giả. Người học Phật rất nhiều nhưng người tin Phật rất ít. Người tin Phật rất nhiều nhưng người thật sự y giáo phụng hành không nhiều. Sự thật này ngay trước mắt chúng ta, chúng ta cần phải tự mình cố gắng phản tỉnh. Không cần để ý đến người khác, quan trọng nhất là chính mình. Mình là tin thật hay tin giả, là thật đã ngộ hay là đang mê hoặc. Điều này mới quan trọng.

 Thật sự giác ngộ, thật sự niệm Phật. Thật sự giác ngộ là đô nhiếp lục căn tịnh niệm tương tục. Ý nghĩa của câu này chính là buông bỏ vạn duyên. Nhất tâm chuyên niệm và chỉ có một phương hướng, một mục tiêu. Không hoài nghi, không xen tạp. Niệm Phật như vậy là một niệm tương ưng một niệm Phật, niệm niệm tương ưng niệm niệm Phật, là trực tiếp tương thông với đức Phật. Cảm ứng đạo giao không thể nghĩ bàn. Tuyệt đối không bị thế gian này ảnh hưởng. Bất luận là nghịch cảnh hay thuận cảnh, thiện duyên hay ác duyên đều không ảnh hưởng ta niệm Phật, đây gọi là người biết niệm. Không ảnh hưởng ta nghiên cứu giáo lý, đây gọi là người biết học. Người biết niệm Phật khẳng định vãng sanh, người biết niệm Phật chắc chắn khai ngộ.

 Người nghe kinh nhiều nhưng người hiểu không nhiều. Người hiểu mà chịu thực hành lại càng ít. Chư Phật và Bồ Tát dùng chân tâm để dạy, học sinh cũng dùng tâm chân thành để tiếp thu. Như vậy nhất định sẽ được chư Phật Bồ Tát cảm hoá. Làm sao biết được? Họ đã phát tâm, đã thật sự hiểu, biết rằng điều này là tốt, là pháp tối thượng và là bảo tối diệu trong thế xuất thế gian. Chư Phật Bồ Tát đã truyền lại cho chúng ta. Đây là vô thượng diệu bảo trong thế xuất thế gian.

 Tôi muốn phát tâm làm Phật, tôi muốn phát tâm cầu sanh tịnh độ. Đây chính là tâm vô thượng bồ đề. Đối với thế gian này, đối với mười pháp giới chắc chắn không còn lưu luyến. Khi tâm vô thượng bồ đề thật sự đã phát, thì công đức phát tâm này thật không thể nghĩ bàn.

 Phẩm Sơ Phát Tâm Công Đức trong kinh Hoa Nghiêm nói rất tường tận. *“Thâm biểu Pháp Tạng đại sĩ, dĩ vô lượng tâm, phát vô lượng nguyện, khởi vô lượng hạnh. Nhất nhất giai xưng chân như pháp giới, thị cố nguyện vô hư phát, công đức đường quyên”.* Đó là gì? Đó là nói về người hoằng pháp. Pháp Tạng Bồ Tát đã làm gương cho chúng ta, mong chúng ta học ngài. Lấy tâm vô lượng, chính là “tâm bao thái hư, lượng châu sa giới”, phát vô lượng nguyện, chỉ vì một sự việc này. Tất cả đều thành Phật chính là vì điều này. Thành tâm thành ý giúp tất cả chúng sanh viên thành Phật đạo. Như vậy được chăng? Được, rất được. Chính là bộ kinh này, chính là pháp môn này và luôn trì danh niệm Phật. Tự mình làm cho chúng sanh thấy. Cần phải phát nguyện này ngay trong cuộc sống hằng ngày. Bất luận là rảnh rỗi hay bận rộn, mỗi niệm đều không rời Phật, đó chính là khởi vô lượng tâm.

 Niệm Phật thật không thể nghĩ bàn. Đây là một pháp môn không chướng ngại. Đại chúng thích nghe thì ta niệm lớn tiếng, trong đó có người không thích thì ta niệm thầm. Chỉ niệm trong tâm không niệm ra tiếng. Gọi là kim cang trì, tức miệng niệm nhưng không ra tiếng. Nếu có người nhìn thấy mà chê bai là miệng động, không thích nhìn thấy như vậy thì ta niệm thầm, niệm trong tâm. Bên ngoài không nhìn thấy. Thuận theo chúng sanh, tu tuỳ hỷ công đức. Đem công đức niệm Phật của chính mình hồi hướng cho những chúng sanh này, nguyện tam bảo gia hộ cho họ. Khiến họ sớm ngày giác ngộ, sớm ngày quay đầu. Năng tín, năng giải, năng nguyện, năng hành. Phải thật sự có tâm này mới thật sự khởi cảm ứng tác dụng, tất cả đều gọi là chân như pháp giới. Chân như pháp giới chính là tự tánh, niệm niệm tương ưng với tự tánh trí huệ đức năng.

 Một niệm vừa mới sanh thì chư Phật Bồ Tát trong biến pháp giới hư không giới đều nhận được thông tin này. Ý niệm vừa mới động liền chu biến pháp giới. Điều này trong Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán quốc sư Hiền Thủ đã nói với chúng ta. Các ngài vừa tiếp nhận được thông tin liền có sự đáp trả. Tin tức chúng ta phát ra là cảm, chư Phật Bồ Tát lập tức liền có ứng. Ứng là gì? Xuất sanh vô tận. Tại sao chúng ta không nhìn thấy hiệu quả? Không nhìn thấy hiệu quả là vì nghiệp chướng của chúng sanh quá nặng. Cảm của chúng ta và ứng của chư Phật đều rất rỏ ràng, nhưng thấy chúng sanh hình như không có chuyện gì. Đúng là nghiệp chướng của chúng sanh quá nặng, tình chấp quá sâu. Nên tin tức này đã đến bên họ, nhưng vì họ tê liệt nên không có phản ứng chứ không phải không đến. Tin tức như vậy từng giờ từng phút giống như sóng quang, sóng âm thanh, làn song này đánh vào nghiệp chướng sâu nặng của chúng sanh. Đã phát khởi hiệu quả, giúp họ tiêu trừ nghiệp chướng. Thật sự có lợi ích.

 Nếu giúp họ tiêu trừ nghiệp chướng mà nghiệp chướng của họ vẫn nặng, như vậy tức là nghiệp chướng của họ quá nặng. Nên phải giúp họ tiêu nghiệp mỗi ngày. Nhưng có một số chúng sanh, hàng ngày đều đang tạo nghiệp. Chúng ta giúp họ tiêu nghiệp không bằng nghiệp mà họ tạo ra, nên mấy năm hay mấy mươi năm cũng không thấy được hiệu quả. Đạo lý là ở chỗ này. Nếu thật sự hiểu, thật sự thấu triệt sẽ không nản chí. Cửa Phật từ bi không bỏ một ai, vĩ đại biết bao!

 Tuy chúng sanh quay lưng lại với chư Phật Bồ Tát, nhưng Chư Phật Bồ Tát vẫn không từ bỏ dù trong một niệm. Chư Phật Bồ Tát biết chúng ta vốn là Phật, bây giờ mê muội nên như vậy. Đợi đến khi nào giác ngộ thì lòng cảm ân mới hiện tiền. Lúc đó sẽ siêng năng tu hành và sẽ vãng sanh chứng quả.

 Nhất nhất gọi là chân thật, hai chữ này rất quan trọng, nó tương ưng với chân như. Nên nguyện này không phải là hư nguỵ, công đức này không phải hư dối. Công là công đức, công đức không mất đi. Pháp Tạng Bồ Tát như vậy, chúng ta cũng như vậy. Nếu chúng ta tương ưng với phiền não thì công đức sẽ mất đi. Chỉ lưu lại điều gì? Lưu lại phước đức. Quả báo của phước đức trong lục đạo. Phước báo lớn thì ở trên trời, còn phước báo ít thì ở nhân gian, ít hơn nữa là ở ác đạo. Tuy đoạ vào ác đạo nhưng họ không chịu tội.

 Quý vị thấy, chúng ta nhìn thấy rất nhiều gia đình nuôi thú cưng. Thú cưng là súc sanh. Tuy đoạ làm thân súc sanh nhưng nó rất hưởng phước. Phước báo của nó còn hơn cả con người. Cả nhà nuôi thú cưng, người trong nhà không hoà thuận nhưng đối với thú cưng thì ai cũng yêu thương. Đó chính là phước báo của nó. Chăm sóc nó còn chu đáo hơn cả chăm sóc con người. Tôi thấy chăm sóc còn chu đáo hơn cả cha mẹ họ, chu đáo hơn cả con cái họ. Con vật đó có phước báo rất lớn. Quả báo này là do tu phước mà không tu huệ chiêu cảm nên. Chúng ta tu hành cũng phải đặc biệt chú ý, không nên để đời sau biến thành súc sanh để người ta chăm sóc như các con thú cưng. Trên thực tế những chuyện này rất nhiều, có những trường hợp này.

 Nhất định phải đặt “huệ” ở vị trí thứ nhất, hãy buông bỏ phước. Tôi cần trí huệ, tôi không cần phước báo. Trí huệ khiến con người giác ngộ, còn phước báo khiến con người mê hoặc. Cho nên trong Phật pháp thường gọi phước là “si phước”. Phước báo lớn thì họ mê hoặc. Gặp được Phật pháp họ không tin, cho rằng đây là mê tín. Họ không thể tiếp nhận. Nên Bồ Tát tâm chánh hành vi chánh có thể khiến vô lượng chúng sanh, cũng gọi là pháp giới, cũng có thể tương ưng với pháp giới. Pháp giới là tự tánh, là chân như pháp giới. Mặc dù không thể trực tiếp tương ưng, nhưng cũng gián tiếp tương ưng. Thật không thể nghĩ bàn. Nên họ cũng đã phát A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề Tâm, tâm này tức là chân như bổn tâm.

 A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề dịch thành chữ hán có nghĩa là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Trước nói đến chánh giác là tam bồ đề tâm. Tam bồ đề là phạn ngữ, dịch thành chữ hán chính là Chánh Giác. Người thế gian có giác ngộ chăng? Chẳng thể nói họ không có giác ngộ. Đức Phật nói họ tuy có giác ngộ, nhưng giác ngộ của họ không chánh. Đối với Đức Phật tiêu chuẩn của chữ chánh này là gì? Chúng ta cần phải hiểu rõ ràng. Đối với Đức Phật tiêu chuẩn của chữ chánh này là buông bỏ phiền não. Giai đoạn thứ nhất gọi là kiến tư phiền não, trong kinh Hoa Nghiêm gọi là chấp trước. Chấp trước chính là kiến tư phiền não.

 Nếu buông bỏ hết chấp trước đối với tất cả pháp trong thế xuất thế gian, thì giác này gọi là chánh giác. Thế gian có người giác ngộ và người có trí huệ rất nhiều, nhưng họ chưa thực sự buông bỏ kiến tư phiền não. Cũng chính là nói họ chưa buông bỏ chấp trước. Họ còn chấp trước thân này là tôi. Họ còn chấp trước có thật có giả, có thiện có ác, có lợi có hại, có phải có trái. Vẫn còn chấp trước những điều này, những điều này không phải là chánh giác. Vì sao? Bởi có những chấp trước này thì tâm không thanh tịnh. Những chấp trước này buông bỏ thì tâm được thanh tịnh. Người đó là ai? Đó là A la hán, Bích chi Phật. Họ hoàn toàn đoạn tận kiến tư phiền não, phục hồi tâm thanh tịnh. Đây gọi là tam bồ đề tâm. Tâm thanh tịnh là chân tâm không phải vọng tâm.

 Lên cao hơn nữa là Tam miệu tam bồ đề. Tam miệu là chánh đẳng, chánh đẳng ngang bằng với Phật. Đương nhiên còn chưa thành Phật, chỉ mới ngang bằng Phật, là Bồ Tát. Bồ Tát chẳng những không còn chấp trước, mà phân biệt cũng không còn. Nói cách khác A la hán, Bích chi Phật vẫn còn phân biệt nhưng không còn chấp trước. Bồ Tát thì đến ý niệm phân biệt cũng không còn, không còn khởi nữa.

Nửa sau của Kinh Kim Cang là nói về Bồ Tát, còn ở trước là nói về A la hán. Vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng. Họ đã phá bốn tướng. Nửa sau của kinh Kim Cang nói phá tứ kiến. Vô ngã kiến, vô nhân kiến, vô chúng sanh kiến, vô thọ giả kiến. Kiến là gì? Là ý niệm. Ý niệm đều không còn nữa. Cao hơn so với A la hán.

 Trên đề kinh này, được tâm thanh tịnh là A la hán, được tâm bình đẳng là Bồ Tát. Có phân biệt tức là không bình đẳng, phân biệt không còn là chân thật bình đẳng. Lên cao hơn nữa đó là thêm A Nậu Đa La. A Nậu Đa La là tiếng phạn, dịch thành chữ hán có nghĩa là Vô Thượng\_Vô Thượng Chánh Đăng Chánh Giác. Quả vị này ai chứng được? Như Lai chứng được, là những gì Phật chứng được. Gọi là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật. Phát tâm như vậy, nhất định không còn khởi tâm động niệm và buông bỏ hết phân biệt chấp trước. Trong cuộc sống hằng ngày từng giờ từng phút đều đề cao cảnh giác, tại sao tôi chưa buông bỏ? Tôi cần phải buông bỏ. Từng giờ từng phút nhắc nhở chính mình, nên y theo việc mà làm. Buông bỏ không phải nói là không làm việc, như vậy là sai. Nếu không làm việc thì Đức Thế Tôn không cần giảng kinh. Giảng kinh không phải là làm việc sao? Ngài đã giảng suốt 49 năm, vẫn y theo việc để làm nhưng trong tâm không có chút dấu tích nào của sự chấp trước.

 Lúc Đức Thế Tôn còn tại thế, mỗi ngày đều giảng kinh thuyết pháp cho mọi người. Trong tâm ngài có chấp trước chăng? Không có. Có phân biệt chăng? Không có. Có khởi tâm động niệm chăng? Không có. Không có làm sao thuyết pháp được? Giống như ở trước đã nói, bảo vật trong tay ngài tự nhiên hiển lộ ra vô lượng vô biên vô tận vô số diệu bảo. Ngài dạy cho chúng ta là diệu bảo, pháp bảo. Nó tự nhiên hiển lộ ra tuỳ theo trình độ của chúng ta. Chúng ta có thể lý giải được bao nhiêu, thì ngài sẽ giảng đến chỗ vừa thích hợp với sự lãnh hội của chúng ta. Cảnh giới tôi cao hơn một tầng, ngài cũng sẽ giảng vừa đúng với căn cơ của tôi.

 Chúng ta mỗi ngày đều nghe ngài giảng kinh, mỗi ngày đều được nâng cao và mỗi ngày đều nghe được những điều thích hợp với trình độ của mình. Nên được pháp hỷ sung mãn, an vui không gì sánh bằng. Mỗi ngày đều có chỗ ngộ, là tiểu ngộ. Mỗi năm đều có chỗ ngộ, là đại ngộ. Mười năm, hai mươi năm, ba mươi năm là đại triệt đại ngộ. Như vậy sao lại không an vui? Người thế gian không hiểu được vấn đề này. Thật sự hiểu rõ, thật sự minh bạch. Tôi tin rằng suốt đời của họ chỉ truy cầu điều này, ngoài ra đều không quan trọng nữa. Vì sao? Những điều này có thể mang theo, còn tất cả các pháp thế gian không thể mang theo được.

 A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề là mang theo được. Đây chính là đạo lý trong kinh giáo, là phương pháp trong kinh giáo, là lợi ích trong kinh giáo và kinh nghiệm trong kinh giáo ta đều có thể mang theo. Chỉ có những thứ này là thật. Tâm này sẽ tương ưng với chân như bổn tánh. Phẩm Tích Công Luỹ Đức này nội dung rất phong phú, nhưng chúng ta chỉ học đến đây thôi. Chúng ta xem tiếp phẩm thứ chín ở dưới.

 *“Viên Mãn Thành Tựu Đệ Cửu”.* Quý vị xem sau tích công luỹ đức thì tiếp đó chính là viên mãn thành tựu. Phẩm thứ chín có tựa đề là Viên Mãn Thành Tựu. Từ phẩm thứ tư đến phẩm thứ tám nói rõ về hạnh nguyện của Pháp Tạng đại sĩ lúc còn ở nhân địa. Phẩm thứ sáu là đại nguyện, phát nguyện của Pháp Tạng Bồ Tát. Phẩm thứ bảy thứ tám là đại hạnh của Pháp Tạng Bồ Tát. “Tùng bổn phẩm khởi”, là bắt đầu từ phẩm thứ chín, chính là quả đức thành tựu. Có nhân nhất định có quả báo. Có nhân thù thắng không thể nghĩ bàn, đương nhiên sẽ có quả đức thành tựu thù thắng không thể nghĩ bàn. Nội dung của phẩm thứ chín này có ba, đây là ba đoạn lớn. Đoạn thứ nhất là Phật tán thán Pháp Tạng Bồ Tát nhân viên quả mãn. Điều này nên chúc mừng ngài, ngài đã thành tựu. Đoạn thứ hai là A Nan khởi vấn. Đoạn thứ ba là Thế Tôn chánh đáp. Chúng ta thấy ở đây một người vấn một người đáp, đối với đạo lý về nhân hành quả đức sẽ càng sâu sắc. Nên biết chúng ta muốn phát tâm tu nhân, quả báo nhất định giống như đức Phật vậy.

 Chúng ta xem kinh văn. *“Phật cáo A Nan, Pháp Tạng tỳ kheo tu Bồ Tát hạnh, tích công luỹ đức, vô lượng vô biên, ư nhất thiết pháp, nhi đắc tự tại”.* Đây chính là quả báo. “*Phi thị ngữ ngôn phân biệt chi sở năng tri”.* Chúng ta xem chú giải của Hoàng Niệm Tổ. Đức Thế Tôn tổng kết đoạn văn trước, khen ngợi Tỳ Kheo Pháp Tạng tu đạo hạnh của Phổ Hiền Bồ Tát, tích luỹ vô lượng vô biên các loại công đức, nên đối với tất cả pháp đều được tự tại. *“Thế Tôn tự xưng ngã vi pháp vương, ư pháp tự tại. Kim dĩ thử ngữ tán nhân địa chi Pháp Tạng, nãi tán thán chi cực dã”.* Chúng ta xem trước đoạn này.

 Trong phẩm thứ hai của kinh này. Phẩm thứ hai vẫn là phần tựa, trong phần ba vẫn là phần tựa đều đã hiển thị rõ ràng cho chúng ta thấy *“Hàm cộng tuân tu Phổ Hiền Đại Sĩ Chi Đức”.* Đây chính là nói rõ pháp môn Tịnh độ, Đức Phật Di Đà của Tịnh độ là nhất thừa đại pháp. So với đại thừa còn thù thắng hơn. Đại thừa là Bồ Tát thừa, tiểu thừa là thanh văn thừa. Nhất thừa là Phật thừa, là một Phật thừa. Tức là trên cả đại thừa.

 Thời đại Tuỳ Đường là thời đại hoàng kim của Phật giáo Trung quốc. Cả đại thừa và tiểu thừa có mười tông phái đều kiến lập vào thời đại đó. Những vị khai sáng tông phái, các bậc tổ sư này đều là người tu hành chứng quả chứ không phải là người thường. Chính trị trong sạch sáng suốt thì chúng sanh có phước. Tất cả Chư Phật Bồ Tát đều giáng lâm ứng hoá ở Trung quốc, đem đến cho Trung Quốc một thời đại Phật pháp thạnh thế. Các bậc tổ sư này hầu như đều công nhận tất cả pháp mà Đức Thế Tôn đã giảng trong suốt 49 năm. Nhất thừa chỉ có ba bộ kinh là nói cho ta về một đời thành Phật. Thứ nhất là Hoa Nghiêm, thứ hai là Pháp Hoa, thứ ba là Phạm Võng.

 Kinh Phạm Võng không truyền đến Trung quốc, Kinh Pháp Hoa và Kinh Hoa Nghiêm có truyền đến. Kinh Phạm Võng chỉ có một phẩm là Bồ Tát tâm địa giới phẩm. Toàn kinh không truyền đến, chỉ có một phẩm này. Kinh Pháp Hoa và Hoa nghiêm đến cuối cùng đều quy hướng về Tịnh độ. Kinh Hoa Nghiêm là rõ ràng nhất. Quý vị thấy cuối cùng, tham bát lần thứ 53 của Thiện Tài là Văn Thù Phổ Hiền thập đại nguyện vương đạo quy Cực Lạc. Đạo quy Cực lạc chính là quy về kinh Vô Lượng Thọ. Kinh Vô Lượng Thọ là địa vị gì? Nhất thừa của nhất thừa. Đây cũng chính là các bậc tổ sư nói, Hoa Nghiêm, Pháp Hoa dẫn dắt chúng ta nhập vào Di Đà tịnh độ. Dẫn dắt chúng ta vãng sanh thế giới tây phương Cực Lạc. Câu nói này của chư vị tổ sư tôi có một sự đồng cảm sâu sắc.

 Vì sao? Tôi tin Tịnh Độ là từ khi biết kinh Hoa Nghiêm. Từ Hoa Nghiêm, từ Pháp Hoa, từ Lăng Nghiêm. Ba bộ kinh lớn này dẫn dắt tôi quy hướng về Tịnh độ. Quy y pháp môn Tịnh Độ thật không dễ! Nên người tu Tịnh độ chính là tu Phổ Hiền Bồ Tát thập đại nguyện vương. Ở thế giới tây phương Cực Lạc toàn là tu đại hạnh phổ hiền. Đây là các bậc cổ đức nói, Bồ Tát không tu hạnh Phổ Hiền không thể viên thành Phật đạo, họ không thành Phật được. Nên Bồ Tát đại thừa đến cuối cùng nhất định phải tiếp nhận giáo huấn của Bồ Tát Phổ Hiền, mới có thể viên mãn thành tựu.

 Làm sao để viên mãn thành tựu? Phổ Hiền Bồ Tát lãnh đạo mọi người đến thế giới Cực Lạc để thành tựu. Quý vị nghĩ xem thù thắng biết bao! Phật pháp nói vô lượng trang nghiêm, vô cùng trang nghiêm. Chúng ta hiểu được điều này, thật sự lãnh hội được cảnh giới này mới nhất tâm quy y Tịnh độ. Phải thật sự hiểu và thật sự minh bạch.

Trước đây thầy Lý đưa bộ kinh này cho tôi, tôi liền dừng lại không giảng kinh Hoa Nghiêm. Lúc đó Kinh Hoa Nghiêm mới giảng một nửa. Bát thập Hoa Nghiêm giảng một nửa, Tứ Thập Hoa Nghiêm cũng giảng một nửa như vậy. Phía sau tôi không giảng nửa, mà phát tâm suốt đời này chuyên giảng kinh Vô Lượng Thọ. Nên Kinh Vô Lượng Thọ đã giảng mười lần, lần này là lần thứ 11.

 Vì sao? Cư sĩ Bành Tế Thanh nói rất hay. Kinh Vô Lượng Thọ là trung bổn Hoa Nghiêm. Kinh A Di Đà tức là tiểu bổn Hoa Nghiêm. Kinh Hoa Nghiêm chính là đại bổn Kinh Vô Lượng Thọ. Đối với những lời ông ta nói tôi hoàn toàn thừa nhận không có chút hoài nghi nào. Giảng bộ kinh này chính là giảng Hoa Nghiêm, là giảng tinh hoa trong kinh Hoa Nghiêm, là nói đến phần quan trọng nhất trong kinh Hoa Nghiêm. Nếu không phải cô Phật tử Hàn trước khi lâm chung khởi thỉnh, thì tôi sẽ không còn giảng kinh Hoa Nghiêm. Lần thứ hai giảng kinh Hoa Nghiêm là báo ân hộ trì 30 năm của cô Hàn. Cô có nguyện vọng là hy vọng giảng hoàn thành viên mãn kinh Hoa Nghiêm, lưu lại một bộ đĩa cho người đời sau làm tham khảo.

 Hoàng Niệm Tổ khi còn tại thế cũng trực tiếp thảo luận vấn đề này, hy vọng tôi giảng đại kinh một lần. Sớm nhất là pháp sư Khai Tâm ở Đài Nam. Pháp sư này rất từ bi, ngài đã vãng sanh. Trước khi vãng sanh, mỗi lần gặp tôi đều hy vọng tôi giảng kinh Hoa Nghiêm. Tôi hỏi pháp sư vì sao? Pháp sư nói có thể sau này không có ai giảng bộ kinh này nữa. Tôi hiểu ý thầy. Có nhân duyên thù thắng như thế, cả ba vị đều quan tâm như vậy, nên tôi mới bắt đầu giảng kinh Hoa Nghiêm lần thứ hai. Lần thứ hai giảng Hoa Nghiêm tường tận hơn rất nhiều so với lần trước, cảnh giới không giống như trước. Nên bộ kinh Hoa Nghiêm này rất quan trọng. Cực Lạc với Hoa Tạng là một không phải hai.

 Duy chỉ có tu Phổ Hiền thập nguyện mới có thể tích luỹ vô lượng vô biên chủng chủng công đức. Mười nguyện nên phải thực hành.

 “Lễ kính Chư Phật” là cung kinh tất cả. Chẳng những là tất cả mọi người mà tất cả chúng sanh. Chúng sanh bao gồm cả hữu tình, đối với cây cỏ hoa lá, đối với sơn hà đại địa và đối với tất cả pháp không có gì là không cung kính. Đều chân thành cung kính.

 “Xưng tán Như Lai” là thiện pháp, tương ưng với tánh đức. Người ác hành thiện pháp cũng phải khen ngợi họ. Họ làm việc ác không tán thán nhưng hành thiện thì nên tán thán. Điều đó là giúp họ quay đầu, giúp họ cải tà quy chánh, giúp họ đoạn ác tu thiện. Bồ Tát Phổ Hiền đã dạy như thế.

 “Quảng tu cúng dường” là không có tâm phân biệt, không có tâm chấp trước. Bình đẳng cúng dường, chân thành cúng dường. Quyết định không cầu phước báo. Nói cách khác là cúng dường vô điều kiện. Đây mới gọi là xưng tánh. Trong cúng dường có cầu quả báo, cầu đáp trả, đó là phước báo chứ không phải không đức. Điều này ta cần phải hiểu. Phước báo là luân hồi trong lục đạo, không thể vượt ra khỏi lục đạo. Tôi không cần phước báo, không cần người ta đền trả. Công đức này có thể giúp ta vượt ra khỏi lục đạo, giúp ta vượt ra khỏi mười pháp giới.

 “Sám hối nghiệp chướng” là từ vô thỉ kiếp đến nay đời này sang đời khác, trước khi chưa nghe Phật pháp, làm sao tránh khỏi tạo nghiệp! Ngày nay chúng ta suy nghĩ kỹ càng, tự mình cố gắng phản tỉnh. Tự mình có tạo tội nghiệp của địa ngục A Tỳ hay không? Có tạo tội nghiệp vô gián địa ngục chăng? Không nên để ý đến người khác, chỉ nên hỏi chính mình. Nếu có, quý vị có sợ hãi chăng? Quý vị có sợ nỗi khổ của địa ngục chăng? Doanh Kha pháp sư chính là vì sợ khổ địa ngục, ngài thật sự quay đầu, thật sự sám hối. Nhất tâm niệm Phật. Nếu không phải là tâm chân thật khẩn thiết, thì làm sao có thể niệm Phật suốt ba ngày ba đêm không ngủ không nghỉ. Đức Phật nói với pháp sư, ông còn mười năm ở dương gian tức là còn mười năm thọ mạng. Đợi đến lúc mạng chung, Đức Phật sẽ đến đón.

 Pháp sư có trí huệ, tự biết rằng nghiệp chướng rất nặng. Không chịu được mê hoặc. Sự hấp dẫn của ngũ dục lục trần ở ngay trước mắt, không phải lại phạm tội nữa sao? Thời gian mười năm đó không đáng sợ sao! Đây là điều ngài thật sự đã giác ngộ. Ngài thưa với đức Phật, tuổi thọ mười năm ở dương thế con không cần nữa, ngay bây giờ con sẽ đi cùng ngài. Đây là quyết định có trí huệ. Đức Phật nhận lời và ngài nói, ba ngày sau ta sẽ đến đón ông. Đúng ba ngày sau, không hề bị bệnh ngài liền được vãng sanh. Câu chuyện này được ghi chép trong Tịnh Độ Hiền Thánh Lục, trong Vãng Sang Truyện cũng có. Những câu chuyện này là tấm gương tốt nhất cho chúng ta.

 Tạo tội nghiệp vô gián địa ngục như pháp sư Doanh Khả, niệm Phật ba ngày có thể sám hối tất cả. Nếu nghiệp chướng của ông chưa sám hối được, thì đức Phật không thể gặp ông, vì ông có chướng ngại. Khẳng định nghiệp chướng đã sám trừ, nên đức Phật mới xuất hiện. Cũng chứng minh những gì trong Kinh Di Đà nói, nếu một ngày hai ngày ba ngày cho đến bảy ngày chân thật không hư dối, hoàn toàn không phải giả. Những chân tướng sự thật về đạo lý này thật sự đã thấu triệt, thì bất cứ là thiên tai gì trong thế gian đều không chút sợ hãi. Vì sao? Chúng ta có đủ thời gian để gặp Phật. Có đủ thời gian để Phật đến dẫn chúng ta về thế giới Cực Lạc. Đây là thật hoàn toàn không phải giả. Sống ở thế gian này một ngày cũng chẳng thể không đọc bộ kinh này. Kinh này giúp chúng ta giải quyết rất nhiều nghi nan tạp bệnh. Giúp chúng ta kiến lập lòng tin chân chánh và khởi phát đại nguyện cầu sanh Tịnh độ

 Chỉ có tích luỹ vô lượng vô biên công đức mới có thể đạt được tự tại đối với tất cả pháp. Câu này nghĩa là sao? Câu nói này chính là viên mãn thành Phật. Không phải viên mãn thành Phật thì đối với tất cả pháp làm sao có thể được đại tự tại? Bộ kinh này là bộ kinh thứ nhất một đời viên mãn thành tựu. Chấp trì danh hiệu là phương pháp duy nhất để một đời viên mãn thành tựu. Nếu từ sáng đến tối không niệm liên tục câu Phật hiệu này, cứ nghĩ này nghĩ nọ là sai! Nên buông bỏ, buông bỏ tất cả.

 Đức Thế Tôn tự xưng “Ngã vi pháp vương, ư pháp tự tại”. Đây là ngài nói ra cảnh giới của chính mình. Chỉ có buông bỏ hết khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước, mới có thể đối với các pháp đều tự tại. Đối với các pháp tự tại nên gọi là vua của các pháp. Vương tức là ví với sự tự tại. Các bậc đế vương trong thời cổ đại, trong quốc gia chỉ có ông ta đưa ra hiệu lệnh, mọi người đều phải nghe theo, còn ông ta không cần nghe bất cứ ai hết, đây gọi là tự tại. Nên vương có nghĩa là tự tại. Nếu ta đem chướng ngại này buông bỏ hết. Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước đã buông bỏ thì không còn chướng ngại. Trong tất cả pháp của thế xuất thế gian đều được tự tại.

 Trong đây có thông tin rất quan trọng, quý vị có hiểu chăng? Đối với pháp tự tại, tôi chưa từng đọc Tứ Thư Ngũ Kinh. Bây giờ tôi cầm đến, như vậy có thể tự tại chăng? Có thể. Thật ư? Thật. Có bằng chứng không? Có. Quý vị xem ngài Huệ năng, trong Pháp Bảo Đàn Kinh viết. Ngài Huệ Năng là người không biết chữ, chưa từng đi học. Ngài ở Hoàng Mai tám tháng, chưa một lần đến giảng đường, chưa một lần đến thiền đường. Suốt tám tháng đều ở trong bếp giã gạo bửa củi làm việc công việc nặng nhọc. Bây giờ gọi là làm công quả. Ngài đến phục vụ đại chúng, làm việc ở trong bếp. Sau khi khai ngộ, ngài đối với pháp tự tại, được đại tự tại. Người ta đem kinh sách đến thỉnh giáo, ngài không biết chữ nên nói chúng ta đọc cho ngài nghe. Sau khi nghe xong ngài sẽ giải thích, không có điều gì ngài không hiểu. Ngài thông suốt tất cả pháp trong thế xuất thế gian. Đây gọi là tự tại. Còn cần phải học sao? Không cần phải học.

 Người thứ nhất được độ chính là tỳ kheo ni Vô Tận Tạng. Tỳ kheo ni Vô Tận Tạng rất thán phục ngài, là người đầu tiên khai ngộ dưới sự giáo huấn của ngài. Cô ấy thọ trì Kinh Niết Bàn, cô đọc kinh Niết Bàn. Ngài Huệ Năng giảng kinh Niết Bàn cho cô, giảng đến cuối cùng cô khai ngộ. Mới đầu thì cô ấy hiếu kỳ đến thỉnh giáo Ngài Huệ Năng. Ngài không biết chữ làm sao mà giảng được, làm sao hiểu được nhiều như vậy? Ngài Huệ Năng nói, chuyện này với việc biết chữ không liên quan gì, với việc học hay không cũng không có liên quan. Tất cả pháp từ tâm tưởng sanh. Đức Phật đã dạy: “ngoài tâm không có pháp, ngoài pháp không có tâm”. Tâm với pháp là một thể. Chỉ cần ta kiến tánh thì chẳng đạo lý nào là không biết. Làm gì có chuyện không thấu triệt.

 Ngày nay Đức Thế Tôn lấy cảnh giới của mình tán thán Pháp Tạng Tỳ Kheo. Vì Pháp Tạng khi còn ở nhân địa chưa thành Phật. Ngài dùng lời này để tán thán là tán thán đến cực điểm. Nhất thiết tự tại chính là tất cả đều vô ngại, cũng chính là tất cả đều viên thành, viên mãn thành tựu. Đối với những điều này trong đại thừa kinh giáo, có thể nói là chúng ta có hiểu, có nhận thức. Chỉ là công phu chúng ta chưa đủ, chứ không phải không biết. Sau khi thật sự hiểu rõ, thì tất cả đều buông bỏ. Đối với tất cả pháp trong thế xuất thế gian không khởi tâm không động niệm, không phân biệt không chấp trước. Tự tánh hoàn toàn hiển lộ, kiến tánh thành Phật. Trong đó khó nhất là buông bỏ khởi tâm động niệm\_khó nhất. Đừng nôn nóng, nếu có thể làm được thì tức thân thành Phật. Làm không được thì đến thế giới Cực Lạc. Nếu buông bỏ phân biệt chấp trước, đến thế giới tây phương Cực Lạc thì sẽ được sanh vào cõi thật báo trang nghiêm. Vừa đến liền được thành Phật. Vì sao? Bởi sẽ được 48 nguyện của Phật A Di Đà gia trì, nên lập tức được minh tâm kiến tánh. Vì ta đã đến sát cảnh giới minh tâm kiến tánh, nên ngài vừa gia trì ta liền được kiến tánh. Chưa đạt được nhất tâm, nhưng Phật quang vừa chiếu liền được nhất tâm bất loạn. Công phu thành phiến thì được sự nhất tâm bất loạn. Khi sự nhất tâm bất loạn, thì lý lập tức cũng được nhất tâm bất loạn. Phật quang vừa chiếu đến kiến công phu chúng ta cao hơn gấp bội. Từ đó cho thấy, công phu tu tập chúng ta hiện nay là đang buông bỏ. Công phu không phải mỗi ngày niệm bao nhiêu danh hiệu Phật, đọc bao nhiêu bộ kinh, lạy Phật bao nhiêu lạy, không phải như vậy. Công phu ở chỗ buông xả.

 Sau khi buông bỏ là ta dùng chân tâm, tâm chân thành tâm niệm Phật. Lúc đó câu Phật hiệu sẽ rất hữu hiệu. Một câu Phật hiệu là liên kết được với Phật. Người không buông bỏ, thì dù niệm như thế nào cũng không liên kết được. Giống như đường dây điện thoại bị gián đoạn, không cách nào kết nối được. Ngài Ấn Quang nói một phần thành kính chính là một phần kết nối thông suốt. Mười phần thành kính đó là kết nối viên mãn. Buông bỏ thì tâm chân thành mới hiện tiền, không buông bỏ tâm chân thành không thể hiện tiền. Chúng ta phải biết được đạo lý này. Phải đem nó vận dụng trong cuộc sống hằng ngày, công phu của chúng ta sẽ thêm sức mạnh. Thiên tai như thế nào cũng không quan tâm, đối với ta không sao cả. Quý vị nói tự tại biết bao.

 Đây là lần đầu tiên chúng ta chia sẻ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa, các bạn đồng học có duyên không nên bỏ lỡ. Bỏ lỡ thì thật đáng tiếc. Nắm chắc cơ hội, trong đời này nhất định thành tựu. Then chốt chính là buông bỏ vạn duyên, không nên chấp trước nữa. Bắt đầu từ đây hằng thuận chúng sanh, tuỳ hỷ công đức. Trong Hoàn Nguyên Quán dạy chúng ta tuỳ duyên diệu dụng. Diệu dụng chính là buông bỏ phân biệt chấp trước. Tuỳ duyên chính là diệu dụng.

 Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

**HẾT TẬP 306**

# Tập 307

Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư
Chuyển ngữ: Hạnh Chơn ;
Biên tập: Minh Tâm
Thời gian: ngày 28 tháng 02 năm 2011
Địa điểm: Tịnh Tông Học Viện \_Úc Châu

 Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Mời quý vị xem “Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải” trang 361. Bắt đầu xem từ hàng thứ ba, hàng thứ ba câu thứ hai.

 *“Nhất thiết tự tại, tức nhất thiết vô ngại, diệc tức nhất thiết viên thành hỷ. Viên mãn thành tựu, dung thông vô ngại, tài viết tự tại”.*

Đức Thế Tôn tổng kết đoạn văn trước, Ngài tán thán Pháp Tạng tỳ kheo tu mười nguyện của đại hạnh Phổ Hiền, mới có thể tích luỹ vô lượng vô biên chủng chủng công đức. Đây là tu nhân, chiêu cảm được quả đức là đối với tất cả pháp được đại tự tại. Nhất thiết tự tại nghĩa là tất cả đều vô ngại. Chướng ngại đều không có, có thể tuỳ ý biến hoá. Tất cả viên mãn thành tựu. Đây là điều mà trong đại thừa giáo thường dạy chúng ta. Chúng ta có thể buông bỏ tất cả, cần phải biết rỏ tất cả pháp trong thế xuất thế gian. Tất cả pháp vô sở hữu, tất cánh không, bất khả đắc.

 Pháp thế gian bất khả đắc, Phật pháp cũng bất khả đắc. Vì sao? Tự tánh không phải là hiện tượng vật chất, không phải hiện tượng tinh thần, cũng không phải là hiện tượng tự nhiên. Như vậy thì được điều gì? Tự tánh là cái chân thật duy nhất tồn tại. Nó không phải nghiệp tướng nên không có sở đắc. Chúng ta có ý niệm được mất, đây chính là vô thỉ vô minh, là nguồn gốc của tất cả phiền não chướng ngại. Chỉ cần buông bỏ những điều này liền được kiến tánh. Như thế nào gọi là kiến tánh? Được đại tự tại chính là kiến tánh. Cũng chính là tất cả pháp đều đã viên mãn thành tựu. Tất cả chúng sanh trong biến pháp giới hư không giới có cảm, chúng ta có thể đồng thời ứng với tất cả chúng sanh. Đây là đại tự tại!

 Vô lượng chúng sanh có cảm, ta có thể ứng với vô lượng chúng sanh. Cũng giống như màn hình trước mắt chúng ta vậy. Màn hình chính là tự tánh, hình ảnh trong đó thiên biến vạn hoá, là huyễn tướng. Cũng ví như mười pháp giới y chánh trang nghiêm, chỗ nào có cảm thì nơi đó liền có ứng. Mỗi tấc vuông, mỗi điểm trên màn hình nó đều ứng, thiên biến vạn hoá. Trong Hoàn Nguyên Quán nói xuất sanh vô tận. Xuất sanh vô tận là ứng. Kỳ thật chúng ta với Chư Phật Như Lai không có gì khác biệt. Chư Phật nói lời chân thật nhưng do chúng ta nghe không hiểu. Lời chân thật là gì? Tất cả chúng sanh vốn là Phật, vốn là thành Phật. Thành Phật nghĩa là sao? Chính là hai câu này, thêm vào ở trước một câu là ba câu. Tất cả tự tại, tất cả vô ngại, tất cả viên thành. Đây gọi là thành Phật. Ba câu này ở trước mặt chúng ta, ngay tại đây. Đáng tiếc là chính chúng ta không biết. Đây gọi là mê. Mê nó vẫn khởi tác dụng, nó vẫn là tất cả tự tại. Vì chúng ta mê, vì có phân biệt chấp trước nên không tự tại. Quý vị thử nghĩ xem, đoạn tận phân biệt chấp trước liền được tự tại, có phân biệt chấp trước là không tự tại.

 Tất cả vốn là vô ngại, hiện nay có phân biệt chấp trước nên nó bị chướng ngại. Vô lượng vô biên chướng ngại. Tất cả vốn viên thành, tất cả đều viên thành là giống như cõi thật báo. Cũng chính là vì vọng tưởng, phân biệt, chấp trước nên tất cả viên thành đều đã biến chất. Biến thành mười pháp giới, biến thành lục đạo, biến thành tam đồ. Hoàn toàn bị biến chất. Biến chất là giả, là hư huyễn. Viên thành mới là thật. Nhất chân pháp giới là thật, không thay đổi. Là chính mình nhìn sai chứ không phải thật sự biến. Thật thì làm sao thay đổi được? Là do chính mình ngộ nhận.

 Chúng ta đem màn hình ví với tự tánh. Tự tánh đầy đủ ba đức: tự tại, vô ngại, viên thành. Người mê thì sao? Hình ảnh trên màn hình xuất hiện, người này lo sợ: Ôi da! Tôi đã bị nhiễm ô. Tôi không thích hình ảnh này, hình ảnh này làm nhiễm ô tự tánh. Tình trạng giống như vậy. Trong khoảng sát na, hình ảnh này lại thay đổi. Họ trước sau đều chưa giác ngộ, cho rằng lâu nay đều đang nhiễm ô. Không biết rằng vốn không nhiễm ô. Ngài Huệ Năng nói tự tánh vốn tự thanh tịnh không nhiễm ô, vốn không dao động, không động\_tự tánh không động. Lý và sự này đều rất thâm sâu. Là người tu tập lâu năm, nghe kinh nhiều năm rồi, cách nói này quý vị sẽ lãnh hội được một chút. Người mới học nghe không hiểu, không biết tôi nói gì.

 *“Viên mãn thành tựu, dung thông vô ngại, tài viết tự tại”.* Đây là giải thích hàm nghĩa của hai chữ tự tại. Viên mãn thành tựu chính là viên thành. Thông là không có chướng ngại, không có trở ngại. Đây gọi là đại tự tại. Người minh tâm kiến tánh gọi là được đại tự tại.

 *“Hựu Quán Tự Tại Bồ Tát chi danh hiệu, ngụ chỉ thâm mật chi huyền chỉ”.* Huyền Trang đại sư phiên dịch Bát Nhã Tâm Kinh, câu đầu tiên là “Quán Tự Tại Bồ Tát”. Chữ quán này rất tuyệt diệu, thâm diệu vô cùng. Chúng ta không hiểu được từ quán, nên chúng ta dùng từ nhìn. Nhìn thì không tự tại. Nhìn thấy, quý vị nhìn thấy hay không? Tôi thấy rồi. Nhìn thấy là gì? Là đệ lục ý thức. Nhìn thấy là mê.

 Bồ Tát không nhìn thấy. Bồ Tát là quán chiếu, chiếu kiến. Quán Tự Tại Bồ Tát, chiếu kiến ngũ uẩn giai không. Ngài không phải nhìn thấy. Trong cái nhìn này có phân biệt có chấp trước, nhưng trong cái chiếu không có phân biệt chấp trước. Như chúng ta soi gương vậy, không có phân biệt chấp trước. Chữ này dụng ý rất thâm sâu. Tự là tự tánh, là tự tâm. Tự tâm là chân tâm không phải vọng tâm. Ý nghĩa của Quán tự tại là *“liễu liễu kiến tánh, liễu liễu kiến tâm dã, thị tức thậm thâm bát nhã”.* Đây chính là thậm thâm Bát Nhã Ba La Mật Đa. Người nào không có? Ai không khởi tác dụng? Quý vị mỗi ngày đều đang dùng nó, mỗi ngày vốn không rời nó. Nó khởi tác dụng, là thật tướng các pháp. Thực sự là tự tại, là vô ngại, là viên thành. Nhưng chính mình lại hoàn toàn không biết.

 Phật và Bồ Tát từ bi khai thị cho chúng ta, nhưng chỉ trách tự chúng ta quá mê muội, mê quá lâu. Bất luận Bồ tát dùng sức mạnh như thế nào, cánh cửa này của chúng ta vẫn không mở được. Bồ Tát từ bi chỉ thị, làm cho chúng ta noi theo, đáng tiếc chúng ta nhìn không hiểu. Chúng ta hoàn toàn dùng tình thức để đối đãi. Hoàn toàn dùng phân biệt chấp trước để lý giải. Kết quả thì sao? Toàn bộ đều sai lầm. Tự tại trở thành không tự tại. Liễu liễu không phải kiến tánh mà là kiến tướng huyễn tướng. Liễu liễu không phải kiến tâm, mà là thấy được thất tình lục dục. Hoàn toàn sai lầm.

 Nếu có thể giống như Bồ Tát, Bồ Tát khai thị cho chúng ta, chúng ta sẽ hiểu. Nếu chúng ta thật sự buông bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Khi đó không có gì khác với Bồ Tát Quan Âm, thực sự là liễu liễu kiến tánh, liễu liễu kiến tâm.

“Chiếu liến ngũ uẩn giai không”. Ngũ uẩn là gì? Sắc thọ tưởng hành thức. Sắc pháp là tướng phần, là hiện tượng vật chất. Tâm pháp là thọ tưởng hành thức. Đây là thuộc về tâm pháp. Sắc pháp, tâm pháp đều bất khả đắc. Ngũ uẩn giai không. Nói cách khác, các nhà khoa học hiện đại nói hiện tượng vật chất và hiện tượng tinh thần đều bất khả đắc. Nó đều không có. Hai loại hiện tượng này đều là giả, đều là huyễn tướng.

 *“Độ nhất thiết khổ ách”.* Đau khổ về mặt vật chất không còn, đau khổ về mặt tinh thần cũng không còn. Đây gọi là độ nhất thiết khổ ách. Chúng ta giải phóng vọng tưởng, phân biệt, chấp trước ở trong vật chất và tinh thần. Đây gọi là độ nhất thiết khổ ách. Sau khi giải phóng ra, chúng ta ở trong hiện tượng này. Hiện tượng vật chất, hiện tượng tinh thần, hiện tượng tự nhiên được tự tại. Tức đối với tất cả pháp mà được tự tại.

 *“Thị tắc dĩ tự tại vi nhân, nhưng dĩ tự tại vi quả. Nhân quả đồng thời, bất khả tư nghị”.* Vì ta quán huệ thành tựu. Kiến tánh, kiến tâm là nhân. Đối với tất cả hiện tượng vật chất, hiện tượng tinh thần và hiện tượng tự nhiên trong biến pháp giới hư không giới, được đại tự tại là quả. Chúng ta đề cập đó là gì? Thần thông diệu dụng, đó là quả. Tâm tự tại là nhân. Tôi nói đơn giản một chút, sự tự tại là quả. Tâm chúng ta tự tại thì sự sẽ tự tại. Bất luận là pháp thế gian hay pháp xuất thế gian, không có gì là không tự tại. Nên đối với Phật pháp, bất luận là pháp nào, trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn, bất luận pháp môn nào, không kể là tông phái nào, mục tiêu tu học cuối cùng chính là minh tâm kiến tánh.

 Hiện tiền được đại tự tại\_minh tâm kiến tánh, gọi là lý nhất tâm bất loạn. Tu ngay đây chứng được gọi là lý nhất tâm bất loạn. Nếu là sự nhất tâm là công phu thành phiến. Sau khi đến thế giới tây phương Cực Lạc mới chứng được. Hiện tiền chưa chứng được, chỉ mới đạt được vãng sanh. Đạt được quả báo là đức Phật tiếp dẫn đến thế giới tây phương Cực Lạc. Tiếp nhận giáo huấn của Phật, để minh tâm kiến tánh. Tuyệt đối không phải nói người niệm Phật không cầu minh tâm kiến tánh. Như vậy là sai, hoàn toàn sai lầm. Pháp môn Tịnh độ đới nghiệp vãng sanh. Vãng sanh thế giới tây phương Cực Lạc là đi khi còn sống, chứ không phải chết. Điều này chư vị nên biết. Nên nó được gọi là một đời thành tựu Phật pháp. Nếu khi ở thế giới Ta Bà đã chết mới vãng sanh đến thế giới tây phương Cực Lạc, như vậy không phải là hai đời sao? Họ là một đời vãng sanh chứ không phải hai đời.

 Trung ấm vãng sanh vẫn là một đời, họ không cảm thất là hai đời. Thông thường nói rằng hai đời thì nhất định có sự mê muội của cách ấm. Chuyện của đời trước quên không nhớ được. Một đời không có hiện tượng này. Một kiếp ba đời này là liên tục, là tướng tương tục.

 *“Hựu Hội Sớ chú viết, kim ngôn ư nhất thiết pháp nhi đắc tự tại. Thành tựu Thế Tự Tại Vương Phật chi quả cố. Ư nhất thiết pháp nhi đắc tự tại”.*

Thầy của Pháp Tạng Bồ Tát là Thế Gian Tự Tại Vương Phật. Học sinh được tự tại, đó chính là quả thành tựu do thầy chứng được. *“Ngôn nhất thiết pháp giả, tức tứ thập bát nguyện chi pháp”.* Quý vị thấy điều này nói rất rõ ràng, khiến hàng hậu học chúng ta có chỗ để tuân theo. Tất cả pháp chính là 48 nguyện. Nói cách khác, triển khai 48 nguyện chính là tất cả pháp. Thành tựu được 48 nguyện, thì ở trong tất cả pháp chúng ta được đại tự tại.

 *“Vị trang nghiêm tịnh độ pháp, nhiếp thủ chúng sanh pháp, trang nghiêm pháp thân pháp đẳng giả”.* *“Ý vị Pháp Tạng tứ thập bát nguyện tất giai viên mãn, nguyện trung sở nhiếp nhất thiết chi pháp tất giai viên dung vô ngại. Thành tựu Thế Tự Tại Vương Phật chi quả giác, cố vân nhất thiết tự tại”.*

Quả giác là một không phải hai. Nhân hành để thành tựu quả giác có vô lượng vô biên. Giống như điểm trung tâm, quả giác giống như điểm trung tâm. Tất cả chúng sanh từ mười phương thế giới đến, phương hướng không giống nhau, xa gần không tương đồng. Có câu: “đại lộ khác nhau nhưng đều thông đến la mã”. Người xưa cũng có câu: “đại lộ khác nhau nhưng đều thông đến Trường An”. Thủ đô của quốc gia ở Trường An. Bất luận là ở phương nào đến, mục đích cuối cùng là đến Trường An. Cũng chính là nói vô lượng vô biên pháp môn, nhưng mục tiêu cuối cùng là quả giác Tự Tại Vương Phật. Mọi người đều chứng được Thế Gian Tự Tại Vương.

 Thế Gian Tự Tại Vương là tên gọi chung về quả đức của tất cả người tu hành. Không phải chỉ riêng cho một vị Phật, mà là đức hiệu chung. Nếu muốn nói vị nào thì ở trước phải thêm vào danh hiệu, như thế mới biết đây là vị nào. Không thêm danh hiệu thì đó là danh hiệu chung, chính là tự tánh của chúng ta. Ở trước nói rất hay. Tự là tự tánh, là tự tâm. Tự tánh tự tại, tự tâm tự tại. nghĩa là là như vậy.

 Cư sĩ Bành Tế Thanh đối với kinh văn này cũng có lý giải sâu sắc. Ông có chú giải kinh Vô Lượng Thọ, gọi là Vô Lượng Thọ Kinh Khởi Tín Luận, là tác phẩm của Bành Tế Thanh. *“Giản Lục ư hạ”,* trích lục đơn giản ở đoạn kinh văn này. *“Pháp Tạng dĩ vô lượng tâm”.* Chân như, tự tánh chính là vô lượng tâm. *“Phát vô lượng nguyện*”, vô lượng nguyện chính là 48 nguyện. *“Khởi vô lượng hành”,* ở trước chúng ta đọc qua, ngài tu hành năm kiếp. Ở Trung quốc ngày xưa, người học Phật bất luận là tại gia hay xuất gia. Khi làm đệ tử của một vị thầy, vị thầy này bắt đầu dạy chúng ta từ đâu? Bắt đầu dạy từ giới luật, thời gian là năm năm. Cũng chính là nói học giới năm năm. Giới là gốc của vô thượng bồ đề, người xưa đều giữ quy củ này đâu ra đấy, không dám có chút sai lầm nào. Nên họ đều được thành tựu. Con người bây giờ đều bỏ hết những quy củ này, không cần giới luật mà trực tiếp đi vào kinh giáo, nên không thể thành tựu kinh giáo. Chúng ta dùng hết mấy mươi năm vào trong kinh giáo đã học được những gì? Phật học thường thức. Nên nó không khởi tác dụng.

 Tác dụng là gì? Tác dụng là thay đổi khí chất. Học Phật nhiều năm nhưng khí chất không thay đổi, nghĩa là không gặt hái được lợi ích. Người gặt hái được lợi ích là chuyển phàm thành thánh, chuyển mê khai ngộ. Như vậy là khởi tác dụng. Người đời thường nói là thoát thai đổi cốt. Chúng ta vốn là người phàm, bây giờ trở thành Thánh nhân. Vốn là tâm luôn dao động, bây giờ có định có huệ. Khí chất đã thay đổi. Y theo phương pháp của cổ nhân để học tập, mới có được hiệu quả thù thắng như vậy. Không đi theo con đường của cổ đức, mà tự sáng lập ra con đường mới để đi, ngày nay gọi là tri thức bùng nổ. Con đường chúng ta đi là tri thức không phải trí huệ. Chúng ta nghiên cứu cả đời là Phật học chứ không phải là học Phật.

 Học Phật và Phật học là hai việc khác nhau. Học Phật có thể thành Phật, nhưng Phật học không thể thành Phật. Điều này cần phải hiểu rõ ràng. Học Phật nhất định phải đem những điều trong kinh luận nói biến thành tư tưởng của chính mình. Biến thành hành vi của chính mình. Biến thành cuộc sống của chính mình. Đây gọi là học Phật, rất lợi ích. Có giới, có giới chính là có quy củ. Có thiền định, có trí huệ có thể giải quyết vấn đề của tự thân. Có thể giải quyết được bệnh khổ của tự thân chăng? Được! Chúng tôi đã từng gặp. Nhưng cũng có trường hợp không thể, chúng tôi cũng đã từng gặp. Lúc Huyền Trang đại sư ra đi rất đau khổ, bệnh khổ rất nghiêm trọng. Đây là bậc đại cao Tăng. Có người hỏi ngài, chẳng lẽ công phu tu hành của ngài không hiệu nghiệm ư? Ngài nói với họ không phải. Vì nghiệp chướng đã tạo trong quá khứ quá sâu nặng. Tội nặng quả báo nhẹ. Thị hiện này cho chúng ta biết nhân quả có thật! Không phải giả.

 Thật sự sám trừ nghiệp chướng, sửa đổi sai lầm bản thân. Các loại thị hiện đều có sự liên quan mật thiết với đại nguyện của mỗi người, tất cả đều là giáo hoá chúng sanh. Các ngài thị hiện để chúng sanh thấy. Thiện nhân thiện quả, ác nhân có ác báo. Đức Thế Tôn lúc còn tại thế vẫn bị quả báo ăn ba tháng lúa mạch - thức ăn của Ngựa. Đương thời Khổng Tử cũng có thời gian tuyệt lương thực, phải chịu đói khát không có thức ăn. Các bậc đại thánh hiền cũng làm gương cho chúng ta. Phước báo, trí huệ chúng ta chẳng những không sánh bằng Đức Phật, mà với Khổng Tử cũng không sánh bằng. Đức Phật với Khổng tử sống rất tiết kiệm. Nói như người hiện nay thì một chút cũng không hề lãng phí, dạy người phải tích phước. Tu phước đương nhiên quan trọng, nhưng tích luỹ phước đức còn quan trọng hơn cả tu phước.

 Một chút phước báo mà ta tu được bình thường đều đã hưởng hết. Không hiểu cách tích phước, đến khi thiên tai hiện tiền phải làm sao? Hối hận không kịp! Có thể tiết kiệm thì phải cố gắng tiết kiệm. Đáng dùng thì dùng, không đáng dùng thì nên tiết kiệm. Đặc biệt là tương lai, các nhà khoa học cảnh cáo chúng ta, tương lai sẽ có nguy cơ về lương thực, sẽ có nguy cơ về nguồn năng lượng, sẽ có nguy cơ về nguồn nước. Còn có nguy cơ về tài chánh. Đại thiên tai toàn cầu. Chúng ta nên đối phó như thế nào? Tu tập là phương hướng chung, là điểm then chốt chung. Nhưng về mặt tế hạnh thì ít nhất cũng nên học ôn- lương- cung- kiệm- nhường của Khổng Tử, đây là đức hạnh. Đối với người phải ôn nhu, tư thế phải thấp một chút. Phải thiện lương, phải khiêm cung, phải tiết kiệm, phải kính trên nhường dưới. Không nên tranh dành, phải học nhường nhịn.

 Đức trong mười nguyện của Phổ Hiền Bồ Tát, chúng ta thử suy nghĩ tường tận xem. Trong mỗi điều đều đầy đủ ôn- lương- cung- kiệm- nhường. Từ lễ kinh Chư Phật đến phổ giai hồi hướng, mỗi nguyện đều đầy đủ. Không đầy đủ đức hạnh này thì làm sao có thể tu vô lượng vô biên chủng chủng công đức? Thập đại nguyện vương là để ta thành tựu vô lượng vô biên chủng chủng công đức. Trong mười nguyện, mỗi nguyện đều đầy đủ thập thiện nghiệp đạo. Mỗi nguyện đều đầy đủ, đầy đủ thập thiện nghiệp đạo. Chúng ta cũng liên tưởng đến Pháp Tạng là Bồ Tát, là đại thừa. Bồ Tát có thể đem thập thiện nghiệp triển khai thành tám vạn bốn ngàn tế hạnh. Như vậy chúng ta sẽ hiểu, mười nguyện của Phổ Hiền Bồ Tát, mỗi nguyện đều đầy đủ tám vạn bốn ngàn tế hạnh. Như vậy mới có thể tích luỹ vô lượng vô biên công đức. Nên được quả báo là đối với tất cả pháp được tự tại. Cư sĩ Bành Tế Thanh nói Pháp Tạng lấy vô lượng tâm, phát vô lượng nguyện, khởi vô lượng hạnh. Nhưng không có điều gì không gọi là chân như pháp giới. Chân như pháp giới chính là thế giới Cực Lạc. Khởi vô lượng hạnh chính là năm kiếp chuyên tu.

 Ngày nay Phật giáo suy yếu, nguyên nhân vì đâu? Bỏ quên năm năm chuyên tu giới luật. Không hề nhắc điều này, cũng không nói đến. Có hai người phát tâm giảng, nhưng giảng chưa được thấu triệt. Chính mình tu tập cũng chưa đến nơi, nên nói người khác không tin, vì thế không khởi tác dụng. Nhất định chính mình cần phải làm được, cần phải trải qua tất cả khổ nạn. Chúng ta làm một chút việc tốt, thật là việc tốt. Người khác huỷ báng ta vì danh dự lợi dưỡng, nói ta có dụng tâm khác, chắc chắn có ý đồ, có mục tiêu. Người ta nghĩ về ta theo chiều hướng xấu, không thừa nhận thiện tâm của mình. Tình trạng này ở trong xã hội ngày nay quá nhiều. Chúng ta nghe thấy có thể nhẫn được hay không? Không nhẫn được thì thoái tâm, giống như A la hán vậy. Chúng sanh khó độ nên họ không độ chúng sanh nửa, vì quá khó A la hán đã thoái tâm. Chỉ có Bồ Tát không thoái tâm. Bồ Tát vẫn tiếp tục làm, Bồ Tát nhẫn được. Đến sau cùng duyên của Bồ Tát đã hết, không hề lưu luyến rời xa thế gian. Người ta nghĩ lại, thì ra người đó thật sự không phải vì danh văn lợi dưỡng. Biết họ là người tốt, thì người tốt đã không còn, họ đã đi. Người tốt chắn chắn là đi đến chỗ tốt.

 Bây giờ chúng ta hiểu là chắc chắn họ đến thế giới Cực Lạc. Vì sao? Thế giới Cực Lạc đều là các bậc thượng thiện nhơn. Đó là câu lạc bộ của các bậc thượng thiện nhơn. Nếu chúng ta muốn vãng sanh thế giới Cực Lạc, không phải thượng thiện làm sao được? Mỗi người vãng sanh đều đầy đủ điều kiện thượng thiện. Không phải điều kiện thượng thiện không thể vãng sanh. Như vậy thì ta cũng đã biết, người niệm Phật nhiều nhưng người vãng sanh không nhiều. Người vãng sanh có tướng đoan nghiêm, trên đĩnh đầu nóng. Điều này có thể chứng minh họ thật sự vãng sanh chăng? Không thể. Vì sao? Sanh thiên trên đỉnh đầu cũng nóng, đời sau đến thế gian hưởng thụ đại phú quý, trên đỉnh đầu của họ cũng nóng.

 Tóm lại mà nói, trên đỉnh đầu nóng thì nhất định được sanh vào đường lành, nhưng không nhất định vãng sanh. Người như thế nào mới chân thật vãng sanh? Là chính họ nói. Khi họ lâm chung sẽ nói với mọi người, Đức Phật đến tiếp dẫn tôi, tôi đi với ngài. Đây là thật sự vãng sanh. Còn chính họ không nói, nhưng có những tướng an tường này, thì nhất định không đoạ vào ba đường ác, điều này có thể khẳng định. Khi họ ra đi đoan tướng rất tốt, không đoạ vào ba đường ác. Mọi người đều cho rằng đã vãng sanh. Nhưng đó là sao? Đó là một cách an ủi đối với quyến thuộc họ mà thôi, không có thật.

 Người thật sự vãng sanh sẽ có cảm ứng, họ thật sự là vãng sanh. Chúng ta mỗi ngày nhớ về họ, hàng ngày nghĩ đến họ. Họ sẽ cho ta nằm mộng thấy, đem tình huống hiện tại của họ nói cho chúng ta. Nếu họ vãng sanh sẽ nói cho chúng ta biết họ đã ở thế giới Cực Lạc. Đó là thật không phải giả. Những người đã vãng sanh này,vì sao họ không cho người nhà nằm thấy? Vì thời gian khác biệt, họ đến đó sẽ quên mất. Một ngày ở thế giới Cực Lạc bằng khoảng mấy trăm năm, mấy ngàn năm ở nhân gian, nên họ sẽ quên. Khi ta thật sự nhớ nghĩ đến họ, họ sẽ có cảm ứng. Họ sẽ trở lại báo tin cho chúng ta. Hơn nữa người khác có thể vãng sanh hay không là việc của họ, quan trọng nhất vẫn là việc của chính mình. Là bản thân ta có thể vãng sanh hay không, đây là việc quan trọng nhất.

 Ta có thể vãng sanh, ta quen biết những người có duyên này. Bất luận họ ở đường nào ta đều có thể nhìn thấy. Bất luận ở đường nào ta đều có thể nghe thấy. Vì sao? Bởi không có chướng ngại, chúng ta đã được tự tại. Khi nào nhân duyên thuần thục chúng ta cũng rất rõ. Nhân duyên chưa thuần thục, tiếp xúc với họ cũng không lợi ích gì. Chỉ thêm phiền phức cho họ, chứ không có lợi ích gì. Chỉ có thêm tình chấp, thêm phiền não. Nhưng nhân duyên thuần thục thì khác, những điều ta nói họ đều tin, họ có thể tiếp thu và y giáo phụng hành. Nhân duyên thuần thục cũng có sâu có cạn. Không phải một đời một kiếp có thể giúp họ thành tựu, không phải như vậy. Có khi phải trải qua rất nhiều đời. Giống như trẻ em đi học vậy. Học tiểu học, sau đó mới lên đến trung học, từ trung học lên đến đại học, từ đại học lên đến thạc sĩ. Đến cuối cùng mới có thể chứng quả. Chư Phật Bồ Tát quan tâm đến chúng sanh từ đời này qua đời khác liên tục không bỏ. Quý vị nghĩ xem ân đức này lớn biết bao! Nhưng người thế gian thì quên, thật sự là vong ân phụ nghĩa, nhưng Chư Phật Bồ Tát từ bi vô tận. Chúng ta vong ân phụ nghĩa đối với các ngài, nhưng các ngài vẫn cứ quan tâm. Điều này rất khó!

Chẳng phải vong ân phụ nghĩa là các ngài không quan tâm nữa, không phải như thế. Các ngài luôn quan tâm đến chúng ta. Nếu ta muốn hỏi vì sao? Bởi các ngài hiểu rất rõ, các ngài biết chúng ta có Phật tánh, biết chúng ta có chân tâm. Chỉ là nhất thời hồ đồ, nhất thời mê hoặc mà làm sai, nên đã chiêu cảm ác báo. Khi ác báo chịu hết thì tâm lành xuất hiện. Nếu tâm lành không xuất hiện, thì vĩnh viễn không ra khỏi ác đạo. Quý vị nghĩ xem đến khi nào ta mới có thể rời xa ác đạo? Khi nào tâm lành xuất hiện thì lúc đó ra được. Tâm lành xuất hiện, thừa nhận chính mình đã sai. Nếu chưa thừa nhận là tâm lành chưa xuất hiện, còn phải tiếp tục chịu khổ.

 Đoạn văn trên: *“Ngôn nhất thiết pháp giả, tức tứ thập bát nguyện chi pháp dã. Vị trang nghiêm tịnh độ pháp, nhiếp thủ chúng sanh pháp, trang nghiêm pháp thân pháp đẳng dã. Ý vị Pháp Tạng tứ thập bát nguyện tất giai viên mãn. Nguyện trung sở nhiếp nhất thiết chi pháp, tất giai viên dung vô ngại. Thành tựu Thế Gian Tự Tại Vương Phật chi quả giác, cố vân nhất thiết tự tại”.*

Đoạn này chúng ta cần phải đọc nhiều lần. Từng giờ từng phút cảnh tỉnh chính mình. Cư sĩ Bành Tế Thanh nói cũng rất hay, lấy vô lượng tâm, phát vô lượng nguyện, khởi vô lượng hạnh. Ông nói đơn giản nhưng thấu triệt, *“vô bất nhất nhất xưng chân như pháp giới”.* Câu này vô cùng quan trọng, cũng chính là tương ưng với tánh đức viên mãn của tự tánh.

 *“Chúng sanh vô lượng, quốc độ vô lượng. Bồ Tát tuỳ thuận chúng sanh, kinh bất khả thuyết bất khả thuyết na do tha kiếp. Nhập bất khả thuyết bất khả thuyết hằng hà sa Phật độ, tất dĩ vô lượng hạnh hải nhi nghiêm tịnh chi”.*

Trang nghiêm quốc độ của Chư Phật. Trước tiên cần phải biết là chúng sanh vô lượng, quốc độ vô lượng. Nơi nào Bồ Tát ở đều lấy hạnh nguyện như biển để trang nghiêm thanh tịnh chỗ đó. Nghiêm là trang nghiêm, tịnh là thanh tịnh. Điều này vô cùng vĩ đại!

 Trong mọi lúc mọi nơi, mọi cảnh duyên. Bồ Tát thị hiện ở đó để làm gì? Trang nghiêm cỏi Phật và tịnh hoá nhân tâm. Tâm tịnh thì quốc độ tịnh. Phương pháp trang nghiêm cõi Phật, lúc Đức Phật tại thế đã biểu diễn tất cả cho chúng ta thấy. Không phải biểu diễn trong thời gian ngắn, mà biểu diễn suốt 49 năm về thân hành ngôn giáo. Thân hành trang nghiêm, ngôn ngữ giáo huấn suốt 49 năm cũng như một ngày, chưa từng gián đoạn. Đối với danh văn lợi dưỡng không hề can thiệp. Suốt cuộc đời vì chúng ta mà thị hiện đều là tâm thanh tịnh, thân thanh tịnh và nghiệp thanh tịnh. Cần mẫn giáo hoá, không cần người khác cung kinh đối với ngài. Không yêu cầu người khác cúng dường. Suốt đời không thu một đồng học phí của học trò. Ngài cũng không bỏ ra, vì cách sống của các ngài là khất thực. Đối với xã hội, đối với chúng sanh không lấy cũng không bỏ. Đây là Đức Thế Tôn làm gương cho chúng ta. Đây là hạnh của Bồ Tát, là hạnh của bậc thánh. Chỉ có thánh nhân mới làm được.

 Phàm phu khởi tâm động niệm đều là lợi và hại. Những việc có lợi mới làm, còn những việc không có lợi tôi không làm. Những việc có hại lại càng không làm. Chúng ta quan sát tỷ mỷ xem một đời hành nghi của Đức Thế Tôn, sẽ khai ngộ, sẽ sanh khởi tín tâm.

 *“Sở dĩ giả hà? Dĩ pháp giới bổn vô lượng cố. Như thị nghiêm tịnh vô lượng Phật độ, độ thoát vô lượng chúng sanh. Nhi thật vô Phật độ khả nghiêm, diệc vô chúng sanh khả độ”.*

Có lý có sự. Vì sao phải trang nghiêm quốc độ? Đối với bất cứ chúng sanh nào, bất cứ quốc độ nào đều lấy tâm bình đẳng, tâm thanh tịnh để trang nghiêm. Trang nghiêm là tấm gương tốt nhất cho mọi người. Vì sao trong tất cả pháp không lấy cũng không bỏ? Ở dưới nói đến *“trang nghiêm Phật độ thật vô Phật độ khả nghiêm. Độ thoát chúng sanh diệc vô chúng sanh khả độ”.* Đây là đứng về lý mà nói, về tánh mà nói. Tự mình thực hành, mỗi niệm không bỏ quốc độ chúng sanh là về sự mà nói. Về Sự thật sự làm, nhưng trong tâm không hề bị nhiễm ô, biết quốc độ chúng sanh là không, là huyễn tướng không có thật. Giống như một giấc mộng vậy. Những chúng sanh này thực sự là đang ở trong mộng. Ở trong mộng tạo nghiệp, ở trong mộng chịu khổ và ở trong mộng chịu nạn. Họ chưa từng tỉnh ngộ, cho rằng cảnh mộng là thật. Trong mắt chư Phật Bồ Tát họ là người thật đáng thương!

 Làm được hay không? Làm được. Có chướng ngại hay không? Không có chướng ngại. Không chướng ngại tâm thanh tịnh của Bồ Tát. Không chướng ngại đại tự tại của Bồ Tát. Bồ Tát và những chúng sanh này có duyên, vì chúng sanh có cảm nên chư Phật Bồ Tát tự nhiên khởi ứng như vậy. Chư Phật Bồ Tát ứng hoá chúng sanh, tuyệt đối không khởi tâm động niệm. Khởi tâm động niệm đã không có thì làm gì có phân biệt chấp trước? Đây là điều mà chúng ta không thể không biết. Nên các ngài được tự tại, chúng ta không được tự tại. Chúng ta cho rằng là thật có.

 Vì sao nói không có chúng sanh được độ? Không có quốc độ được trang nghiêm? Tại sao như vậy? Vì pháp giới tức không phải là pháp giới, chúng sanh tức không phải chúng sanh. Trong kinh Kim Cang nói rất thấu triệt, chúng sanh tức không phải chúng sanh, mới gọi là chúng sanh. Quốc độ tức không phải quốc độ mới gọi là quốc độ. Phàm phu thấy nó là thật. Chư Phật Bồ Tát thấy là chân tướng sự thật.

 *“Tư tắc bi trí song dung, lý sự vô ngại. Cố năng ư nhất thiết pháp nhi đắc tự tại. Thượng chi nhị thuyết chánh hảo hổ tham”.* Cả hai mặt chúng ta đều thấy rõ ràng, đã hiểu rõ. Tất cả pháp như mộng huyễn bào ảnh, thì cứ tuỳ nó là được, sao lại còn ứng nó? Đừng để ý đến nó. Đó là giả không phải thật. Như vậy không phải là A la hán thông minh hơn Phật sao? A la hán không để ý, vậy tại sao Đức Phật cần quan tâm điều này? Thật ra đức Phật không có để ý đến nó. Không quan tâm sao để ý ngài lại thị hiện? Cảm ứng thật không thể nghĩ bàn. Thật giống như Giang Bổn Thắng thí nghiệm về nước vậy. Phàm phu chúng ta chấp trước tất cả đều là có thật. Chúng ta gởi cho nước một thông tin rằng, tôi thích bạn. Phản ứng của nước cho ta thấy một đồ án. Tôi gởi tiếp một thông tin khác, tôi ghét bạn. Phản ứng của nó là tự nhiên. Như vậy nước có khởi tâm động niệm chăng? Có phân biệt chấp trước chăng? Không có gì cả. Tự tánh khởi dụng, chúng ta có thể từ sự thí nghiệm này lãnh hội được một ít.

 Chư Phật Bồ Tát có thật sự đến hay chăng? Chúng ta cầu Phật Bồ Tát, các ngài thật sự đến. Không thể nói thật, cũng không thể nói giả. Nếu nói đến thật là sai, còn nếu nói giả cũng sai. Chỉ cần khởi tâm động niệm là ta đã sai rồi. Như thế nào mới thấu triệt được chân tướng sự thật của nó? Buông bỏ tất cả vọng tưởng, phân biệt, chấp trước và khởi tâm động niệm thì sẽ thấu suốt. Biến pháp giới hư không giới là một thể. Thân người chúng ta, thân thể này là một thể. Tay trái chúng ta bị côn trùng cắn rất đau rất ngứa, tay phải tự nhiên an ủi nó, vỗ về nó. Tay phải không hề nói nó là tay trái không liên quan đến tôi. Tôi quan tâm việc của nó làm gì? Nó vừa bị đau thì thông tin đó sẽ truyền đạt đến toàn thân, tự nhiên là như vậy. Chúng ta phải nghiên cứu xem tại sao nó như vậy. Trạng thái đó của nó là thật hay là giả.

 Chúng ta không thể lý giải, biến pháp giới hư không giới là do tự tánh thanh tịnh viên minh thể biến hiện ra. Không những tất cả hữu tình chúng sanh có liên quan, có cảm ứng với chúng ta. Mà hữu tình chúng sanh như cây cỏ hoa lá, sơn hà đại địa có thông tin chăng? Có. Chỉ cần có hiện tượng là nó sẽ có thông tin, kể cả hiện tượng tự nhiên. Hiện tượng này từ đâu mà có? Toàn bộ đều là từ dao động. Dao động chính là nó có phát xạ có tiếp thu. Một mặt phát xạ thông tin của mình, mặt khác lại tiếp thu tất cả thông tin khắp biến pháp giới hư không giới. Đây là thật tướng của các pháp. Những thông tin này không thể nói có cũng không thể nói không. Nó không có hình tướng, nhưng nó thật sự tồn tại.

 Dao động là có tướng, là hiện tượng tự nhiên. Từ hiện tượng tự nhiên phát ra hiện tượng tinh thần. Trong hiện tượng tinh thần phát sanh hiện tượng vật chất. Hiện tượng là động, tự lánh là bất động. Động không chướng ngại bất động, bất động cũng không chướng ngại động. Biến pháp giới hư không giới với ta là một thể. Biến pháp giới hư không giới là chính mình, giống như cảnh giới trong mộng vậy. Trong mộng có chính mình cũng có người khác, cũng có cây cỏ hoa lá, cũng có sơn hà đại địa, cũng có hư không pháp giới. Quý vị nói là thật hay là giả? Nếu nói là giả thì sao rõ ràng như vậy, tỉnh dậy còn nhớ như in. Nếu nói là thật? Thật là bất khả đắc. Nó từ đâu đến? Sau khi tỉnh lại nó đã đi đâu? Bất khả đắc. Trên thực tế hư không pháp giới và cảnh giới trong mộng không khác nhau. Nên trong kinh Phật dùng một câu để giải đáp tất cả các hiện tượng, gọi là “pháp nhĩ như thị”. Tất cả pháp nó vốn là như vậy. Chúng ta cần phải nghiên cứu nó, hiểu về nó. Nó vĩnh viễn không có cảnh dừng, nó không có nguồn gốc. Vì nó “đương xứ xuất sanh tuỳ xứ diệt tận”. Điêu này Đức Thế Tôn giảng trong hội Lăng Nghiêm. Câu cuối cùng Đức Phật dạy, duy chỉ có chứng được mới biết. Kiến tánh sẽ thấu triệt hoàn toàn, còn chưa kiến tánh không thể nói rõ ràng được. Nên tu học Phật pháp, mục tiêu cuối cùng là minh tâm kiến tánh. Đối với tất cả hiện tượng trong thế xuất thế gian hiểu rõ triệt để. Đây gọi là thành Phật, gọi là được đại tự tại. Câu bên dưới nói rất hay.

 *“Phi thị ngữ ngôn phân biệt chi sở năng tri”.* Đây là thật, ngôn ngữ nói không cùng tận. Phân biệt là dùng ý thức. Nên nói *“ngôn ngữ đạo đoạn, tâm hành xứ diệt”*. Không có cách nào tưởng tượng, cũng không có cách nào nói rõ. Phạm vi của ngôn ngữ và phân biệt là có hạn, mà phạm vi của những hiện tượng này là vô hạn. Chúng ta xem chú giải của Hoàng Niệm Tổ. *“Thử ngữ chân thị kim cang vương bảo kiến, trực hạ trảm tận chúng sanh tình kiến”.* Duy chỉ ngay đây buông bỏ tình kiến. Tình kiến là vọng tâm. A lại da, Mạt na, Ý thức và tiền ngũ thức gọi là tám thức tâm vương, là vọng tâm. Chuyển bát thức thành tứ trí thì vấn đề sẽ được giải quyết. Nếu buông bỏ cả tám thức, tự tánh trí huệ bát nhã sẽ hiện tiền.

 Khi trí huệ bát nhã đức tướng đều hiện tiền, cảnh giới lúc này là gì? Pháp thân Bồ Tát trong kinh Hoa Nghiêm nói. Chứng được pháp thân, là thấy được pháp tánh. Đối với chân tướng sự thật hoàn toàn thấu triệt. Phiền phức của chúng ta ngày nay chính là ba phiền não lớn này đều chưa buông bỏ, đây gọi là thật đáng thương. Hoàn toàn chưa buông bỏ. Hay nói cách khác, chắc chắn không ra khỏi được luân hồi. Đời đời kiếp kiếp ở trong đó chịu tội. Buông xã chấp trước, không còn làm chuyện khờ dại. Đoạn kiến tư phiền não thì luân hồi không còn nữa. Luân hồi không còn sẽ xuất hiện tứ thánh pháp giới: Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát, Phật. Ở đây tuy không có chấp trước, nhưng vẫn còn phân biệt, vẫn còn khởi tâm động niệm.

 Cần phải buông bỏ phân biệt, khởi tâm động niệm, mới có thể nhìn thấy thật tướng các pháp. Chân tướng sự thật đã minh bạch, buông bỏ là minh bạch. Vì sao? Thật sự buông bỏ, đó chính là cảm, chư Phật Như Lai liền ứng. Các ngài nhất định giúp ta giác ngộ, giúp ta chứng quả. Nếu muốn hỏi vì sao? Bởi chư Phật Bồ Tát với ta là một thể. Ta buông bỏ chính là một thông tin, thông báo với tất cả Chư Phật Như Lai trong biến pháp giới hư không giới. Ta đã buông bỏ, ta đã đến biên giới của thành Phật. Tin này vừa phát ra, thì các ngài lập tức giúp nâng ta lên. Như vậy vấn đề đã được giải quyết.

 Tất cả chư Phật Bồ Tát, tất cả chúng sanh. Tất cả sơn hà đại địa, cây cỏ hoa lá với tôi là một thể. Với tôi đều là người thân, không có gì thân hơn nữa. Nên Chư Phật Như Lai ngày ngày đều làm điều này, gọi là “đồng thể đại bi, vô duyên đại từ”. Đồng thể là một thể thì đâu có chuyện không giúp đỡ! Vô duyên là không có điều kiện. Hỏi gì cũng là dư thừa, không có điều kiện. Những khai thị này đều là tinh tuý trong kinh điển đại thừa. Nếu chúng ta có được mấy phần lãnh hội, thì vọng niệm của chúng ta sẽ giảm đi. Nghi hoặc được hoá giải. Vọng niệm giảm đi, nghi hoặc giảm nhẹ, từ từ chân tâm sẽ hiện tiền. Việc này chỉ có chân tâm hiện tiền, trong chân tâm có trí huệ. Có thể thấu triệt chân tướng sự thật. Dùng chân tâm, đó là việc rất khó!

 Vì sao Ấn Quang đại sư nói rằng, một phần chân thành được một phần lợi ích? Chân thành là chân tâm. Chân tâm hiểu được những điều chân tâm nói, vọng tâm không hiểu được. Chân tâm thì hiểu được những điều vọng tâm nói, nhưng những điều chân tâm nói thì vọng tâm không hiểu. Vọng tâm nói thì vọng tâm hiểu, nhưng chân tâm nói nó không hiểu. Nên phát tâm bồ đề quan trọng biết bao. Phát tâm bồ đề, chính là dùng chân tâm không dùng vọng tâm. Hơn hai mươi năm lại đây, chúng ta nói đến bồ đề tâm với người xưa nói không giống nhau. Thể của bồ đề tâm, chúng ta nói là chân thành. Chân thành là thể của tâm bồ đề. Tự thọ dụng của tâm bồ đề là thanh tịnh bình đẳng giác. Tha thọ dụng của tâm bồ đề là đại từ đại bi, thể hiện ngay trong sinh hoạt hằng ngày. Nhìn thấu, buông bỏ, tự tại, tuỳ duyên, niệm Phật. Bồ đề tâm sinh hoạt ở thế gian, khẳng định là thái độ này.

 Nhìn thấu, buông bỏ là đối với người không tranh chấp, đối với thế gian vô cầu. Tự tại tuỳ duyên, không chút miễn cưỡng. Đời này kiếp này quyết định niệm Phật cầu sanh tịnh độ thân cận Phật A Di Đà. Đại sự của chúng ta đã viên mãn. Chúng sanh trong mười pháp giới cùng một phương hướng, cùng một con đường, cùng một mục tiêu. Thời kỳ mạt pháp của Thế Tôn, tu học vô cùng khó khăn, khó thành tựu. Nhưng tu rốt ráo tu hành nhất định thành tựu. Cả ba căn phổ bị, lợi độn toàn thâu.

 Chúng ta xem tiếp chú giải của Hoàng Niệm Tổ bên dưới. *“Kim thử kinh văn, dữ Diệu Pháp Liên Hoa Kinh trung, thị pháp phi tư lượng phân biệt chi sở năng giải”.* Ý tứ hoàn toàn tương đồng. *“Trực thị nhất cú, nhất vị nhất âm, đẳng đồng vô dị, thử phi ngẫu hợp”.* Không phải ngẫu nhiên tương hợp. *“Thật nhân thể đồng”.* Nói lên điều gì? Kinh Vô Lượng Thọ và Kinh Diệu Pháp Liên Hoa là đồng thể. Đều là trong tự tánh viên minh thể hiện ra, sao lại không giống nhau! *“Cố hạ dĩ Pháp Hoa dĩ chứng kinh nghĩa. Chứng minh kinh nghĩa, Pháp Hoa kinh vân, chư Phật tuỳ nghi thuyết pháp, ý thú nan giải”.* Đức Thế Tôn thuyết pháp đều là ứng theo cảm ứng của chúng sanh. Trên thực tế Đức Phật hoàn toàn không nói câu pháp nào, toàn là cảm ứng. Tuỳ theo tâm chúng sanh mà ứng hiện.

 Trong kinh lại nói một Phật xuất thế thì ngàn Phật ủng hộ. Ngàn không phải là chữ số, mà là vô lượng! Kinh Hoa Nghiêm dùng mười để tượng trưng cho vô lượng. Một đến mười là vô lượng. Ngàn là đại vô lượng, là vô lượng viên mãn. Nếu không có tất cả chư Phật ủng hộ, thì đức Phật làm sao thuyết pháp? Đức Phật không khởi tâm động niệm, vậy ngài nói pháp gì? Chỉ có chúng sanh khởi tâm động niệm. Chúng sanh chính là Phật, chính là Phật thị hiện. Để pháp tánh hiển lộ ra chân thật diệu pháp, giúp chúng sanh giải quyết vấn đề khó khăn. Giống như thí nghiệm nước của Giang Bổn Thắng. Chúng ta đem nước ví với Phật, nếu không có người làm thí nghiệm, thì làm gì có nhiều đồ án như vậy để chúng ta thấy? Chỉ là chúng sanh có cảm thì nó liền phản ứng, nó liền có ứng. Đức Thế Tôn hiện thân là cảm ứng, Thế Tôn thuyết pháp cũng là cảm ứng. Nên những người cảm đó có phải là Phật chăng? Phải! Cho nênn Phật dạy tất cả chúng sanh vốn là Phật. Chúng sanh khác nhau, tâm tình không giống nhau, cảm bất đồng nhưng Đức Phật đều đến ứng. Nên trong dạy học cần phải thỉnh pháp. Trong mười nguyện của Phổ Hiền có *“thỉnh chuyển pháp luân”.* Nếu không thỉnh ngài sẽ không nói, cũng sẽ không diễn.

 Thân hành ngôn giáo đều là ứng. Không có cảm, thân của các ngài cũng không hành, ngôn cũng không giáo. Lúc Đức Thế Tôn còn tại thế, mỗi ngày tiếp xúc rất nhiều học sinh. Đại chúng đi theo ngài thường có 1250 vị, còn có đại chúng ngẫu nhiên theo ngài, cũng theo Đức Thế Tôn. Nếu rảnh thì đến, có việc thì đi. Đến đến đi đi như nước chảy không ngừng. Nhân số chắc chắn nhiều hơn chúng thường tuỳ. Họ là ai? Toàn là chư Phật Như Lai. Họ không ngừng đưa ra vấn đề. Câu hỏi của họ là tượng trưng cho tất cả chúng sanh, giống như đang ở trong phòng thí nghiệm vậy. Có rất nhiều người làm ra thí nghiệm. Giống như người thí nghiệm nước, nước có nhiều loại phản ứng khác nhau.

 Tiến sĩ Giang Bổn Thắng nói ông đã làm thí nghiêm mười mấy năm, chưa nhìn thấy hình ảnh nào giống nhau. Không có. Ông nói rất kỳ lạ, không có lần nào giống nhau. Ông nói với tôi, tôi cũng nói với ông không thể có cái tương đồng. Mắt ông mở lớn và hỏi vì sao? Tôi nói tâm không giống nhau. Cùng một người, nhưng phút trước là cái tâm đó, nhưng tâm phút sau lại không giống nhau. Ông ta liền hiểu rỏ. Tôi nói nó là dùng tâm để cảm! Cùng với tình yêu đối với nước. Cùng một tình yêu, nhưng trình độ tình yêu đó không giống nhau. Trình độ thuần khiết không giống nhau, xen tạp cũng không giống nhau. Niệm niệm không tương đồng thì làm sao có hai tướng tương đồng?

 Bồ Tát Di lặc nói với chúng ta. Quý vị xem niệm đó vi tế biết bao. Một khảy móng tay có 32 ức một trăm ngàn niệm, nhưng mổi niệm đều không giống nhau. Giống nhiều giống ít, nhưng tuyệt đối tìm không thấy sự tương đồng. Tôi đem đạo lý này nói cho ông ta nghe. Trên toàn thể vũ trụ này cũng không tìm thấy, không thể tìm thấy tương đồng. Vì niệm của nó là vọng niệm, đến khi nào tương đồng? Thành Phật sẽ tương đồng, Phật Phật đạo đồng. Vì sao? Phật không có ý niệm. Không có ý niệm nên giống nhau, có ý niệm thì không giống nhau. Nên vọng tâm không giống nhau, nhưng chân tâm giống nhau. Chân tâm không có vọng niệm, không khởi tâm không động niệm. Còn phải đoạn tận tập khí không khởi tâm không động niệm. Khi tập khí chưa đoạn tận thì vẫn là không giống nhau. Như vậy chúng ta biết được, thường tịch quang hoàn toàn giống nhau. Cõi thật báo vẫn không giống nhau. Cõi thật báo có thể nói là giống nhiều hơn ít. Trong mười pháp giới cũng giống nhiều hơn ít. Lục đạo có thể nói là hoàn toàn không giống nhau. Trong kinh Phật nói rất khoa học.

 Chư Phật tuỳ nghi thuyết pháp ý thú khó giải. Vì sao? *“Ngã dĩ vô số phương tiện, chủng chủng nhân duyên, thí dụ ngôn từ, diễn thuyết chư pháp”.* Quý vị xem mấy câu này. Vô số phương tiện, đây là cảm ứng! Chúng sanh có cảm, ngài liền có ứng. Chúng sanh có vô số cảm, ngài liền có vô số ứng. Chủng chủng nhân duyên chứ không phải một. Thí dụ ngôn từ, diễn thuyết các pháp. *“Thị pháp phi tư lương phân biệt chi sở năng giải”.* Hay nói cách khác, không thể dùng phân biệt chấp trước. Không thể dùng suy nghĩ, mới có thể thấu triệt được chân thật nghĩa mà Như Lai nói. Chỉ cần dùng tư tưởng, dùng phân biệt thì những điều ta hiểu đều là ý nghĩ của chính mình, không phải ý của Phật. Vì Phật không có ý thì làm sao có thể hiểu? Phật không có ý, nhưng chúng sanh có ý. Nếu chúng sanh cũng không có ý thì đã nhập vào cảnh giới của Phật rồi. Họ vừa nghe đã hiểu, liền chứng nhập và đã thành Phật. Đây là thật.

 Ngài Huệ Năng khi ở trong tư phòng của Ngũ Tổ, nghe Ngũ Tổ giảng đại ý kinh Kim Cang. Ngài là một người thật thà, không có so đo tính toán, cũng không có phân biệt, cũng không có khởi tâm động niệm, nên vừa nghe đã hiểu. Đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Ngài đã thành Phật. Vì sao? Ngài không dùng so đo tính toán, không có phân biệt, không có chấp trước. Phương pháp nghe kinh này, vừa nghe là liền thành Phật. Từ đó cho thấy, người trong hội của Ngũ Tổ không ít, có khoảng mấy ngàn người, hàng ngày đều nghe ngài giảng kinh thuyết pháp, nhưng không có ai khai ngộ. Bao gồm cả Hoà thượng Thần Tú.

 Ngũ Tổ bảo làm bài kệ, ngài suy nghĩ rất lâu. Như vậy là sao? Đó là dùng tư duy, dùng phân biệt. Nên bài kệ của ngài không đạt. Y bát của Ngũ Tổ không truyền cho Thần Tú. Ngài Huệ Năng vừa nghe bài kệ này, thấy bài kệ này không thoả đáng. Vừa nghe đã biết, nên sửa bài kệ của Thần Tú. “Bồ đề bổn vô thọ, minh cảnh diệc phi đài. Bổn lai vô nhất vật, hà xứ nhạ trần ai”. Ngài đem bài kệ của Thần Tú sửa thành như vậy. Ngài đã phủ định bài kệ của Thần Tú. Đây chính là nói rõ, tâm của ngài Huệ Năng là thanh tịnh bình đẳng giác. Tâm của Thần Tú không thanh tịnh, không bình đẳng và cũng chưa giác ngộ. Đạo lý chính là như vậy.

 Vì sao Ngài Huệ Năng vừa nghe Ngũ Tổ thuyết pháp liền đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Ngài không phân biệt không chấp trước, không khởi tâm không động niệm. Cốt lõi chính là ở đây. Ai có thể buông bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì lục căn đều phóng quang. Trong kinh Lăng Nghiêm nói “lục căn môn đầu phóng quang động địa*”.* Chúng ta thấy, nghe, hay tiếp xúc đều lập tức khai ngộ. Chân tướng nhân sanh vũ trụ ở đâu? Ở ngay trước mắt, không ở chổ khác, không rời chúng ta. Nếu muốn khai ngộ thực tế mà nói thì rất đơn giản. Buông bỏ là được.

 Khi tôi mới học Phật, lần đầu tiên gặp Chương Gia đại sư đã đưa vấn đề này hỏi ngài. Đại sư nói với tôi là nhìn thấu, buông bỏ. Vì tôi nghiệp chướng nặng, không giống như ngài Huệ Năng. Giống ngài Huệ Năng không phải lập tức liền khai ngộ rồi sao? Nghiệp chướng nặng, nghe đến hai câu này thì hình như hiểu, hình như không hiểu. Ngài thật sự không gạt tôi.

 Quý vị xem ngày đầu tiên, nhà Phật gọi là hiển bày tất cả, không có giữ lại điều gì, liền đem bí quyết nói với tôi. Trong 60 năm học Phật của chúng tôi, huân tập thời gian dài như vậy đã hoàn toàn lãnh hội được. Đời này đại triệt đại ngộ, chính là buông bỏ triệt để là khó. Nhưng vãng sanh đến thế giới Cực Lạc thì có nắm chắc! Chỉ cần buông bỏ phân biệt chấp trước là được, thế giới Cực lạc ta đã có phần.

 Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

**HẾT TẬP 307**

# Tập 308

Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư
Chuyển ngữ: Hạnh Chơn
Biên tập: Minh Tâm
Thời gian: ngày 28 tháng 02 năm 2011
Địa điểm: Tịnh Tông Học Viện \_Úc Châu

 Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Mời quý vị xem “Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải”, trang 362, hàng thứ năm. Từ câu Pháp Hoa Kinh vân, bắt đầu từ câu cuối cùng.

 *“Pháp Hoa Kinh vân, chư Phật tuỳ nghi thuyết pháp, ý thú nan giải. Sở dĩ giả hà? Ngã dĩ vô số phương tiện, chủng chủng nhân duyên, thí dụ ngôn từ, diễn thuyết chư pháp. Thị pháp phi tư lương phân biệt chi sở năng giải, duy hữu chư Phật nãi năng tri chi. Sở dĩ giả hà? Chư phật Thế Tôn duy dĩ nhất đại sự nhân duyên cố xuất hiện ư thế”.*

Đây là dẫn chứng một đoạn kinh văn trong kinh Pháp Hoa. Đức Phật ứng hoá ở nhân gian là vì đại chúng giảng kinh thuyết pháp. Chỉ có hai nguyên tắc. Một cái là Chân Đế, hai là Tục Đế. Tục đế dễ hiểu, hoàn toàn là y theo tri kiến của người thế gian. Người thế gian cho rằng, tất cả pháp này đều là thật. Phật tuỳ thuận chúng ta mà nói pháp, nên chúng ta dễ hiểu. Cho nên nói về luân lý, đạo đức, nhân quả chúng ta đều có thể lý giải được.

 Nếu thuận theo Chân Đế, chúng ta không thể hiểu được. Chân đế là gì? Là buông bỏ tất cả vạn duyên và tự thân chứng được cảnh giới. Chúng ta chưa buông bỏ, những điều nhìn thấy sau khi đã buông bỏ hoàn toàn không giống nhau. Nên chúng ta nghe Phật nói pháp, giống như nghe chuyện thần thoại vậy. Đặc biệt là kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm. Người thế gian còn vọng tưởng, phân biệt, chấp trước nên xem kinh Pháp Hoa chính là xem chuyện thần thoại, không cách nào lý giải được. Nói với chúng ta tất cả pháp là giả, không phải thật. Giả nhưng rất đông đúc.

 Phật pháp giới, Bồ Tát pháp giới, Thanh văn pháp giới trong lục đạo rất đông đúc. Có những việc như thế này chăng? Về sự thì có, nhưng về lý thì không. Về tướng có, nhưng về tánh không có. Mục tiêu cuối cùng của Phật là giúp chúng ta minh tâm kiến tánh. Chúng ta có thể thấy được chăng? Đáp án là khẳng định, chắc chắn có thể thấy được. Phải thật sự nghe lời mới được. Đối với Phật cần có lòng tin chân thành. Phải nghe lời, phải y giáo phụng hành. Quan trọng nhất trong việc nghe lời, Đức Phật dạy chúng ta buông bỏ, chúng ta thật sự phải buông bỏ. Còn có tham ái ,có tình chấp thì rất khó. Trong kinh nói, Phât độ chúng sanh cần thời gian vô lượng kiếp. Vì sao phải vô lượng kiếp? Không phải họ buông bỏ là được sao. Vấn đề là ở chỗ vô lượng kiếp họ cũng chưa buông bỏ được.

 A lại da thức của con người giống như kho tư liệu vậy, từng li từng tí đều bảo tồn trong đó. Tài liệu này không xoá đi thì vĩnh viễn vẫn ở trong đó, việc này sẽ rất phiền phức. Chỉ có thiện căn thật sự sâu dày, một lần nghe ngàn lần ngộ. Đối với chư Phật Bồ Tát hoàn toàn tuỳ thuận. Đây là hiếu thảo với chư Phật Bồ Tát, không dám làm trái. Hạng người này dễ dạy. Cổ đức thường nói, duy chỉ có bậc thượng trí và hạ ngu là dễ được độ nhất. Thượng trí một lần nghe ngàn lần ngộ. Họ thật buông bỏ và thấu triệt. Còn bậc hạ ngu điều gì cũng không biết, nhưng họ có thể buông bỏ. Họ nghe lời nên họ cũng dễ được độ, cũng dễ dàng chứng quả. Phiền phức nhất chính là giai đoạn ở giữa. Không thượng không hạ, nhân số này rất nhiều.

 Đức Thế Tôn khi còn tại thế suốt 49 năm, toàn là vì hạng người không thượng không hạ này. Hàng thượng căn gặp ngài liền đại triệt đại ngộ. Còn bậc hạ ngu gặp ngài thì liền được vãng sanh, rất dễ. Nên chúng sanh căn tánh thuần thục, căn tánh như thế nào gọi là thuần thục? Thượng trí thuần thục, hạ ngu thuần thục.

 Ngày xưa tôi cầu học ở Đài Trung, thầy Lý nói với tôi rất nhiều lần. Ông rất muốn học người hạ ngu. Thượng trí học không được, muốn học hạ ngu. Học mấy mươi năm cũng không giống. Vì sao học không giống? Không sửa đổi tập khí được. Thầy Lý đa tài đa nghệ, thầy học được rất nhiều. Cầm kỳ thi hoạ rất khó bỏ, chính là học hạ ngu học không giống. Như vậy chúng ta học Phật, trong mấy mươi năm này tự bản thân trải qua. Chính mắt nhìn thấy, chính tai nghe thấy đều không sai chút nào. Hai hạng người này thành tựu rất nhanh, thành tựu vô cùng thù thắng. Khiến người thường như chúng ta, bất luận là tại gia hay xuất gia. Các bậc đại đức hoằng dương nghiên cứu về tông môn giáo môn, chủ trì chánh pháp thực sự cũng không sao sánh bằng. Năm ba năm đã biết trước giờ chết thân không tật bệnh. Thân tâm mạnh khoẻ, nói đi là đi. Đoan tướng hy hữu. Đây là thật không phải giả, là tận mắt nhìn thấy.

 Dùng họ để ấn chứng kinh Phật, thì trong kinh nói không sai. Chúng ta học nhiều năm như vậy, đến thông tin cũng không có. Sai sót là do đâu? Kinh không sai, Phật Bồ Tát không sai, chư vị Tổ Sư không sai. Sai ở chỗ chúng ta không buông bỏ. Vì sao không buông bỏ được? Tập khí chấp trước quá nặng, thời gian quá dài. Chữ buông bỏ chỉ là thỉnh thoảng nghe được, huân tập thời gian rất ngắn, không thể hình thành một động lực. Nên khi lục căn tiếp xúc với cảnh giới lục trần thì khuyết điểm xuất hiện. Chúng ta thường nói là muốn khống chế, chiếm hữu nó. Đây đều là tâm bệnh, nó liền phát tác. Biết rất rõ, buông bỏ là đúng. Nhưng tự mình chưa làm chủ được cảnh giới trước mắt. Rỏ ràng biết là không thể làm nhưng cố ý phạm, nhưng trong đó nhân tố rất nhiều. Tôi cảm thấy nhân tố quan trọng nhất, là chúng ta nhận thức đối với kinh giáo mà Đức Thế Tôn nói chưa đủ. Chỉ nhận thức một chút bên ngoài.

 Chúng ta học tập ở bên ngoài tuyên giảng. Tuyên giảng không phải là nghĩa chân thật của Như Lai. Chúng ta chưa khai ngộ, đương nhiên phải nương vào chú giải của các bậc tổ sư. Chú giải của Tổ sư chúng ta cũng xem không hiểu. Đó là ý của họ, có phải là ý của Phật Bồ Tát chăng? Phải xem chú giải của người này, họ đã thật buông bỏ hay chưa. Nếu họ thực sự đối với pháp thế xuất thế gian đều không chấp trước. Họ là cảnh giới A la hán, đương nhiên cao hơn chúng ta nhiều. Cảnh giới A la hán để giải nghĩa chân thật của Như Lai, vẫn có cự ly rất lớn. Nếu người này là cảnh giới Bồ Tát, rất gần với nghĩa chân thật của Như Lai. Nhưng vẫn có cự ly sai biệt.

 Trong kinh đại thừa Đức Phật dạy, việc này “duy Phật dữ Phật phương năng cứu cánh”. Chỉ có thành Phật mới hoàn toàn thấu triệt, mới có thể từng tầng từng tầng nâng cao lên. Đây là việc tốt. Giống như lên cầu thang vậy, từng bậc từng bậc đi lên. Không ngừng nâng cao. Nâng cao lên chính là buông bỏ. Chúng ta lên tầng, phải buông bỏ tầng thứ nhất mới có thể lên tầng hai. Buông bỏ tầng thứ hai mới lên được tầng ba, chính là đạo lý này. Nếu khi ta đến tầng thứ nhất mà không nỡ buông bỏ, thì sẽ dừng lại ở đó không lên được nữa. Thông thường chúng ta đưa ra, đều là đưa ra những nét chính, không nói tỷ mỉ. Quý vị nói buông bỏ chấp trước. Tiểu thừa từ sơ quả hướng đến tứ quả A la hán là tám tầng lớp, được tám tầng lầu.

 Trong kinh Hoa Nghiêm nói, thập tín vị Bồ Tát là mười tầng lầu. Điều kiện của tầng thứ nhất là phải buông bỏ tám mươi tám phẩm kiến hoặc của tam giới, như vậy mới có thể vào được tầng thứ nhất\_Mới nhập môn. Chúng ta mới biết rằng điều này rất khó. Chúng ta đã nhập môn hay chưa? Chưa nhập môn. Tám mươi tám phẩm kiến hoặc này, Phật Bồ Tát vì dạy hàng phàm phu sơ học mà đem nó quy nạp thành năm loại lớn. Thứ nhất là thân kiến, thứ hai là biên kiến, thứ ba là giới thủ kiến, thứ tư là kiến thủ kiến, thứ năm là tà kiến. Phân thành năm loại lớn này. Ta buông bỏ được bao nhiêu, đây gọi là học Phật. Nếu buông bỏ hết năm loại lớn này, chúc mừng quý vị, quý vị là đệ tử chân thật của Đức Thế Tôn. Quý vị không phải giả, quý vị là thật. Vì sao? Chúng ta đã vào được lớp một. Nếu tiểu thừa thì sơ quả Tu đà hoàn. Trong đại thừa Kinh Hoa Nghiêm thập tín vị Bồ Tát, thì ta đạt được sơ tín vị. Sơ tín vị Bồ Tát và Tu đà hoàn đoạn phiền não là bình đẳng, nhưng trí huệ không bình đẳng. Sơ tín vị Bồ Tát so với Tu đà hoàn thì trí huệ cao hơn rất nhiều, còn công phu đoạn chứng thì bình đẳng. Sơ tín Bồ Tát chính là tiểu thừa Tu đà hoàn. Nhị quả hướng chính là nhị tín vị Bồ Tát trong thập tín. Nhị quả chính là tam tín Bồ Tát. Tam quả hướng chính là tứ tín vị Bồ Tát, tam quả là ngũ tín Bồ Tát. Tứ quả hướng là lục tín Bồ Tát, tứ quả là thất tín Bồ Tát. Nên thất tín Bồ Tát ngang bằng với tiểu thừa A la hán. Điều này đối chiếu với Kinh Hoa Nghiêm sẽ rất rõ ràng. Nếu không buông bỏ tầng ở dưới, thì không cách nào đi tiếp lên trên.

 Thất tín tương đương với A la hán, bát tín tương đương với Bích Chi Phật. Cửu tín vị là Bồ Tát, thập tín là Phật quả. Mười pháp giới, thất tín mới ra khỏi luân hồi lục đạo. Thập tín chính là quả vị Phật trong mười pháp giới, họ đã đoạn tận vô thỉ vô minh. Vô thỉ vô minh là khởi tâm động niệm. Trong biến pháp giới hư không giới, lục căn tiếp xúc với cảnh giới bên ngoài mà không khởi tâm, không động niệm là được. Họ đã vượt lên mười pháp giới, đã thành Phật. Minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật. Lúc này đối với chân thật nghĩa của Như Lai họ hoàn toàn thấu suốt. Trong kinh Hoa Nghiêm chính là trên sơ trụ.

 Sơ trụ Bồ Tát thị hiện trong mười pháp giới, nếu có chúng sanh đáng dùng thân gì để được độ thoát, thì hiện thân đó vì họ mà thuyết pháp. Đáng dùng thân Phật để được độ thì họ có thể hiện thân Phật. Ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Hiện thân Bồ Tát, hiện thân trời và người. Hiện thân súc sanh, hiện thân ngạ quỷ. Hiện thân cây cỏ hoa lá, sơn hà đại địa. Họ có thể hiện tất cả không chướng ngại, ở đây nói là được đại tự tại. Chúng ta phải biết, được đại tự tại là từ buông bỏ mà đạt được. Còn những lý luận trong kinh giáo này không được.

 Lý luận có ưu điểm gì? Giúp chúng ta nhìn thấu. Nhìn thấu suốt mới chịu buông bỏ. Ưu điểm của kinh giáo chính là điểm này. Thật sự rõ ràng, minh bạch thì sẽ thật sự buông bỏ. Buông bỏ mới có thể khai ngộ, không buông bỏ thì không thể khai ngộ. Trong bộ kinh này đặc biệt giới thiệu cho chúng ta thế giới tây phương Cực Lạc y chánh trang nghiêm. Giới thiệu nguồn gốc thế giới Cực Lạc, vì sao có thế giới Cực Lạc. Bắt đầu giảng từ lịch sử. Thế giới Cực Lạc vô cùng thù thắng trang nghiêm. Những trang nghiêm này từ đâu mà có. Sau khi chúng ta đọc rồi lại muốn hướng về và rất hâm mộ. Tâm vãng sanh tịnh độ tự nhiên sanh khởi. Đây chính là công đức thù thắng của bộ kinh này. Đi như thế nào? Buông bỏ là đi được. Chỉ có buông bỏ mới nhất tâm. Hai tâm là chưa buông bỏ, nhất tâm là đã buông bỏ. Nhất tâm một lòng chuyên niệm quyết định được vãng sanh.

 Nên câu nói này trong kinh Pháp Hoa, ý nghĩa thì chúng ta ở trước đều đã học. Câu quan trọng nhất chính là “duy chỉ có chư Phật mới có thể biết được”. Chính là câu này. Điều này chứng tỏ Bồ Tát Pháp Tạng không phải là Bồ Tát thường, ngài là pháp thân Bồ Tát. Ngài là Bồ Tát đã đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Ngài là Phật thật chứ không phải Phật giả, không phải tương tợ Phật. Phật trong mười pháp giới là tương tợ. Lục tức Phật mà Trí Giả Đại sư nói có tương tợ tức Phật. Phật trong nhất chân pháp giới gọi là phần chứng tức Phật. Ngài là thật, ngài không phải là giả. Nhưng ngài chưa viên mãn, vì sao chưa viên mãn? Tập khí vô thỉ vô minh chưa đoạn tận. Tập khí đoạn tận chính là viên mãn, gọi là diệu giác Phật quả.

 Chứng được diệu giác là cao nhất, đây là vô thượng chánh đẳng chánh giác. Trong cảnh giới này, cỏi thật báo cũng không có. Thật sự chứng minh rằng, “phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”. Cõi thật báo không còn. Cõi thật báo không còn hiện ra cái gì? Chính là thường tịch quang. Thường tịch quang tịnh độ trong tứ độ. Trong thường tịch quang tất cả hiện tượng đều không có. Ngày nay chúng ta nói là hiện tượng tự nhiên, hiện tượng tinh thần, hiện tượng vật chất tất cả đều không có. Nên lục căn của hàng phàm phu không duyên tới. Nó không phải vật chất nên nhãn nhĩ tỷ thiệt thân không duyên tới được. Không cách nào biết được nó ở đâu. Nó không phải tinh thần nên đệ lục ý thức duyên không tới, nghĩa là thức thứ sáu, thức thứ bảy, thức thứ tám không duyên tới được. Nó thật sự vĩnh hằng không thay đổi, mãi mãi thanh tịnh, tuyệt đối không bị ô nhiễm. Tuy không có gì cả, nhưng thực tế mà nói thì nó không thiếu gì. Có thể sanh ra vạn pháp.

 Khi không có duyên thì không thấy gì hết, nhưng khi có duyên thì có thể sanh vạn pháp. Nên vạn pháp là do duyên sanh, nó là nguyên nhân chân thật của tất cả vạn pháp. Gặp duyên sẽ hiện tiền, duyên là gì? Duyên là ý niệm của chúng sanh, chính là ý niệm. Nên Đức Phật nói, tất cả pháp từ tâm tưởng sanh ra. Tâm tưởng là duyên, đặc biệt là ở trong mười pháp giới. Cõi thật báo không phải duyên sanh, nên gọi nó là nhất chân. Duyên là pháp sanh diệt, tánh bất sanh bất diệt. Cảnh giới trong cõi thật báo không có sanh diệt, nghĩa là không có hiện tượng sanh diệt. Nó xuất hiện, nhưng trở về với thường tịch quang thì nó không còn nữa.

 Ngày nay thành tựu của các nhà khoa học, trong kinh Phật đã nói đến đến mức tối đa. Muốn lên cao hơn nữa thật không dễ, vì họ dùng bát thức, lục căn. Đức Phật nói năng lực của lục căn, mạnh nhất là đệ lục ý thức. Đệ lục ý thức ngày nay chúng ta gọi là tư tưởng. Tư tưởng không có biên giới, trên thực tế nó vẫn có biên tế. Tư tưởng có thể duyên tới A lại da. Hồng quan thế giới, hồng quan vũ trụ, nó có thể duyên tới toàn thể vũ trụ. Ngày nay hư không vật lý đều phát triển theo phương hướng này. Nghiên cứu toàn thể vũ trụ, nguồn gốc vũ trụ và những điều bí mật trong vũ trụ. Phản diện của hồng quan với vi quan.

 Vi quan thế giới chính là lượng tử lực học ngày nay, nó có thể duyên tới a lại da. A lại da chính là hiện tượng tự nhiên, hiện tượng tinh thần và hiện tượng vật chất, từ đâu mà có? Rốt cuộc là như thế nào? Bây giờ các nhà khoa học từ từ đã nhận thức rõ ràng, nghiên cứu báo cáo của họ với những điều trong kinh đại thừa nói là giống nhau, hoàn toàn tương đồng. Bản chất của vũ trụ chỉ có ba loại, ngoài ba loại này ra thì không có gì cả, giống như ống vạn hoa vậy. Bên trong chỉ có ba loại giấy vụn màu sắc khác nhau, nhưng nó biến hoá vô lượng vô biên không cùng tận. Mở ra nhìn ở trong chỉ là như vậy.

 Ba loại này các nhà khoa học nói là hiện tượng vật chất. Tin tức là hiện tượng tinh thần, năng lượng là hiện tượng tự nhiên. Chỉ có ba thứ này, ngoài ba thứ này ra thì không có gì nữa. Vũ trụ do ba loại này biến hiện ra. Trong kinh đức Phật nói rất rỏ ràng, công năng của đệ lục ý thức chỉ đến được đây, nó không duyên được tự tánh. Trong kinh đức Phật dạy nó không làm được minh tâm kiến tánh, đại triệt đại ngộ. Vì sao? Vì nó không thể dùng tư tưởng. Phải buông bỏ tư tưởng. Đệ lục ý thức là phân biệt, đệ thất thức là chấp trước. A lại da là năng lượng. Đây là nguyên nhân vì sao các nhà khoa học không thể kiến tánh, điều này trong kinh Phật nói rất rõ. Chẳng phải họ không thể kiến tánh, họ rất thông minh. Họ phát hiện ra điều bí mật trong vũ trụ với những thứ đức Phật thấy được là giống nhau, nhưng cuối cùng họ không thể kiến tánh. Chính là họ không biết những thứ này từ đâu đến.

 Hiện tượng vật chất từ đâu mà có thì họ biết, là ý niệm. Mà ý niệm là hiện tượng tinh thần. Hiện tượng tinh thần từ đâu mà có thì họ không biết. Cách nói của họ hiện tại là bịa đặt. Nói thì không tệ, nhưng không sao sanh ra có đươc. Đây cũng là một vấn đề, vấn đề này không có đáp án. Năng lượng giữa vũ trụ từ đâu mà có? Những vấn đề này còn chưa thể giải quyết. Các nhà khoa học nếu học tập đại thừa, nếu có thể tu thêm thiền định. Thiền định chính là buông bỏ. Như vậy thì chúng mừng vì họ đã thành Phật. Kiến tánh trong Phật pháp gọi là thành Phật. Các nhà khoa học đã thành Phật.

 Trong kinh Phật nói những ý nghĩa này họ đều hiểu, tuy hiểu nhưng họ không nói ra được. Điều này trong tông môn nói là hướng thượng nhất trước. Hướng thượng chính là minh tâm kiến tánh. Nhất trước thì sao? Chỉ có người chứng được mới biết. Không có cách nào nói ra được, cũng không cách nào dùng ngôn ngữ, dùng phân biệt để nhận thức nó. Bên dưới đều là trong Kinh Pháp Hoa nói.

 *“Chư Phật Thế Tôn dục linh chúng sanh khai Phật tri kiến, sử đắc thanh tịnh cố, xuất hiện ư thế”.* Chúng sanh có cảm, Phật liền có ứng. Đây là thù thắng nhất trong cảm ứng. Là người như thế nào? Người muốn làm Phật. Không muốn làm Phật thì không cách nào khác. Họ có nguyện vọng lớn như vậy, ý niệm muốn làm Phật này gọi là tâm vô thượng bồ đề. Nên người phát tâm vô thượng bồ đề, Đức Phật sẽ gia trì họ. Không phải người phát tâm vô thượng bồ đề, Đức Phật đến cũng vô ích. Đức Phật cũng đến nhưng không giảng pháp này cho họ. Giảng pháp này cũng vô dụng, họ không hiểu. Người thật sự phát tâm này họ sẽ hiểu. Vì sao? Vì đó là những gì trong lòng họ hy vọng tìm cầu.

 Khai Phật Tri Kiến. Khai là khai thị, mở ra. Đức Phật mở cánh cửa này ra, để chúng ta nhìn thấy được cảnh giới mà Như Lai đã chứng. Cảnh giới này là gì? Kinh Pháp Hoa là cảnh giới này. Kinh Hoa Nghiêm cũng là cảnh giới này. Kinh Vô Lượng Thọ cũng thế. Mỗi chữ mỗi câu trong đó đều là tri kiến của Phật. Chúng ta thường nghe đến Phật câu độ người có duyên, đây là người có duyên thứ nhất, là thật sự phát bồ đề tâm. Hạng người này gọi là chúng sanh căn thuần thục, căn của họ đã chín muồi. Nên vừa nghe Phật khai thị họ liền ngộ nhập. Đối với người căn tánh chưa thuần thục đức Phật không nói pháp này. Vậy ngài nói gì? Nói pháp mà họ có thể tiếp nhận.

 Họ hoàn toàn chưa buông bỏ được vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì ngài nói với họ điều gì? Nói với họ những điều trong luân hồi lục đạo như thiện pháp, ác pháp. Những điều này là gì? Cảnh giới của kinh A hàm. Trong kinh A Hàm nói rất nhiều về luân lý, đạo đức, nhân quả. Giúp chúng ta, dạy chúng ta làm thế nào để không đoạ vào ba đường ác. Vì chí nguyện của chúng ta ở đây, không muốn rời xa luân hồi lục đạo. Muốn đời sau ở nơi nhân đạo có cuộc sống tốt hơn. Làm quan lớn hưởng phước báo lớn, họ chỉ muốn những điều này. Muốn hưởng những lạc thú của ngũ dục thất tình. Nhưng Đức Phật cũng có thể giúp chúng ta mãn nguyện. Ví dụ như người thế gian chính là tuyệt đại đa số. Bất kể là người nước nào, dân tộc nào hay tôn giáo nào. Họ có muốn phát tài hay không? Đều muốn. Muốn thông minh trí huệ hay không? Rất muốn. Có muốn mạnh khoẻ trường thọ không? Mỗi người đều muốn. Không có ai không muốn.

 Đức Phật nói ba loại này là quả báo. Có quả nhất định có nhân, tu nhân có thể đạt được quả báo. Nhân là gì? Là bố thí. Nên Đức Phật dạy chúng ta tu tài bố thí. Mục đích là gì? Được tài phú. Việc tốt, nhưng việc tốt sẽ biến thành việc xấu. Người xưa hay nói hoạ phước nương nhau. Trong phước có hoạ. Hưởng phước phải làm sao để tránh hoạ này? Chính là dạy chúng ta càng có của thì phải càng bố thí, càng bố thí thì càng nhiều, càng nhiều thì càng phải bố thí. Chỉ cần chịu bố thí ra bên ngoài sẽ không có hoạ. Giống như nước vậy, bên này chảy vào bên kia chảy ra. Nó là nước sống, là lưu động chứ không phải trôi nổi vì thuỷ tai. Nếu nó đọng lại chỉ vào mà không ra. Được rồi, nó sẽ đầy. Như vậy thuỷ tai đã đến. Nên dạy chúng ta bố thí. Càng thí càng nhiều, càng nhiều thì càng thí, nhất định không nên giữ lại.

 Nếu muốn được thông minh trí huệ thì tu pháp bố thí, cũng chính là càng thí càng nhiều. Đối với Phật pháp không nên keo kiệt, keo kiệt với Phật pháp lập tức xảy ra sự cố. Tiếc của, không muốn chia sẽ Phật pháp quả báo là ba đường ác. Hiện tại ta đang hưởng phước, nhưng khi phước hưởng hết thì đi về đâu? Đi vào ba đường ác. Nếu không keo kiệt càng nhiều càng thí, tương lai nếu không gặp được pháp môn tu tập, thì cũng được sanh thiên. Gặp được pháp môn tu tập sẽ đến thế giới Cực Lạc, sẽ được thành Phật. Đây là Phật dạy người thường như chúng ta. Người thường như chúng ta, tâm lượng chỉ lớn như vậy thôi. Chỉ có một nguyện vọng như vậy, Đức Phật sẽ cho chúng ta mãn nguyện.

 Vô uý bố thí được mạnh khoẻ trường thọ. Mạnh khoẻ trường thọ cũng không thể keo kiệt, keo kiệt sẽ bị giảm phước. Chúng ta có một thân thể mạnh khoẻ trường thọ, phải nên nhớ luôn luôn giúp cho những chúng sanh khổ nạn. Như vậy càng mạnh khoẻ, càng trường thọ. Vì sao? Lúc này chúng ta rất hữu dụng, có thể giúp đỡ nhiều người. Nếu nói trường thọ thì khi già sẽ hưởng phước, phước hưởng hết lại ngụp lặn trong luân hồi lục đạo. Đối với công việc trong xã hội, khi đến tuổi nghĩ hưu. Sau khi nghĩ hưu, thân thể vẫn còn rất tốt. Thế gian này không ít đoàn thể từ thiện, đoàn thể tôn giáo. Ở trong đó làm việc thiện không có hạn chế tuổi tác. Càng làm thân thể càng tốt.

 Thân thể là một bộ cơ khí. Cơ khí phải hoạt động máy của nó mới chạy êm. Cơ khí nếu không hoạt động nó sẽ bị sét rỉ. Thời gian dài không hoạt động nó sẽ hư. Đức Phật dạy chúng ta là tâm phải tịnh, nhưng thân phải động. Tâm tốt nhất là trú tâm một chổ. Phải đơn thuần, thanh tịnh, không nhiễm trước. Nhưng thân phải động. Quý vị xem, người ở thế gian này muốn ba việc. Đức Phật nói rỏ ràng biết bao, minh bạch biết bao. Trong số mạng con người có phước có quý là từ đâu mà có? Trong quá khứ tu được. Trong quá khứ không có, nhưng gặp được Phật pháp đã hiểu. Thì ra sự việc là như vậy. Đời này tôi nỗ lực tu để bù đắp được chăng? Được. Tu để bù đắp thì của cải tôi đạt được không phải tự mình hưởng thụ, mà cung cấp cho mọi người trong xã hội. Tôi được thông minh trí huệ, cũng không phải vì chính mình. Vì giải quyết khó khăn cho chúng sanh đau khổ. Tôi mạnh khoẻ trường thọ không phải vì chính mình, là vì có càng nhiều thời gian, càng nhiều cơ duyên để phục vụ chúng sanh. Chính là như vậy.

 Chư Phật Bồ Tát, lịch đại Tổ sư đã làm gương cho chúng ta noi theo. Chúng ta cần phải lãnh hội được. Triển hiện ra rất nhiều trường hợp. Vì sao? Hoàn cảnh không giống nhau, thời tiết nhân duyên bất đồng. Chúng ta nên học trường hợp nào. Học nên lấy điều nào làm điển hình, đây gọi là Phật pháp. Thật thực hành, thật phát tâm. Không có tự tư tự lợi, không có thị phi nhân ngã. Lấy tâm thanh tịnh bình đẳng, bình đẳng đối đãi với tất cả chúng sanh. Tất cả chúng sanh vốn là Phật, chỉ là hiện tại mê hoặc. Nguyện vọng của Phật cũng chính là nguyện vọng của tất cả chư Phật, là muốn tất cả chúng sanh khai tri kiến Phật để được thanh tịnh. Trở về với tâm thanh tịnh, trở về với thân thanh tịnh, trở về với nghiệp thanh tịnh. Thì quả báo sẽ thanh tịnh. Chư Phật Bồ Tát đại từ đại bi đã thị hiện như thế, chúng ta cần phải học.

 Chúng ta có thể học tập các ngài, các ngài sẽ biết. Chúng ta khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác. Thông tin này trong từng sát na hiển lộ ra bên ngoài. Nó hiển lộ tốc độ rất nhanh, tất cả chư Phật Như Lai trong biến pháp giới hư không giới đều nhận được. Đồng tâm đồng nguyện, đồng đức đồng hạnh với các ngài. Các ngài có thể không gia trì chúng ta sao? Chắc chắn là đạo lý này. Được Tam Bảo gia trì. Phật sự này là tự lợi lợi tha nên rất thuận lợi. Nếu chúng ta gặp trắc trở thì phải làm sao? Trắc trở cũng là gia trì. Gia trì điều gì? Tiêu trừ nghiệp chướng. Tâm chánh, hành chánh, vì chúng sanh chứ không vì mình. Còn có rất nhiều khó khăn trắc trở mà ta có ý cũng không ngờ tới, toàn là tiêu nghiệp chướng. Sau khi nghiệp chướng tiêu trừ thì tất cả đều thuận lợi.

Những điều này là 60 năm trước Chương Gia đại sư dạy cho tôi. Đại sư giảng cho tôi một đề mục là, cửa Phật có cầu tất có ứng. Ngài nói với tôi đạo lý này, nói với tôi những cảnh giới hiện tiền khác nhau, không có cảnh giới nào không gia trì. Trong thuận cảnh, nếu chúng ta sanh tâm tham luyến thì chướng ngại sẽ đến. Đó là nghiệp chướng, nghiệp chướng hiện hữu. Nghịch cảnh thì ác duyên tâm sân nhuế sanh khởi, nghiệp chướng cũng hiện tiền. Cần phải trong thuận cảnh, nghịch cảnh, thuận duyên, ác duyên được thanh tịnh. Như vậy là đúng. Chúng ta ở trong đó được tâm thanh tịnh, được tâm bình đẳng. Cảnh giới tự nhiên được nâng cao.

 Câu thứ hai *“Dục thị chúng sanh Phật chi tri kiến cố, xuất hiện ư thế”.* Ở sau mỗi câu đều có xuất hiện ư thế. Chư Phật Bồ Tát đến thế gian để làm gì? Thị nghĩa là làm như vậy. Khai là triển khai để họ thấy. Thấy rồi thì thế nào? Không hiểu. Triển khai kinh Hoa Nghiêm, đây là khai. Triển khai kinh Vô Lượng Thọ là khai, nhưng không hiểu. Đức Phật phải chỉ ra. Thị là chỉ thị, nói với mọi người để họ nhận thức. Giống như chúng ta đến viện bảo tàng để tham quan. Cửa viện bảo tang mở, chúng ta bước vào. Khắp nơi đều là vật trân bảo nhưng không biết được giá trị của nó. Nhân viên trong viện bảo tàng hướng dẫn cho chúng ta, từng vật từng vật đều giảng giải cho chúng ta rõ ràng. Họ không giảng giải cho chúng ta thì ta không biết gì cả. Đặc biệt là đối với những văn vật cổ xưa, đây là những vật trân quý nhất. Màu sắc thì sao? Đồng hư sắt vụn. Cho chúng ta cũng không cần, chúng ta sẽ không thích. Nhưng nó là vật có giá trị nhất, là vật bảo vô giá. Một số người không biết được giá trị.

 Chúng ta thích điều gì? Thích những bảo khí của thời đại Minh Thanh. Những thứ đó rất đep, thật ra nó không có giá trị. Đó là tác phẩm nghệ thuật của nhân công, rất nhiều. Đây là vật mấy ngàn năm, mấy vạn năm của thời cổ đại lưu lại. Đó là vật trên thế giới chỉ có một, có tìm cũng không có cái thứ hai. Nhưng người không biết giá trị, họ lại đem những thứ đồng hư sắt vụn vất đi, coi nó như rác vậy.

 Các ngài chỉ thị cho tất cả chúng sanh. Thị ở đây chính là phải làm gương. Nói cho họ nghe, họ không tin. Nhưng làm cho họ thấy họ sẽ tin tưởng. Đơn giản nhất chính là ăn chay, ăn chay rất tốt. Ta khuyên họ ăn chay, đó chính là làm khó họ, vì họ không làm được. Không có thịt cá họ ăn không no, nhưng họ lại hy vọng thân thể mạnh khoẻ. Tôi nhiều năm như vậy, tham gia mười mấy lần hội nghị hoà bình thế giới của Liên Hiệp Quốc. Trong hội nghị một hiện tượng đặc thù nhất, chính là các người bạn trong hội đều tìm tôi nói chuyện. Hỏi tôi về đạo dưỡng sanh, làm sao để bảo dưỡng? Tôi tham gia hội nghị này là sau 75 tuổi. Tuổi tác như vậy trong hội nghị hầu như rất ít. Không phải không có, cũng có nhưng rất ít.

 Thông thường thì tuổi tác đều khoảng bốn năm mươi tuổi, không quá 60 tuổi. Chúng tôi ngồi lại với nhau, tinh thần sung mãn, không có bệnh tật. Gặp chúng tôi họ cảm thấy chúng tôi vô cùng hoan hỷ, không có bất cứ việc ưu phiền nào, rất an vui. Đem đến cho họ cảm tình tốt đẹp. Làm sao để bảo dưỡng thân thể? Rất đơn giản. Một mặt là tâm thanh tịnh, mặt khác là ăn chay. Tôi nói với họ hai việc này. Hạnh phúc an vui, người xưa nói con người gặp chuyện vui thì tinh thần sảng khoái. Sáu căn chúng ta tiếp xúc toàn là chuyện vui, không có lo lắng, không có phiền não. Đối với người không tranh giành, đối với thế gian không mong cầu. Như vậy quan hệ giữa người với người sẽ rất tốt. Những thứ họ cần tôi không cần. Tôi cần họ cũng không cần, nên hai người chúng ta sống với nhau rất tốt.

 Anh cần danh, tôi không cần. Anh cần tiền, tôi không cần. Nên những thứ anh cần tôi đều không cần. Tôi cần thanh tịnh vô dục, anh không cần. Tôi thích mỗi ngày đọc kinh thì anh không thích. Nên chúng ta không có xung đột, không có xung đột với bất cứ ai. Không xung đột chính là bạn tốt. Làm như vậy để mọi người xem, người khác sẽ tin tưởng.

 Mấy tháng trước tôi phỏng vấn Indonesia, đặc biệt nhớ đến tổng thống tiền nhiệm Ngoã Hy Đức. Giao tình của chúng tôi rất tốt, ông ta đã qua đời. Tôi đến Tứ Thuỷ quê ông và đi phần mộ thăm ông ta. Từ Nhã Ca Đạt bay đến Tứ Thuỷ. Từ Tứ Thuỷ ngồi xe, đường sá cũng coi là không tệ. Với Highfield của chúng ta thì đường này cũng gần như vậy. Đi và về hơn 5 tiếng, thân thể còn được. Tôi thấy những người tuổi tác ít nhất cũng nhỏ hơn tôi mười tuổi, họ không được như tôi. Phật pháp nói tất cả pháp từ tâm tưởng sanh. Tâm chân thành, tâm thanh tịnh. Trong lòng có nhân, có nghĩa sẽ không thấy mệt nhọc.

 Mấy năm trước tôi ở Bắc Kinh, trở về An Huy Lô Giang, tôi chọn cách đi xe. Trước khi rời Bắc Kinh đã đi một vòng ở Tam Hoàn Bắc Kinh. Trên đường đi tôi niệm Phật để hồi hướng cho địa thần của Trung Quốc, hy vọng nơi này không có thiên tai. Một ngày tôi ngồi xe 15 tiếng. Người khác đều cho rằng rất mệt mỏi, nhưng tôi rất an vui, có được cơ hội này, vì sơn hà đại địa của Tổ quốc mà cầu nguyện. Hy vọng mảnh đất này không gặp thiên tai. Tôi nói với những người đồng hành trên xe, kể cả tài xế cũng đều niệm Phật. Tôi nói chúng ta ở trên xe này chính là đạo tràng. Trong xe có để một tượng Phật. Tôi nói ngày nay chúng ta làm Phật sự, chúng ta làm pháp hội cầu phước tiêu tai giải nạn. Tôi dẫn theo mọi người đi suốt 15 tiếng, trên đường đi chỉ nghỉ hai lần khi ăn cơm. Không nghĩ đến chính mình, ta sẽ không biết mệt. Nếu nghĩ đến mình đi đường xa xôi ta sẽ rất mệt. Trong lòng chúng tôi chỉ có đất nước tổ quốc và vô lượng vô biên chúng sanh trong có mặt hay khuất mặt, có cơ duyên thấy Phật nghe pháp cùng với câu Phật hiệu này.

 Cổ nhân nói rất nhiều và nói rất hay, “Nhất lịch nhĩ căn vĩnh vi đạo chủng”. Bình thường không có cơ hội nghe được. Chúng tôi niệm Phật trên xe này. Trên đường chỉ có một lần kẹt xe, khoảng nửa tiếng. Ngoài ra trên đường lưu thông không có gì trở ngại. Bây giờ đường cao tốc ở Trung quốc làm rất đẹp. Nên học Phật tốt nhất là quên mình, đừng nghĩ về mình thì không có việc gì cả. Khi nghĩ về mình thì phiền phức gì cũng có, như vậy thì cần gì phải nghĩ đến mình?

 Câu thứ ba *“dục linh chúng sanh ngộ Phật tri kiến cố, xuất hiện ư thế”.* Cuốn sách này của chúng ta có chữ đạo, *“nhập Phật tri kiến đạo”.* Như vậy nên thêm chữ “*nhập Phật tri kiến kiến đạo cố*”, hoặc là *“ngộ đạo cố”.* Họ có ngộ, đây là nhập. Chư Phật Bồ Tát chỉ có khai thị cho chúng ta, còn hai chữ ngộ nhập là chuyện xung quanh chúng sanh như chúng ta. Đức Phật khai ngộ cho chúng ta, chúng ta có khai ngộ chăng? Có thể ngộ nhưng không thể nhập. Đây gọi là giải ngộ, là đã thấu hiểu. Như vậy cũng rất khó được. Đương nhiên đức Phật hy vọng chúng ta có thể chứng nhập. Nhập chính là chứng được, là khế nhập cảnh giới này. Nhập cảnh giới của Phật. Nhập Phật tri kiến chính là nhập vào cảnh giới của Phật. Cảnh giới này là cảnh giới trong kinh Pháp Hoa, cảnh giới trong kinh Hoa Nghiêm, đã khế nhập.

 Đương nhiên người có thể nhập vào cảnh giới này không nhiều. Trình độ thấp nhất là viên giáo sơ trú Bồ Tát là đã nhập cảnh giới. Tôi nói với quý vị, trong tứ thánh pháp giới Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát, Phật. Các ngài là đã ngộ tri kiến Phật nhưng chưa nhập. Nhập tức là đã thành Phật. Đức Phật hy vọng tất cả chúng sanh sớm ngày thành Phật, tức là vĩnh viễn thoát ly mười pháp giới. Đây là tâm của Phật. Ở trước chúng ta đã học đức Phật A Di Đà cũng như vậy. Tất cả chư Phật Như Lai không ai không như vậy cả, mong muốn tất cả chúng sanh đều thành Phật. Câu này rất quan trọng, Đức Phật hy vọng chúng ta sớm ngày thành Phật.

 Chúng ta cùng nhau học bộ kinh này. Bộ kinh này là khai thị của Như Lai. Mặc dù chúng ta không thể chứng nhập, nhưng ít nhất cũng phải ngộ. Những lời này của Đức Phật chúng ta hiểu. Tiếp đó là phải thực hành, thực hành như thế nào? Buông bỏ vạn duyên. Phát tâm bồ đề, một lòng chuyên niệm. Đây chính là thực hành. Suốt đời này tôi chỉ có một việc, tôi đến thế gian này đích thực chính là vì việc này “niệm A Di Đà Phật”. Ngoài việc này, còn những việc khác đều không phải là việc tôi cần làm. Câu A Di Đà Phật này có thể giải quyết chuyện từ vô lượng kiếp đến nay giúp tôi. Đời đời kiếp kiếp không thể giải quyết là luân hồi lục đạo. Như vậy về vấn đề này đã được giải quyết.

 Vãng sanh thế giới tây phương Cực Lạc không phải đã nhập tri kiến Phật rồi sao? Khi vãng sanh Phật A Di Đà sẽ đến tiếp dẫn chúng ta. Phật đến tiếp dẫn, đầu tiên là ánh sáng của Phật chiếu đến. Ánh sáng của Phật gia trì chúng ta, để công phu của chúng ta nâng cao thêm gấp bội. Hoàn toàn không có công phu thì sanh vào cõi phàm thánh đồng cư, tất cả đều chưa buông bỏ. Nên khi lâm chung cần phải buông bỏ hết. Khi lâm chung mà không buông bỏ được, thì thế giới tây phương Cực Lạc không có phần của ta. Dù có nhiều người hơn nữa giúp ta trợ niệm nhưng ta không chịu đi, vẫn còn lưu luyến. Như vậy thì vẫn phải luân hồi trong lục đạo nếu như cơ hội đời này đã mất đi. Điều này không thể không biết, nên lúc lâm chúng nên buông bỏ. Lâm chung là lúc khó khăn nhất.

 Bình thường cần phải luyện tập, luyện bằng cách nào? Mỗi buổi tối trước lúc ngủ nên quán tưởng. Quán tưởng điều gì? Tôi bây giờ ngủ trên dường liền được vãng sanh. Tôi còn có điều gì chưa buông được? Cái gì cũng không đem theo được, thân thể cũng không đem theo được. Mỗi buổi tối đều quán tưởng như vậy, tập thành một thói quen. Đến lúc lâm chung nhất định có hiệu quả. Không có gì có thể đem theo được. Tài sản không mang theo được. Quyền thế, địa vị cũng không mang theo được. Danh văn lợi dưỡng, và thân tình đều không mang theo được. Trong tâm cần phải hiểu rõ, những thứ ta lưu luyến này đều gọi là vọng tưởng.

 Nếu ta có thể quán tưởng, quán tưởng là thật, ta có thể mang theo. Như vậy chiếu theo tình theo lý còn có thể tha thứ. Nghĩ cũng vô dụng, như vậy cần gì phải nghĩ? Từng giờ từng phút nghĩ rằng Đức Phật đến tiếp dẫn tôi, tôi đã vãng sanh. Tất cả mọi thứ trên thế gian này không nghe không hỏi, không liên quan gì đến tôi. Đến thế giới tây phương Cực Lạc rồi cần cái gì có cái đó, không cần bận tâm lo lắng. Ở trên thế gian này bất cứ điều tốt nào ta cũng không mang theo được. Thứ xấu nhất nơi thế giới tây phương Cực Lạc cũng tốt hơn ở đây, không biết tốt hơn gấp bao nhiêu lần. Nên thế giới Cực Lạc thực sự rất quyến rũ người khác.

 Kinh nên đọc nhiều, không nên nghĩ ngợi lung tung. Không đọc kinh sẽ nghĩ này nghĩ nọ. Điều này đối với chúng ta chướng ngại rất lớn, nên không thể không niệm, không thể không nghe. Nghe càng nhiều càng tốt. Kiên định lòng tin của chính mình, kiên định tâm nguyện của chính mình cũng giúp ta thật sự nhìn thấu và buông bỏ. Vọng niệm nhiều, không dừng được. Đọc kinh và nghe kinh có thể dừng vọng niệm. Nếu nghe kinh và đọc kinh vẫn không được, vọng niệm vẫn còn nhiều. Như vậy cũng đừng lo lắng. Chỉ cần ta kiên nhẫn, nỗ lực nghe kinh. Siêng năng đọc từng chữ từng chữ. Hai ba năm vọng niệm tự nhiên giảm ít. Vọng niệm giảm ít, chứng minh trình độ chúng ta có lợi ích. Như vậy từ từ có thể khế nhập cảnh giới.

 Không nên sợ hãi rằng hình như tôi không đọc kinh, thì vọng niệm ít. Sao mỗi lần tôi đọc kinh vọng niệm lại càng nhiều? Tôi tin rằng có không ít người có hiện tượng này. Đây không phải là lúc không đọc kinh mới không có vọng niệm. Khi không đọc kinh, ta không biết chính mình có vọng tưởng. Bây giờ đọc kinh phát hiện vọng niệm, không phải đọc kinh mới có. Không phải nghe kinh mới có, không phải. Vốn nó đã nhiều như vậy mà ta không phát hiện. Đến khi yên tĩnh thì đột nhiên phát hiện. Điều này không nên sợ hãi, đây là hiện tượng bình thường. Điều quan trọng nhất bây giờ là làm sao giảm nhẹ vọng niệm này. Chúng ta phải dùng phương pháp.

 Khi tôi mới học Phật, người ta bảo tôi niệm Phật. Tôi cũng không dừng được vọng niệm, mà vọng niệm rất nhiều. Bảo tôi ngồi thiền, vọng niệm càng nhiều. Chỉ có một phương pháp là phát tâm giảng kinh. Khi mới học giảng một tiếng. Phải chuẩn bị 40 tiếng, mới có thể giảng một tiếng. Khi chuẩn bị cũng rất siêng năng, từ từ sẽ có tiến bộ. Sau nửa năm, tôi tiến bộ rất nhanh. Tôi giảng một tiếng thì thời gian chuẩn bị khoảng hai tiếng là đủ. Từ 40 tiếng đồng hồ biến thành hai tiếng, chỉ trong vòng thời gian nửa năm. Một năm sau tôi giảng kinh một tiếng, thì thời gian chuẩn bị khoảng một tiếng là đủ.

 Về sau tiến bộ rất nhanh. Về sau chuẩn bị tám tiếng kinh văn có thể giảng một tuần, ngày càng tự tại. Nhưng trong tình hình này không thể buông thả. Mỗi ngày tôi còn phải dùng rất nhiều thời gian đọc kinh. Đọc kinh gì? Đọc các chú giải khác nhau của các tổ sư về bộ kinh này.

 Tôi học kinh Lăng Nghiêm, đồng thời xem bốn loại chú giải khác nhau. Chủ yếu là tham khảo tài liệu. Trên bàn còn có mười mấy loại. Tôi học bộ kinh này, đã tìm được hơn 20 loại chú giải. Trong hơn 20 loại đó tôi chọn bốn loại. Trong bốn loại đó chọn lại một bản làm chủ yếu, còn ba loại quan trọng khác làm tư liệu tham khảo. Nếu còn thời gian tôi thì đọc, không có thời gian thì thôi. Có sự chuẩn bị như vậy, đi nghe thầy giảng kinh sẽ thấy khác nhiều. Nghe giảng kinh cần có chuẩn bị, đoạn kinh này thầy giảng, ưu điểm của nó là ở chỗ nào? Chỗ nào không giống vơi cổ nhân? Chú giải của cổ nhân thời đại khác nhau, nên chúng ta biết những giải thích này của họ, là đối với đương đại, đương nhiên cũng nghĩ đến đời sau.

 Xem nhiều chú giải có thể hiểu được tư tưởng học Phật của mỗi thời đại. Hiểu được trình độ học Phật của con người trong mỗi triều đại, có thể thấy được điều đó. Người đời sau đều tham khảo chú giải của người đi trước, và từ từ ta cũng có năng lực đối phó với người hiện tại. Cổ nhân có câu: rút ra những tin hoa mới từ nền văn hoá cũ. Từ nền cơ sở cũ mà có ra phát minh mới.

Như chúng ta ngày nay, khoa học cung cấp cho chúng ta rất nhiều những tư liệu mới, để chúng ta giải thích những vấn đề lớn trong kinh Phật. Phẩm Hoa tạng thế giới và phẩm Thế giới thành tựu trong kinh Hoa Nghiêm nói, chính là vấn đề hiện nay các nhà vật lý học đang thảo luận về hồng quan vũ trụ. Họ đã giúp chúng ta lý giải được. Các nhà lượng tử lực học giúp chúng ta giải thích nguồn gốc của vũ trụ, nguồn gốc của sinh mạng và nguồn gốc của vạn pháp. Trong kinh Phật nói vi trần thế giới, giới khoa học còn chưa phát hiện về sự ưu việt tuyệt luân.

Đoạn sau của kinh văn là chú giải của Hoàng Niệm Tổ. Chư Phật duy nhất vì một đại sự nhân duyên là khai thị chúng sanh ngộ nhập tri kiến Phật mà xuất hiện ở thế gian. Chư Phật Như Lai cũng như vậy. Bồ Tát thanh văn xuất hiện ở thế gian cũng như thế. *“Phật chi khai thị tức thị Phật chi tri kiến. Cố duy hữu Chư Phật nãi năng như thật tri chi”.* Lời này là thật. Đây chính là câu trong khai kinh kệ: “Nguyên giải Như Lai chân thật nghĩa”. Ai có thể giải Như Lai chân thật nghĩa? Duy chỉ có chư Phật. Chúng ta chưa nhập vào cảnh giới này, làm sao biết chân thật nghĩa? Bồ Tát được pháp thân Bồ Tát. Thanh văn, Duyên giác, chư vị tổ sư. Trong đó chúng sanh có phước thì chư Phật Như Lai sẽ ứng hoá đến. Thân thế của các ngài không nói ra, nên chúng ta không biết cứ cho rằng các ngài là phàm phu. Nhưng thật sự là Như Lai tái sanh. Ấn Quang Đại Sư là Đại Thế Chí Bồ Tát của thế giới tây phương Cực Lạc tái sanh. Là thật không phải giả. Chúng ta quan sát tỷ mỷ, hành nghi một đời của Ấn Quang đại sư xem có giống hoá thân Bồ Tát Đại Thế Chí hay không? Chúng ta càng xem thấy càng giống. Quý vị nói Ngài Liên Trì và ngài Ngẫu Ích không phải Phật và pháp thân Bồ Tát tái sanh, thì áo nghĩa trong kinh luận sẽ không thể nói ra được. Chư Phật Bồ Tát ở khắp mọi nơi, chúng sanh có cảm các ngài liền có ứng. Bây giờ chúng sanh cũng có cảm. Chỉ cần chúng sanh có ý niệm, các ngài liền có ứng. Hiện nay ý niệm của chúng sanh đã sai, trái với tự tánh. Chúng sanh bây giờ đều là tự tư tự lợi, đeo đuổi danh văn lợi dưỡng, thất tình ngũ dục. Không có chánh niệm.

 Họ cũng có cảm, nhưng cảm được điều gì? Cảm được yêu ma quỷ quái. Yêu ma quỷ quái làm bạn với họ. Yêu ma quỷ quái gia trì họ. Như vậy Phật pháp chánh pháp còn có hy vọng chăng? Có hy vọng. Cổ đức thường nói tà không thắng chánh. Vì sao? Tà tri tà kiến chiêu cảm được đều là thiên tai. Hiện nay thiên tai trên địa cầu ngày càng nhiều. Các nhà khoa học cũng đưa ra cảnh cáo rất nghiêm trọng. Hiện tại từ cực của quả địa cầu xuất hiện biến hoá, ba bốn mươi năm gần đây chênh lệch năm độ, nên khí hậu trên địa cầu phát sanh biến hoá nghiêm trọng. Các nhà khoa học cảnh cáo chúng ta, bắt đầu từ năm nay thời gian của mùa xuân rất ngắn. Thời gian của mùa đông với mùa hè rất dài. Mùa đông rất lạnh, mùa hè rất nóng.

 Sự biến hoá này đối với nhân loại mà nói là một sự uy hiếp nghiêm trọng. Vì sao? Bởi sau khi biến hoá thì vật phẩm sanh biến hoá. Lương thực chủ yếu nhất cũng không trồng được. Lương thực phần lớn là bị giảm sút, như vậy con người phải làm sao? Nên giới khoa học đưa ra nguy cơ về lương thực. Đến lúc không có gì để ăn. Vùng đất lạnh trở thành ấm, nên động thực vật chịu thời tiết lạnh không thể sanh tồn. Vùng đất nóng, vốn khí hậu rất nóng, bây giờ nó trở thành lạnh. Như vậy động thực vật miền nhiệt đới cũng không thể sanh tồn, nên rất nhiều động thực vật sẽ bị tuyệt chủng. Đây là hiện tượng vô cùng đáng sợ. Thêm nữa chính là độc bệnh. Độc bệnh là từ ý niệm biến hiện ra, ý niệm bất thiện tạo thành độc bệnh. Những độc bệnh này có phòng ngừa cũng như không. Ngày nay chúng ta gọi là bệnh truyền nhiễm, nó sẽ đoạt đi rất nhiều sinh mạng của con người. Các nhà khoa học biết mà không có cách nào giải quyết.

 Ông Bố Lai Đăng người Mỹ nói rất hay, ông ta nói không tệ. Hy vọng người sống trên địa cầu biết giác ngộ, biết phản tĩnh. Thật sự có thể bỏ ác hướng thiện, cải tà quy chánh, đoan chánh tâm niệm, như vậy sẽ được cứu. Lời nói này chúng tôi thừa nhận là hoàn toàn tương đồng với đạo lý trong kinh Phật nói. Nếu không chịu quay đầu thì phiền phức rất lớn. Vẫn sống tự tư tự lợi, vẫn bị tham sân si mạn trói buộc. Khởi tâm động niệm vẫn là tổn người lợi mình, như vậy thì thiên tai không có cách nào tránh khỏi, mà thiên tai ngay ở trước mắt chúng ta.

 Dự ngôn cổ xưa của dân tộc Mã Nha ở Trung Mỹ Châu nói: năm 2012 là đại thiên tai. Năm nay là 2011 rồi, sang năm sẽ đến. Thời cổ đại khoa học của họ rất phát đạt. Khi chưa có máy móc tinh vi, họ đối vơi sự vận động của tinh cầu trên hư không hiểu rõ như lòng bàn tay. Suy tính của mấy ngàn năm trước cũng tính rất chuẩn xác, không hề sai chút nào. Ngày 21 tháng 12 năm 2012 là ngân hà đối đầu, đây là một hiện tượng thiên văn. Nghĩa là trung tâm của ngân hà là một động tối, điều này các nhà khoa học đã chứng minh. Sức hút của nó rất lớn, ánh sáng cũng không tránh khỏi, đều bị nó hút vào. Ngày này chính động đen này và thái dương địa cầu xếp thành một đường thẳng. Tình hình này khoảng hơn năm vạn năm mới có một lần. Đời này chúng ta đã gặp phải.

 Giới khoa học đối với việc này có một nửa tin, nhưng có một nửa tin tưởng. Chỉ sợ là lực dẫn của động đen này quá lớn dẫn đến thái dương dông tố. Dông tố thái dương, thời cổ đại gọi là đốm đen trên mặt trời. Nếu dông tố thái dương quá lớn, như vậy chắc chắn sẽ ảnh hưởng địa cầu. Sợ nhất là nó dẫn đến sóng thần cho địa cầu. Lực dẫn của nó có thể làm cho nước biển của địa cầu này lập tức dâng cao, chỉ sợ điều này. Nếu nước biển lập tức dâng lên, dâng lên mấy trăm mét, như vậy thì phiền phức rất lớn.

 Thứ hai là sợ lực dẫn này dẫn đến núi lửa bộc phát. Như vậy là đem đến đại thiên tai cho nhân loại, điều này cũng rất có khả năng. Điều này tôi nhớ hình như là bốn năm mươi năm trước các nhà khoa học đã đưa ra cảnh báo. Ở bờ mạn phía tây của Phi Châu có vài hòn đảo, tên gì tôi không nhớ. Những hòn đảo này là núi lửa sống. Tính toán nếu núi lửa này bộc phát, sẽ dẫn khởi 600 mét sóng thần. Quý vị thử nghĩ xem, nước biển dâng cao 600 mét mà không đáng sợ sao? Một ngọn sóng lớn như vậy, từ bờ tây của Phi châu đẩy đến bờ đông của nước Mỹ. Nghĩa là thông qua đại tây dương cần 8 tiếng đồng hồ. 8 tiếng nó sẽ giảm nhẹ dần trên đường đi. Dự định thấp nhất là giảm một phần mười. Sống biển đó đến Mỹ chỉ còn một phần mười. Một phần mười là còn 60 mét. Sống thần lớn như vậy khi đến bờ đông của nước Mỹ, như vậy thì sẽ huỷ diệt tất cả. Lần trước ở Đồ Ba Văn có một trận mưa, thị trưởng nói với tôi nước mưa ứ lại trên đường đến mấy tấc, chưa đến mười phút đã dâng cao hai mét. Nên rất nhiều người chạy cũng không chạy kịp. Tôi nghe nói bị nước cuốn đi hơn 30 người, còn có một số mất tích. Chỉ là đột nhiên như vậy. Sau một tiếng đồng hồ thì nước đã hạ, không còn nữa. Vì sao? Đây là vùng núi cao nên nó rút hết. Đây là hiện tượng rất đáng sợ cho những cư dân trú ở vùng duyên hải.

Trên mạng cũng có đưa tin. Các nhà khoa học đưa tin về công viên Hoàng Thạch của nước Mỹ, công viên này ở bờ tây. Công viên Hoàng Thạch là núi lửa sống. Chúng tôi đã đi qua nơi này, nhưng không biết được vấn đề nghiêm trọng như vậy. Chúng tôi chỉ biết, dưới đất có nguồn nước rất nóng. Nước nóng phun lên nếu trúng da sẽ bị phỏng. Cho nên điều này có cảnh cáo với khách đi tham quan du lịch. Nhất định không được đến gần, chỉ đứng xa để nhìn. Đây có thể là một núi lửa lớn nhất trên thế giới.

 Tôi nhìn thấy báo cáo khoa học, nếu núi lửa này bộc phát. Miệng núi lửa lớn bao nhiêu? Rộng 35 dặm anh, không phải là kilômét. Rộng 35 dặm anh, dài 45 dặm anh. Điều này quả thật đáng sợ. Quý vị nghĩ xem nham thạch của núi lửa này chảy ra bao nhiêu? Các nhà khoa học dự tính, nếu núi lửa này bộc phát thì hai phần ba của nước Mỹ sẽ không còn. Nó ảnh hưởng đến một ngàn kilomet. Công viên Hoàng thạch nếu kéo dài về phía đông, đến bờ biển đông của Mỹ có khoảng 1500 kilomet đến 2000 kilomet, có cự ly dài như vậy. Nên người Mỹ dự định, hai phần ba của nước Mỹ sẽ chịu ảnh hưởng tai hại nghiêm trọng này. Đây đều là rất có thể phát sanh.

 Toàn thế giới, kể cả núi lửa dưới đáy biển rất nhiều. Ngọn đảo ở Nữu Tây Lan ở vùng núi lửa. Đại thiên tai địa cầu sẽ không tan biến đi, nhưng sinh vật trên địa cầu sẽ chịu thiệt hại nghiêm trọng. Những báo cáo của giới khoa học đều ngay trước mắt chúng ta. Đối với người tu tập như chúng ta mà nói, thì đây không phải là việc xấu, mà để chúng ta đề cao cảnh giác, nhanh chóng phát tâm để sớm ngày đến tây phương Cực Lạc. Di dân đến đó, thời gian còn đủ. Hai năm là đủ.

 Hoàng Niệm Tổ sau khi chú giải bộ kinh này thành công liền nhất tâm niệm Phật cầu sanh tịnh độ. Sáu tháng trước khi vãng sanh, mỗi ngày niệm 14 vạn câu Phật hiệu. Vạn duyên buông bỏ, sáu tháng là vãng sanh. Ông có thể làm được, thì chúng ta mỗi người đều có thể làm được. Nên chúng ta cần phải chuẩn bị tâm lý. Đối với thế gian này không nên có bất cứ tham luyến nào, cần phải siêng năng thật thà tu tập. Đem pháp môn tu tập của mình giới thiệu cho những chúng sanh có duyên, như vậy thì công đức vô lượng vô biên. Đây là phương pháp duy nhất giúp cho chính mình, giúp cho chúng sanh giải quyết được vấn đề, còn là phương pháp chắc chắn tin tưởng được, công đức không thể nghĩ lường.

 Làm sao có thể tránh khỏi kiếp nạn mà có thể bảo tồn được Phật pháp? Đó chính là in ấn số lượng lớn. Khắp nơi đều có cất giữ. Thiên tai sẽ không thể huỷ diệt toàn bộ thế giới này, nhất định sẽ có một vài nơi tồn tại. Nên phương pháp duy nhất chính là in ấn thật nhiều. Khắp thế giới có đạo tràng Phật pháp, chúng ta đều tìm cách đưa đến tặng, để mỗi nơi đều bảo tồn. Đây là điều chúng ta có thể làm được.

 Cổ nhân cũng đã dùng rất nhiều tâm tư đem kinh văn khắc vào đá, gọi là thạch kinh. Ở Bắc Kinh chúng ta phát hiện Thạch Kinh Phòng Sơn, là một bộ đại tạng kinh khắc trên đá. Nhưng chúng ta hiện nay biết rằng, nếu động đất là coi như mất hết. Thế gian không có thứ gì kiên cố, nên chỉ có thể phát huy số lượng lớn để cất giữ khắp nơi sẽ không bị mất đi. Bảo tồn văn hoá xưa nên dùng phương pháp này.

 Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

# Tập 309

Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư
Chuyển ngữ: Hạnh Chơn
Biên tập: Bình Minh
Thời gian: ngày 01 tháng 03 năm 2011
Địa điểm: Tịnh Tông Học Viện \_Úc Châu

 Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Mời quý vị xem “Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải”, trang 362, hàng thứ năm từ dưới lên bắt đầu xem từ câu cuối cùng.

 *“Xá Lợi Phất, thị vi chư Phật dĩ nhất đại sự nhân duyên cố, xuất hiện ư thế.”* Trên đây nói chư Phật duy nhất một đại sự nhân duyên là khai thị ngộ nhập tri kiến của Phật mà xuất hiện ở đời. Trong kinh Pháp Hoa Đức Thế Tôn dạy rằng: tất cả chư Phật trong mười phương ba đời ứng hoá ở thế gian, cũng ứng hoá trong mười pháp giới. Do nguyên nhân gì? Chính là vì giúp chúng sanh phá mê khai ngộ, trong một đời chứng được quả Phật viên mãn. Đức Phật vì nhân duyên này mà đến thế gian. Như vậy chúng ta biết, Đức Phật đối với thế gian này không có gì mong cầu. Ngài chứng được chân như tự tánh. Trong tự tánh đầy đủ trí huệ tánh đức. Như vậy ngài còn mong cầu gì? Hoàn toàn là “vô duyên đại từ, đồng thể đại bi”. Chỉ là giúp chúng sanh lìa khổ được vui, ngoài ra không còn ý gì khác. Cũng không có bất cứ mục tiêu gì.

 Người thế gian vô tri, cho rằng Chư Phật Bồ Tát ham danh háo lợi. Sai, hoàn toàn sai lầm. Chư Phật Bồ Tát sẽ không trách tội người đời. Vì sao? Ngài biết người đời không hiểu, mê thất tự tánh. Chấp trước thân này là ta. Từ cái ta sẽ sanh khởi tự tư tự lợi, sanh ra tham sân si mạn. Những thứ này đời đời kiếp kiếp liên tục tạo nghiệp. Ác nghiệp nhiều, thiện nghiệp ít. Đặc biệt là trong thời đại này, trong kinh điển của rất nhiều tôn giáo nói cho chúng ta về nhân quả. Tội giết người là nặng nhất. Mỗi tông giáo đều đặt điều này lên hàng đầu.

 Trong năm giới của nhà Phật, điều thứ nhất là không sát sanh. Điều thứ nhất trong thập thiện cũng là không sát sanh. Giới Bồ Tát, Giới Tỳ Kheo đều đem giới không sát sanh để ở vị trí đầu tiên. Từ đó cho thấy nghiệp sát sanh rất nặng, tội nghiệp của địa ngục A tỳ. Hiện nay ở thế gian này nghiệp sát quá nặng. Không chỉ là giết súc sanh mà còn giết người. Điều này tự mình đã biết chứ không phải không biết. Quý vị chú ý, thử đi điều tra, đi hỏi xem. Ở thế gian này, mỗi ngày có bao nhiêu người phá thai. Đó là giết người. Quý vị sẽ biết xã hội này mỗi ngày giết bao nhiêu người!

 Những người này không phải là người bình thường. Giữa con cái và cha mẹ có bốn loại nhân duyên. Báo ân, báo oán, đòi nợ, trả nợ. Không phải bốn loại nhân duyên này, thì sẽ không đầu thai đến gia đình mình. Chúng đến nhưng quý vị đã giết họ. Họ đến để báo ân, thì ân biến thành thù. Nếu đến để báo oán, thì oán thù chồng chất thêm oán thù. Như vậy là làm sao chịu nổi? Còn đòi nợ và trả nợ, không những có nợ không trả hết, còn tăng thêm oán cừu. Nghiệp này phải làm sao? Đáng sợ hơn hết!

 Người học Phật đều hiểu rõ, đều đã giác ngộ. Siêng năng tu hành, đem công đức của mình hồi hướng cho những hương linh này. Cầu Phật Bồ Tát giúp chúng ta điều tiết. Nhưng nếu không tin Phật pháp thì điều này rất khó, quả báo sẽ ở trong tam đồ. Đời này qua đời khác oan oan tương báo không bao giờ chấm dứt. Ngày tháng trong lục đạo này có thể sống được sao? Đời này khổ hơn đời trước, tự làm tự chịu không thể trách ai. Trong kinh Phật dạy, cứu một mạng người còn hơn xây ngọn tháp bảy tầng. Còn hại một mạng người thì sao? Thì nghĩ trái lại. Cứu một mạng người công đức lớn không có gì sánh được. Hại một mạng người thì quả khổ của ác báo cũng không cách nào tưởng tượng được.

 Chư Phật Bồ Tát nhìn thấy hiện tượng này rất rõ, chúng ta có lý do tin tưởng. Các ngài nhất định ứng hoá ở thế gian này. Chắc chắn không chỉ một vị Phật Bồ Tát, mà vô lượng chư Phật Bồ Tát ở thế gian. Giúp chúng sanh quay đầu là bờ, giúp chúng sanh tỉnh ngộ. Không thể tạo thêm ác nghiệp, không thể tiếp tục sát sanh. Sát hại chúng sanh, chúng sanh có cảm thọ như thế nào? Cảm thọ này họ vĩnh viễn không bao giờ quên. Người không giác ngộ nhất định ôm tâm sân hận, chờ cơ hội để báo thù.

 *“Phật chi khai thị tức thị Phật chi tri kiến, cố duy hữu chư Phật nãi năng như thật tri kiến”.* Hôm qua chúng ta học đến đây. Chúng sanh trong tình kiến, khởi tâm động niệm đều là vọng tưởng phân biệt. Đức Phật tuy có chủng chủng thí dụ để nói, nhưng chúng sanh đối với tri kiến của Phật như điếc như mù, không thể thật sự hiểu rỏ. Đây hoàn toàn là lời nói thật. Lời của Phật là xuất phát từ chân như tự tánh mà hiển thị ra, thuần chân không có hư vọng. Nên học Phật không dùng chân tâm được chăng? Không dùng chân tâm vĩnh viễn không thấu hiểu được chân thật nghĩa của Phật.

Ngày nay hoằng pháp rất khó. Khó khăn lớn nhất khi giúp chúng sanh, chính là chúng sanh không có chân tâm, không có thành ý. Chúng ta nói là chân thật, là thật tướng các pháp nhưng họ nghe không hiểu. Họ hiểu sai, xuyên tạc, còn muốn biện luận để chứng minh với chúng ta. Còn phê bình và dèm pha chúng ta, như vậy họ tạo tội nghiệp càng thêm nặng.

 Chư Phật Bồ Tát có trí huệ, có lòng từ bi. Không muốn để chúng sanh tiếp thu giáo huấn của Phật Bồ Tát mà sanh ra ngộ nhận. Tạo tác trọng nghiệp, huỷ báng tam bảo, quả báo đều là ở trong địa ngục vô gián. Chư Phật Bồ Tát không nhẫn tâm làm như vậy, nên dùng phương tiện thiện xảo, khiến chúng sanh tiếp xúc Phật pháp là sanh tâm hoan hỷ, tín thọ phụng hành. Điều này cần phải có trí huệ chân thật và từ bi vô tận mới có thể làm được. Ở đâu? Ngay hiện tiền, ngay trong cuộc sống hằng ngày của chúng ta. Trong những lúc tiếp xúc với đại chúng, ta quan sát tỷ mỷ là có thể nhìn thấy.

 Chúng ta muốn học Phật, muốn ngay trong đời này thành tựu. Như vậy cần phải biết, những điều nói ở đây chính là chúng sanh ở trong tình kiến. Chúng sanh ở đây là bao gồm cả tôi ở trong đó. Khởi tâm động niệm đều là vọng tưởng phân biệt. Chúng ta mở kinh quyển, nhưng xem không hiểu. Vì sao? Tâm hiện tiền của chúng ta là tâm vọng tưởng, tâm phân biệt. Tâm vọng tưởng là mạt na thức, tâm phân biệt là đệ lục ý thức. Nên Chư Phật tuy có chủng chủng thí dụ phương tiện để diễn thuyết, nhưng chúng sanh đối với tri kiến của Phật thật giống như điếc như mù.

 Như điếc là gì? Nghe không hiểu. Như mù là xem không hiểu, không hiểu được pháp tượng trưng của Chư Phật Bồ Tát. Chúng ta luôn hiểu sai ý nghĩa. Hiểu sai ý nghĩa thì không sao tránh khỏi huỷ báng Phật pháp, phê bình Phật pháp. Tâm này vừa động, dùng ngôn ngữ hành vi để tạo tội, như vậy ác báo đã hình thành.

*“Viên Giác Kinh vân, vị xuất luân hồi nhi biện viên giác, bỉ quốc giác tánh tức đồng lưu chuyển”.* Trong kinh Viên Giác nói, vị xuất luân hồi chính là chúng sanh trong lục đạo. Lục đạo chúng sanh đối với sự chứng viên giác của Như Lai, không thể thật sự hiểu rõ, không thể lãnh hội. Ta có thể hiểu rõ, ta có thể lãnh hội, đó chính là hai câu bên dưới *“bỉ viên giác tánh, bất đồng lưu chuyển”.* Lưu chuyển là tâm luân hồi. Viên giác là chân tánh, chân như bổn tánh. Ta dùng tâm phân biệt, tâm chấp trước để nhìn nó. Tánh viên giác biến thành tâm luân hồi. Ta chỉ biết luân hồi, không thể minh tâm kiến tánh. Ở đây hiển thị suy nghĩ đo lường phân biệt không thể hiểu rõ viên giác. Như vậy thì nên dùng điều gì để thể hội viên giác? Không phân biệt, không chấp trước, không khởi tâm không động niệm. Viên giác ở ngay đây, trước mắt chúng ta. Viên giác không hề xa rời chúng ta, mọi lúc mọi nơi vĩnh viễn không xa rời.

 A lại da là khởi tâm động niệm. Mạt na là chấp trước. Đệ lục ý thức là phân biệt. Trong đại thừa giáo, bất luận là tông môn giáo môn, các bậc Tổ sư đều thường nói *“ly tâm ý thức tham”.* Tham chính là học tập, tham học. Lìa tâm ý thức là lìa như thế nào? Không phân biệt là lìa thức thứ sáu. Lìa chấp trước là không dùng thức thứ bảy. Không khởi tâm không động niệm là lìa A lại da thức. A lại da thức gọi là tâm, ý , thức nên gọi là lìa tâm ý thức. Chính là không khởi tâm không động niệm, không phân biệt không chấp trước. Dùng tâm và thái độ như vậy để học Phật, thì bất luận là pháp môn nào đều thông đạt minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật. Nên pháp môn bình đẳng không có cao thấp. Vấn đề chính là ta có biết hay không!

 Ta có thể buông bỏ tâm ý thức hay không? Vì sao phải buông bỏ? Bởi nó là hư vọng, không thật có. Tuy không thật, Nhưng hư vọng này có thể trở ngại chúng ta ngộ chân thật, nó chướng ngại chúng ta khế nhập chân thật, nên cần phải buông bỏ. Sau khi buông bỏ nó sẽ không còn chút chướng ngại nào, như vậy ta sẽ được đại tự tại. Ta có thể ngộ được chân thật và có thể khế nhập chân thật. Những đạo lý này, đối với người học Phật chân chánh không thể không biết. Quan trọng nhất là phải đem nó thực hiện trong sinh hoạt hằng ngày. Trong cuộc sống hằng ngày đi cầu chứng. Cầu chứng nhưng không thể có tâm cầu chứng. Vì sao? Tâm cầu chứng là vọng tưởng phân biệt chấp trước. Vọng tâm không thể kiến tánh. Chúng ta biết là lìa tâm ý thức cầu chứng, thì thật sự sẽ chứng được. Trong cuộc sống hằng ngày, chúng ta cố gắng xa rời tâm ý thức. Mặc áo ăn cơm, đối nhân tiếp vật. Buông bỏ thức thứ sáu nghĩa là không phân biệt. Buông bỏ Mạt na thức nghĩa là không chấp trước. Buông bỏ A lại da nghĩa là không khởi tâm không động niệm. Như vậy cuộc sống của ta, công việc của ta, đối nhân xử sự tiếp vật chính là Chư Phật Bồ Tát ứng hoá đến thế gian này. Chúng ta sống cuộc sống của chư Phật Bồ Tát, là cuộc sống được đại tự tại. Ta thật sự được đại tự tại.

 Không chấp trước không phân biệt, không khởi tâm không động niệm là giải. Ta đã khai trừ, giải trừ được phiền não. Sau khi giải trừ sẽ được an lạc. Lạc ở đây là được đại tự tại, không chướng không ngại. Đối với tất cả pháp thông đạt vô ngại, đối với tất cả pháp được đại tự tại. Đây là cảnh giới của chư Phật, là cảnh giới của pháp thân đại sĩ.

Đứng về lý mà nói, phàm phu thành Phật đích thực chỉ trong thời gian một niệm. Trong một niệm mà đã thấu triệt gọi là nhìn thấu. Trong một niệm buông bỏ gọi là công phu.

 Các bậc đại đức của “Nam Tuyền Vân” thiền tông nói “thuyết tác như như, tảo biến liễu dã”. Hoàng Niệm Tổ bỏ trong ngoặc đơn, dùng văn bạch thoại để nói về đoạn này. Nói về chữ như như này, thì nghĩa chân thật của nó đã bị thay đổi từ lâu. Tại sao? Vì ta dùng tâm phân biệt chấp trước để nghe câu này, nên nghe ý nghĩa của nó hoàn toàn sai lầm. Nếu dùng chân tâm nghe câu này, thì vừa nghe đã khai ngộ. Như thế nào là như như? Như như chính là thật tướng các pháp. Sao gọi là như như? Tất cả tướng như tánh, tướng như tánh, tánh như tướng gọi là như như. Sự như lý, lý như sự gọi là như như. Nhân như quả, quả như nhân gọi là như như. Nên như như chính là thật tướng. Dùng phân biệt chấp trước để hiểu về nó, như vậy đối với nó là hoàn toàn sai lầm.

 *“Cố vân, phi ngữ ngôn phân biệt chi sở năng tri”.* Ly nhất thiết tướng, tức nhất thiết pháp. Điều này trong kinh điển đại thừa thường nói. Trong Ngũ Đăng Hội Nguyên và trong Truền Đăng Lục. Quý vị xem các bậc cổ đức trong tông môn, nếu ta không dùng chân tâm thì họ không nói cho chúng ta nghe lời chân thật. Vì sao? Nói lời chân thật ta nghe không hiểu. Các bậc tổ sư dẫn dắt đại chúng, chắc chắn là dùng tục đế, không dùng chân đế. Nếu gặp người dùng chân tâm, người này tâm địa thanh tịnh, ít tạp niệm, không phải là tâm trôi nổi. Gặp được những người này họ sẽ giảng chân đế không giảng tục đế. Vì sao? Họ có thể giác ngộ. Nói cách khác, chúng ta nếu có nhân duyên thân cận các bậc cổ đức này. Chính mình không đủ điều kiện, thì thấy cũng như không thấy.

 Tự mình đủ điều kiện gì? Tam học giới định huệ. Có giới là có căn, có định là có bổn, có huệ, huệ là hoa quả. Không đầy đủ điều kiện này thì dù có gặp được chân thiện tri thức vẫn không được lợi ích. Chỉ là kết nhân duyên với thiện tri thức mà thôi. Nếu đầy đủ giới định tuệ, tôi nói với chư vị, đức Phật A Di Đà đang ở ngay trước mặt chúng ta. Đối diện với Phật A Di Đà sao không khai ngộ được? Phật A Di Đà ở đâu? Kinh Vô Lượng Thọ chính là Phật A Di Đà. Phật A Di Đà chính là kinh Vô Lượng Thọ. Từng câu từng chữ trong kinh đều có thể khai phát tự tánh chúng ta. Tâm chúng ta thanh tịnh bình đẳng, đầy đủ giới định huệ. Nghe kinh hoặc đọc kinh đều có thể khai ngộ. Đại triệt đại ngộ chính là kiến tánh, chính là minh tâm.

 Đoạn này Hoàng Niệm Tổ nói: *“đương tri thử chi nhất kiện đại sự, ngôn ngữ đạo đoạn, tâm hành xứ diệt”.* Đem đại sự nhân duyên quy kết thành hai câu này. Ngôn ngữ đạo đoạn là không thể nói. Tâm hành xứ diệt chính là không thể tư không thể tưởng. Chỗ này chúng ta cần phải biết, tư và tưởng chính là vọng tâm, không phải chân tâm. Không thể tư không thể tưởng, chính là buông bỏ tư tưởng, buông bỏ vọng tâm. Buông bỏ vọng tâm, chân tâm sẽ hiện tiền. Chân tâm là gì? Căn tánh của lục căn. Ở nơi mắt gọi là tánh thấy, ở nơi tai gọi là tánh nghe, ở nơi ý gọi là tánh biết, không phải thức. Thức chính là tư tưởng, không dùng ý thức, dùng chân tánh. Chỉ quán là dùng chân tâm để lãnh hội, không dùng vọng tâm. Ta có thể kiến tánh, kiến tánh chính là nhìn thấy chân thật nghĩa của Như Lai.

 Trong kinh Lăng Nghiêm Giao Quang đại sư đề xướng xả thức dùng căn. Người học kinh Lăng Nghiêm, trong cuộc sống hằng ngày không dùng lục căn, mà dùng căn tánh của lục căn, giống như 25 vị Bồ Tát vậy. Như Quan Âm Bồ Tát ngài dùng nhĩ căn. Căn tánh của nhĩ căn là tánh nghe*. “Phản văn văn tự tánh, tánh thành vô thượng đạo”*. Quý vị xem, ngài không phải nghe bên ngoài, mà ngài nghe ngược lại. Bên ngoài là pháp tướng, bên trong là pháp tánh, gọi quay đầu là bờ. Vừa quay đầu là kiến tánh, nó tương ưng với pháp tánh.

 Không quay đầu nghĩa là sao? Không quay đầu thì tương ưng với pháp tướng bên ngoài. Tương ưng với pháp tánh là lục đạo, là mười pháp giới. Tương ưng với tự tánh là nhất chân pháp giới, là tương ưng với thường tịch quang, không giống nhau. Chúng ta cần phải biết, phải hiểu. Biết cũng không dễ. Như thế nào gọi là biết? Cổ nhân nói lạ hóa quen. Một lần, hai lần thì lạ. Mười lần, hai mươi lần không phải đã quen rồi sao? Đạo lý này cũng dễ hiểu. Chúng ta ngày ngày tiếp cận nó, ngày ngày không rời nó. Năm ba năm sẽ rất quen thuộc. Nó ở đâu? Nó chính là kinh Vô Lượng Thọ, nó chính là Phật A Di Đà. Điều này đã nói rõ ràng minh bạch rồi. Chúng ta mỗi ngày không rời kinh Vô Lượng Thọ, mỗi ngày không rời Phật của mình. Niệm niệm không quên, trong tâm chỉ có Phật, không nên nghĩ điều gì khác. Nghĩ những điều khác gọi là tạo nghiệp luân hồi. Nghĩ nhớ Phật gọi là tạo nghiệp thanh tịnh.

 Chúng ta đã quen tạo nghiệp luân hồi. Bây giờ đem thói quen của nghiệp luân hồi, đổi thành tịnh nghiệp, như vậy là thành công. Muốn thay đổi mà không được, trong tâm muốn thay đổi, nhưng ý niệm sau lại quên mất. Đây là hiện tượng bình thường. Nghĩa là nói đối với lục đạo chúng ta quá quen thuộc. Khởi tâm động niệm toàn là nó, còn thế giới Cực Lạc thì thấy xa lạ. Bây giờ đem hai cái đó đổi ngược lại. Chổ xa lạ biến thành quen thuộc, chổ quen thuộc trở thành xa lạ. Đem nó đổi được như vậy là thành công.

 Hàng ngày thân cận Phật của mình, ngày ngày đọc tụng kinh. Chỉ đọc một bộ, ngoài ra đều không cần. Vì sao? Đức Thế Tôn dạy chúng ta: “chế tâm nhất xứ vô sự bất biện”. Ở trước chúng ta học qua là chỉ tâm nhất xứ, cùng một ý nghĩa. Một chổ chính là bộ kinh này. Tôi đem tâm dừng ở tại đây, niệm niệm không quên. Khi không đọc thì nghĩ đến nó, đừng nghĩ điều gì khác. Bồ Tát Đại Thế Chí dạy:*“ức Phật niệm Phật, hiền tiền đương lai, tất định kiến Phật”.* Ức là gì? Trong tâm nhớ nghĩ. Tôi đọc bộ kinh này thường nhớ nghĩ đến bộ kinh này. Nhớ nghĩ đến bộ kinh này chính là nhớ nghĩ đến thế giới Cực Lạc. Tôi không nghĩ đến địa cầu hiện nay. Ngày ngày tôi nghĩ đến thế giới Cực Lạc, tâm tưởng sự thành. Tất cả pháp từ tâm tưởng sanh. Đây là nguyên tắc chỉ đạo tối cao.

 Tôi chỉ nghĩ đến Phật, chỉ nghĩ đến thế giới Cực Lạc. Trong đời này tôi chỉ có một phương hướng, chỉ có một mục tiêu là cầu sanh thế giới Cực Lạc thân cận Phật A Di Đà. Lợi dụng hiện nay vẫn còn thân thể ở nơi thế giới này. Ở thế gian này làm gì? Làm sự nghiệp của Phật. Đức Phật làm sự nghiệp gì? Giúp tất cả chúng sanh khai thị ngộ nhập tri kiến Phật. Đây là việc mà chư Phật làm ở thế gian. Chúng ta học làm theo, chúng ta tiếp tục làm. Kiên trì không bỏ, tự lợi và lợi tha không phải hai. Tôi mỗi ngày đều học kinh, mỗi ngày đều lợi dụng cơ hội này chia sẽ cùng với các vị đồng học khắp nơi. Đây chính là lợi tha. Đây chính là đại sự khai thị ngộ nhập của Phật. Việc chúng ta làm giống như chư Phật Bồ tát, hanh phúc biết bao! Nếu quên việc này, ta lại trở về với sự phân biệt vọng tưởng. Như vậy là tâm luân hồi tạo nghiệp luân hồi, hoàn toàn sai lầm. Trong quá khứ đã sai, đời này lại sai. Bây giờ rất may mắn nghe được Phật pháp, hạ quyết tâm không tái phạm sai lầm, không nên nghĩ đến luân hồi nữa. Nên thay đổi chỉ nghĩ đến thế giới Cực Lạc, nghĩ đến Phật của mình. Ở thế gian này tất cả đều tuỳ duyên. Không có chấp trước, sao cũng được, như thế nào cũng hoan hỷ. Vì sao? Tất cả duyên, thiện duyên ác duyên, thuận cảnh nghịch cảnh đều là giúp chúng ta, đều là thành tựu cho chúng ta. Giúp chúng ta nhìn thấu, giúp chúng ta buông bỏ. Thành tựu đức hạnh và thành tựu trí tuệ cho chúng ta, giúp chúng ta đời này nhất định được thành tựu.

 Đối với thế gian này, mọi người, mọi sự, mọi vật đều bao hàm trong tâm chân thành biết ơn. Tri ân sau đó mới biết cảm ân. Ta không biết cảm ân là vì ta không tri ân. Những người huỷ báng ta, sỉ nhục ta, phá hoại ta, hãm hại ta đều có ân đối với ta sao? Có ân. Vì sao? Quý vị đọc kinh Niết Bàn, kinh Kim Cang. Vua Ca Lợi cắt thân thể của Nhẫn Nhục Tiên Nhân. Nhẫn Nhục Tiên Nhân cảm ân ông ta mà không hề oán hận. Cảm ân ông ta điều gì? Cảm kích ông ta thành tựu Bồ Tát nhẫn nhục ba la mật. Nhẫn nhục ba la mật đã được viên mãn. Nhẫn Nhục Tiên Nhân thành Phật trước dự định. Đây là đại ân đại đức.

 Trong Linh Phong Luận Tông Ngẫu Ích Đại sư nói, cảnh duyên không có tốt xấu, tốt xấu đều ở nơi tâm mình. Tự mình lấy thiện tâm để đối với thế giới này, thì thế giới này chính là thế giới Cực Lạc. Đối với tôi mà nói người tạo các trọng tội, tất cả đều có ân đối với tôi. Vì Sao? Xem tôi có còn tâm oán hận hay không. Nếu còn tâm oán hận, còn sự bất mãn, là tôi chưa đạt yêu cầu, lần kiểm tra này chưa thông qua. Nếu thật sự không có tâm oán hận, làm tổn thương tôi như thế nào cũng không có tâm oán hận. Như vậy là đã được tốt nghiệp, cửa ải này đã thông qua dễ dàng.

 Ngày nay ở thế giới này, không phải một người đến khảo tôi. Học sinh chỉ có mình tôi, ngoài tôi ra toàn là thầy tôi. Tất cả đều là chư Phật Bồ Tát, đều là thiện hữu đến khảo tôi. Tất cả tôi đều thông qua, có thể không hoan hỷ sao? Sanh tâm đại hoan hỷ. Cửa ải này đã thông qua là thật sự buông bỏ. Thật đã làm được vô ngã, vô nhân, vô chúng sanh, vô thọ giả. Hoàn toàn tương ưng với những gì trong kinh giáo nói. Trong kinh giáo nói không phải chính là cảnh giới trước mắt chúng ta đây sao? Như vậy mới có thể thâm nhập sâu sắc, đạt được lợi ích chân thật trong Phật pháp.

 Nếu không phải giáo huấn của Đức Phật, chúng ta ở trong cảnh giới này làm sao không có oán hận? Nếu thích, nhất định là đắc ý hưng phấn, cảm thấy hoan hỷ. Lúc gặp nghịch cảnh chắc chắn sẽ oán hận, còn phải phát lời thề để báo thù, như vậy là sai. Quý vị xem chỉ trong một niệm. Một niệm thay đổi nghĩ rằng họ là ân nhân, họ là thầy đến khảo tôi. Làm sao tôi có thể báo thù, làm gì có đạo lý này? Báo ân còn chưa kịp, sao lại có oán hận? Không có đâu. Đức Phật dạy: phá mê khai ngộ. Chỉ cần ta ngộ thì niềm an vui này không gì sánh bằng. Nếu không ngộ thì khổ não vô lượng vô biên. Nên biết rằng khổ não là tạo nghiệp. Tam đồ, ác báo đều từ mê mà ra. Chúng ta không hiểu rõ chân tướng sự thật, hiểu rõ chân tướng sự thật ta sẽ an vui biết bao. Tất cả vấn đề đều được giải quyết. Hiện nay có chuyện sao? Không có chuyện gì. Mọi người đều là người tốt, mọi việc đều là việc lành.

 Có rất nhiều người lo buồn thay cho tôi, nói tôi tuổi tác lớn như vậy mà bên cạnh lại không có người lo cho. Còn chính tôi có lo buồn hay không? Không. Tại sao ở tuổi tác này mà không một người nào chăm sóc? Ông trời đã cho tôi một cơ thể tốt, tôi có thể chăm sóc mình. Cần người chăm sóc, chứng tỏ điều gì? Thân thể tôi đã suy yếu, không tự mình lo được. Đến lúc thân thể tôi thật sự suy yếu, không thể tự chăm sóc, tôi tin rằng Chư Phật Bồ Tát sẽ phái người đến chăm sóc tôi, điều gì cũng có thể làm được!

 Trước tôi có rất nhiều tấm gương. Như cư sĩ Lý Bính Nam, tôi theo thầy mười năm. Khi tôi theo thầy học, thầy đã 70 tuổi. Khi tôi rời xa thầy thì thầy đã 80 tuổi. Đến lúc thầy 95 tuổi cũng không có người chăm sóc. Tôi năm nay mới 85 tuổi, vẫn còn mười năm nữa. Năm 95 tuổi, có hai người bạn đồng học, hai chị em phát tâm chăm sóc, thầy đồng ý. 95 tuổi mới có hai người trẻ tuổi đến chăm sóc, 97 tuổi vãng sanh. Thân thể mạnh khoẻ cần gì phải có người chăm sóc? Mỗi ngày làm việc đều là việc của Phật làm. Làm những việc mà Phật làm thì hạnh phúc an vui biết bao! Đây gọi là học Phật.

 Chúng ta xem ở dưới phần chú giải của Hoàng Niệm Tổ. *“Đương tri thử chi nhất kiện đại sự. Ngôn ngữ đạo đoạn, tâm hành xứ diệt. Pháp Tạng quả giác, thật phi ngữ ngôn chi sở năng tuyên. Diệc phi chúng sanh sanh diệt tâm, tư lương phân biệt chi sở năng cập”.*

Từng câu từng chữ đều là thật. Như Lai xuất thế là một đại sự nhân duyên lớn, chính là giúp chúng sanh phá mê khai ngộ, chứ không có mục đích gì khác. Phương pháp ngài dùng là thân hành và ngôn giáo. Thân là làm theo giới định huệ, để người khác có thể nhìn thấy được. Sau khi nhìn thấy được họ sẽ hâm mộ, sẽ hoan hỷ. Họ sẽ đến học theo và đến thỉnh giáo. Chúng ta dạy họ thật tốt, đây là khế cơ. Không phải ta tìm đến dạy họ, mà chính họ muốn đến học với ta. Chúng ta dùng internet, dùng truyền hình cũng đều như vậy. Đây là người có duyên. Còn người không có duyên, hàng ngày truyền hình, internet đều phát sóng, nhưng họ không chịu tiếp nhận. Không chịu tiếp nhận chính là không có duyên, chịu tiếp nhận chính là người có duyên.

 Nên dùng mạng internet, truyền hình vệ tinh để truyền bá Phật giáo. Chuyên chở tin tức của Chư Phật Bồ Tát đến kết duyên với chúng ta. Thật sự muốn học Phật thì có đĩa, có kinh sách. Điều này có thể giúp chúng ta tu hành. Bí quyết tu hành, chính là vô thượng diệu đế, không có ngôn ngữ nào có thể diễn tả được. Đây là cảnh giới gì? Tự tánh bổn định. Được định rồi, giới sẽ đầy đủ, gọi là định cộng giới. Tâm ở trong thiền định, chắc chắn sẽ không phá giới, gọi là định cộng giới. Đã chứng quả nên không phạm giới gọi là đạo cộng giới. Từ đó cho thấy, người chưa được định nhất định phải giữ giới luật. Không giữ giới luật, giới sẽ mất. Nhất định phải làm theo giới định huệ. Chân chánh tu hành, thâm nhập vào một môn và huân tu lâu dài.

 Tâm và thái độ rất quan trọng. Tâm và thái độ chính là vô thượng diệu đế, không có ngôn ngữ nào có thể diễn tả được. Cái gì cũng không nghĩ, cái gì cũng không nói. Mở miệng chính là một câu pháp. Ngoài câu pháp ra thì cái gì cũng không quan tâm. Người khác hỏi điều gì cũng trả lời được. Một tức tất cả, tất cả tức một, chính là một câu A Di Đà Phật. Mỗi ngày đọc bộ kinh Vô Lượng Thọ này. Ngoài bộ kinh Vô Lượng Thọ này ra thì cái gì cũng không có. Bộ kinh Vô Lượng Thọ này, hiện tại tiệm sách chưa phát hành. Có rất nhiều tiệm sách rất quen với tôi, giao cho tiệm sách đi in, trên thành phố đều có thể mua được. Đây là chuyện tốt! Tôi giao tiệm sách đi in ấn, tôi mua trước một vạn cuốn, họ rất hoan hỷ. Tôi lại tuyên truyền giúp họ một chút, thì số lượng sách này tiêu thụ rất nhiều.

 Lần giảng Địa Kinh Giải Diễn Nghĩa này. Tôi nghe nói cũng có người đã đem nó viết thành sách, nhưng tôi chưa nhìn thấy. Đĩa giảng thì đã lưu thông, đĩa giảng sẽ khởi tác dụng rất lớn. Tôi cũng muốn để nhà xuất bản lưu hành. Kinh sách, băng đĩa của chúng tôi không có bản quyền, nên rất hoan nghênh in ấn, hoan nghênh sao chép.

 Tâm và thái độ rất quan trọng, phương pháp cũng rất quan trọng. Có thái độ chính xác, phương pháp chính xác thì không có ai không thành tựu. Nên nhớ, tâm sanh diệt của chúng sanh là suy lường phân biệt. Đây là tâm hiện tiền của chúng ta, chúng ta đều dùng tâm này. Tâm này với đạo là tướng trái ngược, với giác ngộ là tướng trái ngược. Nên trên địa vị phàm phu: *“ngôn ngữ bất năng tri, vô ngữ diệc bất năng tri. Phân biệt bất năng tri, vô phân biệt diệc bất năng tri”.* Đây là thật. Như vậy chúng ta có cần ngôn ngữ phân biệt hay chăng? Cũng cần. Đức Thế Tôn lúc còn tại thế, suốt 49 năm giảng kinh thuyết pháp, không có một ngày nghỉ ngơi. Đây chính là thị hiện không rời ngôn ngữ phân biệt, cũng bất tức ngôn ngữ phân biệt. Bất tức bất ly chính là không xa cũng không gần. Bất ly là ta dùng nó, bất tức là quyết định không thể chấp tướng. Chấp tướng là sai. Đức Phật dạy, ngài thuyết kinh, nói mà không nói, không nói mà nói. Nói và không nói là một không phải hai. Điều này quá vi diệu!

 Như vậy người nghe kinh như chúng ta, nghe mà không nghe, không nghe mà nghe. Thật tuyệt diệu! Nghe kinh phải lãnh hội được ý và nghĩa lý của kinh, không nên chấp trước tướng. Không chấp trước tướng ngôn thuyết, không chấp trước tướng danh tự, không chấp trước tướng tâm duyên. Tự mình không nên phân biệt chấp trước nó có ý nghĩa gì, không cần như vậy. Tự nhiên thấu triệt. Chúng ta thật sự nghe hiểu và tự nhiên thấu suốt. *“Pháp Tạng cứu cánh pháp thân diệu quả”.* Pháp thân diệu quả trong kinh Hoa Nghiêm, chính là những gì 41 vị pháp thân đại sĩ chứng được. Nhưng không thể thêm cứu cánh. Nếu thêm cứu cánh, đó là diệu giác quả vị. Từ sơ trú đến đẳng giác đều là pháp thân diệu quả. Duy chỉ có diệu quả mới gọi là cứu cánh pháp thân diệu quả.

 Ngài Pháp Tạng thành Phật, chính là Phật A Di Đà. Cứu cánh của Phật A Di Đà là pháp thân diệu quả. *“Duy hữu như như dữ như như trí, cố phi phàm tình sở năng tắc”*. Như như là pháp tánh, pháp tướng. Như như trí là tự tánh đầy đủ trí huệ Bát Nhã. Như như khởi như như trí, như như trí chiếu như như. Trí và chiếu không phải hai. Nói cách khác, pháp thân Bồ Tát mới có thể biết. Ít nhất là sơ trú viên giáo Bồ Tát. Dưới sơ trú đó chính là mười pháp giới. Người trong mười pháp giới không có cách nào biết được. Biết thật sự là pháp thân Bồ Tát. Chúng ta xem đoạn kinh văn tiếp theo.

 *“Sở phát thệ nguyện, viên mãn thành tựu, như thật an trú, cụ túc trang nghiêm, oai đức quảng đại, thanh tịnh Phật độ”.* Câu trước là *“thệ nguyện thành tựu”,* bốn câu sau là *“tịnh độ thành tựu*”. Đây là quả báo thành tựu. Chúng ta xem chú giải của Hoàng Niệm Tổ. *“Viên mãn giả, viên diệu cụ túc dã. Thành tựu giả, Gia Tường Pháp Hoa Luận Sớ vân, cụ túc vô dư, bất khả phá hoại, cố vân thành tựu”.* Cụ túc vô dư chính là tất cả đều viên mãn. Tất cả viên mãn nhưng nó có thể phá hoại, nên không gọi là thành tựu. Cụ túc viên mãn không thể phá hoại mới là chân thật thành tựu. Ý này nói lên điều gì? Hiển thị quả báo của Pháp Tạng Bồ Tát, không phải mười pháp giới y chánh trang nghiêm. Mười pháp giới y chánh trang nghiêm chưa đầy đủ, khiếm khuyết rất nhiều, thay đổi trong từng sát na. Biến hoá chính là phá hoại.

 Đây không phải là thành tựu của Pháp Tạng. Thành tựu của Pháp Tạng là cứu cánh viên mãn, gọi là thế giới tây phương Cực Lạc, không có chút khiếm khuyết nào. Ta đến thế giới Cực Lạc tìm không thấy một chút khiếm khuyết nào, mà còn không thể phá hoại. Không thể phá hoại là vì cư dân ở thế giới Cực Lạc, không có người nào dùng tâm ý thức. Tâm ý thức là vọng tâm. Vọng tâm là có sự phá hoại. Họ không dùng vọng tâm, hoàn toàn dùng chân tâm. Những thứ chân tâm biến hiện, thân là thân pháp tánh, cỏi là cỏi pháp tánh. Hoàn toàn không giống với mười pháp giới, điều này thật không thể nghĩ bàn.

 *“Hựu Vãng Sanh Luận Chú viết, y bát Pháp Tạng Bồ Tát tứ thập bát nguyện, kim nhật A Di Đà Như Lai tự tại thần lực. Nguyện dĩ thành lực, lực dĩ tựu nguyện, nguyện bất đồ nhiên, lực bất hư thuyết, lực nguyện tương phù, tất cách bất sai, cố viết thành tựu”.* Đây là giải thích *“sở phát thệ nguyện viên mãn thành tựu*”. Vãng Sanh Luận Chú nói rất hay. Y căn bản là 48 nguyện của Pháp Tạng Bồ Tát. 48 nguyện viên mãn thành tựu, ngày nay là A Di Đà Như Lai tự tại thần lực. Tự tại thần lực này từ đâu mà có? Chính là 48 nguyện. Mỗi nguyện đều biến thành thần lực tự tại của Như Lai. Nên nguyện dĩ thành lực, lực dĩ tựu nguyện. Nguyện nếu không có lực làm sao có thể giúp chúng sanh? 48 nguyện Phật A Di Đà chính là năng lượng ngài phát ra. Năng lượng này biến pháp giới, biến khắp mọi lúc mọi nơi. Chỉ là chúng sanh nghiệp chướng quá nặng, tập khí phiền não quá sâu dày nên không chịu tiếp nhận. Từ bi của Phật là bình đẳng, không có sai biệt.

 Chúng ta có thể tiếp thu năng lượng này, có thể tiếp thu bao nhiêu hoàn toàn là do chính mình. Những thứ đức Phật phát ra đều là bình đẳng. Nếu chúng ta dùng tâm của Phật, như vậy ta tiếp xúc được năng lượng là viên mãn. Là tâm của Phật Di Đà, tâm của Chư Phật. Ở trước chúng ta học qua câu là tất cả đều thành Phật. Tâm của Chư Phật giúp tất cả chúng sanh phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui. Lìa khổ được vui, chúng ta có thể buông bỏ không cần nghĩ đến nó. Vì sao? Phá mê rồi thì khổ đã rời xa. Giác ngộ rồi thì niềm vui sẽ đến. Nên phá mê khai ngộ là nhân, lìa khổ được vui là quả. Đức Phật dùng phương pháp gì để giúp tất cả chúng sanh lìa khổ được vui? Dùng phá mê khai ngộ. Thực hành phá mê khai ngộ như thế nào? Giáo hoá. Chư Phật Bồ Tát thị hiện toàn là giáo hoá. Giáo hoá nhất định phải thực hành ở nơi thân hành ngôn giáo. Mình phải làm trước, sau đó mới dạy người. Tự mình chưa làm được mà đi dạy người, người ta sẽ không tin và không thể tiếp thu. Tự mình phải dạy trước, sau đó mới thực hành.

 Nên *“nguyện bất đồ nhiên, lực bất hư thiết”.* Nguyện và lực này đều là chân thật, không phải giả. *“Lực nguyện tương phù, tất cách bất sai, cố viết thành tựu”.* Thành tựu là quả, nguyện và lực là nhân. Như cách nói hiện nay thì trong đại nguyện sanh năng lượng không gì sánh bằng. Đức lớn năng lớn, năng lượng này hình thành tịnh độ.

 *“Hựu Pháp Hoa Kinh Phổ Hiền Khuyến Phát Phẩm vân, nhược thiện nam tử thiện nữ nhơn, thành tựu bốn pháp. Ư Như Lai diệt hậu đương đắc thị Pháp Hoa kinh”.*

Kinh Pháp Hoa là đại kinh nhất thừa viên giáo. Bộ kinh này nói gì? Giảng về một đời thành Phật, nên gọi là nhất thừa. Không phải trong đời này thành Bồ Tát. Kinh này nói trong một đời thành Bồ Tát gọi là đại thừa, trong một đời chứng A la hán là tiểu thừa. Đại thừa tiểu thừa là từ đây mà phân ra. Những điều này nói với những người có chút nền tảng học Phật rồi. Đối với người bên ngoài giới thiệu những điều này họ không hiểu. Nếu họ hỏi thêm ta rất khó giải thích, không phải vài câu là có thể nói hết. Hoàn toàn chưa học Phật qua, chỉ muốn thăm dò một tí xem cái gì là đại thừa, cái gì gọi là tiểu thừa?

 Như vậy tôi có thể đưa ra một ví dụ họ sẽ hiểu. Đại thừa là đại học, tiểu thừa là tiểu học. Đức Thế Tôn dạy học suốt 49 năm, mười hai năm đầu tiên là tiểu học, còn sau đó là đại học. Nói như vậy họ sẽ dễ hiểu. Chúng ta phải xem người hỏi là ai. Trình độ và động cơ của họ, chúng ta trả lời như thế nào để họ hoan hỷ. Để họ đối với Phật giáo cảm thấy thích thú và từ từ sẽ học tập.

Trong kinh nói thiện nam tử, thiện nữ nhơn thành tựu bốn pháp. Sau khi Như Lai diệt độ nghĩa là ngày nay, Đức Thế Tôn không còn tại thế, chúng ta còn có thể gặp được kinh Pháp Hoa, nhất thừa pháp bảo.

 Tứ pháp là gì? Thứ nhất là “vì chư Phật hộ niệm”. Điều này không dễ. Quý vị thử nghĩ xem, thiện nam tử thiện nữ nhân phải đầy đủ đức hạnh như thế nào thì chư Phật hộ niệm. Nếu không có đức hạnh Phật sẽ không hộ niệm. Trì giới, tu định chư Phật sẽ hộ niệm. Quý vị xem trong Giới Kinh giảng ngũ giới. Mỗi giới điều đều có năm vị hộ giới thần. Ngũ giới đầy đủ sẽ có 25 vị hộ giới thần ngày đêm hộ trì chúng ta, khiến chúng ta không gặp khó khăn trở ngại. Công đức trì giới thật không thể nghĩ bàn! Quỷ thần tôn trọng chúng ta sẽ tự nguyện đến hộ trì. Nếu ta chân thật thọ tam quy, bây giờ tam quy là giả không phải thật. Thật sự thọ tam quy, phải giống như trong Pháp Bảo Đàn Kinh nói Lục Tổ truyền thọ tam quy, không nói quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Không nói như vậy, ngài đã đổi chữ. Ngài nói quy y Giác, quy y chánh, quy y tịnh.

 Thời Lục tổ, Phật pháp truyền đến Trung Quốc đã 700 năm. Khoảng cách giữa Lục Tổ với chúng ta là 1300 năm. 700 năm thời gian không ngắn, nên truyền thừa từ đời này qua đời khác hình như có chút biến chất. Nếu không có biến chất, Lục Tổ nhất định là quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Nhất định là theo cách này. Biến chất là gì? Giữ lại hình thức, nhưng thực chất rất lơ là. Nên ngài đưa ra quy y Phật, Đức Phật là bậc giác ngộ. Quy y Pháp, pháp là chánh pháp. Quy y tịnh, Tăng là thanh tịnh. Lục căn thanh tịnh không nhiễm chút trần. Lục tổ Huệ Năng truyền tam quy là dạy chúng ta quy y tự tánh tam bảo. Tự tánh giác là Phật bảo, tự tánh chánh là Pháp bảo, tự tánh tịnh là Tăng bảo. Ý nghĩa chân thật khi truyền thọ tam quy chính là như vậy. Thọ trì tam tam quy chính là đãnh lễ thầy. Lạy thầy để thầy dạy ta tu hành. Trước tiên đem tổng cương lĩnh, tổng nguyên tắc tu hành truyền cho chúng ta.

 Tổng nguyên tắc, tổng cương lĩnh này chính là giác chánh tịnh. Quý vị xem, đề kinh này của chúng ta là “thanh tịnh bình đẳng giác”. Giác là Phật bảo, bình đẳng là Pháp bảo, thanh tịnh là Tăng bảo. Trên đề kinh này đầy đủ tam bảo. Thanh tịnh là giới học, bình đẳng là định học, giác là huệ học. Đầy đủ tam huệ. Quý vị nghĩ xem, kinh này có vi diệu không? Truyền thọ này chính là nói, đời này chúng ta đã có phương hướng, đã có mục đích. Đời này của chúng ta phải dựa vào tận hình thọ. Mọi lúc mọi nơi, bất luận là tu pháp môn nào, nhất định phải tương ưng với giác chánh tịnh. Nếu không tương ưng với giác chánh tịnh, như vậy chứng tỏ đã sai lầm. Chúng ta không phải học Phật mà học ngoại đạo.

 Dùng điều này làm tiêu chuẩn. Hiện nay gọi là dùng điều này làm tiêu chí. Ta không rời xa nó, như vậy chính là đang trên con đường đạo của Phật. Rời xa nó thì không phải là Phật đạo. Cho nên chân thật thọ tam quy sẽ có 36 vị thần hộ pháp bảo hộ. 36 vi, còn nhiều hơn năm giới. Tam quy này ta phải chân thành thọ mới được, giả không được. Đã thọ tam quy, nhưng ngày ngày vẫn làm những việc mê tà. Càng mê càng sâu, càng học càng nghiêm trọng. Như vậy ta hoàn toàn sai. Không có thần hộ pháp bảo hộ chúng ta. Có thể là những tà ma ngoại đạo đến bảo hộ mình, như vậy phiền phức rất lớn.

 Nên thiện nam tử thiện nữ nhơn, chắc chắn tam quy ngũ giới và thập thiện, họ đều đã thực hành, họ đều có thể làm được. Đây là thiện nam tử thiện nữ nhơn trong kinh nói. Nếu chúng ta hành trì được tam quy ngũ giới và thập thiện, thì hai câu này có chúng ta ở trong đó. Chúng ta cũng có phần. Nếu chúng ta không làm được, thì hai câu này không phải nói đến chúng ta, chúng ta không ở trong đó. Nên quý vị xem, thứ nhất là chư Phật hộ niệm.

 Thứ hai là *“thực chúng đức bổn”.* Phẩm trước chúng ta vừa học qua là tích công luỹ đức. Phẩm này hơi dài, chúng ta cũng đã dùng không ít thời gian. Vì sao? Bởi vì nó rất quan trọng! Nếu không tích luỹ công đức, thì không thể được chư Phật hộ niệm. Muốn được chư Phật hộ niệm thì phải trồng các công đức. Phải tu đạo đức. Muốn thật sự trồng công đức, thì nhất định phải nhập chánh định tụ.

 Đây là cái thứ ba *“Nhập chánh định tụ*”. Chú ý, nó không phải là tà định, mà là chánh định. Y theo giáo huấn của chư Phật Bồ Tát, chế tâm một chổ chính là chánh định. Tám vạn bốn ngàn pháp môn, pháp môn nào cũng được, không thể lẫn lộn lung tung. Chư vị cần phải biết, Đức Phật nói tám vạn bốn ngàn pháp môn chính là độ tám vạn bốn ngàn hạng người căn tánh bất đồng, không phải bảo ta học hết. Nếu học hết là sai lầm. Người học Phật đều biết, trong kinh thường ví đức Phật là một bậc đại y vương. Chúng sanh ví như người bệnh, bị bệnh không giống nhau. Đại y vương này là bác sĩ giỏi. Ta nên thân cận ông ta, vì ông ta có phương pháp để trị bệnh của ta. Ông ta cho chúng ta phương thuốc và chỉ cần theo phương thuốc để trị bệnh. Thuốc vào là bệnh hết, mà tuyệt đối không phải nói vị y vương mở hiệu thuốc. Tất cả thuốc trong hiệu thuốc này, ta đều đem uống hết. Như vậy chẳng những trị không lành bệnh, mà đến mạng cũng không còn. Hoàn toàn sai lầm.

 Nên nhiều kinh điển như vậy không phải có thể tuỳ tiện học. Chúng ta học pháp môn nào, thì kinh điển là thuốc, là phương thuốc. Kinh điển nào thích hợp với chúng ta. Đức Phật lúc còn tại thế không có vấn đề gì Phật không dạy. Đức Phật diệt độ, không còn ai dạy. Người xuất gia đời sau, nếu tự mình không nổ lực học tập. Học rồi, chẳng qua cũng chỉ là tư cách của một y tá mà thôi. Họ có thể cung cấp một ít để ta tham khảo, xem căn tánh như thế nào thì học phương tiện nào, ta có thể tham khảo. Nếu chỉ sai thì chẳng những học không thành công, mà còn lãng phí thời gian, lãng phí tinh lực, đến cuối cùng cũng không thể thành tựu. Như vậy thì thật đáng tiếc.

 Ai biết được căn tánh của chúng ta? Nếu tự mình không có năng lực lựa chọn, cũng không gặp được thiện tri thức. Như vậy thì thật khó. Nhưng đức Phật rất từ bi, đối với người đời sau chỉ ra một phương hướng lớn. Trong Đại Tập Kinh nói, thời kỳ chánh pháp giới luật thành tựu. Thời kỳ tượng pháp thiền định thành tựu. Thời kỳ mạt pháp tịnh độ thành tựu. Tổng thể như vậy thì không có vấn đề gì lớn.

 Thời kỳ chánh pháp là tại Ấn Độ. Phật pháp truyền đến Trung quốc là tượng pháp. Giai đoạn cuối của thời kỳ chánh pháp và bắt đầu thời kỳ tượng pháp. Nên thiền phong của Trung quốc rất hưng thịnh. Thật vậy, thiền ở Trung Quốc hưng thịnh 1000 năm, bây giờ không còn nữa. Thời kỳ mạt pháp tịnh độ thành tựu. Chiếu theo ghi chép của lịch sử Trung quốc, Đức Thế Tôn diệt độ đến nay là 3038 năm. Năm nay là 3038 năm. Phật pháp truyền đến Trung quốc đã 2000 năm, năm 670 công nguyên, năm Vĩnh Bình thứ mười đời Hán Minh Đế. Đế vương Trung quốc phái đặc sứ đến Tây Vực chính thức cung thỉnh Ma Đằng và Trúc Pháp Lan. Hai vị này là tu sĩ của Ấn Độ, mang theo tượng Phật, kinh sách đến Trung quốc. Đế vương Trung quốc tiếp nhận, xây dựng một ngôi chùa cho họ gọi là Chùa Bạch Mã. Kỷ niệm Bạch Mã đã chở tượng và kinh Phật. Người xưa nhân từ, không thể quên ân đức của con ngựa này. Kinh sách, tượng Phật đều do nó chở đến. Chùa Bạch Mã là đạo tràng đầu tiên thành lập ở Trung quốc, là năm 670 công nguyên. Đến năm 2067 là 2000 năm, còn thiếu một chút nữa là 2000 năm. Nên Phật pháp truyền đến Trung quốc là thời kỳ tượng pháp.

 Tượng pháp 1000 năm là thiền định thành tựu. Sau tượng pháp chính là thời kỳ mạt pháp. Mạt pháp một vạn năm tịnh độ thành tựu. Mạt pháp đã qua 1000 năm, chúng ta bây giờ là mạt pháp. Bắt đầu của giai đoạn ngàn năm thứ hai, năm nay là 38 năm.

 Không biết căn tánh của chính mình, thì nên tuân thủ đoạn khai thị của Đức Thế Tôn trong Kinh Đại Tập. Chúng ta lựa chọn Tịnh độ, như vậy là đúng. Căn cứ theo chỉ thị của Thế Tôn, chúng ta sanh vào thời kỳ mạt pháp nên chọn pháp môn tịnh độ, chắc chắn sẽ không sai. Bộ kinh này, bản hội tập kinh Vô Lượng Thọ, xuất hiện ở ngày nay, ở thời đại này. Kinh sách này cách chúng ta khoảng 70 năm. 70 năm trước, cư sĩ Hạ Liên Cư dùng thời gian mười năm, hoàn thành việc lớn này. Đây là một đại sự nhân duyên. Con người của 9000 năm về sau trong thời kỳ mạt pháp dựa vào điều gì? Nhất định nương vào bộ kinh này. Bộ kinh này là năm bản dịch của kinh Vô Lượng Thọ. Đem nó hợp lại biên tập thành một bản mới.

 Đọc bản kinh này đồng nghĩa với đọc được hết cả năm loại bản dịch. Đây là cuốn sách tốt nhất của Tịnh độ. Người bây giờ có phước mới gặp được. Người tu tịnh độ ngày xưa, vì năm loại bản dịch quá nhiều, khi đọc không dễ dàng lắm. Nên mọi người đều chọn tiểu bổn kinh A Di Đà. Dựa vào Sớ Sao của Liên Trì Đại sư và Yếu Giải của Ngẫu Ích đại sư, làm chổ dựa chủ yếu nhất để tu học tịnh độ tông. Sau khi bản hội tập này xuất bản, chỗ dựa thật sự đã xuất hiện. Tịnh độ đệ nhất kinh tên gọi thật phù hợp. Liền theo đó là chú giải của cư sĩ Hoàng Niệm Tổ. Có kinh, có chú giải.

 Trước đây tôi có viết cho bộ kinh này một phần khoa phán. Cư sĩ Triệu Bộc Sơ rất tán thán, bản hội tập đã thành tựu. Khoa hội đã thành tựu, chú giải đã thành tựu, thật không có gì vui bằng. Tịnh độ tông sau này hứa hẹn một sự xán lạn. Ánh sáng từ bi của Phật phổ chiếu khắp nơi.

 Chúng ta hôm nay, ngay lúc này và ở đây. Mọi người cùng nhau học tập. Nhân duyên này vô cùng thù thắng hy hữu khó gặp. Thật là trăm ngàn vạn kiếp khó gặp được. Quan trọng nhất là có nhận thức chính xác đối với bộ kinh này. Thật sự có thể lý giải nó và y giáo phụng hành, trong đời này nhất định thành tựu. Nên chánh định rất quan trọng.

 Thứ tư là phát tâm cứu tất cả chúng sanh. Đây chính là trong tứ hoằng thệ nguyện, “Chúng sanh vô biên thề nguyện độ”. *“Thượng Pháp Hoa vân thành tựu tứ pháp, đương đắc Pháp Hoa kinh”.* Điều này trong kinh Pháp Hoa nói. Nếu thành tựu bốn pháp này sẽ đạt được kinh Pháp Hoa. Cũng chính là nói, chúng ta sẽ đạt được đại kinh để một đời thành Phật. Hoa Nghiêm và Pháp Hoa cuối cùng đều quy về Tịnh độ. Tôi học Phật quy y Tịnh độ, là nhờ ba bộ kinh dẫn dắt tôi trở về tịnh độ. Thứ nhất là Hoa Nghiêm, thứ hai là Lăng Nghiêm, thứ ba là kinh Pháp Hoa.

 Trước đây tôi có giảng đại ý Kinh Pháp Hoa, 60 tiếng đồng hồ. Có lưu lại băng ghi âm nhưng không có băng ghi hình, hình như là khoảng hơn 30 năm trước. Đặc biệt là 53 lần tham học trong kinh Hoa Nghiêm, và chương Viên Thông thứ 25 trong kinh Lăng Nghiêm. Nhờ vậy mà tôi đã chân thật nhận thức được Tịnh độ, biết được Tịnh Độ vô cùng thù thắng, nên thật sự phát tâm học tập.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây thôi.

**HẾT TẬP 309**

# Tập 310

Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư
Chuyển ngữ: Hạnh Chơn
Biên tập: Bình Minh
Thời gian: ngày 01 tháng 03 năm 2011
Địa điểm: Tịnh Tông Học Viện \_Úc Châu

 Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Mời quý vị xem “Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải”, trang 363 hàng cuối cùng, bắt đầu xem từ câu thứ hai.

 *“Thượng Pháp Hoa vân, thành tựu tứ pháp, đương đắc Pháp Hoa kinh. Kim tắc Pháp Tạng đại sĩ, sở phát nhất thiết thệ nguyện tất giai viên mãn thành tựu. Cố đắc như thật an trú cụ túc trang nghiêm, oai đức quảng đại, thanh tịnh Phật độ”.*

Bốn pháp trong Kinh Pháp Hoa là từ quả mà nói đến nhân. Ví dụ này trong Phật pháp, trong truyền thống xưa đều thường thấy. Bắt đầu từ quả trước, sau đó mới nói đến nhân. Chúng ta xem ngược lai, nên học như thế nào mới được chư Phật hộ niệm? Thứ nhất điều trước tiên là phát tâm cứu tất cả chúng sanh. Nếu không phát nguyện này thì trái với tâm nguyện của chư Phật Bồ Tát. Dù các ngài muốn gia trì cũng không gia trì được.

 Câu này chính là câu thứ trong tứ hoằng thệ nguyện. “Chúng sanh vô biên thề nguyện độ”. Trước tiên cần phải phát tâm nguyện này. Bồ Tát tu hành trong vô lượng kiếp, luôn duy trì tinh thần không thối chuyển. Dựa vào điều gì? Chính là dựa vào nguyện lực, tu lục ba la mật. Đặc biệt là bố thí, nhẫn nhục. Sau khi phát nguyện cần phải đoạn phiền não, phiền não vô tận thề nguyện đoạn. Ở đây phải nhập chánh định tu, chính là đoạn phiền não. Căn bản phiền não là gì? Dục vọng quá nhiều, là căn bản phiền não. Đem dục vọng giảm đến tối đa, thâm nhập một môn huân tu lâu dài, buông bỏ tất cả. Buông bỏ tất cả pháp trong thế xuất thế gian, như vậy tâm sẽ định. Nếu tâm định thì nghiệp chướng tiêu trừ, chính là đạo lý này.

 Sau khi nghiệp chướng tiêu trừ thì phải trồng các công đức. Nghiệp chướng chưa tiêu trừ thì không tích luỹ được công đức. Như vậy thì “pháp môn vô lượng thề nguyện học” trong tứ hoằng thề nguyện, thực sự là có thứ lớp. Vì sao học pháp môn? Vì phổ độ chúng sanh. Trên thực tế nhập chánh định tụ. Trong kinh Bát Nhã nói là căn bản trí. Trồng các công đức chính là bồi đắp hậu đắc trí, “vô sở bất tri”. Như thế mới có thể ứng đối với nhiều loại căn cơ khác nhau, phổ độ chúng sanh. Như vậy sẽ được chư Phật hộ niệm. Nên thật sự được chư Phật hộ niệm. Không có tâm cứu độ tất cả chúng sanh, nghĩa là tâm đại từ đại bi, như vậy sẽ không tương ưng với Chư Phật. Tâm nguyện duy nhất của Chư Phật chính là tất cả đều thành Phật. Quý vị nghĩ xem đây không phải là tâm đại từ bi sao! Nên có thể đạt được nhất thừa đại pháp, là pháp thành Phật trong một đời. Được kinh Vô Lượng Thọ lại càng thù thắng, thù thắng không gì sánh bằng.

 Đức Phật A Di Đà thị hiện làm gương cho chúng ta. “Kim tắc” chính là hiện tại, hiện tại Pháp Tạng đại sĩ phát tất cả thệ nguyện. Đây chính là phẩm thứ sáu, chúng ta đã học qua 48 nguyện. 48 nguyện, mỗi nguyện đều viên mãn “tất giai viên mãn thành tựu”. Cho nên được, bên dưới quả báo liền hiện tiền. Đạt được “như thật an trú”. Ở đây quan trọng nhất là thật, chân thật không phải giả. Nhất định không như mười pháp giới, lục đạo, nó không thực tại. Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng. Lục đạo,mười pháp giới làm gì có an trú? Đều là trú tạm thời. Chúng ta thường nói, chổ ở không cố định lưu lạc khắp nơi. Con người ở trong lục đạo, không phải lưu lạc khắp nơi đó sao?

 Ở trong tứ thánh pháp giới tốt hơn một chút, nhưng vẫn không gọi là an ổn, không được. Cõi thật báo trang nghiêm mới gọi là an trú, đây mới gọi là an ổn. Vì sao? Vì thế giới này vĩnh hằng bất biến. Chú giải bên dưới giới thiệu cho chúng ta rất tường tận. Đầy đủ trang nghiêm, hoàn toàn là tánh đức. Tánh đức tự nhiên hiển lộ. Chánh báo đầy đủ trang nghiêm. Y báo là cõi Phật thanh tịnh, là thế giới Cực Lạc. Bên dưới nói rất rõ ràng tỷ mỷ.

 *“Như thật an trú”,* trước là nói về “thật”. Chân thật, cũng tức là thật tướng. Chân như và pháp thân. *“Như thật an trú, tức như thật nhi an trú ư thử chân thật chi tế”.* Trong kinh Vô Lượng Thọ nói ba loại chân thật. An trú trong tự tánh. Thật tướng chính là chân tướng. Pháp thế gian: mười pháp giới đều gọi là pháp thế gian. Tất cả hiện tượng trong mười pháp giới, đều không chân thật. Đối với chân thật đạo Phật có định nghĩa. Chân thật là gì? Tiêu chuẩn của chân thật là gì? Trong đại thừa giáo nói là vĩnh hằng bất biến. Đó gọi là chân thật. Phàm những gì có biến hoá đều không phải là chân thật.

 Chúng ta quan sát tỷ mỷ xem thế gian này của chúng ta có chân thật chăng? Động vật, con người là động vật. Động vật có sanh lão bệnh tử, nên nó biến hoá. Chỉ cần có biến hoá, có sanh diệt là không phải chân thật. Thực vật có sanh trụ dị diệt, cũng không phải là chân thật. Khoáng vật bao gồm tinh cầu, tinh hệ. Hiện nay các nhà khoa học đều đã chứng minh rằng nó có thành trụ hoại không. Điều này không phù hợp định nghĩa của chân thật. Nên Đức Phật dạy, phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng. Các nhà khoa học lượng tử thời cận đại nói càng rỏ ràng, càng tường tận. Nói đến điều gì? Hiện tượng vật chất. Vật chất nhỏ nhất. Trong kinh Phật nói đến vi trần. Vi trần mắt thịt chúng ta nhìn không thấy được, nhưng a la hán có thể nhìn thấy. Nhưng vật chất còn nhỏ hơn vi trần, A la hán cũng không nhìn thấy. A la hán chỉ có thể nhìn thấy vi trần. Vật nhỏ hơn cả vi trần gọi là “sắc tụ cực vi”. Cái này A la hán không nhìn thấy, nhưng Bồ Tát có thể nhìn thấy. Nhỏ hơn cả “sắc tụ cực vi”, còn có “cực vi chi vi”. Vật này quyền giáo Bồ Tát không nhìn thấy, nghĩa là chư Phật, Bồ Tát trong mười pháp giới đều không nhìn thấy. Vậy ai có thể nhìn thấy? Pháp thân Bồ Tát có thể nhìn thấy. Trong kinh điển đại thừa nói, “cực vi chi vi” bát địa Bồ Tát mới có thể nhìn thấy. Đây phần nhiều nói về biệt giáo. Biệt giáo bát địa chính là viên giáo bát trụ. Trong thập trụ Bồ Tát, phải đến trụ thứ tám họ mới có thể nhìn thấy được. Không có gì nhỏ hơn vật này được nữa. “Cực vi chi vi” này cũng gọi là “lân hư trần”, không còn vật nào nhỏ hơn nữa.

 Hiện nay các nhà khoa học lượng tử nhìn thấy. Họ dùng máy móc nhìn thấy, nhìn thấy vật chất nhỏ nhất gọi là lượng tử, cũng gọi là tiểu quang tử. Khi tồn tại vô cùng ngắn ngủi, nhưng tần suất chấn động rất cao. Có hiện tượng vật chất, phát hiện hiện tượng vật chất là giả. Căn bản vật chất không tồn tại. Bây giờ chúng ta cảm giác được có hiện tượng vật chất tồn tại, như vậy là sao? Là ý niệm ở đó, khiến những hạt cực kỳ vi tế này tụ tập lại một chổ, sanh ra một loại huyễn tướng, và chúng ta gọi nó là vật chất. Nên vật chất chính là do ý niệm tích luỹ liên tục thành một huyễn tướng, thực sự là sanh diệt trong từng sát na. Giống như chúng ta xem ti vi thấy hình ảnh trên màn hình vậy.

 Động tác trong hình ảnh này có nhanh có chậm. Như vậy là sao? Các nhà khoa học giải thích là do tần suất không tương đồng. Tần suất chậm thì biến thành thể cứng, là vật kiến cố. Tần suất nhanh thì biến thành chất lỏng, một loại giống như nước vậy. Da trên cơ thể chúng ta cũng châm hơn, nhanh hơn thì biến thành sóng điện từ. Tình hình chính là như vậy. Nhưng chúng ta thấy lại đa hình đa dạng, hoàn toàn là tần suất không tương đồng, khiến chúng ta sanh ra ảo giác. Đây là chân tướng vật chất cần phải hiểu rõ ràng.

 Vật chất là tinh thần tích luỹ. Hay nói cách khác, cơ sở của vật chất là tinh thần. Hiện tượng tinh thần biến hiện ra hiện tượng vật chất. Hiện tượng tinh thần từ đâu đến? Hiện tượng này hiện nay còn chưa có đáp án xác định. Hiện nay các nhà khoa học nói, hiện tượng tinh thần là bịa đặt. Chúng ta nghe câu này thấy họ không nói sai. Tuy họ không nói rõ ràng nhưng không thể nói họ sai. Trong Phật pháp hiện tượng tinh thần từ đâu mà có? Từ trong tự tánh biến hiện ra. Muôn sự muôn vật đều lấy tự tánh làm bản thể, là tự tánh thanh tịnh viên minh thể.

 Một niệm bất giác thì từ trong tự tánh biến hiện ra A lại da. A lại da là do tự tánh biến, nên không có tự tánh thì không có A lại da. Trong Kinh Phật ví dụ, ví như hình và bóng. Chúng ta đứng dưới ánh mặt trời sẽ có cái bóng. Bóng đó là A lại da. Con người ví như tự tánh, nên A lại da là giả, nhưng nó không rời chân. Không có hình người thì làm gì có bóng! Mười pháp giới y chánh trang nghiêm là từ A lại da biến hiện ra. A lại da là năng biến, nhưng pháp tướng của mười pháp giới y chánh trang nghiêm đích thực là tự tánh. Do thể của tự tánh biến hiện ra.

 Tự tánh năng hiện năng sanh, nên nó không thay đổi, còn A lại da thay đổi. Tự tánh hiện chính là nhất chân pháp giới, chính là cõi thật báo. Nên chư Phật Như Lai và cõi thật báo hoàn toàn tương đồng, không phải hai. Thân pháp tánh và cõi pháp tánh là vĩnh hằng bất biến. Người trong cõi thật báo không có sanh lão bệnh tử, cây cỏ hoa lá không có sanh trụ dị diệt, không có. Sơn hà đại địa không có thành trụ hoại không, nên gọi nó là nhất chân. Nó với thế giới chúng ta không giống nhau. Pháp Tạng Bồ Tát chiêu cảm được cõi Phật là cõi pháp tánh, thật hiếm có. Tứ độ của ngài đều là cõi pháp tánh. Đây là thệ nguyện không thể nghĩ bàn đã thành tựu viên mãn. Khắp biến pháp giới hư không giới chỉ có tịnh độ của Phật có, còn các cõi Phật khác đều không có. Nên đức Phật được gọi là *“quang trung cực tôn, Phật trung chi vương”.* Thật tướng chính là chân như, cũng gọi là pháp thân, hoặc gọi là thân pháp tánh.

 *“Như thật an trú tức như thật nhi an trú ư thử chân thật chi tế”.* Trong đây nói rất rõ ràng. Tánh tướng nhất như, lý sự bất nhị. Các ngài ở trong thật tướng chân như. Như vậy xin hỏi, chúng ta có ở trong đó hay không? Nói thật thì chúng ta có. Nhưng vì sao chúng ta lại ra nông nỗi này. Chúng ta đều ở trong thật tướng chân như, nhưng không biết. Đích thực là ở trong chân như thật tướng, nhưng ta hoàn toàn không biết. Thật ư? Hoàn toàn là sự thật. Chỉ cần ta có thể buông bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì ở đây chính là chân như thật tướng. Tai hại là do đâu? Do có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Nghĩa là có khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước, khiến chân như thật tướng biến chất. Biến thành mười pháp giới, biến thành lục đạo, biến thành tam đồ. Đều là do ý niệm của chính mình biến hiện ra, hoàn toàn không liên quan đến người khác.

 Nếu ta ở trong hoàn cảnh này không vừa ý, còn oán trời trách người, như vậy thì tội chồng chất thêm tội. Vì sao? Không ai làm phiền chúng ta. Hoàn toàn là do tâm và thái độ của chính mình biến hiện ra. Do ta mê, không giác. Cảnh giới bên ngoài có ảnh hưởng ta chăng? Nói thật thì không có ảnh hưởng. Nếu cứ cho rằng tôi bị nó ảnh hưởng, tại sao chư Phật Bồ Tát không bị nó ảnh hưởng? Chư Phật Bồ Tát không khởi tâm không động niệm, không phân biệt không chấp trước, nên không bị ảnh hưởng. Vì thế các ngài ở trong nhất chân pháp giới. Tự chúng ta khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước, đều là tự mình làm ra. Vốn là nhất chân, đều là quốc độ của Chư Phật, cũng là quốc độ của chính mình. Mình và người không phải hai.

 Vì sao phải chấp trước? Vì ta có chấp trước, nên mới có lục đạo luân hồi. Nếu không chấp trước thì lục đạo luân hồi cũng không còn. Làm gì có lục đạo luân hồi? Thử hỏi các vị A la hán, Bích chi Phật có luân hồi lục đạo hay không? Họ sẽ nói với chúng ta không nhìn thấy. Vì sao? Bởi họ không có chấp trước, kiến tư phiền não đã đoạn tận. Ngày nay chúng ta có kiến tư phiền não. Kiến tư phiền não biến hiện ra luân hồi lục đạo. Phiền não của chính mình là tự mình biến hiện. Tự mình biến ra quả báo thì tự mình chịu, gọi là tự tác tự thọ, không liên quan đến bất cứ ai. Chư Phật Bồ Tát đại từ đại bi đã nhắc nhở chúng ta, nếu ta thật sự giác ngộ, minh bạch. Buông bỏ kiến tư phiền não thì lục đạo cũng không còn. Buông bỏ trần sa phiền não, thì Thanh văn, Duyên giác cũng không còn. Buông bỏ khởi tâm động niệm thì mười pháp giới không còn.

 Thanh tịnh Phật độ, trang nghiêm cụ túc sẽ hiện tiền ngay đây. Hoàn toàn đều là việc của chính mình. Ân đức của chư Phật Bồ Tát là lớn nhất, chính là nhắc nhở chúng ta. Chúng ta không hiểu rỏ chân tướng sự thật, cho rằng chân tướng sự thật là thật có, nên ở trong này chịu khổ chịu nạn. Đâu ngờ hoàn toàn là giả. Nguồn gốc chân thật chính là bản tánh chân như. Nó năng sanh năng hiện. Trong triết học nói, nó là bản thể của muôn sự muôn vật trong vũ trụ, đều là từ nó hiện ra. Tất cả hiện tượng mà nó hiện ra chính là tự tánh, tánh và tướng không hai. Cổ nhân dùng vàng và trang sức làm ví dụ. Đem vàng ròng ví với chân thật và bản tánh chân như. Đem trang sức ví với pháp tướng. Ngài Huệ Năng nói năng sanh vạn pháp. Vạn pháp là pháp tướng. Như vậy pháp tánh ở đâu? Pháp tánh và pháp tướng là một thể. Pháp tánh chính là pháp tướng, pháp tướng chính là pháp tánh.

 Dùng vàng ròng làm thành một vòng tay, vòng tay là tướng. Làm một chiếc nhẫn cũng là tướng, làm một sợi dây chuyền cũng là tướng. Tướng không giống nhau nhưng tánh giống nhau, toàn bộ đều làm bằng vàng ròng. Nên mười pháp giới y chánh trang nghiêm không giống nhau. Tướng không giống nhau nhưng tánh là một. Bản tánh chân như là một tánh. Nên biến pháp giới hư không giới với chúng ta có quan hệ như thế nào? Nhất thể, là một tánh thể. Nhận thức này thật không dễ! Con người thời nay đến cha mẹ cũng coi như không quen biết, còn cãi nhau với cha mẹ, còn chia nhà với cha mẹ. Như vậy thì thành ra thể thống gì.

 Người xưa nói về hiếu đạo. Quý vị xem chữ hiếu có nghĩa là gì? Chữ hiếu là hội ý, khiến ta nhìn thấy chữ này sẽ hiểu, đời trước và đời sau là một thể. Chữ hiếu ở trên có chữ lão, ở dưới có chữ tử. Lão là đời trước, tử là đời sau. Cả hai trở thành một thể. Điều này nhà Phật nói, quan hệ của pháp tánh và pháp tướng. Pháp tánh là lão, pháp tướng là tử. Là một thể, là một không phải hai. Đây mới là chân tướng sự thật. Chư Phật Bồ Tát thương yêu tất cả chúng sanh, chính là yêu thương tự thể.

 Chúng sanh mê hoặc điên đảo, nên họ không biết chân tướng sự thật. Họ chỉ biết chính mình và làm tổn thương người khác. Đây là kẻ đại nghịch, là sai lầm lớn. Thân thể của mõi người chúng ta, ngũ quan bên ngoài có nhãn nhĩ tỷ thiệt thân, bên trong có lục phủ ngũ tạng. Nó là nhất thể, là một thể. Không thể nói mắt là lớn nhất, mọi bộ phận khác đều phải nghe nó. Không có như vậy, tất cả đều bình đẳng. Chỗ nào có phiền phức, có khuyết điểm, thì tất cả bộ phận khác đều có phần. Đều được lo lắng, đều được quan tâm, nhưng nhất định phải hợp tác. Vì sao? Vì tất cả đều là nhất thể. Bất cứ chỗ nào trên thân thể có đau bệnh, toàn thân đều cảm nhận được. Nhất định phải trị lành chỗ đau bệnh đó, thì những chỗ khác mới được an.

 Nếu mỗi khí quản đều bình thường, mỗi tế bào đều bình thường, thì thân thể người đó mạnh khoẻ. Bộ phận nào không mạnh khoẻ, tê liệt, thì chỗ đó sanh bệnh. Nên lục đạo, mười pháp giới là trạng thái của bệnh, là không bình thường. Là mê hoặc điên đảo tạo thành. Nên chư Phật Bồ Tát đến giúp chúng ta, đó không phải là điều nên làm sao? Mê thất tự tánh, không biết là nhất thể, nhưng người tự tánh giác ngộ biết là nhất thể. Biết là nhất thể, thì tự nhiên toàn tâm toàn lực quan tâm chúng ta. Nhưng đối với người mê hoặc điên đảo, quan tâm họ không những không cảm ân mà còn bài xích, sợ chúng ta hại họ. Đây là hai cảnh giới mê ngộ hoàn toàn không giống nhau.

 Ngày nay chúng ta thật không dể mới từ mê đi đến giác ngộ. Nhân duyên này trăm ngàn vạn kiếp khó tao ngộ, nổ lực thêm một chút để bước ra thì nhất định sẽ thành Phật. Vĩnh viễn không còn mê hoặc, vĩnh viễn không thoái chuyển. Đây chính là như thật an trú.

 *“Giản ngôn chi tức an trú chi pháp chi thật tướng. Thật tướng giả, chánh bổn kinh chi thể dã”.* Thật tướng là gì? Chân như tự tánh. Đề kinh Vô Lượng Thọ, kinh Vô Lượng Thọ từ đâu mà có? Đức Phật nói. Đức Phật căn cứ điều gì để nói? Đức Phật căn cứ vào thật tướng chân như để nói, vì Đức Phật đã chứng được chân như thật tướng, nên ngài có thể nói ra được. Chân như thật tướng là thể của tất cả kinh điển đại thừa. Tất cả kinh điển đại thừa đều từ chân như thật tướng hiển lộ ra, không giống với kinh điển tiểu thừa. Kinh điển tiểu thừa là từ A lại da hiển lộ ra. Tất cả đều từ thiện tâm sở của A lại da hiển lộ ra. Trong lục đạo có không ít chúng sanh, thật là mê hoặc điên đảo tuỳ nghiệp lưu chuyển. Đó đều là từ trong phiền não tâm sở của A lại da phát xuất ra.

 Sáu căn bản phiền não, 20 tuỳ phiền não, triển khai thành tám vạn bốn ngàn phiền não, vô lượng vô biên phiền não. Cuối cùng quy nạp thành ba loại là tham, sân, si gọi là tam độc. Tam độc còn có thể quy nạp, quy nạp thành một cái chính là tham. Vì sao có sân nhuế? Tham không được mới sân, còn tham được thì hoan hỷ. Nên căn bản chỉ có một chữ, đó là tham. Quý vị thấy, tham đáng sợ biết bao!

Trên hội Lăng Nghiêm Đức Thế Tôn dạy rằng: tham sân si chiêu cảm tam tai, gọi là đại tam tai. Tham lam chiêu cảm thuỷ tai, sân nhuế chiêu cảm hoả tai, ngu si chiêu cảm phong tai. Đây là ba thiên tai lớn, điều này chúng ta không thể không biết.

 *“Hựu thật tướng tức chân như, cố như thật tức thị như như. Như thật an trú tức Kim Cang kinh chi như như bất động dã”.* Như như bất động, ý nghĩa này rất thâm sâu. Không phải nói là bất động thông thường, không phải ý này. Là nói điều gì? Là nói tâm bất động, ý niệm bất động. Khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước đều buông bỏ hết. Đó gọi là như như, đó gọi là bất động. Chúng sanh có cảm, ngài tự nhiên liền có ứng. Khi ứng thì có động, khi ứng thì hiện thân thuyết pháp. Đức Thế Tôn ứng hoá trên địa cầu này của chúng ta. 3000 năm trước ngài thị hiện cho chúng ta thấy. Ngài trụ thế 80 năm, người xưa gọi là hư tuế\_tuổi mụ, 80 năm. Suốt 80 năm có ngày nào ngài bất động. Hàng ngày đều động, trong cuộc sống hằng ngày giáo hoá, khất thực, giải đáp mọi vấn đề khó khăn trong cuộc sống cho tất cả mọi người. Mỗi ngày có bao nhiêu người đến tìm ngài xin thỉnh giáo. Đức Phật từ bi, người đến không cự tuyệt, người đi không lưu giữ.

 Đức Phật đến thế gian này không vì mục đích gì khác, chính là giúp chúng sanh lìa khổ được vui. Phương pháp ngài sư dụng chính là phá mê khai ngộ. Nên thân hành, thân đang động. Ngôn giáo, miệng đã nói. Làm sao có chuyện bất động? Nhưng thật ra ngài thật sự bất động. Chúng ta nhìn thấy ngài động, nhưng trên thực tế ngài bất động. Ngài như như bất động. Nên trong kinh Bát Nhã Đức Thế Tôn từng nói, suốt cuộc đời thuyết pháp độ sanh ngài chưa từng nói một chữ nào. Nếu có người nói Đức Thế Tôn thuyết pháp, đó gọi là huỷ báng Phật. Ngài phủ định tất cả.

 Ngài rõ ràng là có động, nhưng sao lại nói bất động? Ngài thật sự bất động. Ngài không khởi tâm không động niệm. Ngài thị hiện điều gì? Suốt một đời độ sanh ngài không nói một chữ. Chúng ta nói chuyện là thông qua suy xét, là có nói. Ngài nói chuyện không thông qua suy nghĩ, không thông qua khởi tâm động niệm, hoàn toàn là cảm ứng. Chúng sanh có cảm tự nhiên liền có ứng. Điều này trong kinh Phật có ví dụ. Chẳng hạn như đánh chuông, đánh to thì kêu to, đánh nhỏ thì kêu nhỏ, không đánh thì không kêu. Khi đánh chuông, chuông ngân. Đáp trả là tiếng chuông ngân.

 Chuông đó có ý thức chăng? Bạn đánh mạnh thì tôi kêu to. Nó có nghĩ như vậy không? Không có. Cho nên gọi là nói mà không nói, không nói mà nói. Hành mà không hành, không hành mà hành. Ý nghĩa này quá thâm sâu. Chỉ có pháp thân Bồ Tát mới biết, người thường không thể biết được. Chúng ta thường nhìn thấy trong kinh điển đại thừa “na già thường tại định, vô hữu bất định thời’. Định đó chính là như như bất động. Na già là ví dụ, na già là gì? Rồng, voi. Rồng chúng ta chưa từng thấy, nhưng voi thì đã thấy. Chúng ta quan sát con voi tỷ mỷ sẽ thấy thái độ của nó. Đứng, đi, hay quỳ đều giống như đang ở trong định vậy. Không hoang mang, mà rất từ từ, giống như trong định vậy.

 Dùng điều này để ví dụ là đi đứng nằm ngồi đều ở trong định. Hay nói cách khác, đi đứng ngồi nằm đều như như bất động. Điều này phàm phu chúng ta nhìn không thấy được. Sự thật đúng là như vậy. Tâm của ngài thanh tịnh, không có chút nhiễm ô nào, không có ý niệm nào. Có ý niệm là có nhiễm ô. Có nhiễm ô là có hiện tượng dao động, như vậy là nó đã động. Không có nhiễm ô thì làm gì có hiện tượng dao động. Nên các ngài ứng hoá trong mười pháp giới, toàn bộ đều là cảm ứng. Pháp nhĩ như thị.

 Chúng ta với ngài cùng nhau nói cười. Ngài dạy chúng ta, nhưng thật ra ngài bất động. Nói cho chúng ta nghe rất nhiều, nhưng nói mà không nói. Làm cho chúng ta rất nhiều việc, nhưng không làm mà làm, làm mà không làm. Như vậy gọi là được đại tự tại, gọi là chân giải thoát. Nó rất lợi ích, không phải là không lợi ích. Tác dụng rất lớn, lớn đến nỗi chúng ta không có cách nào tưởng tượng được. Chỉ có thể dùng bất khả tư nghì để hình dung nó.

 Như như bất động không phải cảnh giới của phàm phu. A la hán cũng được ít phần. Có một chút như vậy chứ không phải thật. Bồ Tát là đạt được đa phần. Minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật. Mới chứng được như như bất động. Ở thế giới Cực Lạc, phàm là người vãng sanh đều nhập cảnh giới này. Đới nghiệp vãng sanh, nhất phẩm phiền não chưa đoạn tận cũng không thành vấn đề. Đến thế giới Cực Lạc, được oai thần bổn nguyện của 48 nguyện của Phật A Di Đà gia trì, thì chúng ta sẽ đạt được. Vì chúng ta mỗi ngày đều ngồi trong giảng đường của Đức Phật A Di Đà nghe kinh, nghe ngài thuyết pháp. Đồng thời có thể hoá vô lượng vô biên thân, đến mười phương thế giới cúng dường Phật để tu phước. Nghe Phật thuyết pháp để khai mở trí tuệ. Còn tự thân này lại không rời xa Phật A Di Đà, ở ngay trước mặt Phật A Di Đà. Còn vô lượng phân thân đi khắp mười phương thế giới. Như như bất động, tu phước tu huệ. Có đâu giống như chúng ta ở đây, tu một chút phước chút huệ đã rất khó khăn. Thế giới tây phương Cực Lạc tu vô lượng vô biên đại phước đại huệ, không lao lực mà vẫn bất động.

 Nếu ta thật sự hiểu rõ thế giới này, ta có thể không đi sao? Nên đi thật nhanh, càng sớm càng tốt. Hà tất cứ ở thế giới này chịu khổ? Tâm cầu sanh thế giới Cực Lạc không khẩn thiết, nguyên nhân là đối với thế giới Cực Lạc không nhận thức, không hiểu rỏ. Thật sự nhận thức thấu suốt rồi, ta sẽ muốn đi thật nhanh. Nhận thức rỏ ràng minh bạch, còn muốn ở lại thế giới này thêm vài ngày. Đó là vì sao? Nhất định là còn một vài người có duyện, cần phải giúp đỡ những người có duyên này, dẫn họ cùng đi. Nếu thế gian này không còn duyên. Không có duyên khi ta thị hiện để diễn giảng, họ không thích nghe, không thích thấy, mà ghét ta. Nếu vậy là ta đã hết duyên với thế giới này, không có duyên thì nên đi sớm.

 Nơi nào có duyên thì đi đến nơi đó, không có duyên thì ra đi. Chỉ cần khiến cho tất cả chúng sanh sanh tâm hoan hỷ. Những người này đều chưa giác ngộ, đang mê đắm tham luyến trong thất tình ngũ dục. Mê đắm tham luyến trong tham sân si mạn. Không tỉnh lại mà cứ tuỳ theo nó. Họ không thích Phật Bồ Tát, ghét chư Phật Bồ Tát, thì chư Phật Bồ Tát sẽ không đến, Chư Phật Bồ Tát sẽ rời xa. Đến khi nào chịu khổ chịu nạn đã đủ, không muốn chịu nữa. Chỉ nghĩ đến Phật Bồ Tát thì Phật Bồ Tát sẽ đến. Trong đạo Phật có cầu tất có ứng, nên các ngài sẽ đến ngay. Khi ta cầu ngài tức là có cảm, Chư Phật Bồ Tát liền có ứng.

 Người đời thường hay oán hận, oan oan tương báo. Chư Phật Bồ Tát không có ý niệm này. Để thù hận trong tâm, thì tâm không thanh tịnh. Tâm của chư Phật Bồ Tát không nhiễm chút bụi trần, không có ân oán. Vì sao không có ân oán? Vì là một thể. Nhưng vì giáo hoá chúng sanh, nên Phật Bồ Tát thị hiện, nhất định là phô bày sự báo ân cho chúng sanh thấy. Cũng phô bày cho chúng ta thấy là các ngài không nghĩ đến oán hận. Dùng phương pháp này để dạy cho hàng sơ học, dạy chúng sanh trong lục đạo. Họ không ra khỏi lục đạo, không phải chư Phật Bồ Tát không có năng lực, là chính mình không muốn. Có thể ra khỏi lục đạo hay không, có thể vãng sanh, có thể thành Phật hay không hoàn toàn do chính mình. Nếu ta thật có tâm này, thật có nguyện này, thì các ngài sẽ giúp ta. Các ngài sẽ đem đạo lý này giảng cho chúng ta nghe, đem phương pháp dạy cho ta. Ta chỉ cần y theo phương pháp làm là được. Các ngài không thể thay ta làm. Chúng ta có khổ, các ngài không thể thay ta chịu khổ. Nếu ta an vui, các ngài cũng không thể thay ta chia sẽ. Đây đều là chân tướng sự thật chẳng thể không biết.

 *“Hựu thật tướng tức pháp thân. Vãng sanh luận viết hựu hướng thuyết, quan sát trang nghiêm Phật độ công đức thành tựu. Trang nghiêm Phật công đức thành tựu. trang nghiêm Bồ Tát công đức thành tựu. Thử tam chủng thành tựu nguyện tâm trang nghiêm, ưng tri. Lược thuyết, nhập nhất pháp cú cố. Nhất pháp cú giả, vị thanh tịnh cú. Thanh tịnh cú giả, vị chân thật trí tuệ vô vi pháp thân cố”.*

 Đây là một đoạn văn trong Vãng Sanh Luận. Hướng thuyết, không phải là mới nói. Trước đây nói qua rất nhiều lần. Những điều nói trong thời gian qua là quan sát trang nghiêm Phật độ công đức thành tựu. Câu này là nói thế giới Cực Lạc.

 Quý vị xem, trang nghiêm của thế giới Cực Lạc. làm thế nào thành tựu được sự trang nghiêm này? Ở trước chúng ta học qua, Pháp Tạng Bồ Tát thành tựu 48 nguyện, vô cùng thù thắng trang nghiêm. Vì sao Phật A Di Đà kiến lập thế giới Cực Lạc? Không phải để ngài hưởng thụ. Tự mình hưởng thụ ở thường tịch quang, nhưng không có bất cứ hình tướng nào. Thế giới Cực Lạc có hình tướng, nhưng nó không có biến hoá. Nên pháp giới này gọi là nhất chân, không giống mười pháp giới. Mười pháp giới là hư vọng. Thế giới Cực lạc gọi là nhất chân, chân thật duy nhất, từ tự tánh sở sanh sở hiện. Trong này không có A lại da. Nên người vãng sanh có đới nghiệp. Đới nghiệp chính là có A lại da, nhưng đến thế giới tây phương Cực Lạc nó không khởi tác dụng. Thời gian qua lâu tự nhiên nó sẽ bị đào thải, không khởi tác dụng. Trải qua thời gian lâu dài tự nhiên không còn nữa. Chúng ta nói là tập khí vô thỉ vô minh tự nhiên bị đào thải.

 Ở thế giới Cực Lạc dùng phương pháp gì? Dạy học. Phật A Di Đà mỗi ngày đều dạy học không gián đoạn. Đến đó là học tập mãi mãi. Đức Phật giảng kinh thuyết pháp, ta thật sự nghe hiểu, thật sự có chỗ ngộ, nên vĩnh viễn nghe không chán. Thật sự gọi là dạy không mệt học không chán. Trong quá trình học tập, ngày ngày đều có chỗ ngộ. Tích tập tiểu ngộ sẽ thành đại ngộ, tích tập đại ngộ sẽ thành đại triệt đại ngộ. Trước khi chưa đại triệt đại ngộ, thật phải nhờ bổn nguyện của Phật A Di Đà gia trì. Khiến ta lấy thân chưa đoạn tận phiền não, là thân đới nghiệp vãng sanh, hưởng thụ sự tiếp đón như A Duy Việt Trí Bồ Tát. Điều này mười phương thế giới không có, chỉ có ở thế giới tây phương Cực Lạc. Nên nói người vừa vãng sanh đều làm A Duy Việt Trí Bồ Tát.

 A Duy Việt Trí Bồ Tát, là Bồ Tát trong cõi thật báo, cõi thật báo trang nghiêm. Cũng chính là pháp thân Bồ Tát. Cõi đồng cư và cõi phương tiện chưa chứng pháp thân, nhưng đến thế giới tây phương Cực Lạc có sự tiếp đón giống như pháp thân Bồ Tát. Trí tuệ, thần thông, đạo lực và năng lực nghe kinh tiếp thu giáo huấn, đều giống như pháp thân Bồ Tát vậy.

Vì sao gọi là Cực Lạc? Vì hoan hỷ. Chẳng có ngày nào là không hoan hỷ, ngày ngày đều đang tiến bộ. Không có lúc nào không hoan hỷ, nên gọi là thế giới Cực Lạc. Hoan hỷ này là từ trong tự tánh hiển lộ ra. Hoan hỷ không phải vì hưởng thụ được vật chất bên ngoài, không phải. Là giác ngộ từ bên trong. Chúng ta ở đây và thế giới Cực Lạc làm sao có thể so sánh được.

 Tu hành ở thế gian này, bản lĩnh thật sự chính là buông xả. Mỗi ngày buông một chút, mỗi ngày buông một chút, thật sự hoan hỷ. Người thế gian mỗi ngày muốn được một ít, mỗi ngày muốn được nhiều hơn một chút. Được càng nhiều thì phiền não càng nhiều. Khi không được thì muốn cho được, được rồi thì sợ mất đi. Tâm suy tính thiệt hơn vĩnh viễn không buông bỏ được, nên cuộc sống của họ là khổ, khổ nó đã đến như vậy.

 Niềm vui của Bồ Tát là gì? Niềm vui của Bồ Tát là có chỗ ngộ. Các ngài đã buông bỏ, càng buông bỏ càng nhẹ nhàng, càng buông bỏ càng thanh tịnh, càng buông bỏ càng hoan hỷ. *“*Học nhi thời tập chi, bất diệc thuyết hồ”. Khổng Tử đã nói như vậy. Chư Phật Bồ Tát đều hiểu được, niềm an vui đệ nhất trong thế xuất thế gian là gì? Dạy học. Dạy an vui, học cũng an vui. Đây là thật an vui chứ không phải giả, nó hoàn toàn tương ưng với tánh đức.

 Câu thứ hai là trang nghiêm Phật công đức thành tựu. Câu thứ ba là trang nghiêm Bồ Tát công đức thành tựu. Quý vị xem, cõi Phật đó là nhà trường, là đạo tràng, là môi trường học tập của chúng ta, Đức Phật là thầy giáo. Ở thế giới Cực Lạc, thầy giáo là Phật A Di Đà. Ở thế giới giới Cực lạc, hàng ngày chúng ta được gặp Phật A Di Đà. Thế giới lớn như vậy, người nhiều như vậy, Đức Phật A Di Đà làm sao có thể gặp chúng ta mỗi ngày? Đức Phật A Di Đà ứng hoá vô lượng vô biên thân. Đích thực mỗi ngày ta đều có thể gặp ngài. Ở trong cõi đồng cư nhìn thấy Phật A Di Đà chính là hoá thân của ngài. Ở trong cõi phương tiện nhìn thấy Phật A Di Đà chính là ứng thân của ngài. Ở trong cõi thật báo nhìn thấy Phật A Di Đà là báo thân của ngài. Mỗi ngày đều gặp mặt, từng giờ từng phút đều không xa rời. Không rời xa đồng thời lại có thể thân cận tất cả mười phương chư Phật.

 Vì sao? Phật A Di Đà có ứng hoá thân, chúng ta cũng có hoá thân. Chúng ta cũng có vô lượng vô biên hoá thân, hoá thân này thật có tác dụng. Giống như thật vậy không có gì sai khác. Không phải như nhà ảo thuật biến ra hoá thân, như vậy thân đó không thể làm việc. Hoá thân của Phật Bồ Tát có thể làm việc. Có thể ứng hoá đến mười phương thế giới, giúp chư Phật giáo hoá chúng sanh. Họ đều làm được hết, đều có bản lĩnh này.

 Bồ Tát, chính là học sinh, là người vãng sanh đến thế giới Cực Lạc cầu học. Thế giới Cực Lạc chỉ đơn thuần như vậy, vô cùng thanh tịnh trang nghiêm. Ở đây chỉ có hai hạng người. Một là thầy giáo, một là học sinh. Không nghe nói có quốc vương, không nghe nói có tổ chức chính trị, không có. Cũng không nghe nói có sĩ nông công thương, các nghành các nghề, thế giới Cực Lạc hoàn toàn không có. Thế giới Cực Lạc giống như một thành phố đại học. Ở đó không thiếu gì cả nhưng cái gì cũng không có. Thật kỳ lạ.

 Phòng ở của mỗi vị Bồ Tát. Nói phòng ở mọi người sẽ dễ hiểu, đều là biến hoá làm ra. Trong phòng sạch sẽ không nhiễm chút bụi trần, không có dụng cụ nào cả. Khi muốn thứ gì thì nó liền hiện tiền, không muốn thì nó biến mất. Tự tại biết bao! Ví dụ như chúng ta đột nhiên nghĩ đến Đại Tạng Kinh, Đại Tạng Kinh liền có ở trên giá sách, khi không nghĩ đến thì nó biến mất. Chúng ta nghĩ Trung quốc có một bộ sách hay là Tứ Khố Toàn Thư, thì sách Tứ Khố Toàn Thư để ngay ở đó. Tất cả pháp đều ứng theo ý niệm mà sanh ra. Ta nghĩ thì nó liền có, liền hiện tiền. không nghĩ thì nó không có, cũng không cần thu dọn. Muốn ăn thức ăn như Hoàng đế. Hoàng đế ăn cơm là 100 món thức ăn. Chỉ cần ta vừa động niệm thì 100 món thức ăn liền hiện tiền, khi không muốn ăn thì nó tự nhiên biến mất. Không cần nhà bếp, không cần người nấu nướng. Đây là gì? Là oai thần 48 nguyện của Phật A Di Đà thành tựu. Thế giới này thật sự được đại tự tại, không cần lo lắng bất cứ điều gì. Thầy giáo vô lượng thọ, học sinh cũng vô lượng thọ. Không gian hoạt động chúng ta nhất định cần phải biết.

 Hoạt động không gian của chúng ta ngày nay trên địa cầu, không thể vượt qua khỏi địa cầu. Thực tế mà nói thì giống như ngồi tù vậy, không cách nào vượt ra được. Địa cầu giống cái gì? Trong không trung, giống như một chiếc thuyền không gian vậy thôi. Giữa không trung bốn phía không có chỗ dựa. Rốt cuộc đi về đâu? Không biết, không ai có thể biết được. Chỉ biết là theo mặt trời, nhưng mặt trời cũng đang đi. Mặt trời đang đi quanh hệ ngân hà. Hệ ngân hà chắc chắn nhất định cũng đang đi, còn đi cả một tinh hệ lớn hơn. Chúng ta không biết rằng nó rất nhỏ bé!

 Nhỏ bé ở đây là gì? Nhỏ bé này là mê hoặc tạo thành. Nếu khai ngộ thì không phải như vậy. Sau khi khai ngộ ta chỉ cần đến thế giới Cực Lạc, thì hoạt động không gian chính là biến pháp giới hư không giới. Tu đến trình độ nhất định, cõi thật báo vẫn là có đẳng cấp. Có 41 đẳng cấp. Đến tầng cao có thể nhập vào thế giới vi trần. Trong vi trần có thế giới mà ta có thể vào, có thể dùng ứng hoá thân để vào. Trong thế giới vi trần còn có vi trần, trong vi trần đó còn có thế giới, trùng trùng vô tận. Trong kinh đã nói rõ cho chúng ta biết, Phổ Hiền Bồ Tát có thể vào. Phàm là người tu tịnh độ đều là Phổ Hiền Bồ Tát.

 Tựa đề phẩm thứ hai của kinh này rất rõ ràng, “hàm cộng tuân tu Phổ Hiền đại sĩ chi đức”. Nên thế giới Cực Lạc chính là thế giới của Phổ Hiền Bồ Tát. Pháp môn tịnh độ chính là hành môn của Phổ Hiền Bồ Tát. Chúng ta ở tại đây tu học, mỗi ngày chư vị đồng học cùng nhau chia sẽ đều cảm thấy rất an vui. Như vậy niềm an vui của thế giới Cực Lạc chúng ta không sao tưởng tượng được. Chúng ta ở đây đạo tràng không lớn, các bạn đồng học không nhiều. Đến thế giới Cực Lạc đạo tràng rất lớn, người học thì vô lượng vô biên không sao đếm xuể. Phật A Di Đà thuyết kinh không cần dùng Microphone, không cần thiết bị khoa học. Phật A Di Đà thuyết pháp chẳng ai là nghe không rõ, không có ai là nghe không hiểu. Đây điều là oai thần bổn nguyện gia trì. Trong kinh luận nói như vậy, chúng ta cần phải biết.

 *“Lược thuyết, nhập nhất pháp cú cố. Nhất pháp cú giả, vị thanh tịnh cú. Thanh tịnh cú giả, vị chân thật trí tuệ vô vi pháp thân cố”.* Như thế nào gọi là thanh tịnh cú? Chính là trí tuệ chân thật, là vô vi pháp thân. *“Kim kinh như thật an trú, tức thị an trú chân thật trí tuệ vô vi pháp thân. Cố tức thị nhập thanh tịnh cú, thử thanh tịnh nhiếp nhị chủng thanh tịnh. Nhất giả, khí thế gian thanh tịnh. Nhị giả, chúng sanh thế gian thanh tịnh”.*

Ở đây nói ra cụ thể như thật an trú. Hai chữ an trú này, ở trong mười pháp giới có danh vô thực. Vì sao? Mặc dù ta có đại phước báo, nhưng ta an trú ở đây có thể trú được mấy năm.

 Ở đây tôi có cây quạt. Trên cây quạt này nói về mười vị hoàng đế đời nhà Thanh. Thuận Trị hoàng đế an trú nơi hoàng cung của ông ta, ông ta tại vị chỉ có 18 năm thì đi. Không an cũng không trú. Khang Hy là dài nhất, 61 năm nhưng rồi cũng phải đi. Ung Chính 13 năm. Càn Long 60 năm. Tuyên Thống chỉ có ba năm. Trong mười pháp giới không có an cũng không có trú, đều là ở tạm. Giống như ở nhà trọ vậy, điều này cần phải biết.

 Thật sự an trú, đó là sanh vào cõi thật báo của chư Phật. Như vậy mới an trú. Ít nhất thì cũng như trong Kinh Hoa Nghiêm nói, chúng ta ở đó an trú ba đại a tăng kỳ kiếp, như như bất động. Sau ba đại a tăng kỳ kiếp. cõi thật báo thay đổi, biến thành cõi thường tịch quang. Trở về với tự tánh, đó chính là chân thật chi tế. Nên trong cõi thật báo, đích thực ta hưởng thụ được trí tuệ chân thật vô vi pháp thân. Chư Phật Bồ Tát trong cõi thật báo đều rõ ràng, thấu suốt tất cả là nhất thể. Hữu tình và vô tình đều là nhất thể. Hay nói cách khác, trong nhất thể có cảm xúc, chính là luân lý nồng hậu, như một gia đình vậy. Điều này đương nhiên. Vì sao? Họ không còn khởi tâm động niệm, nên tự nhiên cũng không có phân biệt chấp trước. Trong kinh Hoa Nghiêm nói “tình dữ vô tình, đồng viên chủng trí”. Ở đây có thể nhìn thấy. Trí này chính là trí tuệ chân thật, còn thể chính là vô vi pháp thân. Họ khởi tác dụng. Tự thọ dụng là học tập, mỗi ngày nghe Phật giảng kinh thuyết pháp. Họ thọ dụng chính là cảm ứng đạo giao với mười phương pháp giới. Chúng sanh có cảm thì chư Phật Bồ Tát liền có ứng.

 Cảm ứng, ở trước chúng ta học là có bốn loại. Hiển cảm hiển ứng, hiển cảm minh ứng, minh cảm hiển ứng, minh cảm minh ứng. Có bốn loại không giống nhau. Đây là gì? Đây chính là chúng sanh vô biên thề nguyện độ. Cũng chính là thực hiện nguyện cứu độ tất cả chúng sanh. Từ trước đã từng phát nguyện này. Bây giờ đã chứng được pháp thân đương nhiên phải thực hiện, mà thực hiện rất tự nhiên. Trong kinh Phật dùng một câu nói để hình dung nó là “pháp nhĩ như thị”. Vốn chính là như vậy. Điều này ta không nên khởi tâm, không nên động niệm. Không nên nghĩ đến nó, không nên nói về nó. Vì nó chính là như vậy.

 *“Thanh tịnh cú, nhiếp nhị chủng thanh tịnh”.* Thứ nhất là khí thế gian thanh tịnh. Chúng ta dùng cách nói của thế gian để hình dung nó, đó là thái bình thịnh thế. Loại thứ hai là chúng sanh thế gian thanh tịnh, là cư dân trong thời đại hưng thịnh. Những người sanh trong thời đại thái bình hưng thịnh. Đây không phải thái bình thịnh thế của nhân gian. Là thái bình thịnh thế trong mười pháp giới, trong pháp giới của Phật. Trong thời đại này tất cả yêu ma quỷ quái đều thành Phật, sẽ không còn nghe nói đến còn một người có ý niệm tổn hại người khác. Ý niệm đều không có thì làm gì có hành vi? Thật sự hoà hợp, người xưa gọi là hoà thuận. Ý của hoà thuận tốt hơn hoà hợp. Trong hoà thuận có thân tình.

 *“Thử nhất pháp cú nhiếp nhị chủng thanh tịnh, dữ thượng thuyết tam chủng trang nghiêm”.* Trong nhất pháp cú này có khí thế gian thanh tịnh, chúng sanh thế gian thanh tịnh. Như ở trước nói quốc độ trang nghiêm, Phật trang nghiêm, Bồ Tát trang nghiêm. Trong nhất pháp cú này bao hàm nhiều nội dung như vậy, nên gọi là cụ túc trang nghiêm*. “Như Vãng Sanh Luận Chú vân, thử trang nghiêm sự, tung sử tỳ thủ yết ma. Tỳ thủ yết ma nãi thiên đế danh. Thử thiên thiện công nghệ, xảo biến hoá, tư kiến trúc”*. Thiên đế này chính là sở trường của họ. Đây là một vị đại sư về nghệ thuật. *“Công xưng diệu tuyệt, tích tư kiệt tưởng, khải năng thủ đồ?”.* Thủ đồ này chính là miêu tả, là nói giống như nghệ thuật thiên vương vậy. Họ cũng không làm được. Đồ thị thế giới Cực Lạc họ cũng không vẽ được. Công trình thế giới Cực Lạc họ không làm ra được. Đây là Tỳ Thủ Yết Ma Thiên Vương, tài cán nghệ thuật của họ đối với thế giới Cực Lạc, đều cảm thấy thật không thể nghĩ bàn, huống gì các chúng sanh khác.

 *“Tánh giả, bổn nghĩa dã”.* Tánh là gì? Căn bản ý nghĩ của ngôn ngữ. *“Năng sanh tức tịnh, sở sanh yên đắc bất tịnh. Cố kinh vân, tuỳ kỳ tâm tịnh, tắc Phật tịnh độ”.* Chân lý của Tịnh độ tông chính là ở câu này, người tu tịnh độ không thể không biết. Trong kinh Phật thường nói, tất cả pháp từ tâm tưởng sanh. Nếu chúng ta thanh tịnh thì tịnh độ sẽ hiện tiền. Chúng ta có một vài suy nghĩ hổn loạn, rất nhiều tạp niệm, như vậy là không thanh tịnh. Không thanh tịnh thì sẽ không cảm nhận được Tịnh độ. Nên chúng ta cần phải nhớ một điều, người già thường nói. Trước đây cư sĩ Lý Bính Nam thường nói, ông ở Đài Trung 38 năm. Thành lập Liên Xã Đài Trung, thư viện Từ Quang Đài Trung. Ông còn thành lập một viện dưỡng lão, còn có một bệnh viện Bồ Đề và hai trung tâm giáo dục trẻ em. Đây là sự nghiệp của ông.

 Ông thường nói với chúng tôi, người niệm Phật nhiều, nhưng người thật sự vãng sanh lại ít. Đạo đức cao dày của ông rất nhiều người kính ngưỡng. Các nơi ở Đài Loan đều tham gia Liên Xã Đài Trung, làm cơ cấu chi nhánh của Liên Xã rất nhiều, có mấy mươi nơi. Liên xã liên hữu hợp tác. Khi tôi theo học với ông, lúc đó mới mười năm. Liên Xã Đài Trung tổ chức kỷ niệm mười năm chu niên. Số người tham gia với Liên Xã có 20 vạn người. Tôi ở bên cạnh ông mười năm, đến khi tôi ra đi thì người tham gia ở liên xã tăng lên 50 vạn người. Ông nói người thật sự vãng sanh, trong một vạn người chỉ có hai ba người thật sự vãng sanh.

 Chữ số này cũng tương đối khả quan, suốt ba mươi tám năm, cho dù trong một vạn người có ba người. Thì 50 vạn người, ít nhất cũng có 150 người. Nếu mỗi năm đều có 150 người, mà hơn 30 năm như vậy cũng tương đối khả quan. Họ đều đến thế giới Cực Lạc thành Phật. Rất khó khăn. Theo tính toán bảo thủ nhất, Liên Xã Đài Trung thành tựu những chư Phật Như Lai này, ít nhất là trên 500 người. Điều này nhất định không thành vấn đề. Một đời của thầy có thể độ 500 người thành Phật.

 Bồ Tát Di Lặc nói, trong đời có thể độ hai người thành Phật, thì công đức đó còn lớn hơn công đức chính mình. Độ 500 người đó chính là Phật A Di Đà tái sanh. Đây là thật không phải giả. Nên mấu chốt tâm thanh tịnh chính là cõi tịnh độ của chư Phật. Chúng ta phải nắm bắt được câu này, nhất định được vãng sanh. Lâm chung niệm Phật tại sao không được vãng sanh? Vì tâm không thanh tịnh. Không tương ưng với Tịnh độ. Vì sao không thanh tịnh? Vì chưa buông xả, còn vướng mắc nhiều việc chưa buông bỏ. Chỉ cần một việc chưa buông bỏ được, nó sẽ chướng ngại ta vãng sanh. Người thật sự muốn vãng sanh trong đời này. Quý vị đồng học, nên nhớ là phải triệt để buông bỏ.

 Ân ái phải buông bỏ, oán hận phải buông bỏ. Những vật bên ngoài thân thì không cần phải nói. Nên biết không có vật gì có thể mang theo được. Những thứ ta thích, thế giới Cực Lạc có đủ không cần mang theo. Nói thật thì cũng không mang theo được. Muốn đi, tâm địa phải đơn thuần, chính là một câu A Di Đà Phật và một bộ kinh Vô Lượng Thọ. Ngoài ra tất cả đều buông bỏ, không nên lưu luyến. Nếu muốn học các pháp môn khác, đến thế giới Cực Lạc học cũng không muộn. Đến thế giới Cực Lạc mọi người đều vô lượng thọ, chúng ta có thời gian. Còn chúng ta học ở đây, tìm không ra vị thầy giỏi để dạy. Nhưng đến thế giới Cực Lạc, sẽ có năng lực ngày ngày tiếp cận tất cả chư Phật Như Lai khắp mười phương.

 Chư Phật Như Lai này ở nơi nhân địa, pháp môn họ tu học không giống nhau. Nên ta có thể tìm Phật Bồ Tát mà mình thích, dạy những pháp môn mình thích. Vì thế đến thế giới Cực Lạc tu học là ổn định nhất. Ở đây học tập lãng phí thời gian, lãng phí tinh thần. Mà học không tốt sẽ làm lỡ mất việc vãng sanh.

Khi vãng sanh có chủng chủng đoan tướng, đều không thể chứng minh đó là chân thật vãng sanh. Rất nhiều người hỏi, thân thích bằng hữu tôi có vãng sanh hay không? Đương nhiên người ta nói vãng sanh để an ủi quý vị, nhưng không phải thật. Thật sự vãng sanh là lúc lâm chung, họ sẽ nói với mọi người, nói với người bên cạnh. Phật A Di Đà đến tiếp dẫn tôi, tôi sẽ đi theo ngài. Đây là thật vãng sanh, hoàn toàn không phải giả.

 Tuy chúng ta không nhìn thấy, nhưng họ nhìn thấy Phật đến tiếp dẫn. Không phải vãng sanh như vậy đều không tin cậy. Nên chúng ta phải nắm chắc nhân duyên trong đời này. Trong nhân duyên quan trọng nhất chính là tâm thanh tịnh. Tu tịnh độ, quý vị xem trên đề kinh đã đưa ra cho chúng ta ba mục tiêu là thanh tịnh, bình đẳng, giác. Cả năm chữ thanh tịnh bình đẳng giác đều đầy đủ, sẽ vãng sanh vào cõi thật báo trang nghiêm của thế giới Cực Lạc. Đến thế giới tây phương Cực Lạc liền thấy được báo thân của Như Lai. Nếu khi vãng sanh mà chưa đại triệt đại ngộ, chưa giác. Chỉ có thanh tịnh bình đẳng thì ta sẽ thấy được ứng thân của Phật Di Đà ở cõi phương tiện hữu dư. Nếu tâm được thanh tịnh, nhưng chưa đạt được bình đẳng giác sẽ sanh vào cõi phàm thánh đồng cư, và thấy được hoá thân của Phật Di Đà. Đã thật sự vãng sanh.

 Thế giới tây phương Cực Lạc là thế giới bình đẳng. Tuy có tứ độ, tam bối và cữu phẩm, nhưng nó thật là cảnh giới bình đẳng. Có đẳng cấp chăng? Có. Nhưng cùng nhau hoạt động, không có sai biệt. Đây cũng là điểm khác biệt giữa thế giới Cực Lạc và tha phương thế giới. Ở thế giới này của chúng ta, có cõi thật báo trang nghiêm của Đức Thế Tôn, có cõi phương tiện hữu dư. Cõi phương tiện hữu dư chính là pháp giới tứ thánh trong mười pháp giới. Có cõi phàm thánh đồng cư chính là lục đạo. Nhưng nó có cách biệt không sinh hoạt cùng nhau.

 Trong cõi phàm thánh đồng cư của chúng ta, phàm phu không nhìn thấy được thánh nhân. Thánh nhân nhìn thấy phàm phu, nhưng phàm phu nhìn không thấy thánh nhân. Ở thế giới Cực Lạc phàm thánh cùng sinh hoạt trong một giảng đường. Đây là sức mạnh oai thần bổn nguyện của Phật A Di Đà thành tựu. Nên điều này thật không thể nghĩ bàn.

 Ở thế giới Cực Lạc, chúng ta quen thuộc những vị Bồ Tát này. Mỗi ngày đều gặp mặt như Quan Âm, Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền. Bồ Tát Di Lặc, Bồ Tát Địa Tạng, mỗi ngày đều gặp mặt. Hằng ngày cùng sống với họ. Người xưa nói gần mực thì đen, gần đèn thì sáng. Ngày ngày cùng sống với chư vị đại Bồ Tát, không ngờ mình cũng trở thành đại Bồ Tát. Ngày ngày sống chung với chư Phật Như Lai, không ngờ mình cũng trở thành Như Lai, tức là đã thành Phật. Ở đó chúng ta không khởi tâm động niệm, nên tập khí phiền não tự nhiên bị đào thải. Càng ngày càng ít đi, trí tuệ ngày càng tăng trưởng. Thần thông, đạo lục cũng tương tự như Phật.

 Phàm thánh đồng cư độ hạ hạ phẩm vãng sanh, khi được Phật lực gia trì sẽ có năng lực ứng hoá khắp mười phương thế giới. Chúng sanh trong mười phương thế giới có duyên vơi mình. Họ từng giờ từng phút không ngừng truyền tin tức cho ta. Tin tức dao động này, trong thời gian một niệm đã chu biến pháp giới, ta đương nhiên cũng nhận được. Khi nhận được tự nhiên liền có phản ứng. Nhận được, không phải để nghiên cứu, không phải nghĩ ta nên giúp họ thế nào, không phải. Không phiền phức như vây, rất tự nhiên. Như Kinh Lăng Nghiêm nói, tuỳ theo tâm chúng sanh mà ứng hiện. Tâm lượng của họ như thế nào, thì sẽ ứng phù hợp với tâm lượng của họ. Họ sẽ tiếp nhận và có thể đạt được lợi ích. Cần hiện thân để giúp họ thì liền hiện thân.

 Ứng thân hay hoá thân đều tuỳ ý họ, không phải theo ý mình. Tự mình không có ý gì, điều này chúng ta nhất định cần phải biết. Chính mình gọi là vô vi pháp thân, ứng hoá khắp mọi nơi. Vô vi nên chẳng chỗ nào không có. Ngày nay chúng ta không làm được điều gì? Chúng ta ngày nay là hữu vi. Hữu vi là hữu sở bất vi, tức là không có biện pháp. Vô vi mới làm được tất cả, Bát Nhã cũng như vậy. Bát Nhã vô tri nên vô sở bất tri. Chúng ta ngày nay hưu tri tức là có chỗ không biết. Phiền phức là ở đây. Thật sự hiểu rõ và minh bạch sự thật chân tướng này. “Vô” tốt hơn “hữu”. Hữu thật là kém cỏi, vô mới đạt được tất cả pháp, còn hữu thì không. Vì sao? Vì chân thật đã đến vô, nó thông đạt với tự tánh. Trong tự tánh, quý vị xem Ngài Huệ Năng nói, “đâu ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ”. Vốn tự đầy đủ thì lấy không bao giờ hết, dùng không bao giờ tận. Nên vô vi mới làm được. Vô tri mới vô sở bất tri, đạo lý này cần nên hiểu.

 Vô vi và tự tánh tương ưng, còn hữu vi không tương ưng với tự tánh. Hữu vi là trí tuệ đức tướng vốn đầy đủ trong tự tánh, nhưng tất cả đều không thể hiện tiền. Cần phải bây giờ đọc bây giờ học, học rất cực khổ. Nên người thông minh nhất là nghe lời buông bỏ hết. Đây là người thông minh nhất, không để trong tâm bất cứ điều gì. Đến đâu cũng không sao, như không có việc gì. Đây gọi là được đại tự tại. Đến lúc đó ta được an trú, bất luận ở đâu cũng đều an trú. Vì sao? Biến pháp giới hư không giới là một tự tánh thanh tịnh viên minh thể. Ta an trú trong tự tánh thanh tịnh viên minh thể, chính là an trú ở trong vô vi pháp thân. Thật sự đạt được an trú. Không giác ngộ không có chổ an trú. Giác ngộ liền đạt được chổ an trú.

 Mọi nơi đều là vô vi pháp thân, mọi nơi đều là cõi Phật trang nghiêm, cõi Phật thanh tịnh. Nên tâm thanh tịnh rất quan trọng. Trong cuộc sống hằng ngày không đánh mất tâm thanh tịnh, tu hành chân chính, là đệ tử chân chánh của Phật.

 Hết giờ rồi hôm nay chúng ta học đến đây thôi.

**HẾT TẬP 310**